

**TRƯƠNG BÁ CẦN**



# **NGUYỄN TRƯỜNG TỘ**

**THÂN THỂ  
VÀ DI THẢO**

**PHẦN 3 - DI THẢO**



**Nguyễn Trường Tộ**  
**Thân thể và di thảo**  
**Phần 3 - Di thảo**

**Di thảo số 25 đến di thảo số 43**

**Trương Bá Cần**



**Paris \* 01-2026**

**Nguồn : *lichsuhuyenbivietnam***  
**Ebook : *Thư viện Tiểu Lùn***

**Ban Tuyển đọc Thư Viện Tiểu Lùn** mạn  
phép tác giả Trương Bá Cần thay đổi tựa sách  
là: ***NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - THÂN THỂ VÀ DI***  
***THẢO.***

**Nguyễn Trường Tô**

**Thân thể và di thảo**

**Phần 3 - Di thảo**

**Di thảo số 25 đến di thảo số 43**

**TRƯỜNG BÁ CẦN**



## Mục lục

|                                                    |            |
|----------------------------------------------------|------------|
| <b>25. Di thảo số 25</b>                           | <b>11</b>  |
| Về hội nước ngoài                                  |            |
| <b>26. Di thảo số 26</b>                           | <b>18</b>  |
| Tờ trình về việc ký hợp đồng với<br>hội nước ngoài |            |
| <b>27. Di thảo số 27</b>                           | <b>47</b>  |
| Tế cấp bát điều (Tám việc cần làm<br>gấp)          |            |
| <b>28. Di thảo số 28</b>                           | <b>325</b> |
| Biểu tạ ơn vua                                     |            |
| <b>29. Di thảo số 29</b>                           | <b>333</b> |
| Tổ chức gấp việc khai mỏ và đào<br>tạo chuyên viên |            |

**30. Di thảo số 30 342**

Mục đích của sứ bộ đi Pháp

**31. Di thảo số 31 357**

Về việc lập sứ quán và cử phái bộ

**32. Di thảo số 32 366**

Về việc tổ chức cho sứ bộ đi Pháp

**33. Di thảo số 33 376**

Về việc gửi người sang Pháp học

**34. Di thảo số 34 381**

Trả lời các câu hỏi của triều đình

**35. Di thảo số 35 392**

Nói rõ thêm về văn bản ngày 16-2  
Tự Đức 21

**36. Di thảo số 36 412**

Bãi bỏ việc cử sứ bộ đi Pháp

**37. Di thảo số 37 436**

Về việc thương thuyết với Pháp tại  
Gia Định

- 38. Di thảo số 38** **443**  
Tiểu trừ giặc biển
- 39. Di thảo số 39** **472**  
Kế hoạch thu hồi sáu tỉnh
- 40. Di thảo số 40** **516**  
Bổ túc kế hoạch đánh úp Gia Định
- 41. Di thảo số 41** **551**  
Bàn về việc cho Pháp thông thương  
để đổi lại sáu tỉnh
- 42. Di thảo số 42** **603**  
Bàn về quan hệ với người nước  
ngoài
- 43. Di thảo số 43** **619**  
Mở rộng quan hệ với Pháp và các  
nước khác



## DI THẢO SỐ 25

Về hội nước ngoài<sup>1</sup>

(cuối năm 1866)

Kính bẩm.

Hội này, gọi là hội nước ngoài. Hội có hai công việc là cử người du hành và cử người quan sát các nơi làm các công việc như sau:

Dạy người tập làm các thứ có lợi cho việc sinh sống mà hay hơn

<sup>1</sup> Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/1 tờ 105-107. Không ghi ngày, tháng, năm nhưng chắc chắn là được viết tại Sài Gòn cuối năm 1866, trước lúc Nguyễn Trường Tộ đi Pháp. Trong bài viết từ Pháp, Ngày 12 tháng 5 năm 1869 (Di thảo số 27), và trong một tờ viết tại Huế ngày 12 tháng 2 năm Tự Đức 21 (Di thảo số 29), Nguyễn Trường Tộ đều có nói tới “tờ bẩm về việc khai mỏ ở Gia Định”.

các phương pháp cũ, như đào kênh dẫn nước tưới ruộng, hoặc đem các vật từ nước này đến trồng, hoặc các cách trồng dâu nuôi tằm làm cho phát triển, sinh sôi nảy nở thu hoạch được nhiều, thu lợi gấp bội.

Buôn bán. Hội này sai người đi khắp các khu buôn bán thăm dò giá hàng để hoặc bán đồ vật của mình, hoặc mua hàng hóa của người cho có lợi. Nếu nước nào có người tự quản lý được thì hội sẽ nhận hàng hóa tự đem đi bán, sau khi trừ các khoản tổn phí ra số tiền lời sẽ được tính lấy một phần mười bỏ vào hội.

Hội này sai những người giỏi nghề đi tìm khắp nước ta những chỗ nào có mỏ than, cùng các thứ

kim loại khoáng chất. Nếu tìm được sẽ tìm cách khai thác cho có hiệu quả. (Nhưng khi mới tìm, mọi khoản tốn phí đều do hội này tự chi. Trong tờ giao ước nói rõ, nếu tìm được phải chia như thế nào, sau đó mới bắt đầu đi tìm. Khi đã tìm được rồi, hai bên cứ theo đúng tờ giao ước không được thay đổi ý kiến.)

Còn như nước nào cần hội giúp những phương pháp kỹ thuật mới như đào kênh, đắp đường, chữa thành chữa đồn, đắp cửa biển, lập công xưởng, đóng thuyền bè... và tất cả những công trình lớn thì phải cùng hội ước định giá cả trước rồi mới bắt tay vào làm. Hội cũng

có thể thuê mướn người khác làm thế, cái đó tùy ở hội, mình chỉ ngồi chờ kết quả mà thôi. Còn mình muốn mua hàng hóa gì, vật liệu gì thì hội sẽ thân hành báo về cơ xưởng chính để mua đem sang, giá cả công bố rõ ràng không phải như việc mua đi bán lại của hiệu buôn.

Hiện nay tôi đã chọn được một hội tên gọi là Hội nước ngoài. Đây là một hội gồm những người có cơ sở giàu có. Hơn nữa người trong hội đều có cấp bằng chuyên môn về nghề nghiệp, chắc chắn có thực dụng đặc lực, không phải như loại người khoác lác phóng đại nói một đằng làm một nẻo.

Về việc này có hai cách tiến hành như sau: Một là, nếu mọi việc đều do nước ta đứng ra làm cho đến khi tìm được và bắt tay khai thác, hội chỉ cho một vài kỹ sư giúp việc thôi. Như thế, kể từ khi bắt đầu khai thác trở về sau trừ các khoản phí tổn về khí cụ vật dụng ăn uống và tiền công trả cho người Tây giúp việc ra, số lợi thu được thì mười phần ta được chín, hội được một. Hai là, nếu mọi việc đều do hội tự lo liệu thì cũng trừ những khoản chi phí như trên ra, số lợi thu được mười phần ta được một, hội được chín. Cả hai cách trên, dù do ta tự làm hay do hội tự liệu, từ lúc mới bắt đầu cho đến khi tìm được mỏ, mọi chi phí trong khoảng thời gian

ấy đều do hội chịu cả. Chỉ kể từ khi bắt tay khai thác về sau thì hoặc do ta liệu hoặc do hội chịu, rồi số lợi còn được bao nhiêu cứ theo tờ giao ước mà chia nhau. Hai thể thức trên do ta tự chọn, hoặc muốn lập giao kèo rõ ràng trước khi khởi sự tìm hoặc để tìm được rồi mới lập giao kèo cũng được. Chỉ có điều là trong khi ký giao kèo mà ta thấy có chỗ trở ngại không ưng thuận khiến hội phải ra về hoặc người của hội đã tới Kinh mà ta không ưng thuận tự ý rút lui, thì hai trường hợp ấy ta phải trả tất cả các phí tổn cho hội. Còn như khi hội đã tìm khắp rồi mà không được gì mới thì chi phí ấy do hội chịu, ta không tốn gì cả. Ngoài ra, nếu ta cần thuê thợ chuyên môn hội cũng có thể cử người cho, nhưng tiền

công mỗi tháng mỗi người cũng phải trên dưới 2.500 quan và phải trả phí tổn đi về cho họ nữa.

Các khoản trên đây, từ sau khi lập giao ước, nếu như người nào làm điều gì không đúng thì cứ hỏi tội. Tờ này dịch từ bản chính của hội ấy, nguyên bản tôi còn giữ.

Các khoản trên đây là những điểm chính do hội đã bàn định như vậy.

Kính mong Triều đình xem xét thế nào và sớm trả lời cho biết.

## DI THẢO SỐ 26

Tờ trình về việc ký hợp đồng  
với hội nước ngoài<sup>2</sup>

(Ngày 9 tháng 4 năm Tự Đức  
thứ 20 tức ngày 12 tháng 5-1867)

Tôi Nguyễn Trường Tộ kính  
bẩm.

Hiện nay giám mục đã tìm được  
hội khai hoang, đã từng đi lại bàn  
bạc. Xem ăn nói ý tứ và hành trạng  
lâu nay của họ thì khoản này cũng

<sup>2</sup> Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/3 tờ 1 - 73 Hv 634/4  
tờ 51 - 72 Bài này được viết trong lúc Nguyễn  
Trường Tộ đang ở Pháp với Giám mục Hậu (Gauth-  
ier). Giám mục Hậu đã thỏa thuận được với một  
Công ty khai mỏ để giới thiệu với Triều đình Huế.  
Nguyễn Trường Tộ phân tách lợi hại về các khoản  
trong hợp đồng để Triều đình lựa chọn.

có thể thực hành lâu dài được, như tờ bẩm trước của giám mục đã tóm tắt đại lược. Nhưng lấy ý kiến riêng của tôi nghiên cứu sự thể trước sau, và những chi tiết lợi hại sẽ sinh ra sau khi thi hành như thế nào mà so sánh, thì những lời nói của họ ở trong thư từ cũng còn nhiều chỗ mập mờ chưa rõ ràng. Sở dĩ tôi xin Triều đình bàn bạc lại các lẽ, là để cho kỹ càng thêm. Hễ có chỗ nào còn nghi ngờ theo từng khoản thì hỏi lại cho rõ, đợi họ trả lời ra sao, rồi lại bàn định lại một lần nữa. Lúc đó sẽ mời họ đến mới ổn thỏa hơn.

Vả việc này quan hệ lâu dài, mới bắt đầu khó quyết định sự lợi hại một cách vội vàng, ắt phải thông thả xem thời cơ mới khỏi ân hận

về sau. Nhưng cũng xin Triều đình trả lời sớm, để giám mục báo tin với họ cho họ yên tâm. Sợ những tội Tày buôn ở Gia Định biết được chúng dèm pha mà sinh khó khăn.

Nay tôi xin lấy kiến thức nông cạn chia ra từng khoản trình bày như sau:

Thứ nhất: Theo trong lời bẩm của họ, thì hoặc là họ tự kinh lý hết rồi ta lấy một phần. Hoặc Triều đình ta liệu lý hết rồi ta lấy chín phần. Xem hai đường ấy, dường như đều chưa ổn. Xin phân biệt như sau:

Một là: Ta đã sẵn có đất đai, ta ở gần còn họ ở xa, cho nên trước

lúc họ tìm được mỏ để khai thác phải có nhiều việc đưa đón tốn kém, ta không thể thoai thác được, mà cũng có nhiều việc lật vật khó tính toán. Tuy nói là do họ tự làm lấy, ta chỉ thỉnh thoảng giúp đỡ họ việc lớn, rồi tính việc lấy tiền công. Nhưng đến những việc nhỏ nhen, thì cũng khó bề mở miệng. Lại như được mỏ bình thường thì chẳng nói làm gì, nếu may mà gặp được mỏ lớn, lúc đó ta cũng khó bề nói lại, mà có thể nói nữa thì sợ xảy ra biến cố khác. Như thế thì in tuồng như lấy đất ta, của ta mà nuôi người nước ngoài, e không khỏi hối tiếc về sau ư?

Hai là: Các đồ khí nghệ trong

tờ hợp đồng họ cũng không nói rõ đến lúc tính toán lãi lỗ có khấu trừ tiền hay không. Nếu họ tự xuất các đồ khí nghệ ấy làm vốn, mà không chiết trừ vào tiền lời, đến khi đủ hạn, do họ tự liệu, thì chả nói làm gì. Nếu cứ mỗi lần chiết tính mà khấu trừ, lấy riêng ra để mua thêm đồ mới và tu bổ đồ hỏng thì những đồ ấy giống như những đồ dùng chung cho cả hai bên. Hoặc mọi việc do ta tự biện lấy cũng thế. Nên tính toán cách nào cũng chưa nói rõ.

Ba là: Lâu nay họ làm với các nước khác, kỳ hạn có khi lâu đến 6, 7, 8 mươi năm, như thế sợ là quá lâu. Nếu ta tự liệu lấy, thì không

cần kỳ hạn, nhưng nếu họ ăn chín phần hay là ăn một phần thì cũng phải ngắn hạn mới ổn. Nếu không thì lúc đầu ta cần làm chung với họ là cực chẳng đã, đến sau khi ta đã đủ sức tự lập rồi mà họ vẫn cứ ngồi dai ăn bám, thì sẽ tính sao? Cái khoản hợp đồng dài hạn này thật là khó xử. Không biết bây giờ họ có chịu đổi lại làm ngắn hạn hay không?

Bốn là: Nước ta còn nhiều đất cấm, mà những mạch quý cũng có khi dài đến hai ba ngày đường. Và lại hướng của các mạch ấy chưa thể định trước, khó bề kiêng tránh. Nếu khi đã tìm được mỏ rồi mà gặp phải nơi đất cấm, không thể xuyên

qua mà họ không chịu thì liệu thế nào?

Năm là: Họ vốn là người Pháp lại có quyền thế vật lực. Nếu trong tờ hợp đồng không có quan to của họ ký chứng, đến sau hoặc có sự xích mích thì ta cũng khó tranh chấp với họ. Lúc đó quan họ cũng sẽ nói rằng: Lúc đầu tôi cũng không được biết đến nên nay cũng khó phân xử. Đây là lấy trường hợp ta bị thua thiệt mà nói. Còn nếu họ bị thua thiệt thì tuy quan họ không ký chứng, nhưng thế nào cũng sẽ bênh vực dân họ mà làm khó dễ với ta. Đó cũng là chuyện tình đời không thể tránh được. Vậy trong tờ giao ước, có cần phải quan họ

ký chứng hay không, tôi chưa biết thế nào là đúng. Trước đây Gia Định có bầm hai người khai hoang, không biết vì ý gì khi chúng tôi bàn bạc với họ, họ có dặn rằng: “ Trước khi công việc chưa nhất định không nên lộ cho nguyên soái biết”. Xem ý họ dường như có ý che giấu, không biết trong đó có mưu mô ngoắt ngoéo gì không? Có lẽ việc này có quan hệ đến việc xin làm chứng hay không nên làm chứng cũng chưa biết chừng.

Sáu là: Tôi đã dò hỏi thì họ nói các đồ dùng khi mới bắt đầu, ước chừng 5 vạn quan. Còn sau khi khai mỏ thì họ chưa nói. Nhưng tôi tưởng các đồ dùng trong khi khai

mỏ, cũng không quá 7, 8 mươi vạn quan. Các khí cụ đó đều làm bằng đồng bằng sắt. Nếu dùng đúng phương pháp cũng chưa hẳn đã hư hỏng hết trong khoảng 8, 9 năm. Và lại một khí cụ ấy cũng có thể thay đổi để dùng, đưa chỗ này qua chỗ khác, không phải khai một mỏ mà đã hết ngàn ấy phí tổn được. Vì thế cho nên phí tổn lần đầu không thể ngoài một trăm vạn quan. Đến sau thời có thể lấy ít tiền lời mà chia cấp. Lại cũng có thể dần dần theo thể thức mà tự làm cái khác để dùng, không phải cứ mỗi năm mỗi xuất tiền vốn ra nữa. Như thế thì tiền tổn phí di chuyển cũng không nhiều lắm. Và lại, các mỏ cũng có chỗ nhiều ít, khó dễ khác nhau, nếu gặp chỗ nhiều mà dễ như mỏ bạc ở núi A Nhĩ Thái (phía

Bắc nước Hung) mỗi năm sản xuất ước chừng được hơn hai trăm vạn đồng. Chỗ khác cũng có nhiều mỏ, đào lấy đã 200 năm, nay còn chưa hết. Mỏ sắt nước Anh mỗi năm sản xuất ước chừng được 30 triệu thạch. Than đá ở đó mỗi năm sản xuất ước chừng 80.000.000 thạch, còn càng ngày càng ra không hết. Đến như kim cương, phần nhiều sản xuất ở vùng cát sỏi xứ Đại A. Một khối nặng chừng ba cân rưỡi, giá đến 10.000.000 lạng bạc. Còn như vàng bạc, đến chỗ cửa hang, nhiều khi có khối lớn sáng choang hoặc có khối nặng đến 7 nghìn cân, đến 100 cân trở xuống chẳng hạn. Nếu trời cho đất cát của ta mà có hạng ngọc quý, ngũ kim ấy, thì khí dụng và chi phí chẳng qua hết một hai phần trong ức vạn, không ng-

hĩa lý gì mà ta chỉ được một phần họ được những chín phần. Vả lại lâu đến một hai kỷ<sup>3</sup>, chẳng hóa ra quá nặng ư? Vì thế cho nên, trong bài Khai hoang từ trước đây, tôi đã tính toán trước và xin mời gấp một vài người phương Tây, phân biệt các loài mỏ trước (dù mời người Tây cũng chớ nên lộ ý ra) rồi sau mới định là ta khai hay họ khai. Như vậy mới khỏi ân hận về sau. Về khoản khai hoang này, một mặt muốn hưởng lợi gấp, một mặt muốn cho họ biết vật đều có chủ thì không làm cũng không được. Nhưng nếu muốn được lợi gấp, mà không chậm đợi ba bốn năm để phân biệt lợi hại, thì có khi họ đã được ăn mà còn cười ta là dại thì làm thế nào? Các khoản quyền

---

<sup>3</sup> Mỗi kỷ 12 năm.

lợi tôi bầm trong bài Khai hoang từ trước đã nói những cái được lâu dài về sau là như thế đó, chứ không phải nói những cái được lúc ban đầu mà thôi.

Bảy là: Nếu có bàn cãi nên thêm bớt như thế nào thì phải nói trước khi lập tờ giao ước, chưa bắt đầu vào việc, chứ nếu để sau mà nói đi nói lại, thì sinh nhiều khó khăn lớn. Chứng cứ rất nhiều, không thể kể hết. Nay tôi xin tạm kể một việc để xem.

Nước họ có một hội khai cảng ở Biển Đỏ. Năm trước vua nước Ai Cập cho không hội ấy một khoảnh đất cát hoang mà không nói rõ sau

phải trả lại. Đến nay nước Ai Cập thấy họ kiếm được nhiều lời, muốn đòi đất lại. Vua Pháp liền nói: Nếu muốn lấy lại thì phải bồi phí tổn 9.000.000 quan. Đây là cái hại do lúc đầu thương lượng không nói rõ.

Nay hội ấy xin lấy chín phần, có vẻ quá nặng. Tôi đã nhiều cách tìm hỏi các hội, về việc mấy lâu nay chia lợi như thế nào, thì không kể người trong hội hay ngoài hội, đều không chịu nói rõ. Tôi thiết nghĩ rằng tuy là người ngoài hội, nhưng đã từng làm việc cho nước ngoài nhiều như hiện nay người nước Nhật Bản cũng mời họ đến mở xưởng đóng thuyền, theo những phương pháp mới. Trung Quốc,

Xiêm La, Miến Điện cũng vậy. Nay một khi ta hỏi đến họ, ắt họ dự đoán sau này sẽ có đường lối như các nước kia, nên không chỉ đường, để nhân chỗ lầm của ta mà thi kế bí mật kiếm lợi. Sở dĩ tất cả mọi người của họ đều không chịu nói rõ, có lẽ là vì thế. Nếu không thế, thì phương Tây ba bốn trăm năm lại đây đã từng cùng các nước khai rnỏ, rất là nhiều, chả lẽ không có một hội nào lập điều lệ phân minh, chỉ đợi đến khi có vàng bạc rồi mới tha hồ xâu xé như bọn quý giành thức ăn dưới hội Vu Lan<sup>4</sup> ư? Mới đây có một người trong hội ấy, khi mới gặp giám mục, liền nói hội chúng hiện có bản in điều lệ cũ, hôm sau sẽ đưa cho xem. Hôm sau có hai người đến, đưa một miếng

<sup>4</sup> Tức là hội rằm tháng bảy, cũng gọi là Tết Trung Nguyên.

giấy viết; giám mục không nhận. Chúng lại trở về. Vài ngày sau lại đem đến một bản giấy viết, giám mục theo trong giấy dịch ra như thế. Giám mục không dám hỏi kỹ, sợ sinh điều quan ngại gì khác. Xem qua bọn chúng thì hình như có điều gì muốn giấu giếm. Tôi không biết rõ điều lệ của chúng. Mà nay tranh luận khinh trọng với hội chúng, đã không có quyền, lại nói mồm, không bằng cứ sợ chúng hiểu được ý tò mò của tôi, rồi sau này có cùng đi với chúng, chúng sẽ để ý che giấu, thì trong chỗ vô tình, khó mà dò được lòng kín của chúng. Tôi sợ dĩ không dám hỏi kỹ chúng, chính vì lẽ đó. Cho nên phải đợi Triều đình cứ theo từng điều khoản mà hỏi chúng mới được.

Nhưng có một điều có thể ổn thỏa được là hội chúng đã nói rõ trước rằng: Đến khi tìm được mỏ rồi thì do ta tự liệu lý lấy cũng được. Nếu tìm không được thì họ về không, ta không tốn kém gì, lại như tìm được mỏ, thì không kỳ ta khai hay họ khai, cũng không trừ công phí ban đầu, chỉ tính từ khi khai quật về sau mà thôi. Như thế thì trước khi chưa tìm được, phải lập rõ hai bản giao ước. Như tìm được mà hội ấy tự liệu biện lấy thì cứ theo giao ước này. Nếu Triều đình ta tự biện thì theo giao ước kia, như thế mới phải. Vì trong lúc dò tìm cũng phải hai ba năm mới xong việc. Lúc bấy giờ nếu ta có người để tâm kín đáo cùng đi

với họ cũng có thể xem xét dần dần mà phân biệt chọn lấy, tưởng cũng không đến hỏng việc. Nếu tìm không được mà về không thì ta chỉ mất công giúp đỡ mà thôi, dầu có tốn phí ít nhiều cũng vui lòng. Nhưng không tìm thì thôi chứ đã tìm thì tìm kỹ, tìm khắp, như thế thường thường tìm mỏ này lại gặp mỏ khác, như ở phương Tây phần nhiều người ta tìm mỏ than mà được bạc, tìm đồng lại được vàng. Vì mạch lạc các mỏ thường liên lạc với nhau, gần gũi nhau, cho nên chưa bao giờ có chuyện tìm mà không được cái gì cả. Như thế thì dù họ không vừa lòng, nhưng ta cũng nhân đó mà biết hết mạch đất để tìm vật dùng khác, món lợi khác.

Tám điều trên đây là theo trong tờ của hội ấy trình bày ra. Cách thứ nhất là mọi công việc đều do họ liệu lý, ta lấy một phần, cách này suy ra có những trở ngại về sau như thế đấy.

Nếu mọi việc đều do Triều đình trừu liệu lấy, họ ăn một phần, trừ những chi phí công lao khó nhọc của người mình ra, thì các tờ bẩm trước đã nói rõ. Nay không nói lại nữa. Chỉ nói ta chịu thiệt với họ thì có ba điều:

Một là công tác phục dịch và chi phí của người nước ta đều theo lối tiết kiệm, còn họ thì tiêu dùng

quá xa phí, ta cũng khó ngăn cản. Tục ngữ nói rằng: “Giữ núi ăn núi” đây là thường tình không tránh khỏi được. Nay ta trừ tiền công cho họ rồi mới chia lời. Nếu họ có bụng hiểm, chỗ không cần dùng nhiều công nhân Tây, họ cũng phải đến nhiều người, ngồi mà chia lời, hoặc chỉ phải một hai người sành nghề rồi xen vào nhiều người thợ vụng rẻ công thì ta biết đâu mà xét hỏi, e không khỏi như tặc thối sáo gian ư<sup>5</sup>? Đây là một điều khoản khó xử. Vì thế cho nên phải hỏi họ trước, mỗi mỏ chỉ cần dùng một người sành nghề, còn mấy người làm phụ, phải chia thứ bậc mà trả

5 Do tích đời xưa ở Trung Quốc có một ông vua thích nghe thối sáo thuê 300 người thối sáo cùng một lúc. Do đó khi thối có nhiều người thối hay nhưng cũng có một số người thối dở thậm chí có người không biết thối cũng trà trộn vào kiếm ăn, không thể phân biệt được.

lượng. Đến sau người mình đã tự làm lấy được không cần bày vẽ thì nên đem những người công nhân Tây đi khai mỏ khác mới ổn.

Hai là: Mọi việc do ta tự liệu biện, họ chỉ bày vẽ mà thôi. Tất cả đồ dùng và tiền công đều lấy ở tiền lời hết. Cứ như khoản họ tự liệu biện mà lấy 9 phần thì công phu, sức lực của người mình giúp đỡ, giá cả không bằng họ, vậy trong số tiền lời, phần tiền công của người mình thì được ít. Khoản này mà ta lấy chín phần thì họ ăn tiền công trong số tiền lời lại nhiều, làm sao mà công bình được. Hay là chỉ trong hai khoản này, một bên thì chỉ vẽ phương pháp, một bên thì

đốc suất công việc, bên ta thì thêm vào, bên họ thì bớt đi, sao cho tiền công hai bên bằng nhau, để ngầm ngầm đề phòng họ. Đến ngày sau ta tự liệu biện lấy thì dù họ có ăn tiền công nhiều, cũng không đến nỗi quá sai lệch.

Ba là: Họ chỉ nhọc mệt bảo ban buổi đầu vài năm mà thôi, tuy có khó nhọc nhưng cũng đã hưởng được nhiều rồi, đến sau ta dần dần có thể phụ việc hoặc tự làm lấy được, không phiền đến họ chỉ bảo, họ cũng ngồi không lấy tiền công. Hoặc gặp được mỏ lớn, họ cũng không dự vào công việc, mà họ cứ lấy một phần, mà lại lấy lâu dài e không khỏi nghiêng lệch ư?

Khoản ấy bình tĩnh mà nói, thì họ tuy sau được thông thả nhưng trước phải vất vả, lại có tổn phí đi tìm lúc đầu. Tổn phí bỏ ra đi tìm đó cũng vừa đủ tiền vốn, thì về sau họ được hưởng lợi lâu dài cũng hợp lý. Chỉ có bên nặng bên nhẹ chưa ổn mà thôi. Trong điều ước thì ở khoản này nên chỉ rõ ba đoạn: đầu, giữa và cuối, lần lượt giảm bớt đi bao nhiêu phần, tưởng cũng hợp lý. Nhưng ở đoạn giữa khi đã được lợi lớn rồi, thì tổn phí lúc đầu đi tìm hết bao nhiêu, nên tính trả lại cho họ mới hợp tình lý.

Ba điều trên đây là chỉ chỗ thiên lệch trong ấy. Lấy hai đường so sánh mà xem, để tìm chỗ đúng

thì hoặc giả bên họ đem người có tài ra chỉ vẽ, họ tự xuất tiền ra chi dùng, bên ta có người trước sau đốc suất, ta tự cấp phát lấy. Còn đồ khí dụng tốn bao nhiêu, hai bên chịu chung đến khi tính lời thì trong 10 phần ta lấy trước một phần thuê đất, còn lại 9 phần, lại chiết lấy trả tiền công cho những người làm lao động. Còn dư nữa thì chia cho đều, những người thầy thợ của họ thì ăn phần lời bên họ, quan viên ta thì có triều đình định liệu. Như thế thì dù tiền công họ cao, họ ăn dùng xa xỉ, ta cũng không thiệt hại gì, mà hai bên cũng khỏi hiềm về nhiều ít. Hay là mọi việc do ta tự liệu lấy họ chỉ có người làm thợ thầy. Trong 10 phần, họ chỉ ăn một phần mà thôi, không được ăn tiền công riêng nữa. Như thế có lẽ hợp

lý hơn. Hai điều khoản ấy, chưa biết ý họ thế nào. Còn khoản thứ ba, cứ tháng cấp tiền lương thì kể cũng ổn, họ chẳng qua là người làm mướn mà thôi, không có quyền gì, muốn làm muốn thôi đều quyền ở ta. Khoản này, trong tờ bẩm trước ở Gia đình, tôi đã nói rõ. Cũng như đoạn cuối trong bài Khai hoang từ đã bẩm dò thám trước để phân biệt lợi hại thì cũng một đường lối như vậy. Nguyên trước chúng tôi dò biết được rằng khai hoang cũng có lệ chia lời. Đây là bọn Tây buôn ở Gia Định nói ra, mà không phải thiên lệch như kiểu ăn một phần hay ăn chín phần. Cho nên khi ở Kinh tôi bẩm về việc thuê thợ có 13 khoản khó, là muốn khỏi bị họ chiếm phần hơn. Nay ta ăn chín phần, thì mọi phí tổn về ta và cứ

tháng cấp lương, tuy lúc đầu có nhiều điều khó như thế cũng còn hơn là ta chỉ ăn một phần. Nếu nay họ có thể thương thuyết lại được như thế nào, mà hai bên đều được phải chăng, thì lúc đầu họ chịu khó nhọc vỡ hoang, ta lấy cái dễ, hưởng cái kết quả, thì cũng được. Vì nếu không có họ dẫn đường chỉ lối ta càng khó thành công. Cho nên phải mượn tài trí nước ngoài. Họ đem trí tuệ nghiên cứu hàng trăm năm mà đổi lấy tiền bạc vứt bỏ của ta thì tưởng cũng đã rẻ rồi. Như thế thì ta lấy cái lợi tự nhiên không hết của ta mà đổi lấy cái khôn khéo tích lũy của họ, thì sao mà chả được? Nếu nay quả họ chịu thương lượng lại, để cho hai bên được quân bình, thì ta nên mở rộng hết cửa ngõ, để mau có lợi.

Ý kiến chúng tôi như thế, không biết phải chăng thế nào. Hoặc giả Triều đình còn có chỗ nào quan ngại, thì nên chia ra từng khoản hỏi họ, để họ thương lượng lại, nên hay không nên, hợp hay không hợp đều trình bày rõ, gửi đến, lúc đó ta lại xét liệu và quyết định, rồi báo tin cho họ lên Kinh thì mới thỏa đáng.

Lại xin thưa thêm, hiện nay tôi đã biết được giá cả của nhiều thứ, lúc về sẽ xin bẩm rõ để Triều đình biết. Chỉ mua một vài hạng giá rẻ, từ hai ba nghìn quan trở xuống đem về, còn nữa đợi khi nào có dùng vào khai mỏ, theo số gửi

mua cũng được. Ước chừng vào khoảng thượng hạ tuần tháng bảy mới về. Khi về tới Gia Định, chưa biết phương tiện của giám mục đi đường thủy đường bộ như thế nào. Còn tôi thì xin đi đường bộ về Kinh bầm qua. Lại khi đi ven dọc núi sông, hễ chỗ nào tình thế có mạch lạc, tôi sẽ ghi nhớ kỹ, đợi sau đến thẳng chỗ đó tìm kiếm, khỏi phải trông ngóng thêm phí thì giờ.

Đây là tôi có ý nhất cử lưỡng tiện, không biết được chăng? Nếu cho là phải thì xin tư trước cho quan kinh lược ba tỉnh trong, bảo tôi về Triều lĩnh bằng đi trước. Lại xin tư sức trước cho khắp cả nước biết, hễ ai tìm được mỏ mới, báo

lên thì thưởng cho trước, đến sau khai khẩn được nhiều, lại thưởng thêm nữa. Nếu tìm được thì cắm tiêu trước, đợi khi hội chúng đến nơi thuê họ phân biệt thửa đã, rồi thương lượng với chúng để chia ít nhiều phần lợi. Còn chỗ nào không có hình tích gì rõ ràng, thì cứ để mặc cho chúng đi tìm.

Lại xin tư cho các mỏ ở Tuyên Quang, Hưng Hóa, chọn lấy mỗi nơi một bao đất, hoặc có đá vôi, cũng nên đệ về, để đợi ngày sau thí nghiệm. Lại như các sự thể riêng, giám mục cũng đã nói với các quan to của họ, xem ngụ ý họ còn úp mở không nhất định, hình như họ cũng chưa chịu. Xin Triều đình xét

kỹ và giao dịch cẩn thận đề phòng biến cố khác. Hơn nữa ta với họ đều có một bộ tim ruột riêng, khó bề giúp đỡ nhau, chỉ có thể tung hoành mới xong việc được.

Kính bẩm lục bộ đường đại thần đại nhân soi xét.

## DI THẢO SỐ 27

Tám việc cần làm gấp

(Tế cấp bát điều)<sup>6</sup>

(Ngày 20 tháng 10 năm Tự Đức 20, tức ngày 15 tháng 11 năm 1867)

Tôi Nguyễn Trường Tộ xin đem những điều tạm thời cần phải làm để giải quyết những việc khẩn cấp thưa rõ như sau:

Trộm nghĩ đến cái thế lớn trong thiên hạ cũng giống như con người ta vậy. Con người từ thuở nhỏ rồi

---

<sup>6</sup> Bản Hán văn: Hv 189/2. Hv 634/2 VHv 170 Bản chụp của Tuần sau VĂN ĐÀN, do ông Phạm Đình Kh-iêm cung cấp cho chúng tôi. Tế cấp bát điều được viết trong lúc Nguyễn Trường Tộ đang ở Pháp.

đến tuổi thiếu niên, tráng niên đến già lão kể là một đời. Phàm những việc làm lúc nhỏ, đến lúc thiếu niên mới biết những việc làm ấy là đáng buồn cười. Những việc làm trong lúc thiếu niên, đến tuổi tráng niên mới biết đã có nhiều lầm lạc. Duy những việc làm trong thời tráng niên mới là những việc làm định đoạt sự được mất. Nếu những việc làm ấy thành đạt được, mới có thể xóa bỏ những lỗi lầm trong thời thơ ấu và để lại hiệu dụng cho lúc tuổi già. Như thế mới làm tròn bổn phận con người.

Vận hội trong thiên hạ cũng thế. Những việc làm thời xưa chỉ đủ đem lại những nhu cầu cần thiết cho nhân loại, nhưng chưa đủ tập hợp để làm nên công dụng hay ho

gì. Những việc sửa sang giúp đời trị thế, cũng chẳng qua thời thế lúc bấy giờ phải làm như vậy, mới đủ dùng được như vậy mà thôi. Nhưng đến đời sau xem lại, những việc làm ấy không khác nào trò ngịch đất khi còn bé.

Người thời nay phần nhiều không hiểu được sự thế xưa nay đời đổi ra sao, cứ ca tụng thời xưa, cho rằng đời sau không thể nào bằng được. Làm việc gì họ cũng đều muốn đi ngược lại theo xưa. Bọn Tống Nho sợ dĩ làm hại đất nước, làm đất nước hèn yếu không phát đạt đều do tư tưởng này mà ra cả.

Đem thế hệ ra mà bàn, chắc con cháu không được chê bai ông cha mà phải đem những việc làm của tiền nhân ra ca ngợi. Điều đó về lý thì cũng đúng. Nhưng nếu bàn về việc phải làm thức thời, mà bảo rằng tổ tiên xưa nghèo nay ta cũng phải nghèo không được bắt chước kinh doanh làm ăn, tổ tiên xưa là thường dân, nay ta cũng phải làm người dân thường, không được học hành để mưu cầu quan chức. Thế chẳng đáng buồn cười lắm sao? Người xưa làm cung tên để chống giặc, sử dụng giỏi có thể thắng. Nhưng nếu nay đem ra đối địch với đại pháo thì cung tên cũng chỉ là trò chơi con nít mà thôi. Cho dầu có tài bắn hay cũng khó tránh khỏi thua bại. Suy một việc này, bao nhiêu việc khác cũng thế. Tại sao

người thời nay cứ rảnh rang giảng giải luận bàn, bắt chước cái trò chơi trẻ con đó? Như thế có được gì chẳng cũng chỉ là dùng tạm, ích gì cho tuổi trưởng thành và tuổi già được? Nước ta từ triều Lê trở về trước cũng như con người ở tuổi đồng niên vậy, từ Trần trở về trước như tuổi thiếu niên vậy, đến nay mới là tuổi cường tráng sức lực dồi dào, có cơ hội làm được nhiều việc. Thời đại nào có chế độ ấy. Con người sinh vào thời đại nào cũng chỉ đủ làm công việc của thời đại ấy mà thôi. Vậy thì người sinh vào thời xưa làm xong công việc của thời xưa. Rồi dần dần thời thế đổi dời, làm sao có thể mỗi mỗi ôm giữ phép xưa mãi được?

Con người ta ở tuổi ấu thơ suy nghĩ không quá khỏi cái sân nhà, dạo chơi không ra khỏi vườn nhà, chưa tính kế gì lâu dài, chưa mong cầu cái gì sâu sắc chưa ra khỏi xóm làng để dong ruổi bốn phương, đến lúc trưởng thành mới nghĩ đến chuyện rời nhà cửa mà dấn bước tang bồng. Thành hay bại là ở thời kỳ này vậy.

Xét ra phong khí và vận hội trong thiên hạ, từ khi bắt đầu đến hồi kết cuộc, khác nào một đời người. Một nước ví với thiên hạ, cũng giống như một người. Từ xưa đến nay các nước không nước nào không như thế. Nói chung các nước nổi tiếng ở phương Đông như Trung

Quốc, Mông Cổ, Ả Rập, Ba Tư tuy đã có lần quấy động xâm lấn các nước chung quanh nhưng cũng tựa hồ như những anh lính giềng đánh đấm lẫn nhau thôi chứ chưa có khả năng dọc ngang bốn bể như người phương Tây ngày nay. Châu Mỹ cũng thế, trước đây ba bốn trăm năm các bộ lạc sống rời rạc chưa thống thuộc nhau lại, đến khi bị người phương Tây đánh phá mới thức tỉnh, ngược xuôi chống trả, từ đó quen thạo chiến đấu, hăng hái khai thác, dần dần đến ngày nay thành lập quốc gia, kiến thiết đô thị, tất cả đều tự lập được. Họ đã đến lúc trưởng thành. Xem thế thì thời thế vận hội trong thiên hạ đã đến lúc tiến dần đến thời tráng thịnh, tung hoành bốn phương. Giả như có một nước nào ngày nay

muốn đóng cửa không tiếp khách để hưởng yên vui một mình cũng không thể được. Bởi vì ta không đến người, người cũng sẽ đến ta. Nếu ta không thể chặn bước người tiến tới thì chính ta cũng phải cất bước tiến lên để làm cân bằng cái lẽ qua lại với nhau. Không thể, người đến ta ắt sẽ yêu sách một số lễ vật đem về, mà ta thì không thể đến người để uống một chén rượu đáp lễ. Thế chẳng phải là bị khách lấn áp chủ sao? Ví như những bọn cướp nếu bọn này không thể kêu gọi bè đảng đến đánh bọn kia, thì chắc chắn bọn kia sẽ dẫn đồng bọn đến đánh bọn này. Đó là thế tất nhiên. Chỉ khi nào bọn này có thể sang đánh được bọn kia, thì mới khỏi bị bọn kia đến đánh mình. Chỉ vì nay ta không thể phát huy vũ lực

ra các nước chung quanh, nên mới bị các nước mang binh đến ta. Dù ta không chủ tâm đánh ai, nhưng cũng phải sửa sang biên thù, siết chặt hàng ngũ trong nước, để có một lực lượng có thể đánh được người ta, nhưng chỉ chờ ai đến thì đánh mà thôi. Như vậy mới khỏi hoạn nạn.

Hiện nay chúng kết bè nhau sang đây, mở đường mà đến ngày một thêm nhiều. Người Anh đã xin nhà Thanh cho lập một quân cảng ở Quỳnh Châu là ý muốn gì? Y Pha Nho còn hăm hực chuyện cũ, chưa thôi dòm ngó. Tướng Pháp thì thường hỏi những người đi thuyền từ Bắc vào Gia Định xem động tĩnh

của vua ta ra sao? Đã lập người kế vị chưa? Câu hỏi ấy có thâm ý chớ không phải không lý do, cũng chẳng phải cảm tình chân thật tốt đẹp gì cả. Nay họ lại thấy người Anh áp sát đường phía Bắc nước ta. Như vậy nước ta chẳng khác nào mảnh đất Kinh Châu đang nằm trong cái thế tương tranh. Cho nên họ không khỏi có âm mưu như Khổng Minh đối với Tam Quận xưa kia vậy. Dù tạm thời có hòa ước cũng không thể trông cậy lâu dài được. Hơn nữa họ chưa một ngày nào bỏ quên con đường Vân Nam - Tây Tạng. Còn các binh thuyền của họ ở phương Đông thì lần lượt kéo về Gia Định để chiếm giữ thế trọng yếu. Họ sẽ làm gì đây? Điều đó cũng có thể đoán biết trước được, như tôi đã từng trình bày trong bài Lục lợi từ

năm trước. Lại như trong nước ta, từ Quảng Nam trở ra phần nhiều có những bọn bất mãn lần lượt trốn vào Nam có ý muốn được giúp binh mã để âm mưu phế lập như Thạch Kính Đường đời Hậu Tấn. Ta đã có những chỗ sơ hở có thể xen vào, còn người Pháp thì từ lâu lo sợ cái thế lực lớn mạnh của người Anh ở phương Đông. Nay lại thấy người Anh sắp ra tay, họ sợ bị người Anh đoạt mất. Âm mưu của họ, như tôi đã nói trong tờ trình trước, là sẽ thi hành 5 kế độc (1. Giúp bọn làm loạn chia cắt nước ta. 2. Giả hòa ước rồi đánh ta bất thành linh. 3. Lập ngôi soán vị rồi chuyên quyền. 4. Mượn đường diệt giặc. 5. Lấy êm bằng cách hối lộ). Ta phải gấp rút đối phó. Ngày xưa người Anh lấy Ấn Độ và Hạ Châu (bán đảo Mã

Lại) như thế nào thì ngày nay đối với ta, người Pháp cũng bắt chước như thế. Hãy thử xem mới trong vòng 6 năm, chân đứng chưa vững mà họ đã lấy được 6 tỉnh mau lẹ như vậy, thì sau mười năm đồn lại sẽ như thế nào đây? Đó là nói về chuyện cấp bách ở nước ta, nếu đem tình hình phương Đông ra mà bàn thì người phương Tây đều cho rằng bất quá 50 năm nữa chắc chắn phải thay cũ đổi mới. Giả sử có một vài nước ngoan cố cứ muốn nằm dài ngủ mãi chắc chắn cũng sẽ bị họ quất roi cho thức dậy để sai bảo. Như năm xứ Ấn Độ là một bằng chứng.

Trong tờ nghị hòa năm trước tôi đã nói rằng người Nga từ Đông Bắc tiến về Đông Nam, Anh Pháp thì do Tây Nam tiến về Đông Bắc chúng đã bao trọn phương Đông rồi, giờ đây sẽ cùng nhau tóm lấy. Nay kênh đào Xu Ách của Ai Cập hoàn thành, các nước phương Tây vừa mới hưng thịnh chắc chắn sẽ sửa soạn tay chân, nối gót đàn anh, mà quấy động can qua. Như thế liệu phương Đông có thể an nhiên vô sự được không? Nay bọn họ lại muốn họp nhau làm con đường phía Đông, từ phương Tây thẳng đến Quảng Đông. Người Pháp nay muốn đặt đường dây điện tín dưới biển từ Quảng Đông đến Cần Giờ, rồi từ đó qua Hạ Châu đến Tích Lan rồi tiếp tục nối liền đến phương Tây (Hiện đã có đường điện tín từ

Tích Lan sang Tây). Người Nga đã có đường điện tín từ thủ đô vượt Trường thành ở phía Đông vào Bắc Kinh. Như vậy phương Đông có cử động gì không đầy một ngày người phương Tây đều biết hết để bàn tính với nhau. Lại như các đảo lớn thuộc phía Bắc nước Nhật và Mông Cổ, Ngoại Minh giáp với Triều Tiên đều đã nhập hết vào bản đồ nước Nga. Người Nga còn toan mở xa lộ bọc ra ngoài phía Đông Bắc sông Hắc Long, đóng thuyền duyệt binh tính muốn cùng Anh Pháp thả câu đánh lưới các nước trong vùng biển Đông để chia nhau vơ vét hết lợi lộc. Người Pháp còn đang tính ngược sông Cửu Long chiếm Tây Tạng rồi sau đó phía Đông sẽ xuôi dòng sông Kim Sa xuống Tứ Xuyên vào giữa lòng Trung Quốc,

phía Bắc sẽ dùng kỵ binh vượt Thanh Hải men theo phía Bắc Âm Sơn chiếm vùng thượng lưu sông Hoàng, từ phía Tây sẽ theo dòng Sở Hà vượt Nộ Giang đổ xuống, cướp lấy chặn đường phía trên của Miến Điện, rồi sang sông Tạng dòm ngó Mạnh Lạp Gia. Bởi vì con đường Tây Tạng bao gồm các vùng thượng du của phương Đông, nơi phát nguyên của những núi to sông lớn. Chiếm được nơi đây thì phía Đông có thể nắm đầu Trung Quốc, phía Tây thúc lưng năm xứ Ấn Độ, phía bắc trói tay các rợ Hung Nô, còn mặt Nam thì Miến Điện, Xiêm La và nước ta đều là cửa ngõ ra vào. Như vậy liệu có thể cự tuyệt không cho họ mượn đường ra vào được chăng?

Về đường thủy, người Pháp tuy không giỏi bằng người Anh, nhưng đường bộ họ chẳng thua gì người Ý. Pha Nho đối với các nước Nam Mỹ. Cho nên họ đã biết rõ con đường mặt sau nước ta có hai dải núi lớn, từ núi Côn Luân chạy xuống, bao hai mặt Đông và Tây của dòng Cửu Long. Nước ta trở thành bình phong phía Đông, Xiêm La là thành lũy phía Tây. Cả hai đều có thể mượn để sử dụng làm căn cứ sào huyệt. Bởi hình thế hiểm yếu trong thiên hạ, chưa có nơi nào hơn đây. Hơn nữa hai dãy núi chạy từ Bắc thấp dần về phía Nam (Phạm các dãy núi nào chạy dài về Nam phần nhiều đều có khoáng sản) có nhiều nguồn lợi lâm sản và khoáng sản

nhất phương Đông, đủ cung ứng kinh phí cho họ hưởng dụng. Cho nên vừa mới đến Gia Định, ngồi chưa yên chỗ, họ đã mưu tính ngay. Thực ra họ đã ôm ấp trong lòng từ trước khi đến đây, nên mới hành động mau lẹ như vậy. Còn nước Xiêm tuy đã hòa hiếu với Anh Pháp, nhưng vốn là nước giàu có mà kém trí lực, nên hai nước vẫn luôn luôn rình cơ hội phỗng tay trên. Người Anh thì muốn chiếm trọn phía Tây để cho năm xứ Ấn Độ ở phương Đông được mạnh thêm nên mới đào kênh Ma Lục Giáp để thông qua Vọng Các. Người Pháp muốn thu trọn phía Đông, hợp với nước ta làm cửa ngõ, để củng cố căn cứ ở Tây Tạng, Vân Nam. Vì vậy mà họ hết sức bảo hộ vua Miên, để có thể thông với biên thù phía Đông

của Xiêm. Thế mà người Xiêm có mắt như mù chẳng rõ mỗi manh, tự cho là yên ổn có thể phó thác trọn đời cho hai nước. Mặc dầu chúng cũng có chút ít lo lắng, như cho người sang du học phương Tây, và mở các lãnh sự quán ở các thương cảng lớn (như Hương Cảng, Thượng Hải, Ba Lê Tư, Long Đôn). Nhưng người Tây cho người Xiêm thiếu thông minh, chắc chắn không thể tiến bộ lâu dài được. Chẳng qua cũng chỉ là bắt chước học đòi như Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ mà thôi. Nước Xiêm nay tuy muốn bỏ cũ theo mới, nhưng chính việc đó cho thấy cái què mùa ngu ngốc của chúng. Chúng vốn muốn học cái thuật tung hoành để củng cố thế lực, nhưng chúng có biết đâu rằng hai tên chúa cướp kia mừng thầm,

vì tài chủ của bọn họ đóng cửa cài then, là giữ cửa giùm cho bọn họ. Cho nên hai nước ấy vui mừng thấy nước Xiêm như món đồ trong túi, không sớm thì muộn cũng lấy được thôi. Nếu không ai ôm trọn vào một tay mình thì lấy dải Mê Nam cắt chia đôi cho nhau. Ý nghĩ của bọn họ đã định như vậy. Còn bốn nước lớn thuộc vùng Tây Vực như Ba Tư, A Phú Hãn, Ti Lộ Chi, Ả Rập thì Ả Rập tuy là con đường qua lại, nhưng đất xấu dân nghèo, lại quen tính cướp bóc khó thuần dưỡng, hơn nữa nghe đến đạo Hồi là người ta không dám gần gũi. Cho nên từ lâu người phương Tây chán bỏ, chẳng qua chỉ dùng nó làm con đường tiếp viện cho đường phía Đông mà thôi.

Còn ba nước kia như Ba Tư v.v... xưa nay vốn là bãi chiến trường, nay đã kề sát phía Nam nước Nga. Người Nga mới từ Lý Hải (biển Caspienne) đóng thuyền tập binh để thọc vào phía Bắc Ba Tư, lại từ sông A Mẩu (Amou-Daria) đào đường ăn thông với phía Tây núi Thông Lĩnh (Himalaya), phía Tây thì cướp lấy mặt Đông của biển Đỏ dùng làm cái ao của phía Nam. Như vậy ba nước này chẳng khác nào Tam Xuyên của Tần ngày xưa, nó như cái bờ ao của nước Nga vậy. Anh Pháp cũng khó đóng vai như Tề Sở mà tranh lấy đất Trung Sơn của Tấn. Đó là do ở địa thế xa gần mà ra.

Ấn Độ đã thuộc Anh không phải bàn nữa. Miến Điện và Xiêm La là thân cá chậu. Còn lại nước ta và Nhật Bản coi như đô thị lớn của vùng Biển Đông, Triều Tiên bên cạnh như một cái phố nhỏ chỉ đủ cho bọn chúng điếm tâm buổi sáng, chẳng quan trọng gì. Nhật Bản tuy cứng mạnh hung hãn, nhưng các tiểu hầu phân chiếm từng mảnh ý chí sức lực không đều nhau, trở ngại cho việc tiếp ứng. Hơn nữa nước này bốn mặt bế bao bọc, chẳng có hàng xóm láng giềng với ai, rốt cuộc cũng khó tranh hơn với ba bốn địch thủ lớn, chuyên vẫy vùng trên biển. Mới đây Hợp Chúng Quốc lại mở đường xe lửa qua phía Tây Kim Sơn (San Francisco), thuyền bè của họ phần nhiều tụ tập về đây. Họ còn tính

đào một con kênh tại eo đất nước Mễ Tây Cơ để thông ra Thái Bình Dương. Vì nước này giàu có nhất thiên hạ mà trong 80 năm trở lại đây các nước Nga Anh Pháp không dám xem thường. Sức mạnh của nước này chưa nước nào hơn được. Nay người Nga lại bán cho họ một phần đất phía Bắc. Mễ Tây Cơ lại phụ họa theo ở phía Nam thì nghiêm nhiên đã trở thành một địch thủ to lớn. Hợp Chúng Quốc xưa nay đối với thế giới có tiếng là “Ông già hòa bình” nhưng nay họ đã bỏ đường lối ấy. Họ lại thấy Nga và Pháp sắp rửa áo giáp ở Thái Bình Dương thì lý nào họ lại ngồi yên để xem miếng mồi ấy lọt vào tay ai. Chắc chắn họ cũng sẽ hơi gươm vác súng vào cái chợ lớn Trung Quốc mà đánh chén với

các nước phương Tây. Còn nước ta và Nhật Bản như là hai con đường lớn của hai đầu chợ ấy, chắc chắn sẽ là nơi bọn chúng buông gánh nghỉ vai. Điều đó sớm muộn sẽ xảy ra không sao tránh khỏi.

Nhật Bản và Trung Quốc dần dần đã rõ cơ hội đó, nên Nhật Bản đã cho nhiều người sang các nước phương Tây du học, đồng thời để dò xét tình hình. Hiện có một hoàng tử và 35 người cùng đi với một linh mục mới đến Ba Lê và đã thiết lập ở đó một Đại học xá để phái người sang học. Nhà Thanh Trung Quốc trước đây có mời hai người Pháp ở Gia Định sang làm việc tại Thượng Hải (trong lúc chúng tôi đi Pháp). Nay họ lại đặt một viên quan tại thành Ba Lê (Giám mục Hậu có

tiếp chuyện với viên quan này) để trông coi việc mua và chuyên chở máy móc về nước. Viên quan này được Triều đình nhà Thanh cấp lương mỗi năm 15 vạn quan (Viên quan này nay đã về Bắc Kinh). Họ còn mời người phương Tây đến thiết lập một xưởng máy lớn tại tỉnh Giang Tô. Thanh triều xuất cho những người này 25 triệu quan tự do sử dụng, lại mời các học giả phương Tây đến Bắc Kinh, như việc Khang Hy ngày xưa dạy các môn thiên văn, địa lý, cách trí v.v... và cho tranh luận so tài với các văn thân Trung Quốc. Vua Thanh hiện có ra một đạo dụ rằng: “Nhiều văn nho cho việc học người nước ngoài là sỉ nhục. Còn theo trẫm thì không bằng người ta mới là nhục. Nếu học người mà bằng được người

mới tỏ ra mình cũng có tài không thua gì người, khiến người không dám xem khinh mình, như thế có gì là nhục? Nếu không học kẻ dưới để cho người ta mãi mãi đem tài trí kiêu ngạo mình, thử hỏi đảng nào xấu hổ hơn!”. Trong đạo dụ ấy có dẫn rất nhiều sự lý để khuyên răn, chỉ tóm tắt đại yếu như vậy.

Vừa mới sắp sửa mở trường dạy học, các văn thân đã nhất tề dâng sớ lên nói: “Đường đường một nước Trung Quốc mà không có nhân tài làm thầy được hay sao phải đi rước người Tây dương về làm thầy mình, không sợ thiên hạ chê cười?” Triều đình trả lời: “Đã nói thế tức cũng có tâm huyết. Vậy một mặt cho những người trong liên danh dâng sớ ấy cứ mở trường

quy tụ học sinh, dạy dỗ theo lối cũ của Trung Quốc. Thầy trò được cấp bổng y như trường kiểu phương Tây. Nhất thiết phải tiến hành không được rút lui. Một mặt mời các học giả phương Tây mở trường dạy theo phương pháp mới. Mỗi năm họp học sinh hai bên lại để khảo sát sự hơn kém”.

Ngoài ra nhà Thanh còn mời các kỹ sư phương Tây đóng thuyền máy lớn, cho người Hoa đi theo để học tập. Đó là những công cuộc chấn hưng của nhà Thanh hiện nay như vậy. Có thể mới hợp với cái lẽ tùy thời thay đổi cho đúng đường lối vậy.

Xưa nay phương Đông chưa nước nào ngạo mạn tự túc, chê khắp thiên hạ là mọi rợ như nước Trung Quốc đã ngạo mạn. Thế mà nay họ đã bác bỏ luận điệu của các nhà Nho xưa, chẳng đếm xỉa lời nói của người thời bấy giờ, hăng hái tu chính được như thế, là vì hiểu rằng đối với dân chúng chỉ có thể cùng vui hưởng khi thành công, chứ không thể cùng mưu tính lúc mới bắt đầu được. Hơn nữa tình thế đã đến lúc không thể không làm. Nếu biết sẽ phải lệ thuộc người, bị người sai khiến, thì chi bằng hãy đãi họ như khách. Nếu không chịu coi nhau như chủ khách, chắc chắn sẽ bị người sai khiến. Chỉ có một trong hai trường hợp ấy thôi.

Phàm kẻ có trí trong thiên hạ là người không phải không có lầm lạc ban đầu, mà là người biết thay đổi hành động, không phải không có sai lạc, nhưng biết sửa điều sai thành đúng đắn, không xấu hổ vì phải sửa đổi cái cũ, mà xấu hổ vì không làm được điều gì mới, không nhìn lui dĩ vãng, mà chuyên mưu việc tương lai, không nghĩ đến bảo toàn tên tuổi riêng mình, mà lo ích lợi chung cho đất nước. Thế mới gọi là trí. Nếu sợ rằng trước kia chủ trương sai lầm mà nay phải sửa đổi công việc thì sẽ bị người chê cười nên xấu hổ không làm, thế là không biết chính vì không chịu thay đổi chủ trương mới phải mãi mãi cam chịu sai lầm. Như vậy có đáng hổ thẹn hơn không? Chính vì vậy mà nhà Thanh đã tỉnh ngộ,

mạnh mẽ, gấp rút tiến hành theo đường lối mới.

Những điều trình bày trong nửa đầu của đoạn trên là những điều cuối trong bài “Phân hợp luận” của tôi. Nay xin nói thêm về tình thế cấp bách hiện thời để thấy những bọn âm mưu dòm ngó nước ta đã từ bốn phía kéo đến rồi. Thật là nguy cấp! Tuy nhiên, nếu ta đón trước thời cơ làm hết sức mình cũng có thể cứu vãn được.

Vì vậy tôi xin kính cần đem một vài điều trong bài **Tế cấp luận** trình bày sơ lược như sau:

Điều thứ nhất: Xin gấp rút sửa đổi việc võ bị.

(Mười khoản dưới đây so sánh sự khó và dễ giữa văn và võ. Đó là nói chung các nước chuộng võ chứ không phải chỉ riêng nước ta)

Việc võ thực là rất khó! Học khó, hành khó so với văn gấp mấy lần. Xin phân biệt như sau:

1. Cái khó của môn học này là người học võ học các sách binh thư đồ trận. Học sách xong phải thể nghiệm tập tành. Học cái gì tập luyện cái nấy. Óc phải sáng suốt, cái nhìn phải nhanh như thần mới nắm vững được cốt cách mau lẹ. Không như phép làm văn, câu nào chữ nào thấy không xếp đặt được thì tìm chữ khác câu khác điền vào.

2. Kẻ học võ học các phép động tĩnh đánh đâm đúng chân truyền mới không sai khi ứng dụng. Không như kẻ tập văn chương trau chuốt lời suông chuyện cũ, du di chữ nọ xọ chữ kia.

3. Kẻ học võ đối với những nơi hiểm yếu có tính cách sinh tử, những hình thế có tính cách quyết định thắng bại, phải giả tạo hiện địa, lập trận đồ, đích thân luyện tập (binh pháp phương Tây như thế) mới thể nhận được rõ ràng. Không như kẻ học văn chỉ nghiên cứu sách vở trên mặt giấy mà thôi, không thể nào xuất thần trở lại cái thế giới thượng cổ để khảo sát việc xưa.

4. Kẻ học võ quan sát thành lũy đồn bót xem mặt nào có thể đánh được giữ được, hướng nào có thể ra được vào được, phải chính mắt xem xét rõ ràng hình thể địa lý và ghi nhớ trong lòng (võ quan phương Tây như thế). Không như kẻ học văn làm thơ phú ca điệu, có thể thả tâm hồn vào cái thế giới mộng lung ảo hốt.

5. Những ai học võ đều phải sử dụng khí giới, biết nghệ thuật chế tạo, ý chí sức lực hết sức nhọc nhằn (Người phương Tây cho điều này là quan trọng), phải suy lường tính toán mới quen thạo được. Không như văn chương, một cây

bút, một tờ giấy, nằm ngửa trên giường cũng làm được.

6. Những ai học võ là theo cái nghiệp xung phong hãm trận, vào sinh ra tử. Cho dù chưa xảy đến cho mình nhưng trước sau không sao tránh khỏi. Tinh thần của họ dũng cảm thay, nhưng về tình cảm họ không khỏi lo buồn. Còn kẻ theo nghiệp văn tiến thủ được thì tốt, không cũng vô hại, chẳng gặp một sự hiểm nguy nào. Đó là chỗ khác nhau về tâm tình buồn vui của hai bên.

Sáu điểm trên mới nói về thời kỳ học tập, nếu luận về thực hành lại càng khó hơn nữa.

1. Phàm ở trong hàng ngũ, khi đi hành quân ai cũng phải vai đeo vác những vật nặng nề. Lại phải đi tuần canh gác, ngày có việc ngày, đêm có việc đêm, không lúc nào rảnh, người nào việc nấy rất mệt sức nhọc lòng. Không như văn, có việc thì làm, không việc thì thôi. Có việc nhưng tạm gác lại cũng được, hay chước giảm mà hóa ra không phải làm cũng được. Chỉ vận dụng miệng lưỡi, trí óc, cho dầu có nhọc cũng chỉ nhọc tâm suy nghĩ mà thôi.

2. Con nhà võ khi ra trận tên đạn trước mặt, gươm giáo sau lưng, tiến lên thì chết vào tay giặc, thoái lui thì luật nước không cho. Lệnh

xuất quân đã ban thì quên nhà, trống thúc quân đã giục thì quên mình. Tranh tính mạng trong tích tắc, định thành bại trong từng giờ. Không như con nhà văn: Hoa rưng nơi tưng đình, đàn cầm treo ngang án sách, cứ theo giờ giấc mà giải quyết công việc, theo hoàn cảnh mà xử lý, trưa ăn, tối nghỉ, hết rày còn mai, việc được thua thì quyết định không đầy một khắc, còn việc thắng giáng thì kéo dài đến vài ba năm, dễ bề chạy vạy.

3. Con nhà võ bắc cầu đắp đường, dựng đồn lập lũy. Công việc của họ làm thiên biến vạn hóa. Nương theo địch mà tìm cách thắng địch, tùy theo địa thế mà lập cách phục

binh, xuất quỷ nhập thần không theo một phương thức sẵn có hay một khuôn khổ nhất định. Cho nên cái kỳ diệu của nhà binh không thể báo trước được. Còn con nhà văn có thuế thì thu, có việc thì xử; có lệnh vua thì thừa hành, có lệnh quan thì tra cứu. Phàm làm việc gì cứ theo luật quyết định là xong cả.

4. Kẻ theo nghiệp võ khi lâm trận, bốn bề đều là người tranh giành với ta, là cừu địch của ta, nghịch lại ta, muốn giết ta. Nếu vì việc công mà sai sẩy thì cái chết đến sẵn trước mặt, bao nhiêu công lao đều bỏ hết, cả đến tính mạng cũng hoàn không, nói gì đến đất nước. Chính vì thế người xưa đã

bảo rằng “Kẻ làm tướng xem tấm thân thật chẳng khác một con say” vậy. Đó là những gian nan quan hệ biết chừng nào? Kẻ theo nghiệp văn đi đâu đến đâu cũng thấy toàn là con dân của mình, chính quyền của mình, thường tình thuận cảnh, nhất hô bách ứng, sai bảo dễ dàng. Có ra lệnh cho cấp dưới thì đó cũng là bốn phận cấp dưới phải làm, mà làm cũng dễ. Ban ngày đi đâu cũng chẳng e ngại, tối ngủ yên giấc suốt đêm. Dù có vì công việc mà mắc tội phần nhiều cũng được khoan hồng chưa đến nổi tan thân mất nhà.

Mười khoản trên đây, mới nói đại khái cũng đủ thấy cái học và hành của đôi bên khác xa nhau như thế nào. Nếu nói về công lại còn quan trọng hơn nữa.

Điều làm cho bọn giặc loạn sợ là uy vũ. Người xưa có nói: “Kinh Xuân Thu san định xong làm cho bọn tôi loạn con nghịch phải khiếp sợ”. Nay thử đem Kinh Xuân Thu treo trước cửa bọn ấy xem chúng có khiếp sợ không? Nước ngoài sợ dĩ không dám xâm phạm ta là vì ta có vũ lực mạnh. Người xưa bảo: “Một lời nói hơn cả mười vạn quân”. Nhưng nếu ta không có uy danh làm cho địch nể sợ trước, mà chỉ ngâm một bài thơ, nói một câu chữ có thể đuổi được giặc ư? Cho nên khi quốc gia hữu sự, mà không có vũ công trấn áp thì cả quốc gia, quan quyền, sĩ dân, chính trị, pháp luật phải dâng hết vào tay địch. Chừng đó liệu bên văn có cai trị

được không? Thử xem Gia Định ngày nay thì rõ. Bọn chúng tham khảo áp dụng luật lệ sẵn có của ta mà cai trị sai khiến dân ta. Thế thì chính trị luật lệ của ta có hay ho cũng chỉ để giúp cho giặc mà thôi. Phải có vũ lực như thần mới đuổi được chúng. Như Tín Địa ở Tây dương dùng chiến thuật tập kích thẳng giặc, Mã Thần ở Đông dương dùng thuốc độc giết giặc, Tô Lộc (Sulu, quần đảo giữa Phi Luật Tân và Bornéo) ở Đông dương liều sống chết với giặc mới bảo tồn con cháu, thi hành nền chính trị của ta được.

Bao nhiêu đó đủ thấy rằng cái lễ nhạc của bên văn phải chờ có vũ

lực trước rồi sau mới thi thố được. Văn ví như chiếc áo đẹp, vũ ví như khí huyết cường tráng. Người không có khí huyết thì chết, có áo tốt cũng vô dụng. Cho nên theo chế độ làm quan ở phương Tây, bên văn ngày nào cai trị dân thì ngày ấy là quan. Một đảng quan là do dân lựa chọn người đức hạnh cử lên, một đảng do những người ở các khoa ra ứng cử. Bất luận ở cấp bậc nào, khi Triều đình cho về hưu thì cũng trở lại làm dân mà thôi. Là vì việc hành chính chính trị đã có quy tắc định sẵn cứ theo đó mà thi hành, không có gì gọi là lập công cả. Nếu có làm được gì lợi ích, sửa chữa tệ hại, thì cũng là việc bình thường, như những người không làm quan ở nhà kinh doanh sự nghiệp mà thôi, không phải do mạo hiểm lập

được công lao gì cả. Còn bên võ nếu lập được một công với quốc gia thì được định thăng một cấp, hưởng mãi số lương cấp bậc đó. Giả sử sau có tội cũng chỉ phạt tội đó và không cho thăng cấp mà thôi. Còn lương bổng cấp bậc cũ không bị nhà nước tước bỏ. Bởi vì ngày trước đã đổi sinh mệnh mà lập nên công.

Các nước phương Tây quý trọng võ công như thế mới có thể giông ruổi khắp nơi, ngang dọc bốn biển. Công lao nặng thì báo đáp được nhiều.

Nay nước ta nếu không gấp rút sửa đổi theo mới, khiến việc giáo dục võ bị ngày một suy, lòng người

ngày một yếu thì lấy gì chống giặc bảo vệ nhân dân?

Nay tôi xin hãy đem các sách binh thư xưa nay (tôi có chút am hiểu việc này) ra xét lại. Phàm sách nào, chỗ nào nghĩa lý không xác đáng, khí giới lỗi thời, kỹ thuật không hiệu nghiệm, địa thế không cho phép, khí hậu không hợp và tất cả những gì thi hành sẽ không kết quả phải bỏ hết, chỉ lựa lấy những gì hợp với ngày nay, liên quan đến tình thế nước ta, mỗi mỗi đưa ra thực nghiệm rồi soạn thành sách đưa ra học tập. Tôi đã đọc nhiều binh thư và các sách linh tinh khác nói về việc binh, mới biết phép chiến đấu xưa nay khác nhau xa

lắm. Chỉ có một điểm về mưu trí trong sách xưa là còn có thể đem ra biến hóa mà dùng cho ngày nay mà thôi. Vì vậy phải gấp rút soạn lại để khỏi rối trí người học. Thêm vào đó hãy mời những bậc có tên tuổi, những người có tài hay chức lạ, có kỹ xảo, biết quyền biến, cùng nhau khảo cứu viết phụ thêm vào sách ấy. Ngoài ra cũng phải mua các sách binh pháp thủy bộ của phương Tây dịch ra để tham khảo học tập. Đồng thời rước những người phương Tây giỏi về quân sự (việc này khi về sẽ trình sau) phối hợp với võ quan ta huấn luyện binh sĩ mỗi ngày. Còn binh pháp của ta thì sẽ thông thả dạy riêng ở một nơi khác. Đối với quan võ từ cấp bậc ngũ trưởng trở lên bắt buộc phải biết chữ để đọc binh thư. Mỗi

tháng ra một đề bài câu hỏi gửi đến các trường võ bị hàng tỉnh để sát hạch. Ví dụ như:

1. Giả sử địch đánh thành, ta giữ hoặc địch giữ thành, ta đánh. Nếu địch dùng phương pháp này, ta phải dùng phương pháp nào để phá? Địch dùng phương pháp kia, ta phải đối phó bằng phương pháp nào? Về phương diện đánh thành giữ thành có rất nhiều phương pháp và kỹ thuật nay chưa đề cập được (Chờ sau khi thi hành, tôi sẽ lần lượt soạn gửi).

2. Vẽ bản đồ trận thế khi lâm trận (Phải hiểu rõ địa lý của binh pháp mới ra đề này được). Giả sử ta và địch đang ở những điểm cao

thấp, xa gần, trước sau, tả hữu, núi đồi hoặc thung lũng, đồng trống hoặc sông hồ ra sao và như thế thì phải bố trí tính toán như thế nào?

3. Về chiến lũy đồn bót: Chỗ nào có thể lập đồn trữ lương, dựng trại lính, chỗ nào có thể phục binh, chỗ nào đặt ỗ súng, chỗ nào có thể tiến lùi, ra, vào? Địa hình như thế nào thì lập đồn hình tròn, hình ngôi sao, hình mũi nhọn, hình chữ khẩu, đồn gài bẫy, đồn tạm, đồn di chuyển, đồn dài, đồn có góc, đồn nghiêng, đồn hai tầng, đồn ba mặt, đồn để phóng hỏa đốt địch, đồn để địch sập hầm, đồn ở biển, đồn trên núi, đồn ở hồ, đồn ở sông, đồn ở ao, đồn ngoài thành, đồn hình cái hoa,

đồn có hai lối đi, đồn có đặt máy nơi vách (Các loại đồn trên đây tôi dùng theo binh pháp mới). Ngoài ra các loại đồn vẽ trong sách cổ, hãy nhận xét xem cái nào ngày nay còn thích hợp, mỗi mỗi phải hỏi rõ ràng để xem trình độ học thuật của họ đến đâu.

4. Về tình hình địch và thế lực binh lính: Hai điều này biến hóa đổi thay luôn không nhất định và do người làm tướng vận dụng trí tuệ xét đoán. Tuy nhiên cũng nên hỏi qua để đoán xem ai có tài năng làm tướng sau này.

5. Nên gấp rút phái người giỏi về địa lý binh pháp đi khắp trong nước để vẽ rõ bản đồ từng nơi một. Cũng phải lựa ra trong các

sách viết về hình thế nước ta từ trước đến nay, trong đó có mô tả về núi sông hồ biển suối nguồn thung lũng đồng nội, những hình thế lồi lõm cao thấp, những địa thế có tính cách sống chết, những chỗ hiểm nghèo, nơi quay mặt, chỗ dựa lưng (Tôi thấy lối vẽ bản đồ của ta thật quá sơ sài xem bản đồ ấy không bằng đích thân đến nơi thấy tận mắt), đồng thời mô tả sự thay đổi về khí hậu, thời tiết ráo hay ẩm, đó cũng là những yếu tố quan trọng đối với việc hành quân. Phải vẽ và chú thích rõ ràng rồi căn cứ từng khoản mà khảo sát kỹ lưỡng.

6. Phải đem những sách về binh mưu kỹ thuật lựa lấy những cái thích hợp với binh pháp đem ra biến hóa mà áp dụng thử. Bởi vì

tướng giỏi xưa nay không ai không tinh thông mặt này, nên phải đem ra khảo hạch để mở rộng thêm mưu trí.

Sáu khoản trên đây là những điều huấn luyện quân sự lúc bình thường. Còn khi ra trận, binh sĩ có vui vẻ hăng hái hay không là do lúc bình thường ta có tạo được tình cảm gắn bó ân nghĩa với nhau hay không. Nếu binh sĩ không có tinh thần chiến đấu thì dù có những phương pháp hay như trên cũng trở thành bánh vẽ.

Tôi thấy các binh sĩ phương Tây đã giỏi về quân sự mà trước khi hành quân ai nấy nhảy nhót reo hò như sắp được đến nơi vui sướng. Tinh thần binh sĩ như vậy

làm gì không chiến thắng? Bởi binh lính của họ đều trẻ tuổi, chưa có gia đình, tính tình hiếu động không quyến luyến vợ con. Nếu bị thương hay tàn phế sẽ có những ngôi nhà xinh xắn cho họ ở. Như tại thành phố Ba Lê có một ngôi nhà đồ sộ rất đẹp ở đó có một cái tháp cao hơn tất cả các tháp trong thành phố, cả tháp đều mạ vàng. Ở các thành phố khác cũng có những ngôi nhà như vậy. Các tráng binh tại ngũ đều ở trong những cơ sở kiến trúc đẹp để chắc chắn không khác nào dinh thự của các đại thần trong sáu Bộ. Ngoài ra còn có vườn hoa để họ vui chơi giải trí. Ở các nước phương Tây mỗi thành phố đều có những vườn hoa như vậy. Các thương phế binh còn được cấp dưỡng ăn uống đầy đủ và

được hưởng lương suốt đời y như lúc còn tại ngũ chưa bị tàn tật vậy. Có thừa thì đem chu cấp cho cha mẹ anh em của họ. Nếu ai có gia đình mà tình nguyện nhập ngũ thì lương cao hơn để có thừa mà phụ cấp cho vợ con họ. Tôi thấy binh sĩ của họ lương cao nhất là 15 đồng, thấp nhất là 4 đồng một tháng. Đó là không kể hàng ngày, theo tiêu chuẩn, được cấp phát nào rượu, thịt, bánh, đường, trà, cà phê, muối, dầu, dấm, rau quả, mỡ. Nếu vì nước hy sinh, vợ sẽ được lãnh lương chồng suốt đời. Về cư xử ngoài kỷ luật nhà binh nếu tướng tá sĩ quan nào lạm dụng quyền hành sỉ nhục hà hiếp ngược đãi binh sĩ, binh sĩ có quyền giết chết. Xem thế đủ biết binh sĩ được ưu đãi là dường nào? Tướng quan khi hành quân ra trận

thì đi trước binh sĩ. Có ai đau ốm thì họ chia ngọt sẻ bùi, tình đối xử gần bó hơn sơn keo. Chỗ ở của sĩ quan cũng như chỗ ở binh lính. Sĩ quan còn nhường chỗ tốt cho lính, chăm nom chăm sóc lính còn hơn bản thân họ. Đó là những điều chính mắt tôi trông thấy. Ngoài ra còn nhiều ưu điểm không thể kể hết.

Đối với binh lính còn như thế thì đối với cấp tướng tá sĩ quan ân tình đối xử của quốc gia còn gấp bội hơn nữa. Chuyện đó không cần phải nói. Như lần này hai phái viên trông thấy có một viên quan ba từ Gia Định về Pháp. Thuyền thiếu một buồng khiến viên sĩ quan nằm ngòai không được thông thả. Chủ thuyền thấy vậy cấp thêm cho viên

quan nọ mỗi tháng 60 quan, họ giữ lễ mà đối xử như vậy đó.

Quan võ mãn hạn về hưu cũng được ăn lương như còn tại chức. Nếu vì nước hy sinh cũng vậy. Quan văn quan võ mãn hạn về hưu đều y theo lệ này. Ý cho rằng họ sẽ sống nhờ đồng lương không phải cấy cày vất vả. Các quan trong lúc còn khỏe mạnh chấp hành mệnh lệnh của quốc gia, nay đi xứ này mai đổi sang xứ khác, không kể đến thân mình nói gì đến việc mưu sinh để nuôi vợ con. Tất cả chỉ nhờ vào đồng lương mà thôi. Dầu là kẻ làm thuê đi nữa đã có cơm ăn còn phải có tiền mượn hưởng chỉ là quan. Nếu mãn hạn về hưu, là lúc tuổi già sức yếu, mà quốc gia ruồng bỏ họ như thứ ngựa già trâu yếu, thì

còn khuyến khích được ai ra làm việc nữa?

Phàm các quan văn cũng như võ ai có tội gì thì phạt tội đó, chứ không trừng phạt bằng lương bổng. Đại phu không bao giờ bị ghép tội hình, không làm khổ nhục thân họ. Quan chức phần nhiều được thăng hơn phạt giáng. Nếu có làm lẫn thì cho đái công chuộc tội, trung tín và trọng lộc như vậy đó.

Quan chế nước ta phần nhiều ngược hẳn lại, đối với binh lính lại còn tệ hơn. Cấp dưỡng cho người ta không đủ sống một cuộc đời bần hàn, thế mà đòi hỏi người ta phải nhảy vào nước sôi lửa bỏng để báo đền! Đối xử với người ta như tù đầy nô lệ mà muốn người ta xả

thân xem nhẹ cái chết! Tục ngữ có câu: “Nhất tử nhị bình” (Một là chết hai là làm lính). Câu nói đó đủ cho thấy công luận trong dân gian như thế nào, không cần phải chỉ ra từng việc.

Nay xin Triều đình hãy sửa đổi dần dần, chọn lấy tráng binh tuổi từ 20 trở lên chưa có gia đình. Ngoài ra phải thải bớt binh lính già yếu. Bớt đi một nửa số lính, lấy số lương cấp gấp đôi cho số tráng binh còn lại.

Cứ xem năm trước Anh Pháp đánh Bắc Kinh chỉ có hai vạn năm nghìn quân, thì đủ biết binh cần tinh nhuệ chứ không cần nhiều. Người xưa nói: “Đông một ngàn người mà không thiếu lương,

muôn người tụ lại mà không ai không có việc”. Vậy hà tất phải cho đông? Phàm binh lính hãy để cho họ chuyên luyện tập, mà không sai làm những việc tạp dịch khác, như binh lính các nước phương Tây vậy. Nếu nhà nước có công việc gì cần thực hiện, phải dự trù trước một phần ngân khoản, rồi bắt các dân binh và bọn tù làm. Ví dụ như trước đây xã thôn có 60 lính thì nay đã giảm đi một nửa số cho về làm dân binh. Những người này ngày thường ở nhà chuyên lo việc làm ăn, tuy nhiên cũng được chia thành đội ngũ có tên trong sổ bộ. Các đội trưởng, ngũ trưởng chỉ đặt tên chứ không có quyền không hưởng lương. Ngày nào có việc công thì các đội ngũ dân binh được gọi ra lãnh lương làm việc, xong

việc lại hoàn dân. Nếu có nhu cầu quân sự thì gọi ra làm công việc vận tải khiêng vác. Còn binh lính chính quy thì hàng ngày chỉ chuyên lo luyện tập quân sự để ra trận tác chiến mà thôi.

Về lương thực cũ xin đổi dần bán ra cho dân, đến mùa lúa mới thì mua vào. Nếu để binh lính ăn gạo cũ sẽ thiếu bổ dưỡng mà còn sinh bệnh. Việc bán mua như thế này có lợi lớn. Vì nhân lúc giá gạo cao mà bán ra nhà nước sẽ có lợi, lúc gạo rẻ mua vào lính sẽ được ăn gạo ngon. Hơn nữa khi gạo cao bán ra mà giảm giá chút ít cho dân thì dân cũng được lợi.

Về sĩ quan điều khiển cũng phải giảm bớt nửa số. Bởi vì điều cần yếu là binh lính phải một lòng tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh, chứ không cần phải nhiều sĩ quan kìm chế họ. Như binh lính Nhật Bản, binh lính tự dàn trận tác chiến mà không đợi phải có người sắp đặt cho. Quan võ cần giỏi chứ không cần nhiều người dở. Nay một vệ sửa đổi lại còn một ngàn người, một đội còn một trăm người và chỉ cần một chánh một phó quản vệ cũng đủ điều khiển. Bởi vì quan võ có tài dù nhiều việc cũng thừa thì giờ giải quyết, còn bất tài thì chính bản thân cũng không sắp xếp được, nói gì đến việc quản lý điều khiển người khác. Cho nên phải thận trọng lựa chọn quan giỏi và thải bớt quan dở, để lấy số lương của

hạng này cấp thêm cho các quan giỏi như thế mới thỏa đáng. Nếu những quan không có khả năng, dù họ là con cháu công thần, con nhà tập ấm, hoặc do gặp may mà có công chứ không phải do thực tài, thì chỉ nên cho họ tước lộc ngồi không mà hưởng thôi, đừng để lạm quyền hành sự, di hại sẽ không ít.

Đến như người tướng điều khiển quân binh là hạng người rất khó kiếm. Bởi vì đó là hạng người có trí thuật vượt hơn người thường, không thể chỉ khảo hạch một lần mà phải hết sức phân biệt nghiêm xét mới được. Đúng như người Nhật nói: “Những nghị luận trong thời bình không đủ để đánh giá người anh hùng trong thời chiến”.

Những điều kể trên là những điều cần yếu, phải học tập theo cách đó mới đủ sức điều khiển quan binh, và Triều đình cũng phải hậu đãi quan binh như thế để sử dụng họ khi hữu sự. Còn về việc chinh đồn uy thế quốc gia, xin có mấy khoản sau đây:

1. Phải lần lượt xem xét các địa hình, chuẩn bị xây đồn đắp lũy để khống chế những chỗ quan yếu (khoản này tôi cũng khá hiểu). Trước tiên từ Kinh thành trở ra Bắc đến các cửa biển Quảng Yên, phải xem xét thật rõ địa hình theo lối mới, xây cất đồn lũy theo kiểu mới. Lại phải chở đá về xây hai bên cửa biển theo hình quanh co và chất đá cho nhiều, để dành dùng khi hữu sự. Về mặt Bắc giáp với

nội địa Trung Quốc tại những nơi có cửa ải, có các nhánh sông từ nội địa Trung Quốc chảy vào nước ta phải cất thêm đồn lũy để ngừa loạn đảng trở về. Những đồn lũy mới cất phải có lính ngày đêm canh gác cẩn mật như là có giặc đến vậy. Bởi vì cẩn thận là phải dè dặt trước, chứ khi hoảng hốt thì không còn cẩn thận được nữa. Nếu không phải quan quân giữ đồn tuyệt đối không ai được ra vào. Các quan quân ở trong đồn khi có việc cần tiếp xúc người ngoài, dù bà con bạn bè cũng chỉ được tiếp nơi nhà tạm ở ngoài đồn mà thôi. Mọi sự giao dịch khác cũng vậy. Còn bên trong đồn phải trồng cây cho nhiều theo phương hướng hình trạng của binh pháp, chỗ nào đột cây nhô lên thì chặt cho bằng ngang với mặt tường của

đồn... Tại những nơi gần cửa biển, mặt sau các đồn bên trong và đồn bên ngoài, mặt quay ra biển phải trồng chuối cây thành hàng thật nhiều thật dày mới được, lại phải trồng lau xen kẽ vào hoặc có thể cắm cây để cho những loại dây leo bò lên mới tốt.

2. Phải chế tạo các loại vũ khí mới lạ có thể đối phó được với giặc, cất vào kho vũ khí để sử dụng khi hữu sự. Xưởng chế tạo phải giữ nghiêm mật. Nếu có những người trí thức chuyên môn vẽ kiểu các loại đồn thành hay khí giới, phải đem thí nghiệm ở nơi bí mật. Còn về quân sự thông thường thì cứ diễn tập công khai, dân chúng

có thể được học tập để tuyển dụng sau này.

3. Phải tích trữ vật liệu. Đồng thời trong tỉnh thành nơi nào có đất trống thì trồng nhiều loại cây danh mộc để lấy gỗ. Trồng khắp hết trong thành càng tốt. Ở Kinh thành phải trồng cây hai bên đường cái; mỗi cây cách nhau một trượng. Trong vườn các dinh vệ thì cứ một trượng rưỡi vuông, bốn góc trồng bốn cây như hình bàn cờ, chọn trồng loại cây nào vừa ăn được quả, vừa dùng được gỗ. Còn các thứ cây tạp nhạp lau lách chặt bỏ hết. Bởi vì Kinh thành là nơi dân cư đông đúc, do đó có nhiều thán khí uế độc, dễ sinh bệnh tật. Cây

cối có tính hút thán khí mà nhả ra dưỡng khí, nhờ đó mới có sự điều hòa khiến tử khí trở thành sinh khí, bổ túc cho nhau. Hơn nữa một khi có nạn nước lửa pháo đạn, cây cối còn che chở được, có tác dụng lớn về mặt quân sự không thể nói hết. Vì vậy phải gấp rút trồng cây để mười năm sau mà dùng.

4. Nhà cửa trong Kinh thành bất luận là của quan hay dân đều phải xây gạch lợp ngói. Vả lại còn phải sắp xếp lại phương hướng cho hợp với binh pháp (khoản này tôi có biết qua). Như vậy mới có ích lợi lớn. Như các nước phương Tây dùng nhà cửa làm thành. Đường sá qua lại chẳng chịt. Ở những chỗ

quan yếu có pháo đài nhỏ. Quan dân nhờ đó dễ phòng thủ. Một khi có biến, dân chúng đều rút vào nhà hết. Có ai chạy lộn xộn ngoài đường thì đó là quan binh hoặc quân loạn nghịch mà thôi nên dễ kiểm soát tầm nã. Chứ không như thành phố của ta, nhà cửa cất lộn xộn chẳng theo hình thế trật tự gì cả. Lại còn đường mòn ngõ tắt cây cối bụi bờ, bốn phương tám mặt đâu cũng có thể ẩn núp được. Ngoài ra trong thành ngoài thành nào tường nhỏ tường lớn, bờ đất, gò đồng chỉ với tay cũng có thể trèo qua được. Xem thế tuy trông có vẻ nghiêm ngặt mà kỳ thật sơ hở vô cùng.

Tôi thấy các nước phương Tây, ở các cửa biển và tỉnh thành, Kinh thành chỗ nào cần có tường hào đều xây đào ngay thẳng chỉnh tề. Đường sá cũng thế. Mới trông qua tường không có thứ tự nhưng xét kỹ thì có hình thế rất quan trọng, dẫu không người mà cũng như có người vậy. Tất cả những nơi như cung vua, dinh quan, kho quân sự, cổng thành, đường sá và những chỗ quan yếu trong thành phố cũng như ngoài thành cần phải phòng thủ thì không kể mưa gió ngày đêm canh gác nghiêm ngặt như là đang có giặc bao vây tấn công vậy. Còn những nơi qua lại tự do tuy thật giản dị, nhưng khi có động tĩnh thì chỗ nào cũng có lính, nghiêm nhiên nắm thế chủ động một cách vững vàng. Thế là đơn giản mà rất

nghiêm, nghiêm mà thật đơn giản. Đó là những gì tôi đã trông thấy, đã tâm đắc và muốn học hỏi. Bởi vì tôi cũng có nghiên cứu binh pháp nên phàm thấy cái gì tôi đều nhận xét kỹ lưỡng về hình thế bài trí của nó. Nhờ thế tôi thấy được cái mà người khác không trông thấy, chứ bằng như những người du lịch chỉ biết thường ngoạn.

Tôi còn thấy cung vua dinh quan của họ có lối phân bố hình thế rất khéo. Dầu có kẻ thừa sơ hở mà vào cũng chưa dễ vào ngay bên trong được. Còn ở trong nhà ra sức chống cự thì dầu có súng đạn cũng chẳng làm gì được. Không như dinh phủ trong thành của ta,

lên cao mà trông thì rõ không khác trong lòng bàn tay. Kinh thành mà còn như thế nói chi đến những nơi khác.

Con người ta mặc dầu đã có tài trí tâm lực để đem ra thi thố mà hưởng dụng nhưng cũng phải có những khí cụ bên ngoài để bảo vệ, mới có thể an định tâm thần mà thi thố kỹ xảo được. Như bài nghị hòa năm trước tôi có nói: “Phải có kỹ xảo cao mới sinh dũng cảm”. Nếu tay không đánh cọp mà thắng, đó chỉ là điều may chứ không phải là đường lối vạn toàn. May rủi là điều không thể đem bất cứ việc gì phó thác được, huống nữa là việc quân sự hết sức quan trọng, huống nữa

là Kinh thành, sách lược vô cùng quan trọng.

Vậy xin chính đồn dần dần bằng cách vận động các nhà giàu bỏ tiền ra cất nhà tại những nơi cần xây cất trong Kinh thành. Cách xây cất như thế nào phải do sở quan vẽ kiểu. Ai cất được 50 gian trở lên sẽ được thưởng. Nếu góp vốn cất được nhiều nhà, sẽ xét theo số lượng nhiều ít mà được thưởng. Chủ nhà được quyền cho người thuê ở. Thể lệ thuê mượn nhà cửa sẽ do Bộ ấn định như mỗi gian nhà mỗi năm giá tiền thuê bao nhiêu, phải nộp thuế bao nhiêu (Các nước phương Tây lấy thuế này để chi phí cho các chương trình kiến thiết trong thành phố) tùy theo 3 hạng

nhà: Hạng nhất, hạng nhì, hạng ba. Còn tất cả nhà tranh, dầu của ai, đều phải dỡ bỏ hết.

Đường sá, cầu cống, chợ búa bên trong và bên ngoài Kinh thành, tất cả phải chỉnh trang lại. Bởi vì những cảnh tượng u ám bốn chung quanh làm ô nhiễm khí hậu ảnh hưởng đến tính tình con người, khiến sinh ra lười biếng bê tha. (Lý lẽ này rất sâu xa mà chân xác. Nay chưa tiện trình bày). Phàm những chỗ nào cần phải dời đổi, nơi nào cần phải cao, thấp, rộng, hẹp, lớn, nhỏ, xa, gần, tất cả đều phải vẽ thành bản đồ rồi từ từ xét theo đó tu chỉnh để tạo cho Kinh thành một khí thế hùng mạnh. Tất cả những dân nghèo không có nghề

sinh sống, cùng những khách trọ từ các tỉnh bên ngoài vào, bất luận sĩ nông công thương, nếu không có cơ sở làm ăn lâu dài đều không được ở trong thành (việc này không phải không có lý do). Xin xem các điều khoản sau, tự nhiên sẽ rõ. Còn những người buôn bán nhỏ như thuốc lá, bánh kẹo, những thứ lặt vặt linh tinh bày bán hai bên vệ đường thì chỉ cho phép vào thành sau khi trời sáng một tiếng đồng hồ và trước khi trời lặn một tiếng đồng hồ phải ra khỏi thành. Ngoài ra trong thành phải xẻ nhiều kênh rạch dọc ngang để dẫn các vật ô uế ra ngoài và còn đề phòng những việc khác sau này. Việc này cũng hợp với lý thể quân sự, có tác dụng rất lớn.

5. Phải quan sát rõ trên dưới vùng Tứ Xuyên chọn một nơi hiểm trở cất thêm một thành lớn giao một đại thần trấn giữ, rồi mở một con đường lớn theo mé núi gần phía bên trên ăn thông thẳng đến thành này.

6. Tất cả những đường thủy từ Hà Tĩnh đến Kinh đô đoạn nào chưa lưu thông được phải đào vét cho thông.

7. Khoản này có một việc quan trọng để dịp khác sẽ trình bày rõ. Giờ đây trong số các quan viên văn võ có những vị nào quê ở Lục tỉnh Nam kỳ, Triều đình phải đặc biệt ưu ái họ. Cho họ thường xuyên về quê thăm anh em họ hàng. Phải

đãi ngộ họ thật thân mật nồng nàn hơn trước, khuyên bà con họ hàng của họ không nên dời nhà cửa đi nơi khác, đừng lánh đi xa.

Các khoản trên đây, ở đoạn chót khoản thứ bảy rất quan hệ đến đại thể lâu dài của quốc gia. Trong đó còn có chỗ phải kiêng dè chưa tiện nói hết. Đợi khi nào có thể nói được hoặc tình thế có thể tiến hành được, tôi sẽ trình bày rõ. Nay chỉ đặc biệt trình bày những điều tai nghe mắt thấy và phải làm như thế nào thôi. Còn như việc đo đạc hình thế, vẽ bản đồ, vẽ kiểu tôi đã trình bày trong các khoản trên, xin Triều đình cứ đưa các khoản mục ra thi hành rộng rãi chắc chắn sẽ có người hưởng ứng tham gia, đừng nghĩ rằng trong nước không

có người. Việc sửa sang võ bị là như vậy.

Điều thứ hai: Xin hợp tỉnh, huyện để giảm bớt số quan lại và khóa sinh.

Phàm làm quan, cần phải thanh liêm, có tài cán và siêng năng sáng suốt mới làm tròn chức phận, lại phải khéo điều đình phân xử mới giảm bớt những phiền nhiễu cho dân. Người giỏi hành chính thì một tỉnh đối với họ cũng chỉ như một huyện, một huyện cũng như một tổng mà thôi. Còn người không khéo xử trí công việc thì dù cai quản việc nhà cũng không làm nổi, huống gì một tỉnh một huyện. Đem công việc một tỉnh lớn ra mà nói thì

cũng binh, lương, thuế khóa, các ban công vụ có khác nào một tỉnh nhỏ đâu, không thêm bớt một việc gì cả. Một tờ công văn cũng có thể đi châu lưu khắp nước, kể gì một tỉnh. Hãy xem tỉnh Tứ Xuyên của Trung Quốc có thể lớn bằng một lần rưỡi nước ta. Hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây hợp lại có thể gấp đôi nước ta. Một huyện của Trung Quốc có thể tương đương một tỉnh của ta. Trên thế giới có nhiều nước phân chia tỉnh huyện còn lớn hơn cả Trung Quốc nữa. Trung Quốc có nhiều vị quan xin giảm bớt số viên chức, hợp tỉnh huyện lại, ý cho rằng nhiều quan thì Triều đình tốn nhiều lương bổng, dân gian bận rộn đón đưa, yêu sách. Lại có nhiều viên chức hiếu sự ưa moi móc chuyện nọ chuyện kia để

được tiếng siêng năng, khiến sinh nhiều tề đoan không thể kể xiết. Vì vậy mà người xưa có câu chuyện mười con dê chín người chăn, một con ngựa hai người giữ. Phủ huyện Trung Quốc lớn thế mà còn đòi cắt giảm quan lại, hưởng hồ là ta.

Tôi thấy các quan ở kinh thành bận rộn công việc không kể ngày đêm. Thế mà các quan ở phủ huyện thì nhàn rồi đàn ca xướng vịnh. Hễ đi đâu thì tờ trát đi trước bắt dân châu chực nghinh đón. Như thế thì làm sao đi vào trong dân gian tìm hiểu những u uẩn của họ được? Làm quan có đức độ biết khéo léo giáo hóa dân chúng là phải đi tuần hành trong dân gian nhưng giản dị

dễ dàng cho dân. Đây mới là điều phải bắt chước người xưa vậy. Còn quan viên ta ngày nay ngồi giữa công đường ngoài cái án thư bàn đọc ra không còn biết việc gì khác. Những công việc trong hạt như phong tục dân gian tốt xấu thế nào, đất đai hoang phế ra sao, lúa thóc phải tính trừ như thế nào, rừng rú ao đầm cần phải giới hạn đến đâu tất cả đều phó mặc cho mây trôi nước chảy không cần biết đến. Xưa Khổng Tử làm chức tư không, trước hết phân biệt tính chất năm thứ đất rồi lo chỉnh đốn những thói hư tật xấu trong dân gian. Ba lần khen ấp Bồ người đều khen rau ráng nhiều, ruộng nương biết sửa sang, nhà cửa chắc chắn, cây cối tốt tươi. Người làm quan thời nay ngoài các công vụ tầm thường chỉ

thấy bọn văn nho ra vào tâng bốc lẫn nhau, bọn phú hào châu chực để mượn uy cậy thế mà thôi. Có ai thanh liêm siêng năng thì họ chế nhạo rằng: “Đồ làm bộ để được tiếng tốt để cầu địa vị cao. Ta thì ba lần làm quan ba lần bị truất cũng chẳng nghĩa lý gì!” Đó là nói những phường quan lại xấu xa kém cỏi. Quan trên cách xa muôn dặm làm sao biết được sự tình. Như vậy mà phần đông cứ bảo là chính lệnh trong sáng dân chúng yên hòa. Cho nên bọn giặc cướp lén lút hoành hành, qua lại thông báo cho nhau còn nhanh chóng hơn là việc nước mà Triều đình không hề hay biết cũng phải!

Nếu Triều đình tìm được người nào có lòng ngay thực vượt hơn thường tình xin phái họ ra Bắc kỳ và vào Gia Định giả làm dân thường thăm dò dân chúng mới thấy những lời nói của tôi không phải là vu cáo mà còn thấy rõ ở phủ huyện còn trăm phần tệ độc tôn chưa dám nói ra.

Nhưng những tệ đoan trên đây nay đã thành tập quán kiên cố sâu dày khó một sớm một chiều sửa đổi ngay được. Vậy xin gấp rút xét xem địa thế, hợp hai ba tỉnh thành một tỉnh, hoặc ba bốn huyện làm một huyện, lấy số lương dư ra cấp thêm cho các quan hiện chức. Họ đã được cấp lương tiền đầy đủ, để

giúp họ giữ được thanh liêm, bấy giờ nếu họ không thanh liêm thì mới có thể trách. Tôi tính lương tri huyện mỗi ngày không quá ba, bốn mạch [Mạch cũng đọc là Bách. Một bách ăn 60 hay 70 đồng tiền.] như vậy nuôi một người còn không đủ huống chi nuôi một gia đình nhà quan. Đã biết rõ thiếu hụt mà cứ đem lời nói suông khuyên người ta thanh liêm, như thế là ngầm để cho người ta tham nhũng. Chẳng nghe dân gian có câu: “Chê cười mắng nhieć mặc họ, quan ta tốt thế đấy” hay sao? Trừ những vị có đức hạnh khác thường thì không kể gì đến chức tước bổng lộc. Còn thường tình mà nói bất cứ ai tự hỏi lòng mình rồi cũng sẽ tha thứ đối với bạn đồng liêu cùng cảnh ngộ. Tôi thấy lương bổng một năm, tính hết tất cả các khoản của

một Lục bộ đại thần nước ta không bằng hai ngày rưỡi lương của một nguyên soái nước Pháp. Một ngày lương của một Tổng đốc nước Anh tương đương một năm lương của một quan đại thần nước ta. Vì vậy người phương Tây có nói: “Các quan lại nước Nam trừ những người quá tham ô không nói còn bao nhiêu những người khác thường thường sau khi xong công việc họ nhận lãnh của biếu xén, tạ ơn, điều đó cũng không đáng trách”. Bởi vì có đủ cơm ăn áo mặc rồi mới nói đến chuyện vinh hay nhục, mà muôn việc ở đời cơ bản là sự nuôi sống. Nếu không đủ nuôi sống, bản thân còn không bảo tồn được nói gì đến chuyện khác ngoài bản thân. Các nước ngoài nghe quan lại nước ta lương bổng ít ỏi như vậy họ rất chê

cười và tựa hồ họ không thể hiểu nổi tại sao lại có thể như thế được. Vì vậy tôi xin đề nghị lấy những của cải phù phiếm xa hoa trong dân gian để thêm lương cho các quan binh. Đó là lý do hết sức chính đáng (Các nước phương Tây cũng tăng thu bằng cách đó để cấp thêm cho quan binh). Nếu vậy mà họ còn tham ô mới có thể trách được. Còn như các thành lớn có tổng đốc trấn giữ, phải dùng phương pháp mới tu bổ lại chắc chắn để tạo sức mạnh cho cái thể chế ngự (Khoản này tôi có biết qua). Ngoài ra các thành cũ ở các tỉnh đã được sát nhập, chỉ cần đặt một võ quan đồn trú huấn luyện binh sĩ mà thôi không dự việc dân sự. Các viên chức thừa hành công vụ thuộc các tỉnh hoặc thuộc sáu bộ, phần nhiều nên

lấy những người tú tài cử nhân sung vào, thải bớt người cũ cho về dân làm công dịch. Nếu còn thiếu mới tuyển lựa những thừa lại có khả năng bổ sung vào. Bởi vì cử nhân tú tài là những người được ân huệ quốc gia hơn những dân thường mà chữ nghĩa của họ cũng đủ dùng. Cho ra làm việc để họ thực hành cái sở học của họ. Nếu thật sự có tài có đức họ cũng có thể tuần tự thăng trật. Như thế một là họ có dịp tập sự việc quan, hai là họ có cơ hội đền ơn nước, được cả đôi bên. Nếu bảo họ chưa đủ thời vụ, cần phải học thêm, thế tại sao chấm họ đậu? Hay là cho rằng họ học “cổ” chưa khá, phải học “cổ” thêm nữa? Nói thế lại càng không hợp lý và làm hỏng công việc hiện tại. Tôi đã thấy nhiều quan lại nói

năng hoạt bát, chuyện trên trời dưới đất thì thao thao bất tuyệt, thế mà đặt bút thảo một công văn giấy tờ gì thì phải nhờ thư lại. Thật đáng buồn cười? Phàm những gì ngày mai đem ra ứng dụng, chính là những gì ngày nay tìm tòi học hỏi. Xưa cũng thế. Còn đối với hạng người mà cái học ngày nay không đem ứng dụng được ở ngày mai là do học và hành trái ngược nhau. Vì lẽ đó phương Tây người ta chuyên học luật lệ, chính trị, thời vụ mà không dùng sách cổ.

Về án từ ở các nha sở, xin chỉ lựa những gì đáng làm án mới làm, như trộm cướp giặc giã chẳng hạn thì lập án. Còn những vụ kiện

thưa thông thường chỉ cần phân xử trước mặt. Đơn từ thì viết bằng quốc âm để các thầy kiện khỏi dùng mánh khóe xảo quyết, quan dễ thấu được chân tình. Về những tay chuyên dùng để viết văn thư tại các phòng ở tỉnh cũng như ở kinh thành, chỉ nên dùng một ít để viết các tấu sớ mà thôi. Ngoài ra các loại giấy tờ khác ai viết cũng được miễn rõ ràng đọc được thì thôi, không cần phải viết chân phương. Như thế sẽ giảm được nửa số nha lại, bớt phí tổn cho Triều đình.

Đối với các quan trong các Bộ ở Kinh thành từ chức Viên ngoại lang trở lên cần phải tăng thêm một nửa số để làm thay các công

việc của Bộ. Còn các đại thần của sáu Bộ thì chỉ nắm lấy đại cương điều khiển tổng quát mà thôi. Nay các đại thần trong các Bộ cũng phải thân hành làm những việc lặt vặt không kể ngày đêm như các thuộc viên ấy. Thế thì còn đâu thì giờ rảnh rang đầu óc trong sáng để suy nghĩ sắp đặt những việc lớn. Tôi thấy các quan phương Tây, chẳng hạn như Đại học sĩ thì mỗi công việc đã có các viên chức từ tham tri trở xuống làm hết, chỉ có việc gì khó giải quyết mới trình bẩm mà thôi. Còn các quan đại thần thì chỉ hội họp bàn bạc các công việc lợi hại của quốc gia, giải quyết những việc khó khăn trọng đại nhất và quyết định các việc như ký liên minh hay tuyên chiến mà thôi.

Thế thống Triều đình của họ như thế, có đâu như các đại thần nước ta ngày nay cũng làm những việc lật vật ngày đêm không khác nào các viên chức nhỏ. Đây là chính thế thống của Triều đình đáng lẽ tôi không nên nói, nhưng thấy thế giới như vậy nên đã vượt phạm vi mà mạo muội trình bày sơ lược thôi. Còn nói về thế thống thì vài mươi trang giấy cũng không trình bày hết được. Nếu Triều đình cho phép, tôi sẽ xin trình bày tường tận.

Về khoản “nhiêu học”<sup>7</sup>, tôi thấy chỉ có nước ta, trên thế giới chưa

<sup>7</sup> Xưa người đi học được khởi đóng thuế thân, gọi là miễn nhiều.

từng có nước nào làm như vậy. Thế tại sao nước ta không thấy có nhiều nhân tài, còn các nước nhân tài vẫn đủ dùng? Như thế có phải là ta có thi ơn mà không được đền ơn chăng? Có lẽ các nước trên thế giới người ta cho rằng con người ai cũng tìm cầu giàu sang lợi nhuận nhưng mượn hai chữ “công danh” để che đậy cá nhân mình mà thôi. Về mặt nhà nước cũng muốn cho đẹp lời là nói “tìm nhân tài” nhưng kỳ thật là mượn người làm. Như vậy người đi học ra làm quan cũng như người ở nhà làm ăn sinh sống. Chỉ có điều là đi làm mượn thì nghe nó hèn mà không tình không nghĩa, còn làm quan thì sang quý lại được danh nghĩa đem thân giúp nước. Cho nên dù có sống chết vì nước đi nữa, suy cho cùng cũng

chỉ là hành động cho bản thân mà thôi. Như Đạc Thư nói: “Đọc sách là lẽ sống của bọn học trò nho”. Đó là danh nghĩa hợp với thực tế vậy. Nếu có những người tài giỏi, ngay thẳng hiền lành, quyết tâm quyết chí hết lòng lo việc nước, đó là số rất ít. Thời Tây Hán có nhiều quan lại không xuất thân từ khoa bảng, đó là một bằng chứng.

Người đã ra làm quan thì làm việc nước, ăn lương nhà nước, lại được khỏi đi lính, khỏi làm trâu, là lẽ tự nhiên. Nhưng nếu còn đang ở nhà học tập thì chưa chắc sau này sẽ làm quan hay làm thầy thuốc, thầy bói, thầy kiện hoặc những nghề lặt vặt khác. Chính mắt tôi

trông thấy (dưới đây tôi chỉ nói những hạng người học không đến nơi đến chốn chứ không nói chung tất cả nho lâm) có nhiều người khuyên nhau rằng: Hãy ráng học chữ nghĩa, dù không đỗ đạt làm quan cũng được miễn lính tráng, miễn sưu thuế, thông thả suốt đời như đàn bà! Cũng có nhiều người học mới kha khá, đã truy hoan, ngày nào cũng mài miệt trong cuộc đỏ đen, thường lui tới các chủ nợ hứa với người ta rằng: Đợi tôi dạm một tiếng trước cổng trường thi thì mọi việc giữa chúng ta sẽ tốt đẹp cả! Rắp tâm hành động như thế, rõ ràng là quân trộm cắp của công chớ còn gì? Huống chi Triều đình trọng vọng người văn học, điều này đã trở thành tập tục trong làng xóm. Do đó có nhiều xã theo sổ khóa sinh

tại tỉnh chỉ một hai khóa sinh mà tại xã thì đến sáu bảy nhiều sinh. Nhiều dịch phải đổ thêm vào cho các dân đình khác gánh chịu. Cho nên tiếng là trọng nho mà thật sự rất trái lẽ công bằng. Theo thống kê tỉnh Nghệ An, số khóa sinh đến vài ba nghìn người mà số nhiều sinh trong dân chúng còn gấp bội hơn nữa. Trong số đó những người sau này có thể ra làm việc nước nhiều lắm vài ba trăm người là cùng, còn lại là khóa sinh nhiều sinh cho đến già. Một tỉnh mà có lắm người nhàn như thế, hợp cả nước, con số sẽ đến một tỉnh nhỏ. Nếu quả có lòng theo đuổi việc học, lập chí công danh, không kể công lao phí tổn, thì sau khi thi đỗ làm quan, con được tập ấm, vợ được phong, trước làm rạng rỡ gia đình, sau lại

có người kế nghiệp. Triều đình ban cho ân huệ như thế, tướng cũng đủ đền đáp công lao hạc hành ngày trước, cần gì phải ra ơn trước khi biết họ sẽ làm việc công việc nước hay làm việc riêng tư. Nếu nói không như thế họ sẽ không thể tiến bước trên con đường học vấn, thì tại sao từ Hán, Đường về trước kể lên đến đời Tam Đại chưa hề có chế độ ưu đãi này mà vẫn có nhiều nhân tài? Các nước phương Tây cũng thế, sao họ lại hùng mạnh?

Phàm trọng thì sinh kiêu, nhân thì sinh sự. Đó là lẽ tự nhiên. Gần đây nhân dân nước ta mỗi ngày mỗi sinh lắm chuyện mà Triều đình cũng nhận là khó sửa trị. Đó cũng là

những người biết chút ít chữ nghĩa xúi giục gây nên. Tôi nghe có đảng nghịch tên Phụng đem dân lậu kéo vào Gia Định, trong số đó những người từ Hoành Sơn trở ra hưởng ứng rất đông và số người biết chữ có đến bảy tám phần mười. Do đó có thể biết rằng những người biết chữ đọc được sách, thấy trong đó nói nhiều đến những lợi lộc vinh hiển mà thềm thường chưa đạt được sự ước muốn. Trong khi mỗi khóa thi của ta hiện nay, trăm ngàn người thi không quá một hai người đỗ. Số còn lại bất mãn đi tìm con đường khác, chứ không như dân thường dốt nát chỉ biết thủ phận mà thôi.

Hiện nay nước ta có nhiều việc, bọn này đã không góp sức thì cũng phải đóng góp tiền của để cấp cho những người ra làm việc nước, thế mới hợp tình hợp lý. Nếu thế mà oán trách thì hai chữ “trung nghĩa” họ đã học cũng trở thành vô dụng.

Mọi vật sinh ra trên đời, vật gì cũng có phần thụ hưởng và phần cống hiến của nó. Chưa từng có một vật nào tồn tại một mình không quan hệ dính dáng vào đâu cả. Lý lẽ này rất nhiều không thể kể rõ hết được. Con người cũng vậy, vua, quan, binh, dân, nam, nữ ai có phận sự nấy. Tuy việc làm có cao thấp, lớn nhỏ khác nhau, nhưng không ai là trống trơn chẳng làm gì cả.

Nếu có ai hoàn toàn nhàn hạ không quan hệ với bất cứ ai bất cứ cái gì trong khoảng trời đất này, như thế là ngoài luật tạo hóa và không thể mệnh danh được là người gì. Ngay như những người ngu ngốc, tham lam, đĩc, đui mà nhà binh còn dùng được thay hướng hồ những người khác. Đã được sinh làm người đứng trong trời đất, ở trong xã hội có pháp luật có tổ chức mà không hề dính dự gì, không mảy may giúp ích gì cho việc làng nước thì làm người thế nào được? Tuy nói ơn nước nhưng đoái nhìn bản thân xem có cái gì gọi là đền trả cái ơn lớn này không?

Lại có một hạng người không trên không dưới, kiêu ngạo tự cao, bảo rằng: “Lấy đức làm trọng,

người giàu đức thì vua cũng không bắt làm tôi được, chứ hầu không kết làm bè bạn được”. Như thế là một cái vật gì ở ngoài vòng trời đất rồi, sao gọi là đức được? Đó là câu nói của hạng người coi trọng mình mà khinh rẻ tất cả mọi người. Thế mà người ta tôn thờ như là kinh điển gì hay ho lắm? Từ đó cứ cho sĩ là quý rồi chê bai kẻ khác, chống báng bề trên, tuy trước mặt có sợ sệt quyền thế đôi chút không dám phóng ngôn bừa bãi nhưng trong bụng chẳng coi ai ra gì, ai cũng thua mình cả. Hễ có chút gì không vừa ý hoặc bất đắc chí thì quấy động luật pháp quốc gia, chê bai hủy báng. Phóng túng đến thế mà còn gọi là học sinh được sao? Còn đáng được ưu đãi chăng?

Ngoài ra họ lại còn dẫn nhiều sấm vĩ tiên tri kiểu Trạng Trình, Trạng Lượng<sup>1</sup> nói điềm này triệu kia, vận số cơ trời, gây hoang mang trong dân chúng. Chính tôi đã nghe và nhiều lần bác bỏ. Đó cũng là do những bọn ăn không ngồi rồi gây ra cả.

Vậy xin Triều đình phân biệt sửa trị cho họ thấy rõ bốn phận của họ được chăng?

Trạng Trình tức Nguyễn Bình Khiêm. Tương truyền có nhiều câu sấm báo trước những chuyện sắp xảy ra trong tương lai. Trạng Lượng hay Trạng Lợn? Tất cả các bản văn đều chép “Lượng”. Nhưng Trạng Lượng là ai thì chưa rõ.

Điều thứ ba: Xin gây tài chính bằng cách đánh thuế xa xỉ.

Điều này nhằm trừ bỏ những xa xỉ vô ích mà ngấm ngầm gây tệ hại lớn. Đây không phải kế hoạch gây tài chánh thực hành theo phương pháp mới như tôi đã trình bày ở Kinh đô năm trước. Điều này có hai cái lợi, một là sửa đổi dần dần những tiêu phí không cần thiết của dân chúng để họ được giàu có thuần hậu, hai là dần dần bổ sung tài chánh cần dùng cho quốc gia mà không tổn hại gì đến thường dân cả. Có bảy khoản xin trình bày như sau:

Xin đánh nặng vào thuế cò bạc.

Trong dân chúng có nhiều người nộp một quan tiền thuế mà tựa hồ bị cắt mất một miếng thịt, rên siết than van như bị cưỡng ép lấy mất tiền một cách phi lý. Thế mà đến sòng bạc thì cầm nhà bán của cải không tiếc. Có những hạng giàu có phong lưu, ăn mày châu chực trước cửa cả ngày không xin được một đồng điều, người làng thiếu thuế chẳng vay mượn được một quan. Thế mà đến chốn ăn chơi thì ngàn vàng mua một trận cười, trong cơn sát phạt trăm vạn chỉ đặt một tiếng. Sao lại có hạng người lòng sắt dạ thú đến như vậy? Hai hạng người này nhiều lắm, không xe nào chở hết được. Nói về tội của họ như không biết trung, nghĩa, nhân,

ái, lễ, tiết v.v... thì không bút mực nào kể hết được. Dầu bọn chúng có lọt lưới dương gian cũng không sao tránh khỏi bản án nơi âm phủ. Dùng pháp luật ghép chúng vào tội “dân gian ác” cũng chưa xứng đáng hưởng chi chỉ lấy một ít tiền để tạm thời chuộc bớt tội lỗi của họ mà thôi.

Vậy nay tất cả các sông bạc bắt kể đầu năm ngày Tết, bắt luận thành thị thôn quê, xét địa điểm mà thiết lập, mỗi sông bạc một năm phải nộp thuế từ một ngàn quan đến hai ba ngàn quan. Còn ai trốn thuế lén lút cò bạc thì cho phép chủ sông hoặc người ngoài bắt nộp lãnh thưởng. Người trốn thuế lén lút cò bạc sẽ bị tịch biên một nửa gia tài bỏ vào công quỹ. Bởi vì bọn

này chẳng kể gì cha mẹ vợ con mà chỉ nghĩ đến chuyện cò bạc. Vậy là đem gia tài dâng cho bọm bạc. Đã muốn đem dâng gia tài thì thôi hãy gửi vào kho nhà nước, để còn giúp ích cho anh em bà con xóm làng, hơn là đem cho không những bọn côn đồ du thủ du thực!

Vì vậy các nước phương Tây đánh thuế cò bạc rất gắt. Ai cò bạc trái phép sẽ bị phạt tiền rất nặng. Nếu không tiền nộp phạt phải bị tù mấy năm. Họ phạt nặng như vậy là để không cấm mà cũng như cấm vậy.

Xin đánh thuế rượu.

Rượu làm hại biết dường nào!

Sách có răn, luật có cấm, nhưng hoàn toàn không thấy nói đến chuyện phạt. Do đó ngày một sinh tệ, chán chường đã lâu không ai không biết. Hơn nữa rượu không uống đỡ đói được mà lại hao tổn lúa gạo rất nhiều. Đó là cái hại rất lớn. Cho nên các nước phương Tây có lệ cấm rượu rất gắt mà cũng không tuyệt được, chỉ còn một cách đánh thuế nặng mới có thể chừa bớt được thôi. Nay xin bất luận nơi nào, ở thôn quê mỗi nhà nấu rượu mỗi năm phải nộp thuế một trăm quan, ở thành thị mỗi năm từ ba đến bốn, năm trăm quan. Như vậy nhà bán rượu phải bán giá cao, người uống sẽ giảm bớt.

Xin đánh thuế thuốc lá.

Hút thuốc vốn không lợi ích gì cho sự sống mà dần dần thành ra tốn kém. Chẳng qua là làm ra vẻ phong lưu mà thôi. Vậy xin ở mỗi chợ cho mở một tiệm bán sỉ. Những nơi khác đều do tiệm này phân phối ra bán. Mỗi tiệm bán sỉ mỗi năm phải nộp một trăm hoặc năm mươi quan. Về thuế thuốc phiện xin đánh gấp năm, sáu lần thuế thuốc lá. Nếu không sẽ lan rộng trong nhân dân gây tai hại lớn. Làm quan mà hút thuốc phiện phải cai hẳn nếu không sẽ bị thải hồi.

Xin đánh thuế trà.

Nếu có thuyền Trung Quốc vào cảng thì phải đánh thuế trà riêng, còn các thứ tạp hóa khác đều theo lệ cũ, tuy vậy cũng phải tăng lên. Đối với các nước phương Tây, phàm hàng hóa nước ngoài bất luận thứ hàng hóa gì đều phải phân biệt loại hàng quý và hàng thường để thu thuế và phải thu cao hơn hàng trong nước. Còn những thứ không cần thiết cho đời sống như đồ trang sức, xa xỉ thì phải đánh thuế gấp bội hơn nữa. Vậy xin ở các chợ tiệm nào có biển quan cho phép mới được bán trà. Như giá trà một quan, phải nạp thuế một quan. Đã lấy thuế khi thuyền Trung Quốc vào cảng lại còn lấy thuế sau khi bày bán ở chợ. Như thế cũng không quá đáng. Bởi vì uống trà Tàu chỉ có hạng giàu có

phong lưu mà thôi. Nước ta cũng có trà, uống cũng giải khát thanh tỳ được. Thế mà họ còn thừa tiền hoang phí thói phong lưu, đã mất thì giờ còn bỏ bê công việc, đó là một cái hại lớn. Đã tốn kém nhiều vô ích hao tổn tinh thần còn làm giàu thêm cho người Tàu, chỉ bằng lấy đem dùng vào việc nước để giữ yên gia nghiệp! Họ đã thiếu tinh thần nghĩa vụ thì nhà nước cưỡng bách lấy để làm nghĩa vụ cho họ. Đó cũng là lẽ nên làm.

Xin đánh thuế hàng tơ lụa hoa mỹ.

Nước ta vốn có nhiều tơ lụa, thế mà nhiều người cho là không đẹp cứ tìm kiếm hàng Tàu, khiến

dân ta không ra sức trồng dâu nuôi tằm, làm cho hàng tơ ngày một đắt giá. Tệ trạng này đều do đó mà ra cả. Những nhà giàu có không cần hàng Tàu chỉ dùng hàng ta cũng được. Tại sao hàng ta dù có tốt cũng xem thường, còn hàng Tàu dù có xấu cũng đua nhau khen đẹp? Tại sao lại khinh mình mà trọng người đến thế? Không trọng hàng mình mà trọng hàng Tàu, rõ ràng là chỉ khoe khoang thói xa xỉ. Tại sao họ không biết chuyển đổi cái tâm tính ấy để quyên tiền làm lợi ích quốc gia như những nhà giàu các nước phương Tây vậy? (Ở phương Tây khi quốc gia hữu sự, các nhà giàu đua nhau quyên tiền để giúp, thường thường số tiền quyên góp quá dư nhà nước phải trả lại). Thứ hỏi họ ở đâu mà an hưởng sự

giàu sang ấy. Nếu họ là người sống ngoài vòng trời đất thì mặc họ làm gì tự ý. Nhưng họ ở trong đất của vua, làm dân của vua mà chỉ biết đua nhau xa xỉ, làm giàu cho con buôn nước ngoài là điều không thể được.

Nay xin cho các thứ vải vóc hàng may mặc trong nước đều xử lý theo lệ cũ. Còn tất cả các loại hàng Tàu hể giá mười quan thì đánh thuế năm quan. Họ đã có tiền mua hàng đẹp thì cũng có tiền nạp năm quan để dùng vào việc lợi ích quốc gia, điều đó cũng không phải là quá đáng.

Xin đánh thuế du hí.

Trong dân gian có nhiều người bỏ ra hàng chục hàng trăm quan tiền để xem hát, nhất là dân thành thị. Vì vậy những phường vô lại du đãng không chịu chăm lo làm ăn chuyên dựa vào nghề này để kiếm tiền, ế ẩm thì sinh trộm cướp vì không có nghề nào nuôi sống. Lại có những kẻ lén lút ban ngày giả danh luyện tập múa hát, đêm thì làm những chuyện ác độc. Xưa này những vụ biến loạn bất ngờ xảy ra phần nhiều được che đậy bằng những cuộc hội hè vui chơi hoặc đình đám tế lễ. Như trường hợp Vô Vi Giáo, Bạch Liên Giáo v v... ở Trung Quốc.

Còn như chuyện hát múa để tạ thần lại càng vô lý. Do người đời sau thiếu đức nên người ta đem

thần linh ra hù nhát, đem chuyện yêu quái ra gạt gắm, tạo ra bao nhiêu điều huyền hoặc dị đoan. Như trong sách Học Thống đã dùng những lý lẽ chính đáng rõ ràng bác bỏ những dị đoan, tà thuyết hết đường trốn tránh. Riêng một việc múa hát còn hại dân rất nhiều.

Nếu thần là linh thiêng sáng suốt thì chỉ một nén hương thành tâm bái lễ cũng đủ hà tất phải đòi hỏi cái nghề hèn mọn ấy để mua vui. Bản tâm thần không cho là vui, không hưởng của phi lễ thì thần phải chứng minh cho người ta biết đó là sai. Nếu không thì đó chỉ là những hình tượng giả, bịa đặt bày ra đó và không khỏi mang tiếng hối lộ. Huống chi dân còn thần mới còn. Thần đã không cần

cái thú vui hèn mọn ấy thì phải nói rõ dạy dỗ dân ngu bảo đem cái số tiền thuê hát ấy chuyển vào công quỹ, thế mới là bảo hộ quốc gia đại sự.

Tôi thấy trong dân gian phần nhiều hễ có công sai đến thúc giục thuế khóa thì nào cả hương hào lý dịch cũng lánh mặt. Thế mà ngày cúng thần thì không thiếu mặt nào cả. Như vậy là rõ ràng coi trọng việc thần hơn việc nước. Trong dân gian có nhiều làng có lệ dân chúng luân phiên nhau cúng thần. Một nhà cúng, cả làng no nê. Có những gia đình không được khá giả, qua một kỳ cúng thần phải mang nợ suốt đời. Có người còn phải bỏ xứ

đi phiêu lưu. Thế mà họ không hề oán trách chuyện thần thánh phiền phức cúng tế nặng nề lại đi oán trách sưu cao thuế nặng. Thậm chí có câu nói: thà thiếu thuế nhà nước chứ không thiếu lệ làng. Chuyện đó đã thành tập tục mà không chịu sửa đổi, thật là coi trọng việc làng xem nhẹ việc nước. Nếu quả thần có linh thì cũng phải biết rõ ràng dân vì cúng tế mà đến nỗi phải nghèo, khánh tận gia sản, bị cướp mất cái phần dành để nuôi cha mẹ vợ con họ. Mượn danh nghĩa thần mà kỳ thật để dân làng no bụng mà thôi.

Cũng có nhiều nơi thần hiện lên trách dân sao không theo lệ cúng tế đúng kỳ, không chịu sửa sang đền miếu mà không đề cập gì đến việc

nước việc dân cả. Như thế là thần cũng chỉ nghĩ lo cho thần được yên thân no bụng mà thôi. Tang Văn Trọng ở đất Sái còn bị chê là bất trí thì những ai không từ chối sự xu mị cũng không khỏi bị người ta chê cười. Tôi nói thế có vẻ như mẹ ghẻ cạo đầu con chồng vậy. Chỉ vì tôi quá ghét những tệ đoan ấy.

Nay xin những ai lập gánh, bất luận ở đâu, trừ việc nước ra, gánh lớn mỗi ngày phải đóng thuế 50 quan, những gánh nhỏ thì đóng thuế ít hơn. Các con hát phải có giấy phép quan cấp mới được hành nghề suốt đời. Nếu không con hát lẫn chủ gánh đều bị phạt. Mỗi con hát còn phải đóng thuế mỗi năm 50 quan.

Ngoài ra xin điều tra trong dân gian xem nơi nào có lệ luân phiên cúng thần quả thật đưa đến tình trạng có người khuynh gia bại sản thì ra lệnh bãi bỏ. Còn chuyện làm pháo tre cũng thật vô ích. Nếu giá bán 10 quan, xin đánh thuế 20 quan.

Xin đánh thuế nhà những người giàu.

Trong dân gian có nhiều tục lệ xấu. Như trong sổ bộ trên quan một cùng đình phải đóng thuế bao nhiêu, thì trong làng một tay đại phú cũng đóng chừng đó thuế, không bù sót ít nhiều gì cho nhau

cả. Như vậy là đã trái cái nghĩa xóm làng giúp đỡ lẫn nhau rồi. Thậm chí có khi quan trên giục gấp mà lý dịch chưa kịp thúc giục dân nghèo thì mượn đỡ các nhà giàu để tạm nộp cho nhà nước, vậy mà cũng có nhiều người không cho mượn, có kẻ lại ăn tiền lời. Có kẻ thấy làng có việc thì xuất tiền ra mua nhiều dịch suốt đời. Có kẻ bỏ tiền ra chữa cờ bạc mưu chiếm ruộng tốt của người khác. Cũng có kẻ bỏ ra có một quan cho vay mà dần dà lấy hết gia sản của người ta. Những việc làm nhần tâm trái lẽ của bọn nhà giàu rất nhiều, không biết bao giờ mới dứt được những tệ hại ấy cho dân nghèo. Vấn đề này xin tạm gác lại. Nay chỉ nói một khoản về nhà cao cửa rộng cần phải đánh thuế trước.

Phàm những người giàu có là người chịu ơn đất nước rất lớn, hơn cả những dân nghèo. Cướp cũng muốn cướp của nhà giàu, trộm cũng muốn trộm của nhà giàu, thù cũng thù người giàu, oán cũng oán nhà giàu, hăm dọa cũng hăm dọa nhà giàu. Trong khi đó cho vay nặng lãi, làm những việc bất nghĩa khiến dân ngày một nghèo, đó là bọn nhà giàu. Có nhiều ruộng màu mỡ, ít bị bỏ hoang mà lại mong cho mất mùa để được miễn giảm thuế khóa, cũng là nhà giàu. Nhà giàu sở dĩ giàu được, một phần do vợ vét của làng xóm và láng giềng chung quanh, một phần do quốc gia bồi đắp cho họ. Họ sở dĩ yên hưởng được sự giàu sang là còn nhờ ở hành chánh và an ninh của quốc gia. Nếu không, cái

nhà họ ở để bảo vệ gia sản đó, bất cứ ai cũng có thể đốt được thử hỏi họ có yên ổn ca vịnh được không? Tô điểm nhà mình cho đẹp để chi bằng bỏ ra chút ít để tô đắp thành trì của đất nước được vững chắc. Thành có vững chắc nhà mới vững chắc. Chưng dọn khí mảnh trong nhà cho khéo cho tinh chi bằng bỏ ra chút ít để làm cho khí giới của nước nhà tinh nhuệ. Khí giới tinh nhuệ giữ được nước thì nhà nhờ đó mới còn. Vì vậy các nước phương Tây lấy thuế nặng nhà cửa những người giàu, thế mới hợp lẽ công bằng.

Nay xin chia những người giàu làm ba hạng, nhà hạng nhất đóng thuế mỗi năm một trăm quan, hạng nhì 50 quan, hạng ba 20 quan.

Bảy khoản trên đây (Còn nhiều khoản nữa, đợi khi nào thi hành được tôi sẽ trình bày thêm) là đánh thuế vào những tập tục lãng phí không cần thiết để tăng lương bổng cho quan binh. Vả lại tài sản của dân là do huyết mạch của quốc gia mà ra, nay dân lại đem cái của cải hữu dụng mà tiêu hao vào những chuyện vô ích, hơn nữa còn gây ra vô số tội ác thì Triều đình là bậc cha mẹ dân thấy dân ngu làm nhiều việc sai lầm lẽ tất nhiên phải gấp rút sửa đổi lại cho tốt. Bởi vì dân xài tiền mà sinh tội cũng như con nít múa kiếm làm đứt họng thì ta phải giật kiếm đi, khi nào biết múa mới được dùng. Các nước phương Tây sở dĩ đủ dùng cho việc nước là nhờ đánh thuế nhà những người giàu có và các cơ sở thương

mại, thế mà dân không oán than vì đó là thứ thuế chính đáng. Nếu dân nghèo thì chỉ bắt đóng góp một ít công tác thôi. Đối với dân họ tùy theo giàu nghèo mà đóng thuế nhiều hay ít, làm sao cho công việc nước được phân phối thích hợp với mọi người. Ngoài ra, tùy theo tục lệ và dân tình, mỗi làng mỗi xã có thể tùy nghi uyển chuyển áp dụng theo mỗi địa phương, miễn sao hợp pháp không được thiên lệch, để cho ai nấy đều tuân hành như luật pháp quốc gia vậy.

Pháp luật nước ta hiện nay còn sơ sót, hướng nữa là tục lệ dân gian. Cho nên nước với dân tựa hồ mỗi làng đi một nẻo. Tôi không

phải hạng người chỉ biết góp nhặt lợi nhuận, đưa ra bảy khoản trên là vì thấy nó hợp lý và chính đáng, muốn sửa đổi những điều không tốt cho được tốt mà thôi. Dân gian phần nhiều có những sai lầm tội lỗi là vì do sử dụng tiền bạc không hợp lý mà ra cả. Cũng như phường trộm cướp, càng có nhiều khí cụ đồ nghề càng giúp chúng làm nhiều chuyện bạo ngược thêm. Nay dùng biện pháp đánh thuế để sung vào những công việc cần thiết, mà còn sửa chữa được tệ hại cho dân. Như thế công tư đều lợi.

Điều thứ tư: Xin sửa đổi học thuật, chú trọng thực dụng.

Không có một nền học thuật

sáng suốt thì phong tục sẽ ngày một bại hoại, lòng người sẽ ngày một giả dối, phù phiếm trống rỗng. Tập tục sẽ làm thay đổi con người, dù người tốt cũng không tránh khỏi ảnh hưởng, huống gì những hạng dưới. Lòng người đã hư hỏng thì khó tìm được người chuộng nghĩa thực tâm sốt sắng việc công.

Năm trước, trong một tập trình bày về Ngôi vua là quý, chức quan là trọng tôi có nói: “Chỉ vì không biết đúng đắn cái nội dung của sự quý trọng nên mới sinh lòng dạ nọ kia”. Đó là nói chung phân biệt tất cả lý lẽ phải trái được mất của các học thuật Đông Tây kim cổ. Nay chỉ nói riêng nước ta, nhưng cũng xin viện dẫn một vài trường hợp nước ngoài để sáng tỏ thêm.

## Vậy học là gì?

Là học những gì chưa biết để biết mà đem ra thực hành. (Nhưng thực hành cái gì? Thực hành ở đâu?) Đó là thực hành những gì thực tế trước mắt và còn để lại lợi ích cho đời sau nữa.

Nhìn lại sự học của ta ngày nay, những điều thầy dạy, những cái học trò học, đều toàn những chuyện xa xưa. Tuy trong sách đôi chỗ có nói đến những việc thực tế nhưng chẳng truyền dạy được, vì người xưa đã khuất không thể dựng mồ lên hỏi. Bởi vậy người xưa có nói: “Có thể học biết phép trị nước của thời Đường Ngu, nhưng cái cách làm thế nào trị nước thì không thể học được”. Lại nói: “Việc làm cũng

giống như gảy đàn cầm đàn sắt, mỗi người có một cách cải điệu riêng”. Chính là thế. Giả sử có một vài người từ hai ba ngàn năm trước còn sống đến nay, ta đem chuyện cũ trong sách tìm đến hỏi họ và được họ truyền dạy. Nhưng muốn đem những điều được truyền dạy đó ra thực hành thì cũng phải trở ngược lại với nhân dân thời thượng cổ mà chấn chỉnh lại phong tục tập quán thời thượng cổ cho hợp với họ thôi. Không thế thì thôi chứ ngày nay cũng chẳng ai theo nữa.

Ngày nay chúng ta, lúc nhỏ thì học văn, từ, thơ, phú, lớn lên ra làm thì lại luật, lịch, binh, hình. Lúc nhỏ học nào Sơn Đông, Sơn Tây mắt chưa từng thấy, lớn lên ra làm thì đến Nam kỳ, Bắc kỳ. Lúc nhỏ

học nào thiên văn, địa lý, chính trị, phong tục tập bên Tàu (mà nay họ đã sửa đổi khác hết rồi), lớn lên ra làm thì lại dùng đến địa lý, thiên văn, chính sự, phong tục của nước Nam, hoàn toàn khác hẳn. Lúc nhỏ học những lễ nhạc, cách ăn uống, cư xử chiến đấu, doanh trại từ xa xưa của Tàu, lớn lên ra làm thì phải dùng đến lễ nhạc, cách chiến đấu, phép ăn ở theo quan dân nước ta ngày nay. Còn biết bao nhiêu những việc tương tự như thế, mòn bút khô môi cũng không kể hết. Xưa nay các nước trên thế giới chưa từng có nước nào có nền học thuật như vậy. Quả thật lạ đời! Tuy Nhật Bản, Cao Ly cũng đọc sách Tàu nhưng chỉ để làm vui (Phải đọc sách của nước họ mới biết sự thật. Nếu xem sách Nho thì bao giờ cũng thấy nói

khắp thiên hạ đều học theo phép Nho của mình cả. Đó chỉ là nói để khoe tốt, không đủ tin). Còn ra làm thì đều làm theo sách của nước họ, công việc của nước họ, chưa bao giờ thấy họ học và dùng những gì mà mắt không trông thấy, chân không đặt đến như lối học của nước ta.

Nước ta trên cũng có trời che, tức thiên văn, dưới cũng có đất chở, tức địa lý. Trong khoảng trời đất, nước ta cũng là một đất nước tốt lành hân hoi, đâu phải một miền phụ dung của Tàu. Trong đó cũng có việc của con người, luân thường đạo lý của con người, tức là những gì ta phải xây dựng cho hiện tại cũng như cho con cháu ta mai sau. Nước ta cũng có tổ tiên. Các vua quan đời trước, các sự tích

lưu truyền, có thể cho ta tìm hiểu nguyên nhân của sự được mất, khảo sát lý do của sự trị loạn. Đó là những gốc gác lai lịch ta cần phải biết.

Liệt tổ của Hoàng triều ta từ sáng nghiệp đến nay đã có cái đức phủ dụ trị dân như thế nào, đó là cái mà quan và dân ta phải biết rõ để cảm đội và ra sức giữ gìn. Những non sông bờ cõi hình thế biển hồ đồn thành và đất đai trong nước ta thay đổi như thế nào, đó là cái mà ta phải biết rõ để khi ra làm việc tránh khỏi lầm lẫn. Luật nước, lệ làng, cho đến những ưu điểm, nhược điểm, những lề lối dạy dỗ, những tục hay tục dở trong nhân dân nước ta, là những cái ta cần phải học hỏi tìm tòi để hiểu rõ,

để sửa đổi và bổ cứu, nếu không thực hiện được trong một tỉnh một phủ thì cũng phải thí nghiệm được trong một làng. Như thế mới là cái học trị nước giúp đời. Nước ta dưới đất có những mỏ kim loại, đá quý, ngoài ra có những loại thú nuôi, cây trồng, là những cái ta cần phải phân biệt khai thác phát triển để tự cấp tự túc. Nước ta hiện nay bốn bề bị ép, người ngoài sắp chiếm làm hang ổ, đó là cái mà chúng ta phải hiến dâng trí khôn sức khỏe ra chống giữ để bảo vệ nước nhà. Nước ta có những vị danh thần trong các triều vua trước còn để lại danh thơm tiếng tốt, cũng như các danh thần và các quan chức trong Triều đình hiện nay mà việc làm của họ có thể làm khuôn phép cho đời, tại sao không

đem ra truyền tụng cho mọi người được hứng khởi (Các nước phương Tây thường làm như thế để cho người ta biết mà bắt chước), mà cứ ngày đêm luôn miệng kêu réo những người từ bên Tàu, chết đã mấy ngàn năm, như Tiêu Hà, Hàn Tín! Phải chăng chúng ta ngày nay còn mang ơn họ? Phải chăng người thời nay không bì kịp người thờ xưa? Hay muốn kêu cho họ sống lại? Như vậy mà cứ học cho đến bạc tóc, thật là quái gở không thể nào hiểu nổi!

Nước ta hiện nay trong dân gian có lắm người không cày ruộng mà muốn có cơm ăn, không dệt vải mà muốn có áo mặc, không có tài

mà muốn có địa vị, không học mà muốn làm quan, cho đến những bọn lòng dạ hẹp hòi, tính khí kiêu căng, không lo bốn phận, chẳng rõ luân lý, chúng ẩn náu lén lút phỉn dụ khiến những người học vấn không có căn bản đâm ra hoang mang, một dạ hai lòng, rồi chúng ngầm ngầm kết nghĩa, uống máu ăn thề. Có bọn đã lên vào Gia Định xem xét địa thế. Bọn này âm mưu thông đồng Nam Bắc, hành động nham hiểm muốn tiêu diệt dân ta. Tại sao không lôi chúng ra mà gạn hỏi, dạy dỗ, đàn áp để chúng biết rõ rằng hành động như chúng thì trong trời đất này không còn chỗ nào dung thân được nữa. Đó là việc sửa kẻ tà đưa về đường chính, một việc trọng đại như vậy còn cái học nào hơn? Việc đó kẻ sĩ phu, người

dân thường ai cũng làm được, tại sao không làm?

Những việc trên đây, dân ta hiện nay còn ít người để ý, mà từ trẻ đến già, từ trường công đến trường tư đua nhau trau chuốt từng câu hay từng chữ khéo. Sao mà tẻ nhạt đến thế! Nếu đem cái công phu đã bỏ tâm trí một đời ra trau chuốt chữ nghĩa mà học những việc hiện tại như trận đồ, binh pháp, đắp thành giữ nước, sử dụng súng ống thì cũng có thể chống được giặc. Nếu đem cái công lao nửa đời người đã dùng để học thuộc lòng những tên người tên xứ, rập khuôn việc chính trị, nhai lại những nghĩa lý căn bản xa xưa của Ngu, Hạ, Thương, Chu,

Hán, Đường, Tống, Nguyên mà học những việc hiện tại như binh, hình, luật lệ, tài chánh, thương mại, xây dựng, canh nông, dệt và những cái mới khác thì dần dần cũng có thể làm cho nước mạnh dân giàu. Tại sao đến nay vẫn chưa nghe dân chúng khuyên nhau học những cái thực dụng ấy, mà chỉ ưa những chuyện kỳ dị xa xưa, bàn bạc những chuyện từ họ Hi Hoàng? Còn việc nước, dân tình được mất đều phó mặc cho Triều đình. Vậy phải chăng họ tự xem họ như con nít? Không phải lỗi ở họ mà chính ở học thuật. Sở dĩ học thuật chưa thuần là do không nhận rõ “Ngôi vua là quý, chức quan là trọng” cũng như mối quan hệ giữa dân với nước ra sao. Cho nên bất cứ cái gì cũng đặt cái vị tư vị kỷ là trước, không thật tâm

làm việc vì công ích. Chính đó là lý do mình đã làm lỗi lại làm lầm lỗi cho người khác.

Nói về học thuật mà không có đường lối sáng suốt rõ ràng, một phần do ở sách vở và một phần tại Triều đình. Tuy nhiên tôi chưa dám nói rõ, sợ có điều quan ngại (Nếu đừng bắt tội mà cho phép nói tôi sẽ nói rõ). Bởi vì phong tục dân tình ngày nay ra sao Triều đình đã biết rõ hết rồi. Nay nếu muốn nhất thời sửa đổi hết tất cả tệ đoan ấy, sợ sinh nhiều mối nghi ngờ, hoang mang, chống báng lẫn nhau làm cho lòng người không yên. Vì vậy cần phải tìm học cái học thực dụng, phân chia ra các khoa, các

môn, ban thưởng nhiều cho những người dự thi vào các khoa, môn này để khuyến khích dần dần đưa đến kết quả lợi ích thì các tệ đoan dần dần sẽ mất đi.

Nay xin lập các khoa sau đây.

### 1. Khoa nông chính.

Hàng năm dân chúng mang các công cụ mới chế tác dùng tiện lợi hơn các thứ cũ, những hoa màu thổ sản thu hoạch được cùng những phương thức trồng trọt đem lên tỉnh dự thi và lãnh thưởng. Các nước phương Tây giàu mạnh được cũng nhờ chuyên về khoa nông nghiệp. Còn về nguồn lợi khoáng

sản thì cần phải đặc biệt chăm sóc. Nay trước hết xin tiến hành xuất bản một bộ sách NÔNG CHÍNH TOÀN THƯ. Rồi sức khắp trong nước từ trước đến nay ở đâu có phương pháp nông nghiệp gì thích hợp với đất đai, thời tiết sớm muộn ra sao, trồng loại lúa thóc gì, chăn nuôi giống gì, thu hoạch nhiều ít ra sao, báo cáo tất cả về tỉnh, tỉnh đệ về Bộ để phối hợp vào sách Nông chính. Nếu thấy những gì có thể phát minh được sẽ soạn thành sách học. Còn những sách nông nghiệp cũ không thích hợp khí hậu đất đai nước ta thì loại bỏ hết. Ngoài ra xin lập một Bộ Canh nông như các nước phương Tây. Bởi nông nghiệp là gốc, ăn mặc và hàng trăm nhu cầu khác cần cho đời sống đều nhờ nông nghiệp.

Người xưa nói: “Người ta không có cái ăn cái mặc thì không còn đạo vua tôi”. Nếu con đường này không phát triển dồi dào thì dân lo kiếm ăn cho khỏi chết đói còn chưa kịp, rảnh đâu mà nghĩ đến lễ nghĩa. Nay ngành trồng trọt chăn nuôi của nước ta đều phó mặc tự nhiên, không có quan viên bày vẽ, giáo dục, đốc suất, dân chúng cứ theo lề lối cũ mà làm không có gì mới mẻ cả thì làm sao có thể hy vọng mỗi ngày một giàu thịnh để đóng góp thêm thuế khóa cho nhà nước?

Chính mắt tôi trông thấy có nhiều nơi nếu chịu bỏ ra đôi ba trăm quan để bồi đắp thì hoa lợi mỗi năm có thể thu được gấp trăm lần. Cũng có nhiều nơi ao đầm hồ vũng, nếu

cho rút đi chừng một thước nước thì đều có thể cấy lúa được, thế mà cũng không biết cách ngăn đắp để cho nước chảy ra bể tống hết các bùn cát cùng những vật ô uế đi. Có nhiều nơi nếu đắp đập cũng chẳng tốn bao nhiêu công, vậy mà người ta cứ bỏ không để làm chỗ cho le cò hào hến. Các đất hoang trong sổ bộ của quan cho là không thể cày cấy, hầu hết là những loại mà tôi đã kể. Tôi có hỏi dân những nơi ấy thì kẻ bảo không tiền, người bảo không sức. Có người bảo thầy địa lý nói không nên cho nước tụ lại, hoặc đắp đê sẽ làm động địa mạch khiến hương hào hương lão trong làng ốm đau. Có người bảo nếu đắp đê làm ứ nước các xã thôn bên trên sẽ làm đơn kiện. Có người bảo không dám đắp vì sợ động đất đai trong

xã hoặc động mồ mả nhà quan ở xã gần bên. Những chuyện tương tự như thế nhiều không thể kể xiết.

Tôi rất lấy làm tiếc nhưng không biết làm cách nào cho dân hết những tệ trạng này. Chỉ có cách nhờ phép quan mà thôi. Xưa nay trong sách có chép nhiều về việc nhắc nhở dạy bảo dân về nông trang, nhưng đó chỉ là nói suông không thấy thực hành. Còn đối với các nước phương Tây, khoản này tốn rất nhiều công phu. Nếu không giỏi độ làm sao cho đúng với thể đất tự nhiên, nếu không có tài mở chỗ nọ đắp chỗ kia sao cho hợp thì không thể làm công việc này được. Còn học văn chương, dù có giỏi khai, thừa, chuyển, hợp, rành các thanh bình, thượng, khứ, nhập,

một mai sa cơ lỡ vận, cầu ấm no cho một thân mình còn chưa được nói gì đến chuyện làm cho dân no ấm? (Làm được nông chính như các nước phương Tây, không phải chuyện dễ, chỉ khi nào thấy tận mắt mới nói được). Vậy xin mở gấp khoa này cho dân học tập rồi dần dần mới thông thạo được.

## 2. Khoa thiên văn và khoa địa lý.

Hai khoa này là gốc của mọi việc. Trí xảo con người mỗi ngày một tăng, tính tình con người mỗi ngày một ngay thẳng đều nhờ ở hai khoa này (Hai câu này có nhiều sự lý, dịp khác tôi sẽ nói rõ) nhưng nó thấm nhập dần dần, từ từ mà tiến

chứ không thể lấy năm tháng mà tính được. Nay xin gấp rút duyệt lại các sách Thiên văn Địa lý từ trước đến nay, chọn lấy những gì hợp với thiên thời địa thế nước ta, chắc chắn có thật lý thật sự, có thể thấy như vật trong bàn tay mà không xem đến chuyện thuật số phong thủy, những chuyện phù phiếm quàng xiên, soạn thành sách ban hành. Lại phải tham khảo các sách Thiên văn Địa lý của phương Tây. Những sách tôi đã chọn mua trong chuyến đi Tây vừa qua, đã trình nạp rồi mượn người dịch ra, tóm tắt những chỗ quan trọng, hữu dụng để tham khảo ứng dụng để cho mọi người biết rõ rằng chúng ta ở trong trời đất phàm tất cả những an nguy, hưng phế, phú quý, họa phúc đều từ trong đó mà ra cả. Nay

ta không biết rõ đầu ta đội gì, chân ta đạp gì, nhờ cái gì mà ta sống, ta bắt đầu từ đâu, cuối cùng ta sẽ về đâu, hiện tại ta được tốt lành là do đâu, sở dĩ ta được sinh ra, được nên người là ý gì? Sự tình mập mờ như thế, đạo lý thiếu sót như thế, vậy mà không chịu học để thấy rõ, cứ bằng lòng với cái dốt nát của mình. Như người chỉ biết nói toàn chuyện hoang đường thì làm sao có thể tận dụng được cái kỳ diệu của trời đất?

Về lịch, cần phải thuê người thông thạo, khảo sát độ số khí tiết nước ta soạn thành một quyển. Lấy chu kỳ là 100 năm. Sau đó, mỗi năm cứ y bản mà in ra không phải mỗi năm mỗi tính nữa. Công việc này các giáo sĩ có thể làm

được. Khi lịch pháp đã thành nhất định rồi thì những vất vả của các quan ở đài thiên văn cũng bớt đi rất nhiều. Như lịch Tây, ai cũng biết không phải tính toán gì cả. Ở các nước phương Tây không có ai ở đài thiên văn làm sai. Bởi vì phương pháp giản dị dễ làm, cũng chẳng có gì quan trọng nên không cần bình nghị khả năng. Còn một người làm về thiên văn nước ta thì sao mà ưu đãi thái quá mà lại sai lầm quá nhiều. Dịp khác tôi sẽ nói rõ, sai lầm đó là bởi chưa nắm được cái hiệu dụng lớn của thiên văn mà thôi.

Các nước phương Tây thiết lập chiêm tinh còn có nhiều cách tính toán theo phương pháp mới nhằm đem lại lợi ích lớn cho việc dân việc

nước chứ không phải chỉ chuyên để làm lịch. Bởi vì trong trời đất có biết bao nhiêu việc không phải chỉ một chuyện coi lịch coi ngày đủ bao quát tất cả. Vì vậy cần phải học gấp khoa này mới biết được sự thật của trời đất.

### 3. Khoa công kỹ nghệ.

Hãy tìm trong các sách Nho từ trước đến nay xem có chỗ nào nói đến cơ xảo dù một vài câu cũng nhặt hết ra, thu thập sửa lại cho đúng. Ngoài ra, lựa lấy trong các sách Tây, chỗ nào nói về những cần thiết hàng ngày, thí dụ như các sách viết về nguồn lợi khoáng sản cũng như tất cả các sách Tây viết về máy móc, (Tôi có mua hai

quyển lớn đã trình nạp rồi, trong đó nói đủ cả) rồi xin các giám mục địa phương mỗi nơi cho hai linh mục rành tiếng Nam về kinh để cùng dịch thuật với các nhà biên soạn. Cũng xin mua một máy in để in ra xuất bản. Tuy nhiên trước tiên phải lập khoa này, đặt thể lệ hẳn hoi để cho dân thấy rõ rằng Triều đình xem việc này là trọng, ai học sẽ được thành danh lập nghiệp. Nếu không, họ vẫn cứ đua nhau miệt mài văn tự theo cái học khoa cử mà thôi.

#### 4. Khoa luật học.

Bất luận quan hay dân, mọi người đều phải học luật nước và những luật mới bổ sung thêm từ

Gia Long đến nay. Ai giỏi luật sẽ được làm quan. Vì luật bao gồm cả kỷ cương, uy quyền, chính lệnh của quốc gia, trong đó tam cương ngũ thường cho đến việc hành chánh của 6 Bộ đều đầy đủ. Quan dùng luật để trị, dân theo luật mà giữ gìn. Bất cứ một hình phạt nào trong nước đều không vượt ra ngoài luật. Bởi vậy ở các nước phương Tây, phạm những ai đã nhập ngạch Bộ hình xử đoán các vụ kiện tụng thì chỉ có thẳng trật chứ không bao bị biếm truất. Dù vua, Triều đình cũng không giáng chức họ được một bậc. Như vậy là để giúp cho các vị này được thông dong trong việc chấp hành luật pháp không bị một bó buộc nào cả. Phạm những tội ngũ hình đều do các vị này xử. Vua cũng không được đoán phạt một

người nào theo ý mình mà không có chữ ký của các quan trong Bộ ấy. Làm thế là để cho dân chúng thấy rõ đạo công bằng. Vả lại vua không dự vào những việc ngũ hình để tỏ đạo nhân ái. Như chế độ xưa, vua có “tam hào” (3 lần tha). Bởi vì nếu có tội phải giết thì đó là quốc dân giết.

Biết rằng đạo làm người là không gì lớn bằng trung hiếu, không gì cần thiết bằng lễ nghĩa. Nhưng các sách Nho chỉ nói suông trên giấy, không làm cũng chẳng bị ai phạt, có làm cũng chẳng được ai thưởng. Bởi vậy xưa nay học đã nhiều mà mấy ai đổi được tâm tính, sửa được lỗi lầm? Cho nên Khổng Tử có nói: “Ta chưa hề thấy

ai thấy được lỗi mình mà biết tự trách phạt”.

Từ xưa đến nay các vua chúa nắm quyền thống trị cứu nước giúp đời đều nhờ hiểu luật, còn các sách vở khác cũng chỉ là phụ thuộc. Nếu trong nước không có luật, thì dù có vạn quyển sách cũng không thể trị được dân. Điều này quá rõ. Bởi vì sách vở chỉ chép nào là sự tích chính sự thời xưa của cổ nhân, nào là những bài luận hay ho của người xưa để lại, nào những áng văn chương trau chuốt của chư tử, nào những tiểu thuyết dã sử của những người hiểu sự đặt bày. Trong đó hay có, dở có, kẻ nói này, người nói khác, xét kỹ thứ sách vở đó chỉ làm rối trí thêm chẳng được

tích sự gì. Cho nên Khổng Tử nói: “Chép những lời nói suông chẳng bằng thân hành ra làm việc”. Thử xem có những nhà Nho suốt đời đọc sách, đáng lẽ cử chỉ của họ phải làm khuôn thước cho đời, vậy mà tại sao có nhiều người cuộc đời của họ và sự ứng xử của họ còn tệ hơn những người quê mùa chất phác? Nếu bảo luật lệ chỉ tốt cho việc cai trị chứ không có đạo đức tinh vi, thế là không biết rằng trái luật là tội, giữ đúng luật là đức. Nếu tận dụng cái lẽ công bằng ở trong luật mà xử sự thì mọi quyền, pháp đều là đạo đức. Có cái đức nào lớn hơn chí công vô tư không? Chí công vô tư là đức trời. Trong luật cái gì cũng công bằng hợp với đức trời, như vậy mà không đáng gọi là đạo đức tinh vi sao? Chỉ sợ con người

không tận dụng luật mà thôi. Nếu tận dụng cũng đủ trọn vẹn đạo làm người rồi, bất tất phải đi tìm cái gì khác.

Vậy xin cho tất cả những người dự thi trước tiên phải thi khoa luật và các khoa khác thiết thực cho hiện tại. Còn thơ phú chỉ để ngâm hoa vịnh nguyệt, chứ đối có thể đem ra nấu ăn cho no bụng được đâu? Kinh nghĩa đã có các nhà nho tiền bối chú giải rõ ràng rồi cần gì phải vẽ vờ thêm. Đọc kinh sách chỉ cốt hiểu rõ nghĩa lý, không cần phải hao tổn tinh thần, tiêu ma ngày tháng vào cái thứ văn chương bát cổ vô dụng ấy. Còn văn sách thì cứ nói mãi những chuyện

Hán trị tạp bá, Đường trị vị thuận. Tạp bá, vị thuận của người ta mặc kệ người ta. Mình hãy nói chuyện trị nước của mình ngày nay ra sao thôi. Nước chưa giàu, sao không đặt kế hoạch để giàu? Binh chưa mạnh sao không chăm lo võ bị cho mạnh? Dân chưa khôn sao không đem đạo lý ra giáo dục? Nhân dân đói khổ sao không lập kế sinh mưu để cứu? Kẻ địch bên ngoài sắp muốn nô dịch dân ta, cướp bóc của cải của ta, tại sao không hỏi han nhắc nhở nhau tìm mưu lập kế để ngăn ngừa? Dân gian không biết luật lệ phạm nhiều sai lầm, sao không chỉ dạy rõ ràng để biết mà tránh? Tại sao không đem tâm lực ra mà lo những việc cần kíp trước mắt, lại đem dùng vào những chuyện xa xôi không thiết thực? Tôi sợ kẻ

địch xung quanh đang bức bách ta ngày kia sẽ đem cái giáo hóa luật lệ của chúng đến sai khiến chúng ta. Chừng đó ăn năn sao kịp!

## 5. Dùng quốc âm.

Phàm con người ta muốn giải bày cái gì ở trong lòng phải nhờ tiếng nói. Mà nói thì cốt phải rõ ràng khiến ai nghe cũng hiểu, như vậy mới hợp với ngôn ngữ tự nhiên. Không thế thì chỉ là giọng nói không trong trẻo rõ ràng của những người già cả hoặc có tật chứ không phải do tự nhiên trời sinh ra như vậy. Ngày nay có những người mỗi lần mở miệng ra nói lại phải nhờ người khác dịch giải, chẳng khác nào người nước ngoài. Ta một

nước sao lại có hai thứ ngôn ngữ?  
Hai thứ chữ viết? Hai lần học? Thế  
có phải nước thì một mà người thì  
chia hai không?

Nói về chữ viết thì đó chỉ là  
những ký hiệu đặc biệt thay lời  
nói để ghi chép công việc mà thôi.  
Nước nào cũng thế. Hồi mới có  
loài người chưa có chữ viết nhưng  
cũng vẫn là người không mất mát  
sai lầm gì. Về sau công việc mỗi  
ngày một nhiều mới có sai lầm  
thiếu sót. Do đó những người có  
trí tuệ tìm ra một thứ hình vẽ để  
ghi lại. Cũng như lối làm ra bàn  
tính vậy, ban đầu lấy hàng một làm  
hàng đơn vị rồi lên đến hàng chục  
rồi lên trên nữa là hàng ngàn. Dần

dần trải qua nhiều thế hệ, công việc càng tăng nhiều thêm, số hình vẽ do đó cũng phải tăng lên. Chữ viết tăng theo tiếng nói. Nếu bảo chữ xưa không thể thay đổi tăng thêm, thế là sai. Thử xem chữ viết của Trung Quốc từ xưa đến nay đã tăng thêm và thay đổi bao nhiêu cách rồi. Các nước cũng vậy. Nước nào có chữ viết riêng của nước ấy, đọc lên ai nghe cũng hiểu. Học là chỉ học cách viết ra chữ mà thôi. Vả lại trời sinh ra một nước thì cũng có một thứ chữ, một thứ tiếng của nước ấy. Nước ta là một nước có tên tuổi vào hàng nhì của phương Đông vậy mà chỉ một mình nước ta không có chữ viết. Có phải tại trời không thương ta chăng? Không, đó là lỗi tại ta học chữ nước ngoài lại tôn sùng thái quá, cho nên dù có

kẻ tài trí xuất chúng cũng không dám sáng tạo ra cái khác, sợ người dị nghị!

Khi quốc gia ban hành chính sách hay mệnh lệnh gì, chắc chắn là muốn cho tất cả mọi người có mắt đều được thấy, có tai đều được nghe chứ đâu phải chỉ muốn một nửa số người được biết thôi, còn một nửa phải tìm người thông dịch mới biết. Nay ta không có chữ viết riêng mà chỉ dùng chữ nho để viết thay. Về phát âm đã không theo đúng giọng Trung Quốc cũng không phải tiếng phổ thông của nước ta. Người mới học phải thuộc mặt chữ bằng mắt lại phải vận dụng trí nhớ để nhớ những phát âm lạ tai. Âm vận của thứ chữ này chỉ có ai học mới biết, không học thì nghe cũng

như vịt nghe sấm mà thôi. Thế có phải phí hơn một nửa công phu trí óc không? Nay nếu học sách quốc âm, học sinh ở nhà đọc đàn bà con nít nghe cũng hiểu, như vậy tuy không đi học mà cũng học được. Hơn nữa nếu dùng quốc âm thì lúc nhỏ đã có cha mẹ dạy, lớn lên đi học chỉ học nét viết mà thôi. Thế có phải giảm bớt được một nửa công phu không? Dem một nửa công phu học tiếng lạ đó mà học những việc thiết thực cho đời sống có phải ích lợi lớn hơn không? Phàm học tiếng học chữ là học lúc còn bé, còn lớn lên thì phải đem những điều hiểu biết trong sách ra mà làm. Trừ phi có giao thiệp với nước ngoài mới học tiếng nước ngoài, chớ tội gì đã lớn mà còn học như con nít nước ngoài học vậy?

Ngày nay nước ta những kẻ thông minh lanh lợi đều đua nhau học chữ, không lập công dựng nghiệp nhân lúc thanh niên cường tráng, mà chỉ vùi đầu đèn sách hết năm này sang năm khác. Phải chăng họ muốn trở thành người Trung Quốc? Thế mà đem nói với người Tàu, người Tàu chẳng nghe, nói với dân ngu, dân ngu chẳng hiểu. Một tờ trát đưa xuống, kẻ hiểu thế này, người hiểu thế khác. Một chữ trong luật, kẻ nói tội nhẹ, người nói tội nặng. Đơn từ án lệnh thì bọn thầy kiện và quan tòa quý quyết lật ngược lật xuôi. Sự tình khai báo trong dân gian thì tráo trở thiên biến vạn hóa. Công việc chất chồng phần nhiều bị bóp tròn bóp méo không tả rõ được sự thật. Thông cáo yết thị của nhà nước

truyền xuống phải qua người biết chữ đọc và dịch lại cho dân, nhưng phần nhiều viện dẫn thất thiệt, giảng nghĩa không rõ khiến dân thường không hiểu hết, ý chí của Triều đình bị xuyên tạc. Thậm chí có người viết cái gì cho ai bằng quốc âm thì bị khinh thường. Làm thầy thuốc mà xem quốc ngữ thì bị cho là tầm thường. Nói tiếng mẹ đẻ mà không xen chữ nho vào thì bị cho là quê mùa. Ngoài ra lại còn có một thứ văn từ chuyên dùng những chữ hiếm hóc cầu kỳ cốt để cho người đọc không hiểu, nghe không ra. Thế mới cho là kỳ diệu tuyệt vời. Phải làm sao cho nhiều tay cao kiến hay chữ, giảng giải bắt bẻ đến nỗi một chữ ra hàng trăm nghĩa, ý tưởng lập lòe nước đôi không tài nào quyết định được,

thế mới là tay cự phách trong làng văn!

Xin hỏi: chữ viết là để thay thế lời nói. Nói là để cho người nghe hiểu. Nay mở miệng nói mà không ai nghe hiểu cả thì đó không phải tiếng người nữa rồi. Lạ lòng chưa? Hèn gì người ta bảo là một thứ chữ kỳ cục cũng phải. Những chuyện đại loại như thế rất nhiều không sao kể xiết.

Ở bên Tây, mười người đàn ông có một người mù chữ, mười người đàn bà có bốn người không học chữ. Mặc dầu không biết chữ nhưng chiếu, chỉ, từ, trát cho đến báo chí sách vở, có người đọc cho nghe thì đều hiểu hết. Là vì chữ của họ đều viết bằng quốc âm. Con

nít họ đi học ba năm thì không chữ nào không đọc hiểu được. Không phải như chữ nho học cho đến chết cũng chưa nhớ nổi một phần ba. Tôi thống kê chữ nho có 4 vạn 4 ngàn chữ. Trong đó, người học rộng sử dụng không tới một vạn chữ, người trung bình chừng 4, 5 ngàn còn người thường chừng đôi ba ngàn mà thôi.

Chả lẽ ở nước ta không có ai giỏi có thể lập ra một thứ chữ để viết tiếng ta hay sao? Vì ta dùng chữ nho đã lâu nên không cần thay đổi tất cả sợ làm cho người ta lạ tai lạ mắt. Vậy xin dùng chữ Hán làm mẫu, lựa âm của chữ nào hợp với âm tiếng ta, nhất định không thay đổi thì đọc như tiếng ta không cần giải nghĩa. Chữ nào có

âm gần giống tiếng ta thì thêm nét phụ vào rồi đọc ra tiếng ta. Ngoài ra gộp hết tiếng ta lại chia thành môn loại, làm tự điển, trước tiên ban hành trong các cơ quan chính quyền và trường học cho người học dễ dàng sử dụng. Khi nào chữ Hán đã được đọc thành âm tiếng ta rồi thì bất cứ ai biên chép việc công việc tư đều phải dùng thứ chữ đã ban hành, không được thay đổi. Còn các nhà văn ai muốn dùng chữ Hán theo âm nho tùy ý nhưng trong công việc làm thì phải dùng thứ chữ Triều đình đã ban hành.

Ta đã học chữ Hán mà không đọc được như người Hán lại thêm một lần phát âm khác, thêm một

lần giải thích nghĩa, khiến người có tài trí phải mất đi tinh lực nửa đời người dùi mài vào cái học ấy, không còn thì giờ tâm trí để học những cái khác. Bây giờ ta cứ lấy chữ Hán chuyển đọc ra quốc âm, không cần học nghĩa, thế cũng vẫn dùng chữ Hán có gì mà không được? Thí dụ như chữ “Thực phạm” thì đọc là “Ăn cơm”, hoặc viết chữ “Ăn cơm” thay chữ “Thực phạm”. Như vậy mà còn ai cho chữ “Thực phạm” là quý trọng, chữ “Ăn cơm” là khinh thường, nhất định cố chấp chữ nho là quý trọng, là dễ, còn chữ ta là tiện, là khinh, là khó thì dầu trời là giỏi phân biệt muôn loài khinh trọng quý tiện cũng không cãi lại bọn này.

Nay lấy chữ Hán đọc ra quốc âm thì khi đọc lên ai nghe cũng hiểu có phải vừa dễ dàng vừa bớt được bao nhiêu phiền phức không?

Tôi tính quốc âm ta ước chừng hơn một vạn tiếng, trong đó chỉ có lỗi ba ngàn tiếng không thể viết như chữ Hán. Trường hợp đó ta dùng những chữ Hán tương tự rồi thêm hiệp vần vào một bên mà thôi. Còn sáu, bảy ngàn tiếng đã viết được như chữ Hán thì cứ viết, chỉ đọc như quốc âm thôi. Đó gọi là “chữ Hán quốc âm”. Từ nay hễ có dịch các sách mới hoặc có người giỏi trước tác những sách về thời vụ thì bắt buộc dùng chữ Hán quốc âm. Như vậy người học sau này chỉ học mặt chữ thôi, không phải tốn nhiều công phu học cái tiếng

chẳng phải Hán chẳng phải ta. Có phải giải quyết được dễ dàng những việc khẩn cấp mà thu được lợi ích rất lớn không?

Bởi vì sự học có công dụng lớn cho quốc dân. Khi sự học gặp phải khó khăn rắc rối thì cả nước phải chịu sự khó khăn ấy đời nọ đến đời kia chứ đâu phải chuyện nhỏ.

Lập luận của tôi không khác như người học Phật trở lại mắng Phật, nhưng vì xấu hổ bởi các nước trên thế giới đều chê cười nước ta không có chữ. Hơn nữa thời thế bắt buộc phải làm như vậy chứ không phải tôi dám lập dị theo ý kiến riêng của mình.

Thường tình, ai lại không yêu quý những cái vốn có của mình,

dù nó không đáng giá? Ai lại chẳng muốn lánh nặng tìm nhẹ, làm ít được nhiều? Dù cho cái vốn có của ta không tiện dụng, có hại, phí sức và khó làm, bất đắc dĩ phải bỏ cái của mình và theo người, nhưng trong lòng không khỏi hổ thẹn. Nay nước ta đã coi khinh cái vốn có của mình mà quý trọng cái hiếm lạ của nước ngoài, nghĩa là bỏ cái quốc âm của ta mà đem một nửa công phu tìm cầu cái ngoắt ngoéo, thật mỉa mai thay!

Tôi thấy nhiều người soạn thảo một bài từ mà vò đầu bóp trán chưa viết nên lời, suy đi nghĩ lại, nín thở ngưng thần như gặp việc gì to tát lắm, như phải quyết định một việc gì khó khăn lắm, thế mà văn ý cũng chẳng dồi dào rục rở

hấp dẫn gì cho cam! Đó có phải là tại khinh rẻ cái của mình mà đi bắt chước cái khó làm của người ta hay không?

Nếu Triều đình chấp nhận đó là kế sách lớn lâu dài giản tiện thì xin cho làm thử xem sao. Cũng xin đem sử ký, phong thổ ký nước Việt ta và các sách dạy nghề cùng với năm khoản tôi trình bày về học thuật trên đây cho học tập.

Ngoài ra xin đem các tập Ngự chế và các sách của Hàn lâm sách nào hợp với thời vụ ra ban hành. Còn kinh sử tử truyện chỉ dùng để khảo nghiệm một vài việc mà thôi. Và cũng xin đặt lệ cho các hiệu sách trong nước nếu muốn khắc bản in phải theo quy định của Triều đình

cho sách nào in trước, sách nào in sau. Ngoài ra cần phải ấn hành một tờ nhật báo đăng tải các chiếu, chỉ, sớ, dụ, những việc làm của các bậc có tiếng tăm, những công vụ quốc gia hiện thời cho học sinh đọc để biết công việc trong nước. Đó cũng là một ích lợi lớn (Ích lợi ấy rộng rãi như mưa móc thấm nhuần, không thể chỉ ra từng cái được, làm sẽ thấy ngay).

Còn như những tiểu thuyết, chuyện hoang đường, bùa chú, sấm vĩ, những chuyện ngông láo không kiêng dè và những chuyện truyền miệng về đoán định cơ trời khí số, lưu truyền trong dân gian của Trạng Trình, Trạng Lượng, làm hư hỏng lòng người rất nhiều, gây dao động bất an trong dân chúng

(Tôi rất đau lòng nhức óc đụng chạm với người ta và phải vất vả với nhiều người về những chuyện này lắm). Những chuyện đó không được truyền thuật, đàm luận hoặc in ra xuất bản.

Tôi thấy bên Trung Quốc có nhiều người thấy chuyện đó là bậy bèn quỳn tiền mua những sách ấy đốt đi. Ý nghĩ của họ tốt, nhưng việc làm của họ chỉ đáng một chén nước dập tắt sao nổi một đồng củi nào có bổ ích gì? Chỉ cấm ngặt họa may mới dứt được gốc mà khiến cho lòng người chú trọng vào cái học thiết thực cho những công việc hiện tại. Như thế mới có thể dần dần tiến tới chỗ tốt đẹp và ích lợi.

Tôi thấy bên Tây người ta học những cái của quốc vương, danh thần, danh sĩ đương thời làm ra viết ra. Còn cổ văn chỉ dùng để khảo đính. Và ai cũng cho rằng lời nói việc làm của vua tôi quốc gia hiện nay là đúng và cho rằng những việc đúng đắn của ngày xưa thua hẳn ngày nay. Như người xưa khoe thái bình, thịnh trị, tài trí, phú cường v.v... chẳng qua chỉ là nêu lên một cái tốt mà bỏ qua hàng trăm cái tồi tệ không nói đến. Nếu tìm tòi học hỏi, thâm hiểu cái lẽ thời thế đổi thay mới thấy lời tôi nói không ngoa.

Tại sao người thời nay cứ nói không thịnh trị bằng thời xưa? Hễ có một tý tai biến gì làm không vừa ý thì đem xưa chống báng nay,

chê bai oán trách, những hạng người như thế sao không tự đi tìm thời thượng cổ mà sống để hưởng thịnh trị? Tại sao không chịu suy nghĩ rằng thân ta, đời ta ngày nay hiện đang ở đâu. Phải biết sống theo hoàn cảnh mới là người sáng suốt hiểu đúng đạo lý. Sao lại miệt thị sự thật, mơ tưởng chuyện đã qua đến thế! Tất cả những sự việc như thế do lỗi ở học thuật không có đường lối sáng suốt gây ra cả.

Nói tóm lại, học xưa thì lòng người hướng về đường lối xưa muốn được như xưa, học nay thì lòng người hướng về thời nay mà muốn thành đạt một sự nghiệp gì. Học xưa học nay có thể đối khác lòng người như thế. Vậy dám xin hãy sửa đổi học thuật dần dần để

cứu vãn lòng người trở lại.

Năm khoản trình bày trên đây tôi chỉ nói sơ qua những tệ hại thông thường, cạn cợt, dễ thấy để sửa sang lại học thuật mà mong những điều tôi nói ra đó sẽ không bị buộc tội. Còn nói đến nho phong ngày nay đã gây ra tệ hại lớn cho Trung Quốc cũng như nước ta như thế nào, chỉ rõ ra phải đến mấy trăm khoản cũng chưa hết. Nhưng mà nếu nói ra, chắc tôi không dám về nước! Triều đình có muốn nghe không?

Điều thứ năm: Điều chỉnh thuế ruộng đất.

Xưa lấy thuế một phần mười.

Ngoài ra cũng có các khoản khác, như “cống”, “trợ”, “triệt” tùy lúc chứ không nhất định. Thuế có nặng có nhẹ tùy việc chứ không phải theo ý riêng hay tình cảm thiên vị gì cả. Như Hán Vũ Đế tính thuế thuyền, xe, muối, sắt. Tổng thu tiền miễn dịch<sup>8</sup>, tiền lúa non<sup>9</sup>, rồi xuống đến Minh, Thanh còn thêm nhiều thứ phức tạp khác. Những cái đó cũng chỉ tạm thời đặt ra tùy tình thế, để giải quyết công việc trong tình thế đó. Có gì mà không hợp? Chính bọn nho sĩ đời sau, bản thân không có khả năng đảm đương công việc

---

8 Những người yếu đau không đi làm trâu dịch được thì phải đóng một khoản tiền để thuê người khác làm gọi là Miễn dịch tiền.

9 Lệ thu tiền lúa non có từ nhà Đường. Đến nhà Tống lập kế hoạch để thu là nếu dân không có tiền đóng thì quan xuất tiền quỹ ra cho hay để đóng, khi lúa chín gặt hái thì trả tiền lời 2 phân, gọi là Thanh miêu tiền.

như vậy, hoặc vì mất địa vị mà oán hận, mới làm kẻ ngoại cuộc, đứng ngoài phê bình chỉ trích. Như thế đã không có lý lẽ chính đáng lại còn mở đường cho những bọn ăn không ngồi rồi, những phường thất chí bất mãn, tụ năm họp ba xì xào bàn tán làm dân chúng hoang mang, chê bai oán trách bề trên. Họ thường ví vua như Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế; ví tôi của vua như Trương Thang, An Thạch. Mặc dầu họ nói lén lút vu vơ không biết đâu buộc tội được, nhưng sự khinh chê chống báng của họ có thể làm rối loạn chính trị, tội ấy rất lớn, chắc chắn chúng không thể nào lọt lưới âm phủ được. Lòng dân đã ô mấp bất bình thì thế nước ắt sinh tai họa. Việc đó chắc chắn do bởi những bàn tán xôn xao phê bình

vô trách nhiệm của đám hậu nho xử sĩ gây ra cả.

Điều tôi xin đề nghị đây không phải xin tăng thuế nhiều thêm mà xin cân bằng lại chỗ thừa chỗ thiếu. Vì trong dân gian có nhiều bộ điền thổ lúc trước chỉ lập bộ những chỗ cao ráo còn những nơi thấp chỗ sâu thì không ghi vào sổ bộ. Về sau hoặc vì có khúc sông bồi cát hoặc vì phân rác lấp đầy, hoặc vì biến ngưng tụ bùn, hoặc vì đầm nước cạn, những nơi này đáng lẽ phải được ghi lại là ruộng thượng hạng. Thế mà dân y theo cũ nạp thuế. Còn những ruộng ấy thì hoặc bị bọn phú hào chiếm hữu, hoặc lấy làm ruộng tư của làng để tiêu phí

vào các khoản lặt vặt như cúng tế, hát xướng, sửa đình sửa miếu, mà trong đó bọn hương hào lý dịch ăn bớt đến phân nửa. Nếu có ai vạch ra thì chúng bảo đó là ruộng cúng tế. Lại có nhiều nơi ruộng có mười phần mà sổ bộ chỉ ghi ba bốn phần. Lại có một vài nơi làm nghề đánh cá, cứ một năm làng thu trọn một ngày cá trên tất cả các ghe lấy tiền sung vào quỹ làng, số tiền đó có khi đến ba bốn nghìn quan đều dùng vào những việc linh tinh không cần thiết. Vậy mà dân chẳng ai phản nản gì cả, chứ đánh thuế thì họ sẽ kêu ca rên xiết rằng dân nghèo kiệt xác. Cũng có làng không tiền công quỹ mà muốn làm rình rang khoe tốt với làng bên thì ai nấy vui lòng xuất tiền túi ra cho bọn hương lý làm những chuyện vô ích. Còn việc

công thì chưa bao giờ thấy họ đóng góp một cách sốt sắng như vậy. Lại có nhiều nơi ruộng cao có thuế lại mất mùa không thu được gì cả, còn ruộng thấp không có thuế thì lại được mùa, thế mà chẳng bù sớt cho nhau tí nào. Lại có ruộng vốn làm lúa mùa hè mà ngạch thuế cũ ghi là lúa mùa đông. Số thu hoạch trong mùa hè tiêu dùng hết đến đông phải vay nợ để đóng thuế, làm cho dân ngày một nghèo khổ. Lại có những bọn lý dịch lấy ruộng của dân tráo chỗ nợ đổi chỗ kia, để thu thuế của dân thì nhiều mà nộp lên quan thì ít. Lại có những làng vốn gần rừng núi đất rất rộng, những người chung quanh thiếu ruộng vỡ ra cày cấy. Sau bọn lý dịch dờn tròn vẹn ngạch thuế qua chỗ mới khai phá bắt phải gánh chịu. Như vậy là

quá nửa số thuế lọt vào túi bọn lý dịch chẳng khác nào chúng có đất phong hầu để ăn lộc vậy. Lại có làng ở ven sông đất bị sông xói lở không cày cấy được, hoặc có nơi vốn đất bỏ hoang không khai khẩn được thế mà vẫn bị bọn lý dịch chiếu lệ tăng thuế. Lại có nhiều nơi có nhiều ruộng lậu thuế không khám phá ra được bởi tài đắp vá quỷ quyết của bọn lý dịch. Như vậy trong dân gian kẻ giàu thì giàu thêm, người nghèo càng nghèo mạt, phân nửa là do lỗi này gây ra, mà quan trên cũng phải nhọc nhằn phân xử mãi không dứt. Tệ đoan đó gây ra bởi sự gian lận của dân. Trong dân có những bọn lý dịch lỳ lợm ngoan cố, thà chịu tra khảo chứ không chịu khai thật (Quan canh nông bên Tây đích thân đi đo đạc rõ ràng chứ

không theo sự khai báo trên giấy tờ) thế mà dân khen là dũng cảm làm được việc ích lợi cho dân. Nếu có lý dịch nào nhút nhát không làm được thế thì rất lấy làm xấu hổ. Vì vậy họ bắt chước nhau cho những người không chịu thú thật với quan là lý dịch tốt. Nếu làng nào giấu được nhiều ruộng đất để nhẹ thuế thì người chung quanh cho là có phước. Họ biết đâu đó chính là đại vô phước và mắc tội rất lớn với trời vậy. Luận về việc làm của họ làm mờ ám thiên lý, mất lương tâm không thể kể hết được.

Nước sở dĩ đứng vững được là nhờ binh lương. Binh để giữ nước. Lương để nuôi binh. Thế mà trong dân gian còn nhiều người chưa hiểu lý lẽ ấy. Nếu có của cải mà

không có quan binh bảo vệ thì quân giặc kẻ trộm hoành hành, thân còn không giữ được, giữ sao được của cải? Dân đã không thể một mình mình bảo vệ được thân mạng, nhà cửa, của cải thì bỏ ra một ít lương thuế nhờ lực lượng quốc gia bảo vệ sự nghiệp to lớn lâu dài của mình cho. Đó là bỏ ra thì ít thu vào thì nhiều, chẳng qua cũng là một lối trao đổi vậy thôi. Có lẽ nào chỉ muốn ngồi không mà hưởng, không muốn trao của cải của mình để đổi lấy sức mạnh quốc gia? Đối với sự sản của mình thì muốn được bình an thịnh lợi, mà đối với công việc bảo vệ cho mình đó thì cố sức gian lận trốn tránh. Như vậy rõ ràng là muốn không có việc nước, cả đến không có bản thân nữa.

Nói về dân với nước bề ngoài dĩ nhiên có sai khác nhưng suy đến cái nghĩa sinh tồn tự nhiên thì hai bên có sự tác thành cho nhau, liên kết nhau hết sức chặt chẽ mật thiết, chứ không phải như bạn bè, thân thích muốn hợp muốn lìa muốn nương tựa nhau không nương tựa nhau tùy ý. Bởi vì không có quốc gia thì không thành dân sự. Không có đạo vua thì không thành quốc gia. Đó là mối liên lạc tương quan hết sức mật thiết mà tạo vật đã sắp đặt (Tuy nho sĩ tự gọi có đạo học cũng không thể nhận rõ lý này). Không một ai có thể vượt ra ngoài được. Vì vậy mà người ta bảo một quốc gia cũng như một thân thể, cùng vui cùng khổ với nhau. Có lẽ nào những chi tiết trong một cơ thể lại lừa dối gian lận nhau? Đó là

chuyện xưa nay chưa từng có. Nay đã gian lận lừa dối tức là muốn vượt ra ngoài cái luật tương quan nhất định của tạo vật, là muốn cắt đứt chân tay ra khỏi thân thể. Thế thì còn đâu là nhân tính? Đã phản nhân tính mà còn bảo vô tội ư? Cho nên tôi nói đại vô phúc và mắc tội lớn là vì vậy. Tại sao dân gian sĩ thứ không hiểu cái thể kết hợp này, lấy tội làm phúc, coi chuyện quốc gia là của quốc gia, chuyện mình là của mình, chẳng dính líu gì nhau, tựa hồ như sống ở một cõi trời đất nào khác. Thế sao gọi là trợn đạo làm người được?

Nay Triều đình nếu biết dân gian phần nhiều phạm tội này mà làm tưởng cho là phúc sao không sửa chữa lại một phen cho mình

bạch công bình để cứu dân khỏi cái xấu xa mờ ám. Dân khác nào trẻ con, bánh ngọt có thuốc độc cũng đòi cho được, vì nó ngon ngọt. Làm cha mẹ thấy thế phải giật bỏ đi. Vậy mới là thương con. Nếu để ăn vào sẽ cháy ruột không sao cứu được.

Tôi nói điều này thật không có ý gì khác. Đó là lẽ tự nhiên của trời đất, chỉ bởi người không hiểu mà thôi. Nay xin trước hết hãy chọn người thực tâm giúp việc, tuyệt đối không nhận lời nhần nhe gởi gắm của ai. Những người này sẽ đi khắp nước vẽ rõ ranh giới ruộng đất. Thí dụ như địa phận trong một xã bất luận ruộng lớn nhỏ xa gần đều phải mô tả hình dáng, đo đúng thước tắc vẽ vào bản đồ (Cách này rất tốt, không sót một tắc đất) rồi

phân chia phương hướng, ranh giới, đánh số rõ ràng vào bản đồ. Một xã có mấy trăm mấy ngàn sở ruộng phải đóng dấu xác nhận vào bản đồ. Xem xét đất đai tốt xấu để phân chia thứ hạng. Nếu ruộng xấu, thu hoạch chẳng bao nhiêu thì giảm thuế. Những ruộng bỏ hoang xét thấy không có cách nào cày cấy được thì loại ra. Phàm các tề đoàn tôi đã vạch ra ở trên đều chỉnh đốn lại hết. Như thế thì những sự gian dối, lậu thuế, thiên vị sẽ lòi ra hết. Nhà nước nhờ đó sẽ thu được đúng mức thuế, có lợi rất lớn, hợp công bằng, dân không so bì than oán. Các quan canh nông bên Tây thường đi thanh tra ruộng đất xem dư thiếu, tốt xấu ra sao (Họ có nhiều công việc khác nhau nhưng không có việc nào thiên vị lệch lạc). Từ chóp

núi đến lòng sông họ không để sót lọt một tấc đất nào mà dân vẫn vui lòng không than oán. Đó là nhờ đường lối chính trị công bằng của quốc gia. Nay hãy cứ hết sức làm sẽ trừ được gian lận, được công bằng không còn lệch lạc.

Điều thứ sáu: Sửa sang lại cương giới.

(Điều này liên quan với điều thứ năm. Nếu điều này được thi hành một cách tường tận thì điều thứ năm được rõ ràng thêm. Quốc dân sẽ được lợi lớn như các nước phương Tây).

Cảnh vực của một nước rộng hẹp bao nhiêu cũng như một nhà

có bao nhiêu vườn ruộng. Chủ nhà mà không biết hết gia sản của mình có bao nhiêu vườn ruộng, tọa lạc ở đâu, như thế là thiếu sót đối với gia đạo. Đối với đất nước cũng vậy, nếu không nắm vững cương giới một cách chính xác (Để nắm vững một cách chính xác tình hình cương giới phải dùng phương pháp mới của người phương Tây ngày nay chứ không thể theo phép tính điền ngày xưa. Như vậy sẽ được lợi vô kể) thì sẽ không biết rõ tình thế trong nước ra sao, chỗ nào núi rừng, chỗ nào sông rạch, chỗ nào hồ biển, chỗ nào ruộng nương, chỗ nào nước ghềnh, chỗ nào đất hoang, chỗ nào đất tốt, chỗ nào sỏi đá, chỗ nào sa mạc, chỗ nào thung lũng, chỗ nào thành thị, chỗ nào thôn quê, chỗ nào đất bằng, chỗ

nào hiểm yếu, chỗ nào đồn ải, chỗ nào cao khô chướng độc, chỗ nào có thổ sản gì thích hợp những giống gì, chỗ nào có nguồn lợi đất đai khoáng sản quý, chỗ nào mạch núi lên cao xuống thấp, chỗ nào ra vào qua lại được, chỗ nào có thể đào lấp, khai quang, chỗ nào đẹp linh, chỗ nào kỳ quan thắng cảnh, chỗ nào cổ tích, chỗ nào có quy cách ra sao, chỗ nào hợp với địa lý binh pháp (Đây là điểm quan trọng về chiến lược quân sự của quốc gia), chỗ nào xưa nay từng thay đổi, chỗ nào ở sẽ có lợi hại ra sao. Tất cả nếu không đo, vẽ trình bày ra cho thấy thì không những không rõ được cơ nghiệp quốc gia mà còn phạm nhiều thiếu sót đối với bao nhiêu việc lớn việc nhỏ. (Đem nước ta so với thế giới mà xem mới thấy mình

có nhiều thiếu sót. Tự xem mình sẽ thấy rõ ràng đầy đủ. Bởi vì cái gì mắt chưa thấy thì tâm suy nghĩ chưa đến. Nếu sau khi quan sát thế giới rồi chịu nghiên cứu cho sâu, học cho hết; sau đó nhìn lại nước mình mới thấy lời nói của tôi là thiết thực xác đáng). Bởi thế xưa Kinh Thư có thiên Vũ cống, nhà Chu có chức quan chức phương đi khắp bốn phương, nắm địa đồ trong thiên hạ, Trương Khiên dạo hết sông hồ đồng ruộng của Hung Nô, cho đến những điều sách địa dư chép, binh thư ghi, không sách nào không người nào là không chú trọng đến hình thế cương vực. Các vua hiền tướng giỏi đều ân cần vấn đề này. Thật vậy, đại thế của quốc gia đều xuất phát từ đó. Cho nên xưa nay ai cũng lo khảo sát

phân biệt vấn đề cương giới. Đến nay trên thế giới có nhiều nước đã hoàn bị rồi còn làm hoàn bị thêm. (Tôi thấy bản đồ cương giới của Trung Quốc ngày nay rõ ràng hơn của ta gấp bội nhưng so với các nước phương Tây, Trung Quốc chỉ đáng một phần mười).

Đối với các nước phương Tây đây là một ngành khoa học quan trọng có đề tài nghiên cứu rộng lớn. Nhờ đó họ mới tu chỉnh hoàn bị được nội bộ, mà còn bành trướng thế lực ra ngoài, tìm kiếm nguồn lợi ở các xứ khác để bù đắp vào chỗ thiếu của họ. Như người Pháp vừa mới đến Gia Định đã vội vã lo việc khẩn hoang cho đó là kế sách quốc gia hết sức quan trọng. Trái lại nước ta chính sách lớn

về cương giới chưa rõ ràng gì cả (Theo tôi thấy thì còn sơ sài lắm). Bởi vậy kế sách quốc gia thường thất bại, trong dân gian xảy ra nhiều vụ tranh chấp, ngày một tổn hao một phần là do đó mà ra. Cho nên có người đã nói: Nền chính trị có nhân đức chắc chắn trước tiên phải lo tu chỉnh cương giới.

Nay xin vẽ bản đồ tất cả các xứ trong nước. Về địa phận mỗi tỉnh, huyện, xã, thôn, phường, sách, động, trang phải đo đạc lại hết cho phù hợp bốn bên, xa gần, rộng hẹp, đồng thời mô tả hình thế mặt đất như tôi đã nói ở trên, rồi ghi chú rõ ràng vào bản đồ cả nước. Trong bản đồ phải có thuyết minh để thấy rõ các mối liên lạc. Vẽ bản đồ phải thực hiện nhiều loại, có loại

vẽ phân tích ra từng phần, có loại vẽ tổng hợp chung tất cả các phần vào một (Như lối vẽ của phương Tây), nhưng nói chung các bản đồ đều phải lấy độ số bằng dặm vuông để dễ suy toán (Khoản này tôi có biết ít nhiều).

Nước ta xưa nay vẫn xem thường việc này, hình như cho là chưa cần thiết, nhưng thật sự nó có ích cho ta rất nhiều không thể kể hết. Sau đó ta xem rõ địa thế đào nhiều kênh cho ghe thuyền đi lại giúp nhân dân đỡ tốn kém, rồi lại lập nhiều bến quan thuế để thu thuế (Khoản này làm lợi cho dân cho nước nhiều lắm, sau sẽ thấy). Hơn nữa kênh còn dẫn nước tưới ruộng phòng hạn, ta nên đặt chức quan chuyên trách về việc này để

thu tiền phí tổn đào vét như bên Tây có lập ra một bộ trông coi về việc thủy lợi như đào kênh để chứa nước hoặc vét kênh để tiêu nước v.v... (Khoản này tôi cũng hiểu đôi chút).

Tôi thấy nước ta có nhiều nơi ghe thuyền phải đi vòng mất hơn tháng nhưng nếu đi tắt chỉ mất chừng năm, sáu ngày. Hoặc có nơi nước chảy mạnh không thể ngược lên được như đoạn sông từ Nam Định lên Hà Nội. Trường hợp này không những mất nhiều thì giờ tốn hao tiền bạc mà còn nhiều lúc nguy hiểm đến tính mạng. Nếu đào kênh đi tắt, hàng hóa lưu thông nhanh chóng, mọi việc công tư đi lại dễ dàng, lợi biết bao nhiêu. Giả sử đi vòng đi chậm phí tổn mất 30

quan còn đi tắt đi thẳng chỉ tốn 5, 6 quan. Thế thì quan có thu thêm 7, 8 quan nữa cũng chẳng nhiều nhõm gì. Cái lợi của việc đào kênh ai cũng thấy. Chỉ có một khoản nước đổ xuống trong mùa bão lụt thường gây nhiều thiệt hại cho ta. Tuy nhiên không phải không có cách đối phó. Trừ khi nước biển dâng lên thì không cách nào ngăn nổi, chứ nước mưa thì khác. Nước ta nhiều núi ít đồng bằng, khi mưa nhiều nước mưa bị núi cản không thông nên dân bị thiệt hại. Nay nếu ta xẻ nhiều kênh dẫn nước chảy (Khoản này tôi có biết qua) thế nước sẽ yếu không lan tràn ngập lụt được. Ở đâu bị cũng vậy phải xẻ kênh chia ra nhiều đường dẫn nước đi. Đó là thượng sách.

Tiên triều đấp đê Đính Nhĩ thất bại là vì không rõ địa thế đi bắt chước đê Hoàng Hà của Trung Quốc. Đó chính là “ăn lại cái cặn bã của ngày xưa mà không tiêu hóa”! Cho nên trăm ngàn năm nay đê cứ vỡ hoại, dân bị thiệt hại vô cùng, quốc gia trù tính tốn kém biết bao nhiêu, cạn hết tâm trí sức lực mà không chống nổi. Vậy mà không chịu thay đổi, rốt cuộc đành chịu bó tay.

Nay tôi xin phân biệt chỗ thành công của đê Trung Quốc và chỗ thất bại của ta để cởi mở cái sai lầm từ ngàn xưa để lại.

Địa thế Trung Quốc phía Nam gặp sông Hoàng Hà, phía Bắc có hai cụm núi lớn. Trong khoảng đó

tuyệt nhiên không có một con sông nào xuyên qua. Xét bản đồ thì địa thế ở đó cao đến ngang mày. Hơn nữa hai cụm núi này, một chạy từ Lũng Hữu qua Hán Trung, Hà Nam đến Hồ Bắc. Tất cả các sông Vị, Lạc, Chương, Hoài đều phát nguyên từ đó mà đổ xuống Hoàng Hà; một cụm nữa chạy từ Thượng Cốc, Giáng Châu đến thẳng các quận ở Hà Bắc. Tất cả các con sông ở Hà Bắc đều phát nguyên ở núi này mà đổ vào Hoàng Hà. Từ Đại Hồ ra đến biển chỉ có một con sông này không thể phân nhánh ra được. Dòng nước ở thượng lưu chảy xiết do gần biển có vài trăm dặm. Vùng này toàn núi và đồi cát. Sức nước mạnh như thế mà còn không phá nổi làm nhiều nhánh hướng là sức người? Nay dù muốn đào nhiều kênh để phân

con nước ra nhiều nhánh từ mạn thượng du, không những không đào thế nào được một con kênh dài ngàn dặm, lại càng không thể đào thủng hai mạch núi lớn để cho nước rót vào mạn Bắc các tỉnh Sơn Tây, Trục Lệ và mạn Nam các tỉnh Hồ Bắc, An Huy.

Cũng như sông Lam ở Nghệ An, nhánh Bắc của nó chảy qua Tương Dương xuôi xuống, cách Hoàng Mai không xa, cũng không xuyên thủng được núi để chảy xuống Quỳnh Lưu mà phải quanh về phía Nam đến huyện La Sơn là vì bị thế núi chặn đường.

Còn các nhánh nhỏ hai bên Hoàng Hà đều bắt nguồn từ hai cụm núi kia mà chảy ra sông. Địa

thế hai bên bờ sông như thế là càng xa về phía Nam, Bắc càng cao dần, cho nên các nhánh sông ấy không thể chảy ngược mà đổ vào chỗ khác được. Đó là một chứng cứ rất rõ. Nay nếu đào kênh dọc theo hai bên sông sẽ làm tắc cửa khẩu của hàng trăm nhánh sông không đổ nước ra Hoàng Hà. Đó là điều rõ ràng không thể được. Đời Lương đắp đập sông Hoài không thành công là một bằng chứng.

Trước kia Trung Quốc có nhiều người bàn về việc phòng chống nước sông Hoàng thấy bất tiện muốn xẻ kênh vùng phía Đông của sông cho chảy về phía Bắc đổ vào sông Cô, nhưng núi non trùng điệp không thực hiện được. Đề nghị đó rồi cũng bỏ qua. Giả Nhượng thì

cho rằng phải dời dân ở Ký Châu đi, rồi phóng một con kênh cho nước chảy về phía Bắc đổ ra biển, đó là thượng sách. Do đó ta có thể thấy rằng không phải người Trung Quốc không biết việc mở các con kênh để chia thế nước, nhưng không thể nào thực hiện được cho nên buộc lòng họ phải đắp đê như cũ.

Còn địa thế nước ta thì khác. Một giải sông Lô từ Sơn Tây đổ xuống, tuy có chia ra một ít sông nhánh nhưng phía Tây sông Lô như vùng Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Hưng, Hà Nội, Nam Định đều đất đồng bằng, có nhiều chỗ trũng lại cách biển không xa, suốt bờ biển là bùn, có một vài chỗ cao cũng dễ đào. Không như Hoàng Hà, Đông, Tây trở ngại vì đồi cát, Nam Bắc bị

mạch núi chặn đường. Nay nếu ta đào nhiều kênh trong các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nội, Ninh Bình v.v... để phân tán thể nước thì nước sẽ yếu không chảy mạnh như trước. Dù có ngập tràn chút ít cũng chỉ ở những chỗ đất thấp mà thôi không đến nỗi cuốn trôi nhà cửa.

Vả lại các nhánh sông Phú Lương bắt nguồn từ Vân Nam, một nửa lượng nước chảy vào nước ta. Lại thêm nước vùng thượng bạn các tỉnh Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Yên, Sơn Tây tất cả đổ dồn về Hà Nội. Nay đê dọc hai bên bờ sông chỗ rộng nhất không quá hai dặm, đê dài từ trên xuống dưới không quá một trăm dặm. Với một khối lượng đất chừng đó mà chịu

đựng sức nước của mấy chục tỉnh to. Tức là đê mỏng hẹp mà sức chứa lớn làm sao khỏi phá vỡ được?

Về phía Tây Bắc Vân Nam núi cao chót vót, mùa Đông mùa Xuân tuyết đóng chưa tan, sang các tháng Hạ, Thu mặt trời chiếu tan đổ xuống. Đã vậy, mùa này có nhiều trận mưa to. Hai thứ hợp lại đổ xuống rất dữ dội. Lại nữa từ Sơn Tây lên đến Vân Nam mặt đất dần dần cao hơn mặt bể đến sáu bảy trăm trượng. Mỗi một giọt nước đều đổ xô xuống đồng bằng. Nếu nay ngăn lại cho chảy vào một con sông thì khi nước lớn mặt nước sẽ cao hơn đồng bằng đôi ba trượng. Lúc bấy giờ các huyện gần đê, nếu bị vỡ, sẽ bị hại rất khốc liệt. Còn cách đê càng xa, thế nước

càng yếu sẽ ít thiệt hại hơn. Đó là bằng chứng cho thấy rằng nước nên khai thông không nên ngăn chặn.

Lúc nhỏ tôi có đi dọc theo đê hai ba ngày, thấy mặt đê cao hơn mặt ruộng đến ba trượng. Bên trong đê dọc hai bên sông có nhiều đồng cát bồi cao hơn ruộng ngoài đê một hai trượng. Thế là khi nước tràn những đụn cát bồi này không khác những quả núi chặn nước lại. Như vậy dầu đê bằng đá cũng không chịu đựng nổi hướng hồ đê bằng đất! Tôi lại trông ra xa bốn phía dọc theo sông thấy có nhiều rạch, kênh, ao, vũng. Và từ Hà Nội ra đến biển đi lối bốn năm ngày, không phải như Hoàng Hà, từ Châu Phong, Từ Châu ra đến biển phải

đến mấy nghìn dặm đường.

Nay không cần phải phá đê mà xem địa thế đào thêm vài chục con kênh lớn tiếp giáp với cửa đê. Rồi lấy đất đó đắp hai bên bờ kênh làm thành đê nhỏ tiếp giáp với đê lớn thoai thoải xa dần. Ngoài ra xem địa thế, đào thêm nhiều đường nước nhỏ để khi nước tràn thì chảy vào không hại ruộng, tiện đi lại cày cấy gặt hái, bắt tôm cá và dùng nó như những cái hồ nhỏ để chứa nước khi có nước lớn (Hai bên sông có nhiều ao hồ thì ít khi bị ngập lụt, như sông Trường Giang ở Trung Quốc).

Những con kênh lớn này phía Bắc đổ ra Hải Dương, phía Nam đổ ra Ninh Bình thì khỏi lo nước chảy

ngược trở lại vào sông như trường hợp ở Hoàng Hà.

Vả nước từ trên cao đổ xuống, không có nước triều lên xuống, sẽ tống hết rác rến bùn lầy thì không đầy vài ba năm kênh sẽ rộng sâu thêm khỏi phải vét đi vét lại.

Nếu thực hiện thì chờ khi nước lớn tính xem mực nước đi đến bên trong đê là mấy thước. Sau đó tính diện tích đê từ Nam chí Bắc sẽ biết số nước chứa là bao nhiêu vạn thước khối. Trừ số nước dưới lòng sông ra, chỉ tính số nước dâng từ bờ sông trở lên mà thôi, thì sẽ biết phải khai bao nhiêu con kênh, sâu mấy rộng mấy, mới có thể chứa hết số nước đó. Nước đã có đường thấp để chảy thì làm gì có nạn ngập lụt?

Các nước phần nhiều có nạn lụt người ta đều lựa thế xẻ kênh tháo nước đi. Đó là dùng sức người để thắng thiên nhiên. Còn ta cứ phó mặc tự nhiên. Đã vậy còn ngăn đắp cái không nên ngăn đắp.

Hãy xem sông Cửu Long lượng nước của nó nhiều hơn bốn năm lần lượng nước của sông Lô mà Vĩnh Long không bao giờ ngập lụt vì nhờ có nhiều nhánh sông lớn. Đó là một bằng chứng rất rõ.

Dòng sông dòi đổi bất thường thì đê cũng phải sửa đổi theo, tốn công mãi mãi. Chi bằng thuận theo thế nước mà dẫn nó đi thì dễ dàng tiện lợi.

Nếu Triều đình cho là phải thì trong hai năm đầu hãy cho người

cắm tiêu theo khúc sông hẹp từ Diên Vương lên đến Hà Nội, cứ cách bốn năm dăm cắm một cây. Khi có nước sẽ sai người đến chờ ở đó xem nước lên đến mức nào, nước cạn đến mức nào phải ghi chép thật rõ ràng.

Ngoài ra truyền rao cho các nhà giàu xuất tiền cho nhà nước vay. Trước tiên tùy số tiền cho vay nhiều ít sẽ được ban khen. Sau đó tiền lời sẽ được trả khi kênh đào xong và lập trạm thuế. Mỗi năm, quan sở tại trả tiền lời cứ một vạn là một trăm quan. Khi nào tiền lời được gấp đôi số tiền đã cho vay thì chấm dứt và không hoàn vốn lại.

Trước khi khởi công độ ba bốn năm phải phái người thạo về đo đạc

địa thế tính toán thật rõ xem tổn phí nhân công, tiền bạc bao nhiêu cũng như chuẩn bị trước thật đầy đủ các thứ dụng cụ cần thiết.

Còn trong nước những chỗ nào xa cách đường nước cũng phải tìm cách đào kênh để đem nước vào ruộng và tiện giao thông.

Phía Tây nước ta, núi lớn cao hơn mặt biển, đất mặn trên gần chân núi cao hơn đất mặn dưới. Nay nếu đào mương ở mặn trên sẽ đưa được nước ngọt về đồng bằng. Nếu có hạn hán cũng đủ nước tưới còn mưa thì có chỗ tháo (Trên thế giới nước nào có nhiều núi cao, nước đó được nhiều nguồn lợi vô kể.)

Ngoài ra bên bờ kênh xem chỗ

nào có thể dẫn nước được thì làm một cái cửa đóng mở để thu lệ phí, công tư đều có lợi (Những việc trên đây tôi có thể làm được).

Phần đông các nước trên thế giới đã làm việc này rồi, chỉ có nước ta chưa làm thôi. Nay xin cử gấp người đi học tập khoa này. Chỉ sáu bảy năm cũng có thể dùng được rồi. Điều này rất quan trọng đối với chính sự quốc gia, không nên cho là cao xa khó làm mà không chịu hết lòng hết sức. Nước giàu mạnh không phải ở chỗ đất rộng dân đông mà ở chỗ biết sử dụng đất ấy dân ấy như thế nào. Nếu cương giới đã rõ ràng, khai thác hết địa lợi, của cải dồi dào thì kiến thiết cũng dễ. Điều khiến công việc nước cũng như điều kh-

iến công việc nhà, không phải chỉ lo mở rộng đạo lý của tổ tiên mà thôi đâu!

Điều thứ bảy: Nằm rõ nhân số.

Nước với dân như cha mẹ đối với con cái. Cha mẹ mà không biết mình có bao nhiêu con, giàu hay nghèo, nghề nghiệp ra sao, sống hay chết, ốm đau hay lành mạnh, vui hay buồn thì chưa trọn đạo làm cha mẹ. Một nước cũng như một nhà. Cha mẹ quý con, Triều đình quý dân.

Bởi vì nói trị tức là trị người. Nếu sót một người là một người bất trị, lọt mất cái gì là thiếu uy quyền cái đó. Công việc cũng vậy.

Một việc làm sai, tức lệch ra ngoài đường lối.

Nếu Triều đình không biết trong nước mỗi năm dân sinh được bao nhiêu trai gái, người già yếu bao nhiêu, cường tráng bao nhiêu, bệnh chết bao nhiêu, giàu nghèo bao nhiêu, dân chúng làm ăn sinh sống ra sao thì rất thiếu sót trong đạo trị nước.

Vì vậy phương Tây người ta giao cho lý dịch ghi rõ tất cả số người sống, chết, thọ, yếu, giàu, nghèo, trí, ngu, quan, dân, binh lính không sót một người nào. Mỗi năm người ta còn biên chép số hàng hóa xuất nhập khẩu, tàu bè ra vào tại các cảng thương mại, số khách trọ, số

người ngụ cư, người chính quán, người di chuyển đi chỗ khác tại các phố thị. Đồng thời còn đánh giá tình hình vật giá như lúa thóc, súc vật, lâm sản, hải sản, khoáng sản, sản xuất lên xuống như thế nào, gia sản giàu nghèo của dân chúng ra sao, tất cả đều ghi rõ không sót một việc gì và gửi lên Triều đình. Như thế Triều đình mới biết hết được sự thịnh suy lợi hại ra sao để điều tiết việc thu chi. Về chính sự bất luận lớn nhỏ đều phải tìm tòi không được sai sót một việc gì. Vấn đề này khó nêu hết được. Về thuế khóa nên đánh nhiều vào các nhà giàu và những nơi phồn hoa thương mại. Bởi vì họ thọ ân nhiều thì phải báo đáp nhiều, như trước tôi đã nói rõ.

Nước Pháp, thuế mỗi năm thu vào hơn hai nghìn triệu quan (Thuế thuốc lá trên một trăm triệu, thuế đường trên hai trăm triệu, thuế rượu trên ba trăm triệu, và rất nhiều thứ thuế khác) mà dân không than oán gì cả vì việc làm phân minh, trên dưới thông suốt. Cho nên dân biết rõ cái lẽ, cái thế, cái đạo, cái bổn phận phải làm như vậy.

Thử xem nước Bồ Đào Nha, dân số có hơn một triệu. Còn nước ta dân số ước đến hai mươi triệu (Nói chung tất cả mọi người). Vậy mà mỗi năm số thuế người ta thu vào gấp mười lần của ta. Dân chúng lại chẳng cho là thuế khóa hà khắc. Vì sao vậy? (Chừng nào nền học thuật nước ta rõ ràng, lúc đó mới

thu được nhiều thuế như phương Tây mà dân không kêu ca).

Nay nước ta, đối với các việc kể trên đều coi như không. Đó là tại ta không làm chứ không phải không làm được (Chừng nào có thể làm các điều trên, tôi sẽ đem các phương pháp hay ho của phương Tây đối chiếu với những ưu khuyết điểm của dân ta, lần lượt trình bày rõ).

Những điều trên sẽ đem lại lợi ích không thể kể xiết. Chỉ có làm mới dần dần thấy hiệu quả, mới dần dần phát sinh nhiều phương pháp hay. Giờ đây không thể nói hết ra mà hình dung được.

Phàm quốc gia đối với nhân dân muôn việc chẳng khác nào huyết

mạch trong thân thể. Nếu lưu thông trở ngại, nhất định sẽ sinh ốm đau. Đó là sự thật tự nhiên (Lẽ này khó thấy rõ, nhưng xét kỹ trên đời không có sự thật nào hơn).

Ngày nay chính quyền quốc gia hãy còn xa cách với dân chúng. Dân chúng có điều gì thì gian dối che đậy chính quyền. Trên dưới không thông suốt nhau, rõ ràng khiến sự gian dối của dân chúng ngày một nhiều thêm, quyền lực quốc gia ngày một giảm sút. Do đó nước càng ngày càng yếu, dân chúng càng ngày càng phân tán (Việc này tản mạn lộn xộn khó nói rõ nhưng rất quan hệ). Rồi trên dưới lòng dạ khác nhau, đảng nào

lo mưu lợi riêng cho đảng ấy thì làm sao thành một thể thống nhất được?

Tôi xin điều tra dân số không phải muốn để tăng thêm thuế ngay. Nhưng trước tiên là chấm dứt mọi gian dối xấu xa trong dân chúng, còn việc mưu những lợi lớn cho quốc gia thì sẽ tính sau (Hiện nay tôi thấy dân chúng lý dịch hễ đến cửa quan, bất luận chuyện lớn chuyện nhỏ, mở miệng ra là dối. Đó là một thói rất xấu mà không biết tìm cách sửa đổi)

Trong trời đất bất cứ ở đâu, làm một việc gian dối đều có tội. Gian dối nhỏ tội nhỏ, gian dối lớn tội lớn. Gian dối ở Triều đình là gian dối lớn, tội đó càng lớn hơn

nữa. Bởi vì chuyện đó làm được thì còn chuyện gì không làm được? Đã gian dối được thì cũng có thể làm phản được. Nếu cùng đường không gian dối được thì đâm ra oán trách muốn phủ nhận đạo nghĩa sinh thành. Thế chưa chống lại được nên miễn cưỡng phục tùng, kỳ thật trong lòng đã phản bội. Cái đó do đâu? Dĩ nhiên do lòng dân không có một đạo lý hay lành nào hướng dẫn nhưng cũng tại Triều đình không rõ mọi việc mới gây ra tệ đoan này.

Phàm quốc gia không sợ thiếu chỉ sợ không công bình, nếu có bên trọng bên khinh tức không còn công bằng vô tư nữa. Từ đó sinh ra nhiều tệ đoan không thể kể xiết.

Theo luật nước đã có điều khoản trừng trị về việc ẩn giấu nhân khẩu. Vậy mà không trừ được tệ ấy là vì không thấy rõ tệ ấy như thế nào? Chính các quan cũng ngầm biết dân gian có giấu giếm nhân khẩu nhưng cứ làm lơ như không biết để được cái đức khoan dung dễ dãi, kiếm chút phước về sau. Thật không biết đó chẳng là phước đức gì cả. Phước là phải thi hành đường lối chính sách công bằng, làm cho dân hết gian dối. Cũng có kẻ khoan nhu bảo rằng nếu không thế dân sẽ không chịu nổi. Cho nên đã không điều tra cho đúng sự thật. Nếu làm rõ ràng đúng luật lệ hành chính của Triều đình mà dân không kham nổi thì đó là luật không được hoàn thiện. Nếu luật hoàn hảo, mà người thừa hành lại hợp lý thế sự tình thì

có gì gọi là không kham nổi? Nếu nay còn có người có ý nghĩ như thế rõ ràng là luật chưa hoàn hảo. Lại có người nói: “Tuy có sót lọt ở trên quan nhưng trong dân thì chia ra mà chịu”. Chia như thế đâu phải Triều đình chia mà do bọn thổ hào chia. Bọn hương hào lý dịch ác ôn nhờ đó mà ăn cho no béo nên chúng mới gian dối đủ cách, chịu đánh đòn để mưu lợi riêng tư. Đến khi có người bất bình phát đơn kiện, bấy giờ quan mới trừng trị. Nếu thế sao trước lại âm thầm lờ đi để cho sinh tệ rồi sau lại dùng hình phạt bảo là gian dối? Như vậy có phải là gạt găm dân không? Tại sao trước không làm cho sáng tỏ rõ ràng để sau khỏi sai quấy? Nguồn nước đã khơi không thể nào chặn dòng nước chảy được. Vì vậy mà

trong dân gian có xã thôn nào mặc dầu vốn trù mật nhưng bị tật dịch chết một vài người thì tìm cách chạy chọt hối lộ quan lại nói là tổn thất nặng nề, số đinh giảm khá nhiều. Bọn này nói rằng: “Mất vài trăm quan tiền chẳng bao nhiêu mà giảm số đinh được năm sáu người, lợi ấy mới lâu dài”. Thế mà bảo là lợi, thật hết chỗ nói! (Những tệ đoan do bọn lý dịch và quan lại này gây ra nhiều không kể xiết). Còn dân các làng nghèo không tiền đút lót thì chỉ được một hai người. Tuy có kêu nài hai ba lượt, tổn của tổn công cũng không được xét gì vì quan nghi là cố ý vu khống. Do đó ngày một hư hao phải trôi giạt bốn phương là vì vậy. Sở dĩ ớn nước không thể chia sớt đồng đều, việc sắp đặt không được công bằng,

mò mẫm không phân biệt thật giả là do không nắm rõ số sinh số tử trong dân chúng. Thêm vào đó lúc bình thường cứ bao che để cho kẻ điêu ngoa xảo quyết nhân đó thủ lợi, mảnh khóe gian xảo ngày một tinh vi. Còn kẻ ngay thật đã chẳng được gọi ơn lại cứ phải cong lưng chịu thuế. Chi bằng hãy điều tra rõ ràng xác thực như phương Tây; suy, thịnh, tình trạng nào thích hợp tình trạng nấy; nhiều, ít, mạnh, yếu, không thiên vị bên nào cả. Như thế mới có thể chấm dứt cái tội lừa dối quan trên.

Do nẩy ra ý kiến muốn tăng số đinh, nước ta đã đặt lệ duyệt lại. Nhưng người ta chỉ dựa vào số lão nhiêu, lão hạng, tuyển lựa lại điền vào cho đủ số. Làm thế là cứ theo

lý mà bắt dân. Do đó dân cũng phải theo lý mà tìm cách đối phó. Kết quả chẳng rạch ròi phân minh gì cả, khác nào người bói cầu may, được tốt hay tốt được xấu hay xấu, có công bằng gì đâu?

Phàm con người sinh ra, nhiều, ít, nên, hư đều theo một trật tự do tạo vật xếp đặt chủ trì. Xem trong một nhà, một làng thấy có đầy, vơi, hư, thực, không bằng nhau. Nhưng tính chung trong toàn tỉnh hoặc cả nước thì thấy cứ một thế kỷ số người lại tăng lên gấp đôi. Đó là lý nhất định. Phương Tây người ta tính rõ rằng mỗi nước cứ trong khoảng ba mươi năm, đối chiếu số sinh số tử thì thấy số chết một mà số sinh gấp đôi. Tức là chết một sinh hai, và số con trai nhiều hơn

số con gái là một phần mười một.  
Đó là con số chắc chắn.

Nhưng trên địa cầu, có giống tốt phước, có giống vô phước. Đó là lẽ tiền định của tạo vật, nếu không xét kỹ nguồn gốc trời, đất, người, vật không thể nào hiểu thấu và tin tưởng lẽ ấy được. Tuy nhiên cứ xem các nước xưa nay cũng có thể biết rõ chuyện ấy có thật. Giống tốt phước ở Đông Châu (Đông bán cầu của quả đất là Đông Châu, Tây bán cầu là Tây Châu) như người phương Tây, người Ấn Độ, người Mông Cổ, người Trung Quốc, người Nhật Bản, người nước ta. Những giống dân này mỗi ngày một thịnh, mỗi thế kỷ tăng lên hai lần rưỡi. Cứ xem dân ta từ khi vào đất Biên Hòa đến nay gần một trăm sáu

mười năm mà đã nảy nở rất phồn thịnh. Đó là một bằng chứng. Còn giống vô phước như các dân da đen ở phương Nam, dân Thổ Nhĩ Kỳ, dân Mã Lai (ở các đảo ngoài biển) dân Miến Điện, Xiêm La, Cao Miên, Chiêm Thành và các nước Tây Vực. Giống dân này ngày một điêu tàn, nay đã đứng lại không phát triển nữa. Còn như Lâm Ấp, Phù Nam gần nước ta, nay không biết biến mất tiêu đi đâu. Đó là ruột bằng chứng.

Phàm loài người hễ giống có phước thì mỗi ngày một thịnh. Nước ta là một trong những giống có phước trên quả đất này. Nay tuy có bị thử thách đôi chút, nhưng lâu dài về sau, chắc chắn sẽ được mở rộng cõi bờ, làm sáng tỏ cái bí

tàng của trời đất. Núi sông hai bên bờ dòng Cửu Long, nơi để về già hưởng nhàn của nước ta, đang sẵn sàng chờ đón. Nước ta đã được đặt để là đất phước lâu dài trong trời đất. Tại sao không phần khởi thừa hưởng. Tại sao cho sự mở mang là sai? Như thế là lười nhác, hàm hồ! Tạo vật đã muốn cho dân ta tăng nhiều, thế mà lại giấu giếm giảm bớt đi. Trên dùng lý lẽ để ràng buộc dưới, dưới dùng lý lẽ cách này cách nọ để che giấu trốn tránh trên. Như thế thì làm sao được?

Phàm dùng lý chỉ dùng trong việc xử đoán hình phạt, mà khi nào không dùng tình được thì mới dùng đến lý. Lý là mệnh lệnh gắt gao. Tình là cái đôn hậu hòa dịu. Nếu trên dưới không đối xử

với nhau bằng sự hòa dịu để cùng hưởng phúc mà bằng sự sát phạt gắt gao thì mỗi ngày sẽ suy tàn mà thôi. Tạo vật sở dĩ muốn dùng giống tốt rải khắp trời đất và cho quyền lực sai khiến sắp đặt giống loài là để hoàn thành cái ý của tạo vật, để phân chia cho tộc loại mình những phần đất mà các giống vô phúc không đáng hưởng!

Hãy xem liệt tổ Triều đình ta khai thác đất miền Nam, chăm lo dời dân mở đất. Đến nay từ Ải Vân vào Nam, giống ta ngày càng đông đúc, man mọi ngày một tiêu dần, để lại cho quốc gia không biết bao nhiêu ơn nhuần thấm. Đó là mở rộng đất đai xây dựng giống nòi (Đoạn sau của điều này tôi xin dời bọn tù tội và lưu manh vào miền

Tây cũng do ý đó). Như thế không đáng phẫn khởi sao?

Sĩ thứ muôn dân sao không nghĩ rằng của cải của quốc gia nên giao hết cho Triều đình giữ để quyền nghi phân bố đồng đều, ai cũng được hưởng cái phần đáng hưởng của mình, không tranh giành lấn áp, phải người phải ta, cùng hưởng yên vui lâu dài. Triều đình chẳng qua là đại diện làm công việc thu phát còn hưởng là dân hưởng.

Nếu dân biết bày rõ chân tình, quan thuận theo đó mà điều tiết thì tự nhiên cao thấp, lớn nhỏ đều được công bằng thỏa nguyện. Như người thấp chẳng tranh lấy áo dài làm chi, mọi người đều giúp đỡ nhau xây dựng sự sống còn, không

ai thái quá, không ai bất cập, cũng không còn tâm địa xấu xa phân biệt chia rẽ nữa (Đây là chuyện chắc chắn có thể làm và tất hữu trong đạo làm người chứ không phải như thuyết Tề vật hoang đường). Đây là một chân lý rất kỳ diệu, khẩn thiết đối với nhân loại. Chỉ vì không rõ chân lý ấy mới có cảnh quân tử phạm lễ nghĩa, tiểu nhân phạm hình luật mà chẳng ai lấy làm lạ thản nhiên như không để đến nỗi cả nước mạnh hiếp yếu, thù nghịch mâu thuẫn nhau mà suốt đời chỉ tìm cách che đậy, dối trá chống lại bề trên. Dầu có người cao thượng, thấu đáo cũng bị vướng mắc tục làng mà không khỏi rơi vào tệ lậu ấy. Làm quan trên mà không nắm vững số hộ khẩu nhiều ít, điều hợp để thành một khối, thế lực quốc gia

do đó sẽ ngày một hao mòn. Như thế là tuy muốn lợi mình mà thành hại mình.

Nếu nước nhà không yên, thử hỏi những làng xã giàu có, đông dân, những bọn trốn sâu lậu thuế có trốn lên tiên ở được không? Có cày cấy làm ăn được không? Trường hợp này cũng giống như hai người khiêng một vật mà bên nặng bên nhẹ không đều. Như thế làm sao khiêng lên được? Nếu cưỡng bách khiêng lên, trật chân một cái không những bên nặng nát mà bên nhẹ cũng tan. Đó chính vì lòng riêng tư mà hại đến việc chung cả nước.

Phàm việc đời nếu đã không đem tình ra cư xử với nhau thì đạo làm người không điều hòa, ơn huệ

và uy quyền không thỏa đáng. Từ đó những bọn ngang tàng trái lẽ mới quấy rối gây chia rẽ, cách ly trên dưới. Có oan khổ khó giải bày. Muốn thưởng phạt không sao định được. Lúng túng ngập ngừng như đưa tay vướng lưới, cất bước sập hầm. Trên không còn cách nào trị dân cho khéo, dưới không có cách nào yên ổn làm ăn (Đại khái chuyện đời là thế, nhưng thật khó mà phân biệt, nếu không sâu sắc tình đời không thể thấy rõ được). Đó là do những bọn thiếu tình người gây tai hại. Thật rõ ràng như vậy.

Do đó mới thấy rằng lý vốn do tình mà ra. Người trị nước quý hồ ở chỗ thấu suốt tình dân. Có tình thì mới có dân.

Việc nhân sự không gì quan trọng bằng nhân số. Trị nước mà không nắm rõ nhân số để cho giấu giếm sót lọt thì còn chuyện gì không sót lọt?

Các nước phương Tây lập pháp rất chặt chẽ thể mà lại rộng rãi. Bởi vì tất cả đều có luật pháp không thể gian dối được, cho nên người ta không gian dối, cũng không có ý nghĩ muốn gian dối. Họ sống yên ổn trong luật pháp, không cảm thấy bị luật pháp ràng buộc, nên tựa hồ như luật pháp ấy rộng rãi.

Còn ta cũng lập pháp mà không ngăn chặn nổi tệ đoan là vì luật pháp nước ta chưa chặt chẽ, còn sơ hở để tệ đoan sinh ra. Họ cũng người, cũng nước, cũng dân, sao

luật pháp thi hành được còn ta thì không?

Các nước phương Tây chưa bao giờ có chuyện bãi tô giảm thuế mà tình gắn bó giữa dân với nước thân thiết khác hẳn tình trạng nước ta biết mấy (Điều này tôi đã trình bày trong tập “Ngôi vua là quý chức quan là trọng”). Bởi vì họ có thể theo đạo trời làm đúng lẽ tài bồi chở che, xử sự hợp lý. Cho nên luật pháp tuy nặng nề tựa hồ vô tình mà lại rất có tình. Chính vì lẽ ấy Khổng Minh nói: “Trị đời bằng đức lớn chứ không bằng ơn mọn”.

Nay nếu Triều đình không chỉnh đốn lại thì kẻ sống trong pháp luật ít, kẻ ngoài pháp luật nhiều. Quan trên quý hồ nắm lý lại có nhiều tư

vị nên không thể hết lý. Dưới dân quý hồ ở tình lại có nhiều gian dối không thể hết tình. Tình lý không thông làm sao xây dựng đất nước tốt đẹp được?

Nay xin lập sổ bộ thống kê lại đầy đủ không luận gái trai già trẻ. Việc này giao trách nhiệm cho tri huyện và tổng lý phải ghi rõ ràng trình lên. Như chính quán bao nhiêu, ngụ cư bao nhiêu, nghề nông nghề dệt bao nhiêu, người học chữ bao nhiêu, làm thợ bao nhiêu, buôn bán bao nhiêu, bao nhiêu người không có nghề nhất định, bao nhiêu người mồ côi cha mẹ, góa vợ góa chồng, bao nhiêu người tàn tật, bao nhiêu quan, binh, chức sắc, bao nhiêu người làm thầy thuốc, thầy bói số. Mỗi năm đều ghi rõ ở dưới là còn

tiếp tục hành nghề cũ hay đã đổi nghề khác. Cũng phải ghi rõ mỗi nhà sinh được bao nhiêu trai gái, chết vì lý do gì. Nếu lý dịch và nhân dân ai cố ý khai dối sẽ bị trừng trị nặng. Nhưng trước hết Triều đình phải cáo thị cho dân chúng rõ là nhà nước sẽ thi hành nhất luật như vậy và làm thế không phải để tăng sưu thuế mà muốn đem lại sự thật, chặn đứng mọi gian dối. Hơn nữa dần dần nhân đó bớt chỗ nhiều thêm chỗ ít cho hợp lý, tương trợ lẫn nhau để cho ngày càng thắt chặt mối liên lạc trong nhân dân. Ai trước đây đã giấu giếm số đinh, lần này phải khai thật sẽ không bị tội.

Để chuẩn bị việc điều chỉnh, trước hết trong những năm đầu

mỗi năm phải soát lại sổ đình xem tăng giảm ra sao, sau mới phân loại xếp hạng, chỉnh đốn toàn bộ lại hết. Có như vậy sưu thuế mới công bằng thích hợp, tình trên dưới mới không còn ngăn cách.

Việc chính trị trong nước không gì quan trọng bằng sổ đình. Sổ đình đã ổn định rồi, bấy giờ mới có thể từ từ tính toán sắp đặt mọi việc trong dân gian, như đã nói ở đoạn trước.

Ngoài ra còn những bọn tù tội, ăn của nhà nước thì phải làm việc, không nên để chúng ở không. Vì ăn ở không là gốc của mọi tội lỗi. Cứ xem những tù thường phạm thì biết chúng đều là những kẻ ăn chơi biếng nhác không muốn làm

việc, hoặc đam mê hát xướng, hoặc không có chuyện gì cần thiết mà cứ bôn tẩu ngược xuôi, cho đến những bọn côn đồ đàn đúm nhau bài bạc rượu chè rồi sinh sự điêu ngoa bày mưu kiện tụng, cho đến những bọn bói khoa, xem phong thủy, bùa chú. Lại có những kẻ mượn cơ dạy học kiếm ăn thế mà lặn lội không sót một chỗ nào, lời nói và hành động của họ gây nhiều tai hại và rối loạn trong dân chúng.

Vậy sau khi đã kiểm tra nhân số một cách rõ ràng chắc chắn rồi, hãy tầm nã rộng rãi những bọn này tập trung lại quản thúc gắt gao, tổ chức thành đội ngũ, cấp phát áo cơm, rồi bổ sung vào làm việc binh

dịch. Phải bắt chúng cực nhọc thể xác, khốn đốn tinh thần, chúng mới hồi đầu tỉnh ngộ. Hoặc dời cả gia đình chúng đến những bìa rừng xa xôi để khai khẩn đất đai, phá núi mở đường. Nếu làm được sẽ cho chúng được quyền hưởng dụng vĩnh viễn.

Xưa từ đất Ngũ Linh trở vào Nam vốn là vùng đồng hoang nước đọng. Tần Hoàng, Hán Vũ đưa tù tội đến đó khai khẩn, nay trở thành miền đất phì nhiêu thu lợi vô kể.

Các nước phương Tây cũng dùng cách này mà làm cho Tây Châu ngày nay trở thành giàu có sung sướng. Những việc đó là đày đọa tù mà cũng là làm phước cho tù vậy. Hiện nay người Anh vẫn còn

di cư những đám dân nghèo đến các vùng hoang vu cho khai khẩn, nhằm thu lợi trăm năm sau.

Những chỗ sát biên giới phía Tây nước ta cũng nên dần dần chinh đồn lại. Những làng xã nào có dân nghèo không kế sinh nhai thường bỏ đi làng khác và những bọn vô lại đầu gành xó chợ đều phải lừa đi hết ra khỏi làng. Tôi thấy trong dân có những hạng người làng xóm không ưa, do từ mặc cảm đó họ gây nhiều tội lỗi. Nếu những người này chết hoặc đi đâu cho khuất mắt thì ai cũng mừng. Lại có nhiều bọn ăn cắp móc túi. Phố chợ nào cũng có bọn này, bọn nào có địa phận ấy. Có bọn còn cấu kết ăn chia với hương hào làm cho dân chợ khổ mà dân những chỗ buôn bán càng

khổ hơn. Những bọn người bất nhân này đã là giặc dã man đối với dân chúng, sao không dẹp yên đi, đưa hết bọn chúng ra ngoài biên giới cho hợp với ý muốn của dân? Hãy lựa trong chúng những tay quá quắt nhất mà không nhà cửa, tập trung quản thúc bắt đi làm các dịch vụ công cộng như đào kênh, vỡ đất, trồng cây... Đó là phương pháp hay nhất. Đối với bản thân chúng, được lợi ích vì cải tạo tư tưởng hành động, dân chúng thì được yên ổn và quốc gia thì được lợi ích không thể kể hết. Nay xin nêu một số dễ thấy nhất như sau: Một là dân khỏi bị hao tổn ám hại, hai là khỏi nạn trộm cắp, ba là khỏi kết bè đảng làm tội ác giữa bọn này bọn kia, bốn là khỏi bị cướp giật giữa đường giữa chợ, năm là khỏi

tụ tập chuyện nhỏ làm ra to, sáu là khỏi lây xấu sang người khác, bảy là tránh cho dân khỏi tội vì tức giận chửi rửa chúng, tám là tránh cho dân khỏi bị bọn chúng vu oan giá họa, chín là bọn nhà giàu ác độc không còn bọn này để mượn chúng đi hành hung con nợ để đòi nợ như quan nha quyền thế, mười là bọn giặc không còn đâu để giả dạng thông tin tức cho nhau, mười một là giúp chúng có cách làm ăn sinh sống, mười hai là có thể làm cho chúng tuyệt đường hung ác, mười ba là có thể qua thử thách đó chúng tỉnh ngộ hối lỗi trở về nẻo lành, mười bốn là bị bắt buộc làm việc mỗi ngày sẽ bỏ được tật lười biếng, mười lăm là do bị bắt buộc làm việc mãi mà quen nghề, mười sáu là đã có bọn này làm các tạp

dịch khỏi cần bắt dân, mười bảy là từ Kinh đô đến tỉnh có bọn này quét đường, trồng cây tưới nước, đổ rác, đường sá sạch sẽ không khí trong lành dân ít bệnh, mười tám là cỏ rác gạch ngói xà bần có bọn này đem đi lấp những chỗ sinh lầy biến thành ruộng tốt, mười chín là có khai mỏ đã có bọn này khiêng vác chuyên chở khỏi mướn nhân công, hai mươi là những nơi rừng sâu hoang vu đã có bọn này khai phá dần dần trở thành kang trang. Vài mươi điều kể trên đem lại lợi ích lớn cho quốc dân và cả cho chúng nữa. Tuy nhiên trong đó cũng không khỏi có điều tệ Nếu khéo dùng chúng thì tệ ít mà lợi nhiều. Bọn chúng được đưa đến đâu thì quan quyền ở đó quản thúc chúng lại để đề phòng những

chuyện không hay xảy ra. Sau đó cho phép các linh mục và đạo đồ đến các điểm tập trung, như ở các vùng biên giới các châu, sách xa xôi, để giảng đạo giúp đỡ giáo dục chúng. Bởi vì các giáo sĩ có nhiều phương pháp hay giàu thiện chí, nhẫn nại và chịu cực giỏi mới có thể ở với chúng được.

Phương Tây xưa có nhiều giống dân hung dữ chưa khai hóa, như dân Bồn Man, Vạn Tượng ngày nay, phần nhiều đều nhờ các giáo sĩ chịu khó mở mang giáo hóa mà về sau dần dần trở nên thịnh lợi. Chuyện ấy sử sách các nước phương Tây còn ghi và sách Doanh hoàn chí lược của Trung Quốc cũng nói đến chứ không phải tôi dám bịa ra hòa theo nói tốt cho họ đâu.

Phàm những người chỉ mới gây những tội ác nhỏ chưa đến nỗi nào, nhưng nếu không sớm xử trí, dần dần sẽ trở thành tội ác lớn. Tội ác nhỏ mà chất chứa suốt đời cũng bằng một tội ác lớn. Ví như nước làm đắm thuyền vậy. Nước vào thuyền bằng lỗ lớn hay rịn vào khe nhỏ cũng thế. Nếu không nhét sẽ làm đắm thuyền như nhau. Xưa nay những vụ loạn nghịch khởi đầu tuy chỉ do những bọn ham giàu sang xướng xuất lên, sau mới tụ tập những bọn lưu manh mà xúi giục chúng. Thế mà bảo những cái xấu ác nhỏ không có hại sao? Hơn nữa, những người này vốn cũng là dân làng, cùng nhau chung sống, lẽ nào không có tình tương thân tương ái. Thế mà nay chúng đã làm cho mọi người không chịu

nổi chúng, thì sao gọi là không có tội được? Phạt chúng là hợp lẽ công bằng. Nay tách chúng riêng ra là phải. Như thế tuy nói là phạt mà thực ra là để giáo dục chúng. Có gì mà phải tội nghiệp? Diệt cỏ xấu để khỏi làm hại lúa. Bọn lưu manh du đảng trong làng giống như ôn dịch phải sớm dùng thuốc chữa trị, không sẽ truyền nhiễm lan tràn, không thể trị hoãn được. Nếu bảo rằng gom chúng lại một chỗ chúng lại càng gây nhiều tội ác hơn. Thế là chưa hiểu. Sở dĩ chúng dám ngang tàng là vì đám người bình dân lương thiện không muốn hơn thua những chuyện nhỏ mọn với chúng. Hoặc giả có người nghĩ rằng nhổ cỏ không nhổ hết rễ sẽ bị bọn chúng trả thù. Có người nghĩ rằng giải nộp một tên trộm

phải mất công chờ chực hầu tòa khai báo phiên phúc, không bao lâu chúng lại được tha về làng trở lại. Vì vậy mà người ta bỏ qua nên chúng không kiêng sợ gì cả. Có chỗ dung túng để làm điều ác, càng lúc chúng càng lộng hành. Nếu giữa bọn chúng với nhau thì đứa nào như đứa nấy sẽ kìm chế lẫn nhau không thể trở ngón ngang tàng với ai được. Không làm ác được, tức tự nó đã có cái thiện trong đó rồi. Còn đứa nào hung dữ quá thì xiềng lại, bắt làm khổ sai, như con ngựa chứng đã có dây cương hàm thiếc, không cắn đá vào đâu được (Ở phương Tây những người tội nặng không bị xử trảm hay xử绞 mà chỉ xử khổ sai chung thân, trừ trường hợp phạm tội ác nhiều lần đáng chết mới xử绞). Đây là

điều quan trọng đối với việc trừ tặc làm phước. Trong đó có nhiều chi tiết rất quan hệ với nhau. Xin quan sát dân gian ngày nay và suy nghĩ kỹ mới thấy bọn này là mối tai hại lớn của nhân dân. Ở phương Tây người ta đầy những bọn này qua Tây Châu và qua các đảo xa xôi cho chúng khai hoang. Nhờ vậy trong nước ít trộm cướp, nhân dân yên ổn làm ăn. Nay ta cũng nên phân loại ra thi hành dần dần, sẽ thấy có kết quả.

Điều thứ tám: Lập Viện Dục Anh và Trại Tế Bần.

Vua Văn Vương thi hành chính sách nhân đức trước hết là đối với hạng người cô độc. Vua Nghiêu

vua Thuấn thương người trước hết là hạng nghèo khổ. Đó là thể theo cái đức lớn của trời đất mà bù đắp chỗ thiếu sót của loài người. Bởi vì trong thế gian có người nghèo khổ mới tỏ rõ được cái đức bố thí, có kẻ mồ côi mới có cái ơn dạy dỗ. Đó là tạo vật chữa chỗ thiếu sót cho loài người tạo ơn đức. Nếu không, Nghiêu, Thuấn, Văn Vương không làm sao sáng tỏ cái đạo đức của mình được.

Con người ta mang ơn nặng của cha mẹ là ở chỗ nuôi nấng dạy dỗ, che chở, xây dựng nên người. Nếu chỉ có công sinh ra mà thôi, thì chẳng khác nào loài vật. Vì đó là tính tự nhiên. Bởi vậy loài vật không có đạo hiếu thảo. Loài vật thành được loài vật hoàn toàn do

sức tự nhiên của tạo hóa, không quan hệ mấy may gì đến ơn dạy dỗ xây dựng. Cho nên đối với loài vật cái ơn ấy thuộc về tạo hóa. Chúng được sinh sống trong điều kiện tự nhiên mà không hề biết đến. Chúng không thể làm sáng tỏ cái chủ trương có tính linh sáng suốt như con người. Vì thế tạo hóa mới dùng con người để hoàn thành cái đức dạy dỗ nuôi nấng của trời.

Nay thử bắt một đứa nhỏ rời vú mẹ đem bỏ ở chỗ hẻo lánh không người. Không cha mẹ nuôi nấng che chở chắc phải chết, làm sao khôn lớn nên người được? Vậy thì cái ơn sinh ra đó cũng như không sinh. Nếu sinh ra mà để cho khổ não đến chết là không làm hết cái đạo làm người, thế chi bằng đừng sinh còn

hơn. Nói về công sinh đẻ, dĩ nhiên không thể phủ nhận ơn, nhưng kỳ thật đó vốn là lẽ tự nhiên của tạo hóa, không sinh không được. Vậy cái quyền sinh ra không thuộc về cha mẹ. Cho nên chỉ nói “sinh” mà chưa nói đến “thành”. Đến lúc sinh ra rồi, muốn nuôi hay muốn bỏ là quyền của cha mẹ. Như Trung Quốc sinh con gái thì bỏ, như man rợ ăn con. Những đứa trẻ ấy nếu biết, chúng sẽ oán hận vô cùng kẻ đã sinh ra chúng, còn nói gì đến ơn nghĩa? Vậy cái công bảo toàn đó không thuộc về tạo hóa mà thuộc quyền chủ trương của cha mẹ, nên mới gọi là sinh thành. Tôi nói như thế không có ý khinh bạc cái công sinh đẻ, nhưng bàn về cái công nuôi dạy so với sinh đẻ thấy nặng hơn nhiều. Nếu vậy thì những kẻ

mồ côi không nơi nương tựa bị vứt ngoài bụi ngoài bờ mà được người nuôi dạy lớn khôn nên người, thử hỏi công ấy có hơn công cha mẹ đã sinh ra không?

Phàm con người có lập ra vua, nước, luân thường, uy quyền, chính sự, luật lệ, công thủ, trừng phạt, v.v... Tóm lại mọi sự cũng chỉ để hoàn thành con người, sao cho sống chết không có điều ân hận mà thôi. Cho nên cái đức của trời đất là bảo toàn nuôi dưỡng muôn vật còn bốn phận của loài vật là tự bảo vệ gìn giữ lấy mình. Chính vì vậy tạo hóa sinh ra muôn vật đều ban cho cái bản năng bảo vệ. Riêng loài người hình như còn thiếu. Không phải tạo hóa cố ý làm thiếu, kỳ thật là để cho ta có cái đức giúp đỡ

nhau, hoàn thành cho nhau đó thôi. Như trong sách đạo có nói: Trong con người gồm đủ tất cả những cái tốt xấu của muôn vật.

Hiện nay trong nước có một hạng người không khôn lớn nên người được, không sống trọn đời được. Làm kẻ bề trên có quyền hành trong tay, nếu không giúp đỡ chăm nom họ tức thiếu sót cái đức hoàn thành cho nhau. Cho nên bên phương Tây, nhà nước đặc biệt ủng hộ khuyến khích việc nuôi trẻ mồ côi và giúp đỡ người nghèo khổ. Ở Anh có đạo luật nói rằng nếu trong làng có người nào nghèo khổ không thể tự nuôi sống được thì giao cho những người giàu có trong làng nuôi. Cả nước những người có tiền của, hàng

năm đều xuất tiền giúp người nghèo trong làng, ít nhất cũng năm trăm quan. Đó là luật nước bắt buộc, ai cũng phải làm, trừ những người có lòng tốt thường đứng ra xuất tiền phát chẩn. Ngoài ra còn có những trường dạy trẻ miễn phí, nhà trọ, nhà dưỡng lão, nơi phục hồi nhân phẩm cho gái mãi dâm, nhà thương, nhà nuôi trẻ mồ côi, nơi nuôi chữa người tàn tật. Những cơ sở từ thiện này ở đâu cũng có, không những do nhân dân vì lòng thương xót tiết giảm lãng phí quyền góp làm ra, mà cũng do nhà nước khéo biểu dương khuyến khích nữa. Cũng bởi vì đạo nhân ái, việc cần kíp trước hết là nuôi trẻ mồ côi, thứ đến là cứu giúp kẻ nghèo. Còn đối với những người đã trưởng thành, những gia đình

sung túc, tự họ đã gần chu toàn rồi đâu cần cứu giúp nữa? Viện dục anh tế bần là làm cho những kẻ sắp chết được sống lại. Công đức ấy thật vô lượng!

Người ta thường nói: Người chết không thể sống lại, vật hư không thể lành lại. Đó là luật thành hoại của tạo vật. Nhưng đối với con người, điều đó chưa làm thỏa mãn. Nay có người chưa đến nỗi phải chết mà sắp chết, người ta có thể làm cho sống, vật chưa đến lúc hư mà hư, người ta có thể làm cho nguyên lành được. Như thế không hơn luật nhất định của tạo vật hay sao? Cho nên trong sách có câu: “Ca ngợi sự giáo hóa nuôi nấng của trời đất thì cũng có thể tham dự được với trời đất”. Ai là người

để ý đến cái đức của trời không thể không để ý sâu vào câu nói này.

Về công việc cứu tế, bất luận nước nào, đạo nào, đã là người không ai không cho đó là việc đạo đức tốt đẹp. Biết vậy nhưng ít ai làm. Tại sao vậy? Nếu nói khó với dễ thì tế bần còn dễ hơn dục anh. Dễ còn không làm huống gì chuyện khó. Như Trung Quốc xưa nay xưng là nước lễ nghĩa thế mà chưa hề nghe việc này được nói đến trong chính sách nhà nước! Thỉnh thoảng tuy có nhắc đến, nhưng đó chỉ là một sự xúc động lương tâm nhất thời mà thôi, chưa có một chính sách thi hành nhất định như luật pháp phương Tây. Đó là chưa nói đến những kẻ thừa hành ở dưới chẳng xem những lời nhắc nhở ấy

có giá trị. Nói chung, tuy ở trên không thể làm hết mọi việc, nhưng trong dân gian chưa nghe có ai họp nhau lại, đem lòng nhân ái ra mà bàn luận việc lập hội từ thiện cứu tế như ở phương Tây. Tôi thấy hiện nay ở Trung Quốc cũng như nước ta, người ta thường dán nhiều tờ kêu gọi ở ngoài đường. Đứng đầu phần nhiều là những người danh vọng nho nhã. Nhưng nội dung thì kêu gọi lập đàn cúng tế, hoặc hát tạ thần, hoặc đúc tượng Phật, hoặc lập bài vị thần, hoặc đúc chuông, sửa chùa, hoặc hội họp văn chương, hoặc làm đình làm mộ, dùng văn chương lời lẽ hay ho để vui lòng đẹp mắt, hy vọng lôi cuốn được nhiều người. Những người này ai quyền góp được nhiều thì bảo là háo thiện! Chẳng biết những việc

ấy có thiện gì mà gọi là háo? Chỉ có háo danh mà thôi! Ngoài đường có người đói xin miếng cơm thừa canh cặn mà còn nhẩn tâm không cho. Gần nhà có trẻ mồ côi ngồi khóc bên vách còn nỡ nhắm mắt bỏ đi. Vậy mà bảo là háo thiện? Tôi đã mục kích không biết bao nhiêu những chuyện giả đạo đức để cầu danh, còn cái đạo đức chân thật hợp với tạo hóa thì bỏ nó đi như đồ ô uế. Thế thì đừng lấy làm lạ tại sao tai ương hoạn nạn lan tràn khắp xứ. Đó là vì uống dùng của đời mà không biết khéo dùng cái phúc ở đời tạo vật đã ban cho ta, chia sớt cho người bất hạnh.

Tôi thấy hiện nay Triều đình có xuất công quỹ lập viện tế bần để nuôi người nghèo khổ. Nhưng

vì người thừa hành không làm hết nhiệm vụ, nên chỉ có danh nghĩa mà thực tế những người nghèo khổ không được hưởng sự cứu giúp bao nhiêu.

Không bằng phương Tây người ta tự mở đồn điền, cất nhà lớn, nhiều người hảo tâm bỏ tiền ra giúp. Ở các nhà thờ, trường học tư, nhà chung v.v... đều có đặt hòm cứu tế. Ai muốn giúp đỡ bao nhiêu thì cứ bỏ tiền vào hòm. Mỗi ngày mở hòm lấy tiền chia ra các nơi. Hội thánh thu hết những người nghèo về nuôi, chữa bệnh. Người nào khỏe mạnh thì dạy cho làm ruộng và các nghề vặt. Người tàn tật thì có công việc tàn tật, không ai ở không. Ngoài ra còn dạy họ làm các nghề thủ công để bán lấy

tiền phụ thêm vào việc chi phí sửa sang trong viện. Nếu còn dư thì mua ruộng vườn chăn nuôi sinh lợi thêm nữa. Còn rất nhiều cách làm hay khác không thể kể hết.

Về mặt nhà nước thì cấm tuyệt không cho kẻ đi ăn xin. Nếu ai vô cớ đi ăn xin dọc đường, đó rõ ràng là kẻ gian trá hình, bất cứ ở đâu hễ gặp là bắt ngay đem về tra xét rồi xiềng lại sung vào công dịch. Làm được thế người nghèo có nơi nương tựa mà bọn côn đồ bất lương khó đường trốn tránh. Việc ấy có lẽ chúng ta cũng làm được chứ?

Còn việc nuôi trẻ rất khó kiếm người. Chắc hẳn phải như những phụ nữ phương Tây tình nguyện

vào ở trong viện với trẻ mới làm được việc và chắc chắn có hiệu quả tốt. Ví dụ như ở Gia Định, người ta sẵn tiền lại có người thực tâm làm việc mới có thể làm mẹ đảm trẻ mồ côi được. Bất cứ trẻ nào người ta đều nuôi dạy. Trai học theo trai, gái học theo gái. Đến tuổi trưởng thành người ta đứng ra dựng vợ gả chồng và chia cho cửa cải. Tôi thấy họ thương yêu nuôi nấng các trẻ mồ côi như con đẻ của họ vậy. Các trẻ mồ côi lúc còn nhỏ, trai gái đều có phòng riêng. Chỗ nghỉ ngơi cũng phân biệt. Từ mười tuổi trở lên, con trai con gái đều có nhà riêng và chỗ ở riêng biệt. Những phụ nữ phương Tây này đều độc thân không lập gia đình, nên nhờ bản tính làm mẹ họ chịu đựng được mọi sự ô uế. Nếu ai cho con

nít mới sinh, họ sẽ thuê vú nuôi trong một năm rưỡi. Ngoài ra họ còn chữa bệnh phát thuốc không lấy tiền.

Nếu Triều đình cho rằng việc này nên làm thì sẽ nhờ các giám mục mời người đến, mở mỗi tỉnh một nhà nuôi trẻ, không bao lâu sẽ thấy kết quả ngay. Giả như các giám mục có giao ước trước một cách rõ ràng rằng: “Nếu các trẻ mồ côi lớn khôn sẽ được mang về Tây làm dân bên ấy”. Tôi nghĩ những trẻ mồ côi của ta không người nuôi nấng sớm muộn cũng chết thì để họ nuôi lấy cũng được. Huống chi nhà nuôi trẻ dù lập ở đâu, bọn trẻ con khi lớn khôn cũng sẽ phân tán tại các nơi đó. Dân là dân của ta, có người bỏ tiền bỏ công ra xin nuôi

dạy. Xưa chúng là người bỏ rơi mà sau được nên người. Những người làm mẹ nuôi chúng nhiều người ở mãi đến già chết trên xứ ta. Như thế đủ chứng tỏ tấm lòng từ thiện của họ như thế nào.

Phàm đã là việc từ thiện thì bất cứ Đông Tây Nam Bắc đều xuất phát từ cái đức của trời mà ra cả. Vì vậy cái gì bắt chước được cứ bắt chước, cái gì làm theo được cứ làm, không ngại gì cả. Đừng cho rằng hợp tác làm như vậy sợ người ta dị nghị. Làm công việc từ thiện như thế mà còn có người chê bai chống báng, tôi không hiểu những hạng người ấy lòng dạ như thế nào?

Ở phương Tây, tiền nuôi trẻ mồ côi phần nhiều là của trẻ con cho.

Vì khi vào trường học, thầy giáo cắt nghĩa cho các em hiểu rằng trên đời còn có nhiều trẻ em nghèo khổ không nơi ăn học. Chúng cũng là anh em của các em. Ngày nay các em nhờ cha mẹ được cho ăn no mặc ấm lại có tiền dư mua bánh trái, đồ chơi, tiêu phí vô ích, chi bằng các em chia bớt chút ít cho các anh em của các em đang đói rét sắp chết đó có hơn không?

Nhờ lời giảng giải của thầy giáo, các em đua nhau bỏ tiền vào hòm cứu tế. Mỗi trường mỗi tháng thu được hai ba trăm quan. Cách dạy người làm việc thiện của họ thật là khéo! Ta không phải không có người hảo tâm chỉ tại chưa có ai đề xướng đó thôi.

Đối với các kế sách, điều này hình như chưa cần kíp lắm, nhưng đứng trên đạo làm người và về phương diện cải thiện quốc gia, thật cũng vô cùng khẩn cấp, nếu không bắt tay vào việc ngay, không biết đến bao giờ mới làm được?

\*

Tám điều trên đây, trích trong bài ***Tế cấp luận***, đều là những việc cần phải làm trước hết đối với tình thế nước ta. Còn về thế tung hoành sẽ có một tập khác suy diễn rộng rãi hơn, ở đây không thể nói rõ hết được. Trong tập này cũng có một vài điều khoản nhỏ mới thêm vào. Cho nên tám điều này tên tuy cũ nhưng các việc điều mới, phát sinh

từ tình thế nước ta hiện nay. Nếu làm đúng như thế sẽ bằng được như người ta hoặc hơn người ta. Nếu không làm, nhất định phải thua sút thiên hạ. Trước kia ta làm các việc trị nước đều có tính cách làm qua loa cho xong chuyện. Giờ đây mới là lúc những việc làm của ta không những chỉ nhằm thi hành trong nước mà còn phải đối phó với thiên hạ. Tình thế nay đã khác xưa lắm rồi.

Trong đoạn đầu, tôi có trình bày tình hình cấp bách uy hiếp chung quanh ta, mặc dầu cơ hội có thay đổi bất thường, trước sau, sớm muộn có khác, nhưng đại thể nhất định sẽ không thay đổi. Nếu việc

làm của ta không theo việc người, chắc chắn sự hệ trọng sẽ không nhỏ.

Xưa Câu Tiễn, vua nước Việt, bị nhục ở Cối Kê mới gắng sức trỗi dậy mà làm bá chủ được thiên hạ. Thế Tổ Cao Hoàng Đế nước ta mắc nạn lưu vong mới ẩn nhẫn nuôi chí lớn thống nhất đất nước. Câu Tiễn bị giữ làm con tin, không còn thế lực nương tựa, chỉ một niềm quyết tâm mà gây dựng được cơ nghiệp, hưởng chi nước ta ngày nay đã sẵn ba nghìn dặm đất với hai chục triệu dân!

Tôi thấy nước ta từ lâu dân thì mỗi người một ý không hợp nhất với nhau, Triều đình thì bận rộn đối phó không chút rảnh rang để

mưu đồ việc khác. Còn chúng thì thôn tính thêm phần đất lớn của ta để củng cố thể lực mạnh thêm, âm thầm mưu tính, thông thả sắp đặt. Tương lai nước ta sẽ ra sao, cứ nhìn việc đã qua cũng có thể tưởng tượng được.

Tôi đã biết chắc điều đó, suy tính kỹ và thấy rõ ràng, nên trước đây trong đoạn cuối bài Lục Lợi từ tôi có thừa rằng cứ thực hành, dần dần sẽ thấy hiệu quả. Nếu trì hoãn thì dù trì hoãn đến bao giờ cũng không thể bỏ những kế sách ấy mà có thể chống lại chúng được. Nếu không làm để cho càng lúc càng suy yếu khác nào bệnh đau lâu không gấp tìm phương chữa trị, bệnh tình sẽ mỗi ngày một trầm trọng. Nếu làm dù có khi được khi

hỏng không vẹn toàn, nhưng hết sức mình thì sau sẽ không ân hận.

Xưa Khổng Minh lo tính kế hoạch đánh Ngụy suốt ngày lẫn đêm ngay cả trong giấc ngủ mơ màng (Câu này tôi ghi sâu trong lòng và thường nhắc luôn miệng). Tôi tuy tài kém nhưng lòng dạ có thừa, không có phận nhưng có chí, cho nên mắt thấy tai nghe được gì, lo nghĩ suy tính được gì, thì cứ tưởng như là mình có thể làm được việc lớn vậy. Tôi quyết không vì thời thế mà thay đổi chí hướng hay dấm dề cho lòng nguội lạnh. Cho nên lâu nay tôi đã trình bày đông dài mà không ngờ rằng những chuyện đó ngoài phận sự của mình!

Những điều trên đây, khẩn cấp nhất là việc “Chấn chỉnh vũ bị”. Bổ sung vào đó là việc “Dẹp trừ tệ đoan, gây tài chánh”. Việc “Chỉnh đốn học thuật” là cái gốc lớn của quốc gia. Còn “Kiểm tra sổ đình”, “Kiểm tra điền thổ”, “Sửa sang cương giới” là những việc cần gấp để làm cho nước mạnh. Tôi chỉ nêu lên lý lẽ và đề ra những nét đại cương mà thôi. Còn việc thực thi phải châm chước như thế nào cho thỏa đáng là quyền của Triều đình. Nhưng nếu muốn thi hành triệt để thì phải tính toán liệu lý tử mỉ. Việc đó tôi cũng có thể đóng góp một ít tài hèn.

Xin trình bày thêm về khoản sử dụng sắt.

Tôi với Giám mục Hậu, linh mục Điều có đi thăm một xưởng đúc sắt lớn ở Ba Lê. Đường xa bằng từ Kinh đô đến Nghệ An. Chúng tôi ở đó hơn một tuần xem hết tất cả cái cách đúc sắt mới biết cái lối làm cho nước giàu mạnh của họ khác ta nhiều. Xưởng có khoảng hai vạn công nhân (Xưởng này của hội tư không phải của nhà nước) và hơn một ngàn giàn máy khác nhau để đúc máy tàu thủy, tàu hỏa và nhiều dụng cụ khác (mỗi giàn lớn bằng một chiếc tàu thủy). Mỗi giàn máy trị giá vào khoảng năm mươi vạn quan. Xưởng có mười lăm lò nấu lớn. Mỗi lò một ngày một đêm nấu được chừng ba vạn cân sắt (Bảy

năm mới xây lại một lần). Các nước đều đến đây mua máy móc, sắt tấm và những loại khí cụ bằng sắt. Sắt tấm sau khi đúc xong, mỗi tấm dài từ hai mươi thước trở xuống (Muốn dài một trăm thước cũng được) Miếng hình vuông mỗi bên từ nửa phân đến năm tấc. Miếng mỏng từ nửa phân đến một tấc. Có ba loại có góc: Loại hình như T, loại hình như L, và loại hình như U. Có đủ kiểu vuông, tròn, khía, góc. Lại có những lá sắt mỏng như tờ giấy, dày từ một đến hai ba phân rộng từ một thước đến ba bốn thước, dày, ngắn, rộng hẹp đủ thứ, thứ nào có giá nấy. Bất luận kiểu nào, giá tiền căn cứ vào chất sắt tốt xấu. Giá thấp nhất, một trăm kí lô (hơn 166 cân ta) là mười tám quan. Thứ tốt nhất một trăm kí lô ba mươi lăm quan.

Nếu mua chủ hăng sẽ chở đến cửa biển Mã Sa giao hàng. Còn muốn gởi đến Gia Định thì mỗi trăm kí lô phải trả cước phí từ bốn quan trở xuống. Ngoài ra còn đóng tiền bảo hiểm (Như đã đóng tiền bảo hiểm cho hăng rồi mà mất hàng, họ sẽ bồi thường) mỗi một trăm quan là ba quan.

Theo tôi sắt là một vật cần dụng nhất cho quốc gia và nhân dân. Nước ta tuy có nhiều mỏ sắt nhưng chưa biết cách đúc sắt như họ và cũng chưa có máy móc để chế tạo ra các dạng hợp với nhu cầu sử dụng. Như các xã phải nộp sắt, thường họ không mua đủ sắt được để nộp. Nếu có nộp đủ số thì sắt cũng chẳng ra hình dạng gì lại phải thuê thợ rèn đánh ra tốn phí thật

nhieu. Như việc làm đinh chẳng hạn, nếu dùng sắt của họ, một sợi dài hoặc vuông hoặc tròn một ngày làm được một ngàn cái đinh thì sắt ta làm không tới một trăm cái mà đinh cũng chẳng tốt (Có máy dập đinh giá vào khoảng bốn ngàn năm trăm quan, một tiếng đồng hồ dập ra sáu ngàn cây đinh thật đẹp). Như vậy thì dùng sắt của họ đỡ tốn công gấp bội. Và như loại sắt âm dương để xỏ bánh lái trên những thuyền lớn của ta giá đến cả trăm quan vì to và khó rèn. Còn như những sắt tấm bề mặt ba bốn thước dài ba bốn chục thước, thợ ta không có cách nào làm được. Tôi xem kỹ các loại sắt của họ rất tiện dụng. Bất luận kiểu nào đều có làm sẵn khỏi mất công rèn lại đỡ tốn biết bao nhiêu. Vả lại các loại sắt ấy còn

dùng để chế tạo các loại vũ khí, làm những đồ máy móc to nặng hoặc dùng vào những việc khác cho binh pháp cũng tiện mà thợ ta không tài nào làm được. Đã không được các kiểu sắt ấy thì không thể nào kiến thiết được theo các phương pháp mới. Nay ta dù muốn nấu sắt đúc sắt như xưởng của họ (Tôi có mua một bộ sách dạy cách nấu sắt đúc sắt rất đầy đủ đã đệ nạp rồi) cũng chưa đủ tiền đủ sức để làm. Chờ sau sẽ thông thả làm dần. Nay xin sức các xã từ trước nộp sắt được nộp bằng tiền. Như vậy rất tiện cho dân. Rồi mỗi năm quốc gia dùng bao nhiêu sắt cứ viết thư đặt hàng cho chủ hãng bên ấy, người ta sẽ lo liệu tất cả. Khi nào sắt về đến Gia Định, ta đến đó nhận hàng và trả tiền, không có gì đáng ngại

cả. Như vậy tiện cho nhà nước mà cũng tiện cho dân nữa. Hơn nữa so giá tiền mua với giá của ta còn lợi hơn nhiều vì sắt đã làm thành đồ vật cả rồi. Vả lại giá tiền như thế nào lâu nay người ta cũng biết cả rồi. Nếu mua dùng sau sẽ thấy rõ. Họ có phát đơn đặt hàng tại các nước, trong đó ghi rõ sắt tên gì, kiểu loại nào, giá bao nhiêu, có thể so sánh biết được (Hiện nay các nước Xiêm La, Nhật Bản mua sắt của xưởng đó rất nhiều). Sắt Tây hiện đã có bán ở Gia Định giá một trăm cân Tàu là tám đồng. Như thế mua sắt chở đến bán ở Gia Định cũng đã lời nhiều rồi.

Nếu triều đình cho là phải, hãy mua thử một lần, mỗi thứ một ít đem về dùng thử rồi so sánh. Nếu

quả thấy tiện lợi mới đặt mua nhiều cũng được.

Còn về việc lập xưởng sắt đợi khi nào tôi về Kinh trình bày rồi sẽ tính sau.

Xin trình bày thêm về khoản làm súng hỏa mai.

Ngày trước, khi chúng tôi mới đến Ba Lê, linh mục Điều đã đi dò hỏi các nơi về việc này. Ông biết được có một gia đình chế tạo súng hỏa mai ở ngoại ô xa thành phố và đã điều đình với họ về việc học làm súng. Chờ khi nào hai phái viên đến, linh mục Điều sẽ giới thiệu cho hai bên giao ước với nhau. Hôm nay, hai phái viên với Nguyễn

Hoảng đáp tàu hỏa đến xưởng này để quan sát xem liệu có học được không. Chủ xưởng nói nếu chịu mua súng của họ năm sáu chục vạn đồng (Thứ đắt nhất giá mỗi cây một trăm lẻ một quan, hai bách) họ sẽ cho ở tại xưởng ba tháng tận tâm chỉ dạy cho học mà không lấy tiền công dạy, cũng không tính tiền ăn. Nếu không mua mà chỉ học không thì học phí đôi ba trăm quan đối với họ chẳng nhằm nhò gì họ chẳng thèm dạy đâu, mà lấy đôi ba ngàn quan thì hai phái viên không chịu. Xem lời lẽ của chủ xưởng thì học phí hai ba nghìn quan có vẻ họ chịu dạy. Hai phái viên muốn học lắm nhưng vì học phí quá nặng nên chần chừ không quyết định.

Họ còn hướng dẫn cho xem các

cách làm súng, các giàn máy. Công trình rất là đồ sộ. Mỗi ngày xưởng có thể sản xuất mười vạn cây súng. Công nhân trên ba trăm (Người Nhật hiện đến mua của xưởng một trăm vạn cây súng, mua các giàn máy và thuê hai công nhân về Nhật Bản lập xưởng). Họ còn cho hai phái viên biết nếu muốn học làm súng phải học hóa học trước cho giỏi, sau chỉ học ba tháng là rành nghề. Do đó hai phái viên không thể quyết định được, phải trở về. Hơn nữa khi ra đi, hai phái viên chưa được Triều đình dặn dò rõ ràng việc này, còn chúng tôi cũng không có tiền để có thể giải quyết được. Nên phải đợi về trình lại rõ ràng. Nếu quyết định làm cũng có cách khác có thể làm được.

Xin trình bày thêm về việc đào kênh.

Đào kênh là một việc làm quan trọng đem lại lợi ích lâu dài cho đất nước. Nước ta là một trong ba nơi trên địa cầu bị bão thổi qua (Một ở biển Đông Nam, hai ở biển Ấn Độ bên phía Tây Châu). Hơn nữa bờ biển nước ta kéo dài từ Tây Bắc xiên xuống Đông Nam mà luồng bão thường nổi lên ở Đông Bắc tạt ngay vào bờ biển làm người lái tàu khó tránh được. Thật đúng như lời người xưa nói: Tàu biển không sợ gió chỉ sợ mắc cạn. Và đối diện ngoài biển xa có đảo Hải Nam và Bà La Châu đều là những ổ của bọn cướp biển. Thuyền quan

thuyền dân qua lại nơi đây không bị cướp cũng bị bão. Thoát khỏi hai nạn này là điều may mắn lắm. Đó là đường biển thiếu an toàn. Nước ta Kinh đô như cái bụng, Bắc kỳ như cái đầu. Mọi cái gì cũng do từ miệng vào bụng. Nếu qua cổ bị nghẽn thì thật là một bệnh nặng. Còn về lâu về dài, một khi có sự cố xảy ra thì bọn chúa cướp các nước phương Tây sẽ lợi dụng cơ hội bắt chẹt ta. Chuyện đó không thể không đề phòng trước (Câu này có một ý nghĩa đặc biệt. Đợi khi tôi về Kinh sẽ làm một tờ trình riêng trình bày rõ ràng). Như về việc vận chuyển lương thực, Triều đình đã hết sức lo liệu mà vẫn chưa ổn. Phần nhiều một thạch lương thực đến được Kinh đô đã phải hao hụt dọc đường mất năm sáu đấu. Đó

là chưa nói đến nhiều vụ bị chìm ghe, bị đánh cướp. Các sản vật khác cũng vậy. Còn ghe buôn của dân mỗi năm chìm không biết bao nhiêu mà kể. Dân nghèo thì nước cũng nghèo. Cái hại lớn ấy đều do đường biển gây ra. Nay xin xem xét kỹ địa thế từ Hải Dương đến Kinh đô, đào một con kênh lớn có thể lưu thông được tất cả các ghe lớn ghe nhỏ thuyền quan thuyền dân, rồi cất trạm thu thuế. Xong đóng thuyền chuyên chở theo kiểu phương Tây (Tôi biết việc này) thuyền nhỏ mà chuyên chở được rất nhiều. Hai bên bờ kênh nơi nào có thể đắp đường được thì đắp đường cho trâu ngựa kéo, đỡ nhọc sức người. Ngoài ra còn sử dụng dân binh (Như điều trước tôi đã trình bày về vấn đề dân binh) ở

vùng nào tiếp cận vùng ấy. Làm thế thì ít tổn kém, an toàn và tiện lợi. Có chỗ nào kênh đi quanh (Tôi biết cách chia dẫn thế nước) cứ việc đào thẳng. Như vậy không những quốc gia và các tỉnh được lợi lớn và lâu dài mà dân gian buôn bán làm ăn, đi Nam về Bắc, dầu ít vốn cũng làm được. Lợi ích rất lớn. Hễ ghe thuyền nhiều thì thuế nhiều, nhà nước có lợi.

Còn những chỗ trở ngại và cát đá khó đào xin cứ giao cho tôi. Tận dụng đủ cách thì núi cũng xuyên qua được huống gì những nơi bề tấp. Lúc trước tôi có xem qua chỗ Nhà Hồ ở Quảng Trị thấy cũng có thể xuyên qua được. Chỉ có hoành Sơn là tôi chưa xem kỹ. Nếu quan sát nghiên cứu kỹ hai nơi này mà

thấy có thể đào được là đào liền. Sau khi đào kênh xong đã khỏi lo bão và cướp biển gì nữa mà còn có một kế hay. Số là chúng muốn dòm ngó Bắc kỳ vì ở đó có nhiều nguồn lợi. Nhưng chúng cũng sợ biển nhiều bão. Bờ biển từ Kinh đô ra Bắc ít vịnh nào thuyền lớn có thể vào đậu được, cửa biển lại cạn. Nếu thuyền của chúng chiếm lấy cửa biển làm căn cứ, chúng mới dám đi sâu vào nội địa của ta. Nếu nay trong nội địa ta đào được con kênh sâu rộng thì mọi dịch vụ về thuyền bè ít cần đến đường biển nữa. Lúc bấy giờ ở các cửa biển sâu từ bảy trăm thước trở xuống, dùng đá xây cho chắc và xây quanh co khó cho thuyền lạ đột nhập thành linh. Ngoài ra ta còn xây đồn lũy kiên cố như các nước phương Tây

để phòng ngự. Chúng sẽ thấy lúc bình thường ra vào còn khó khăn thay, huống chi một khi chuyện gì xảy ra. Trên đồn lại có quân ta chống giữ, đã khó còn khó hơn. Còn như sợ ta khó vào ra thì quan và dân ta đã có những thuyền con qua lại, không dùng đường biển cũng chẳng hại gì. Nếu thuyền đồng lớn của quan muốn lui tới nước ngoài thì từ Kinh đô vào Nam có nhiều vũng sâu và cửa Quảng Yên, Thái Bình có thể neo đậu được. Thuyền quan các nước phương Tây không phải cửa nào cũng vô ra được đâu. Một nước có chừng năm sáu cửa biển cho thuyền quan ghé đậu là đủ rồi.

Nếu thuyền lớn của dân muốn đi buôn bán nước ngoài thì ra vào

đều có hạn định, mỗi năm chỉ vài ba chuyến thôi, đâu phải như ghe nhỏ ra vào thường xuyên mà sợ rằng khó. Còn ghe đánh cá thì lại không có gì trở ngại.

Khi chưa đi sâu vào nội địa của ta thì chúng cậy có đường biển. Nay đã có thiên thời gây bất trắc, lại có sức người kiên cố nữa thì chúng cũng khó thỏa mãn ý đồ trong một sớm một chiều được.

Nếu Triều đình muốn thực hiện lợi ích lâu dài này, trước hết phải cho người đi xem xét kỹ địa thế về trình bày đầy đủ và trù tính xem như thế nào. Nếu thấy được, nên hết sức thực hiện. Còn thấy không thể làm được thì tôi xin trình bày một kế hoạch khác sao lợi cho dân,

chống giặc giữ nước. Tuy nhiên việc đào kênh này dễ làm hơn. Hãy làm thử xem sao!

Kính trình quý quan Lục bộ đại thần suy xét.

Nguyễn Trường Tộ ký

## DI THẢO SỐ 28

Biểu tạ ơn vua<sup>10</sup>

(Đầu tháng 3-1868).

Chúng tôi<sup>11</sup> kính cần làm bài biểu tạ ơn trời<sup>12</sup>.

Thiết tha xin các đại thần Bộ Binh, Bộ Hình, Bộ Lại đệ đạt lên cho chúng tôi biểu văn lạy tạ ơn trời.

---

10 Bản văn chữ Hán của bài này: Hv 189/4 tờ 1-2. Không ghi rõ ngày tháng, nhưng chắc được viết vào giữa tháng 3-1868, lúc Nguyễn Trường Tộ và phái đoàn Giám mục Gauthier đi Pháp về được vua ân thưởng. Sự tích ông Tộ có nói là: “Đức Cha, ông Tộ có làm sớ dâng lên tạ ơn vua” (Xem phụ lục 1)

11 Chúng tôi: Đây là Nguyễn Trường Tộ và Ngô Gia Hựu.

12 Đây nghĩa là tạ ơn vua.

Phục dĩ<sup>13</sup>. Vẻ trời rực rỡ, chiếu khắp nơi ngõ hẻm hang cùng. Lượng bể bao hàm, không bỏ sót phương kia cõi nọ. Lòng quý hướng mãi, niềm bộc khôn đền.

Chúng tôi trộm nghĩ:

Núi Thái Sơn chẳng tự vì cao mà bỏ tác đất. Bậc thánh nhân chưa từng tự mãn mà bỏ tài hèn. Gốc tình người thì ba đạo<sup>14</sup> chín dòng<sup>15</sup> lưu hành không trái. Rộng

13 Hai chữ mở đầu của văn khấn vái trình thưa điều gì với trời thần thánh thiêng liêng. Ở đây ám xưng vua là trời nên dùng hai chữ này. Phục nghĩa là nép, nằm rạp xuống, tượng trưng cho ý nghĩa quá sợ sệt kính trọng. Dĩ nghĩa là đem ra, đưa ra, đưa lên.

14 Ba đạo do chữ Tam giáo: Nho, Phật, Lão.

15 Chín dòng do chữ Cửu lưu. Theo Hán thư nghệ văn chí thì xã hội được phân chia, phân loại làm 9 dòng phái: Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tật gia và Nông gia.

đường hiền thì tắc nhánh phân chồi nhặt nhanh không rơi. Xưa nay đãi ngộ hơn thường, thì gặp việc muốn từ không thể được. Nếu đã không xem kẻ bỏ, thì mây bay vô định cũng là vinh. Dùng khách dịch lời, Khang Hy chẳng nề giáo sĩ<sup>16</sup>. Tài nhung phục bá, Mục Công cũng lấy Dư Do<sup>17</sup>. Một lối từ xưa, ngày nay lại thấy.

Kính cần nghĩ rằng:

Hoàng đế bệ hạ: Thông minh quyết đoán. Thao túng theo thời. Năm xưa phạt nhẹ<sup>18</sup> ra uy, thử lòng vàng đá. Lần này lòng nhân cũng vậy, đón khách mở đường. Giúp

16 Khang Hy nhà Thanh dùng giáo sĩ thông dịch cho những cuộc triều kiến với người phương Tây.

17 Dư Do vốn không phải người đồng tộc với Mục Công, Mục Công dùng vì Do có tài giúp việc xây dựng được nghiệp bá.

18 Âm chỉ việc cấm đạo.

nước nhà đã sẵn nhu hoài<sup>19</sup> mà đạo giáo cũng hưởng đồng lợi lạc. Ơn đồng tái tạo. Đức cả ba không<sup>20</sup>.

Chúng tôi đây: Một dân thừa phương ngoại<sup>21</sup>. Một tiện sĩ Tây bang<sup>22</sup>. Ngưu Sứ<sup>23</sup> chất tội, khôn sánh Sâm Linh<sup>24</sup> nơi cõi thọ. Tài hèn vá dếp, hổ dâm đầu tay thước giúp đời. Khách du may mắn, thuyền bè đã có nam châm<sup>25</sup>. Phụng phái

---

19 Lòng nhu hòa dịu dàng mềm dẻo.

20 Do chữ Tam vô. Kinh Lễ, Khổng Tử nói: “Vô thanh chi nhạc, vô thể chi lễ, vô phục chi tang. Thử chi vị tam vô”, nghĩa là cái âm nhạc không có tiếng, cái lễ không có hình thức, cái tang mà không để chế. Đó là 3 cái lớn không có gì bằng.

21 Trường Tộ tự ám chỉ mình, so với Kinh đô thì ông là người xứ miền ngoài.

22 Chỉ Ngô Gia Hậu, người Pháp.

23 Ngưu tất và Sứ lưu một thứ thuộc loại cỏ và một thứ thuộc loại cây hoang dại. Cả hai đều là vị thuốc Bắc.

24 Thuốc Bắc có nhiều loại sâm đều là vị thuốc quý cả. Phục linh cũng là vị thuốc Bắc quý.

25 Ý nói đã có sự chỉ đạo của vua và Triều đình.

cùng đi, vượt biển sẵn chờ chén gỗ<sup>26</sup>. Mới mong nổi chí cả đàn anh, xẻ sóng cõi gió. Để ngựa đạp mưu sâu Triều đình, theo đuổi dài lâu. Tự thấy chưa tròn, làm sao xứng được!

Không ngờ ơn vua rộng khắp, không sót tên đánh cờ bên vệ đường nước Tống. Ai hay tù trưởng khốn cùng cũng được lạm xen vào hàng quan trật triều Đường. Ban cho áo mũ. Ngân hà bảy lượt đổi ngôi<sup>27</sup>. Nuôi tặng bạc vàng. Lệ thủy trăm

---

26 Sách Truyền đăng lục có nói sự tích một nhà sư thường dùng cái chén bằng gỗ thả xuống mặt nước mà qua sông. Không biết tên gì, người đời gọi ông là Bôi Độ thiền sư. Bôi nghĩa là chén, Độ nghĩa là qua sông. Đây ý nói thuận đường đi một lèo không trở ngại.

27 Do chữ Thất tượng trong Kinh Thi, là nói bảy lần đổi ngôi của sao Chức Nữ.

lần đi lại<sup>28</sup>. Nghĩ mình hổ thẹn, chẳng biết tính sao. Trước đây hai hốt<sup>29</sup> xa ban, Hiệp biện đại thần thay tạ. Nay lại bách bằng<sup>30</sup> ân tứ, Bộ đường quý chức mang sang. Lạy nhận tự thấy kinh hoàng, nhờ đức xiết bao vui sướng.

Trộm nghĩ hãy nhường là tốt, dẫu không theo Tử Cống thói kiêu xa<sup>31</sup>. Nhưng nghĩ nên từ là phải, lòng như thể Đồ Dương không

---

28 Theo sách Hàn Phi Tử thì sông Lệ Thủy sinh ra vàng, người đến đó lấy cắp đem ra chợ bán rất nhiều, sau ngăn nước lại đắp cận sông mà người đến đó tìm vàng vẫn nườm nượp.

29 Nhà vua ban cho hai cái hốt.

30 Chữ trong Kinh Thi nghĩa là rất nhiều lộc.

31 Tử Cống, người nước Vệ thời Xuân Thu học trò Khổng Tử giỏi khoa ngôn ngữ có tài kinh doanh, giàu có nhất trong số 70 đệ tử của Khổng Tử, kết giao hậu tình, đến nước nào vua xuống sân mà đón.

nhận tước<sup>32</sup>. Kính xin gởi lại nghìn vàng, nộp về chín phủ<sup>33</sup>. Tuy ơn trên cho chẳng dám từ, lòng mong thổ lộ. Duy chỉ nguyện mặc sắc phục rõ ràng, để mưa móc trời Tây không thấm đượm. Ngửa mong sao trên uy linh bủa xuống, cho hai bên biển cả lặng ba đào. Cúi vâng tờ tóc đình ninh, lòng đã quyết sân Tần không khuất phục<sup>34</sup>. Ghi khắc mưu mô trù trướng, chí những toan thu ngọc Triệu đem về<sup>35</sup>. Đây

---

32 Đờ Dương một họ kép. Sách Trang Tử nói: Sở Chiêu Vương thất quốc có người Đờ Dương nguyện theo vua. Sau Chiêu Vương phục quốc gọi thưởng tước lộc. Đờ Dương từ chối rằng vua mất nước Đờ Dương cũng mất, vua được nước Đờ Dương cũng được, có gì mà thưởng.

33 Do chữ Cửu phủ là 9 kho chứa của cải của Triều đình. Nhà Chu lập 9 phủ cử chức quan để bảo quản của cải của Triều đình theo 9 loại riêng.

34 Đã vâng lệnh vua dù gặp bạo lực như Tần cũng không khuất phục để khỏi nhục mệnh vua.

35 Nước Triệu có sản xuất thứ ngọc bích rất tốt. Đây ý nói thu hồi sáu tỉnh về cho đất nước.

thiệt ba sinh<sup>36</sup> may mắn. Dấu cho chín chết<sup>37</sup> không từ. Nay được ơn sâu nhờ biển đượm, giọt nước tý teo sao đặng báo đền. Ngày nào dấu sóng đuổi mây bay, non nước mênh mông ai không cảm kích. Ngày này đời này, chỉ trời chỉ thánh.

---

36 Do chữ Tam sinh nghĩa là chuyển sinh đến ba đời. Sách Truyền đăng lục kể chuyện có một người nằm mơ thấy đến một hang động có vị thiền sư bên trước có cây nhang còn đang cháy. Thiền sư chỉ vào cây nhang bảo rằng cây nhang này do người thắp cúng, nhang cháy chưa hết mà người đã chuyển sinh ba lần rồi.

37 Do chữ Cửu Tử. Có hai nghĩa. Theo Sở Tử là 9 lần chết, đó là một lối nói quá thuyết. Nghĩa thứ hai, theo Hán Thư, là trong 10 phần hết chín phần chết chỉ có một phần sống, ý nói cực kỳ nguy hiểm.

## DI THẢO SỐ 29

Tổ chức gấp việc khai mỏ và đào tạo chuyên viên<sup>38</sup>

(Ngày 12 tháng 2 năm Tự Đức 21, tức 5-3 năm 1868).

Tôi Nguyễn Trường Tộ kính bẩm.

Đối với nước ta hiện nay nguồn lợi là điều rất cấp bách không thể không tiến hành khai thác. Trong đó có hai đường lối: Một là bán thời hạn cho họ, mặc họ tự làm lấy như kiểu Tây Châu. Hai là hai bên cùng làm. Về phân biệt hai đường

---

38 Bản văn chữ Hán của bài này: Hv 189/3 trang 19 - 21. Hv 634/4 trang 127 - 132.

lối ấy, năm trước tôi đã bấm rõ. Nhưng về khoản bán thời hạn cho họ, thì Triều đình còn nghi ngại, chưa thi hành được, hãy xin đình chỉ. Còn khoản hai bên làm chung và khoản thuê mướn nhân công, nếu thương lượng ổn thỏa, thì làm cũng không có gì đáng ngại lắm.

Tôi lâu nay cũng hết lòng trù tính kỹ đường lối, nên cũng có thể phân tích rõ sự lý, như trong các tờ bẩm trước đã nói. Chuyển đi lần này, tuy chưa thành công, nhưng cũng không phải vô ích. Tôi đã suy nghĩ, dò biết sự lý tâm tính của họ, thì thấy cũng có thể tạm khởi sự được. Có điều Triều đình sở dĩ chần chừ chưa quyết là sợ họ

sinh lôi thôi, nhưng tôi cho rằng nếu làm được lợi, họ cũng có một phần. Vả đã buộc vào văn pháp, thì không thể sinh sự được, chắc họ cũng không sinh sự.

Nếu sau khi thương thuyết đã thành rồi, Triều đình cứ theo phương pháp phương Tây, làm tờ giao kèo, rồi trình Tây soái ký chứng, sau đó mới bắt đầu làm. Thế thì về sau dù có muốn sinh sự, cũng chẳng qua lật vặt mà thôi, không đến việc gì to lớn lắm.

Cho nên đối với hai khoản sau, tôi chưa bao giờ nản. Nếu tiện xin sai một phái viên và một người

thông ngôn (như Nguyễn Hoàng mới được) cùng đi với tôi lần nữa. Một lần chưa trúng, làm lần nữa có sao đâu. Nếu lần thứ hai mà vẫn chưa trúng, bắt chắc dĩ sẽ nghĩ cách khác. Lúc đó mới phái người đi học tập gấp. Một mặt chọn hàng mỏ nào dễ làm, rồi mua dần đồ nghề về khai quật lấy, làm dần từ dễ đến khó, như tôi đã bầm trong tờ trước (lúc ở Gia Định). Tuy như thế khó thu được lợi lớn ngay, nhưng có điều hay là người mình tự làm lấy, khỏi sinh nghi ngại. Nếu cần đồ dùng gì để giúp sức ứng dụng lúc lâm thời ta sẽ gởi mua dần. Còn phải dùng đồ gì, thì tôi đã biết rõ hết, khi cần gởi mua cũng chẳng khó gì (Gửi mua sẽ có nhiều cái không vừa ý, vì không thể tự mình phân biệt được đồ xấu, đồ tốt)

Còn về khoản dạy học, hiện nay tuy đã có người phân biệt được kim loại nhưng chưa có ai thuyết minh được công dụng rộng lớn của nó. Phải có nhiều phương pháp như các nước phương Tây, mới giúp nhau mà thành được. Đây chẳng qua mới tạm phân biệt được nhiều ít, khó dễ mà thôi.

Đến như việc khai quật, ắt phải có nhiều người chỉ vẽ, nhiều dụng cụ đúc luyện, nhiều công nhiều của, mới được lợi lớn. Việc ấy phải có các quan to đi qua Tây, đến xem chỗ khai mỏ, mới thấy tác dụng của nó, không phải nói miệng mà đủ được.

Còn như các khoản học tập, như đã nói trong tờ bẩm của giám mục, chẳng qua mới mở bước đầu, để khiến cho người nước ta sinh lòng ham muốn, cầu tiến dần vào thực dụng, mở dần con đường từ nhỏ đến lớn về sau, làm kế ném gạch ra để được ngọc mà thôi. Nếu buộc phải có hiệu quả mau chóng như phương Tây, thì chúng tôi quyết không dám làm.

Thế nhưng đã học tất phải có ích. Như chúng tôi lâu nay học các môn học mới, cũng có sở đắc ít nhiều, tuy chưa thi thố được gì, nhưng đã có căn bản. Nếu gặp việc có thể làm được, từ thô đến tinh,

tuy trong đó cũng còn có một hai chỗ chưa hiểu rõ hết, nhưng theo chỗ đã hiểu mà suy rộng cũng sẽ biết được, chẳng hơn không học hay sao?

Nếu nay học sinh gia tâm học tập, cũng phải mất một số năm mới biết được như chúng tôi ngày nay. Bây giờ nếu giáo sư mở lớp giảng dạy mà không có chúng tôi thay giáo sư giảng lại cho học sinh những chỗ khúc mắc chưa hiểu, thì cũng khó bề tiến ích.

Đây là đại lược đường lối dạy dỗ phải như thế.

Nay xin: Một mặt dần dần phân biệt đất mỏ, một mặt có người đi Tây nên chọn mua một ít khí cụ, như những đồ đào mỏ, đúc sắt, luyện kim, dệt vải, nấu đường, đúc súng lớn, súng nhỏ, đập đinh, đúc hỏa mai theo lối Tây v.v... và các đồ dùng thường ngày, để làm và có thể dùng làm mẫu (Các đồ đó, tôi đã mua sách bấm nạp rồi, và đã xem xét ở các phố bên Tây. Những đồ dùng ấy, bất luận đồ gì trông qua tôi có thể phân biệt được cái tốt cái xấu, nguyên lý và công dụng của chúng. Tuy có cái chưa từng trông thấy, nhưng chỉ hỏi họ một vài lần, cũng có thể thông hiểu. Lần các phái viên đi với tôi cũng đã biết tôi có thể phân biệt được các đồ cơ khí) đem về để dùng ngay vào việc khai thác nguồn lợi.

Một mặt, nên đi thuê thợ, để tìm công dụng lớn.

Ba mặt ấy, hiện nay đáng lẽ phải khởi hành ngay trong một lúc. Nếu không làm, thì một ngày lại một ngày, một năm lại một năm, người ta tiến thì mình lùi, quyết không thể đứng yên được.

Kính bẩm Lục bộ đại thần quý liệt vị soi xét.

## DI THẢO SỐ 30

Mục đích của sứ bộ đi Pháp<sup>39</sup>

(Ngày 16 tháng 2 năm Tự Đức 21, tức ngày 9 tháng 3 năm 1868).

Tôi Nguyễn Trường Tộ kính bắm.

Trong các tờ bắm các năm trước cũng có phân nửa nói đến kế bủa lưới bốn mặt. Một là duy trì ba tỉnh trong; một là khiến họ không dám dòm ngó Bắc kỳ. Nhưng mà sự thế ngày càng sa đà, để đến ba tỉnh trong cũng bị họ bức lấy. Tâm sự trước đây của tôi, đối với cục diện,

---

<sup>39</sup> Bản văn chữ Hán: Hv 189/3 tờ 22 - 27. Hv 634/1 tờ 163 - 171. VHv 170 tờ 47b - 50b.

đã trôi theo thời gian, còn nói lại làm gì? Nay chỉ theo sau sự đã rồi mà gặng gỏi tìm cầu, thật cũng khó vậy!

Mấy chục năm nay, tôi bôn tẩu trong thiên hạ, thu thập những tình thế biến thiên xưa nay đem những điều đã đọc trong sách nghiệm ra việc đời. Dù trao đổi với ai một lời nói, một câu chuyện, thâm tâm tôi cũng có ý muốn thu lấy sự hiểu biết của người làm của mình, cho nên không kể là phải uốn nắn để cầu học hỏi, cũng rất khổ tâm lắm<sup>40</sup>. Ôi lòng dạ mưu mô của họ, chưa tóm thâu hết được thiên hạ là chưa thôi hướng chi đối với nước ta. Nhưng cái kế họ đem ra thi hành, có khi

---

40 Ý nói đi theo các thừa sai nước ngoài, đi ra nước ngoài để học hỏi, là cần thiết, nhưng đã làm cho Triều đình dị nghị, nghi ngờ.

hoãn khi gấp, không giống nhau đó thôi. Gấp như người Pháp lấy A Nhĩ Cập, hoãn như người Anh lấy Ấn Độ. Nhưng theo tâm lý của họ thì hoãn là thượng sách mà gấp là hạ sách. Vì lấy gấp sẽ tốn nhiều tâm lực mà hoàn toàn thất nhân tâm, hoãn thì rồi rãi như tằm ăn dâu, mà đắc nhân tâm một phần. Cho nên bốn trăm năm trở lại đây, họ đến nước nào, cũng thăm dò kỹ lưỡng tình hình nước đó trước để ứng dụng kế hoãn hay gấp.

Đem cái thế mạnh và binh lực nước họ mà đối với ta thì không phải họ không lấy gấp được, nhưng vì họ đã biết rõ tình thế nước ta. Lâu nay những cái thuật ta dùng để chống lại họ, họ đã tính toán cả rồi (Xin xem lại năm kế độc mà tôi

đã bằm trước). Họ tạm theo tình thế, khéo lợi dụng sức của ta mà thi thố từ từ cũng đủ rồi cần gì phải gấp? Phàm những quân cướp, có khi nhờ vào sự quy thuận của người ta, mà cũng có khi nhờ vào sự chống lại của người ta. Thuận hoặc chống thế nào họ cũng lợi dụng được một phía.

Năm Tự Đức thứ 15, thứ 16 trước đây<sup>41</sup>, sở dĩ họ vội vã phát thuyền lên Kinh cầu hòa, vì họ đã biết rõ cuộc hòa của ta chưa ổn, cho nên muốn đem cuộc này câu ta, để lấy ba tỉnh trong ngày nay vậy.

---

41 Tháng 3-1862 (Tự Đức 15) tàu Pháp Fabin đến Cửa Thuận yêu cầu Triều đình Huế cử người vào Sài Gòn thương thuyết và ký Hòa ước 5-6-1862. Tháng 4-1863 (Tự Đức 16) phái bộ Pháp và Tây Ban Nha đến Huế để làm lễ trao đổi các văn kiện phê chuẩn Hòa ước 5-6-1862.

Chính ta, ta cho là giữ bền hòa ước, mà chính họ, họ cho là ta âm thầm phá hòa ước. Họ có “thế” mà ta không, thì lời nói của người có “thế” bao giờ cũng đúng, còn kẻ không có “thế” thì không làm sao biện minh được. Nay họ đã lấy xong sáu tỉnh, rồi lại đến nói chuyện hòa với ta, là đã xem thấy sau lưng ta rồi vậy (Sự lý đoạn này rất dài, nếu nói ra có nhiều điều trở ngại). Không thế thì xưa nay làm gì có chuyện nước mạnh đi đến nói hòa với nước yếu? Ý họ là chỉ sợ ta hòa thật, chứ không sợ ta hòa giả. Họ muốn mượn sự hòa giả của ta, để làm bước đường tiến ra Bắc kỳ. Nếu ta hòa thật mà lại khéo xử sự với họ hợp tình thế làm cho họ

không có cách nào để thắng ta nữa thì họ được có sáu tỉnh mà thôi, còn trông mong gì hơn?

Nếu sức ta đủ để chống lại họ, thì không cần hòa. Nay đã không thể chống được mà còn xin trả đất lại. Thử hỏi họ đưa nhân dân vượt trùng dương đến đây, ý họ muốn làm gì? Vì thế mà tôi bảo việc ấy là khó. Thế nhưng tình đời gặp bất bình thì kêu, mà kêu cũng phải dùng lời lẽ khéo léo mới khỏi nhục quốc thể.

Nay ta đến giảng thuyết với nguyên soái của họ thì sự việc còn nhỏ, chứ qua giảng thuyết với

Triều đình nước Tây, thì sự việc sẽ lan khắp phương Tây. Nếu không thành, thì sự nhục quốc thể lại càng nặng, mà lại thêm bay tiếng không hiểu thời thế ra khắp thiên hạ. Sau ta dù có muốn giao thông với các nước khác, để đợi thời thế (Châu phê: Như thế thì rất khó) thì người ta cũng khinh mình cho là khó cộng sự mà không chịu thâm giao với mình (Điều này tuy nay chưa làm kịp nhưng không thể không làm). Như thế chẳng hóa ra ta bị cô lập ư? Đã cô lập rồi, thì sau này thời thế đổi thay dù có đuổi được một Tần này lại sinh ra một Tần khác, như năm trước trong bài Lục lợi từ, tôi đã bám ở điều thứ năm.

Nay xin: (Châu phê: Từ đây trở xuống mới là thật) khi đến Gia Định, nên nói rõ trước với nguyên soái rằng: Sứ bộ ta đi lần này, không phải chỉ vì xin trả lại ba tỉnh, mà còn muốn mời người khai hoang (Có cả hai khoản như vậy mới không nhục quốc thể) và mua sắm máy móc, để tỏ ý làm cho hai nước cùng chung thịnh lợi. Chỉ vì dân chúng Bắc kỳ xôn xao bất bình, nên Triều đình bắt buộc dĩ mới đem nguyện vọng của họ đề bạt lên Tây triều. Nếu có thể thương thuyết để hai nước tốt với nhau thì quý hóa; còn nếu có chỗ quan ngại, cũng xin nguyên soái giúp đỡ cho một phen, châm chước cho nhiều khoản khác, để bản triều được tránh trách nhiệm với quốc dân. Nguyên soái thấy ta không có bụng

cưỡng trách sinh sự, mà có ý phó thác chắc chắn, thì y sẽ yên tâm mà không tìm cách để ngăn trở ta. Đợi khi sứ bộ ta đến Tây triều rồi, ngầm tìm đường lối, xem chừng có thể xen vào được (Việc ngầm tìm này thì lấy hai khoản mượn người và mua máy móc mà che đậy để qua lại tránh tiếng tăm) thì cương quyết xin. Còn thế không thể được thì làm thỉnh (Châu phê: Đoạn này chưa đúng), nhưng vẫn dựa vào nguyên soái. Y thấy ta không có tình tiết gì khác, thì cũng hồi tâm phần nào, và đề bạt lên Triều đình cho ta, ắt sẽ được việc ít nhiều.

Một mặt, sau khi nguyên soái đã về Tây, mà ta còn đợi ngày đi, thì nên đến nguyên soái mới, dò tình ý xem thế nào. Nếu ý có hơi lộ

ra là nguyên soái trước sai, thì ta lại giao kết thân mật với y, mà xin kế hoạch của y (Châu phê: Có ý).

Một mặt, khi đến Tây triều rồi, nên ngầm tìm Hà Ba Lý<sup>42</sup>, xem ý hướng y thế nào mà nhờ y ngầm giúp cho. Vì y trước có hiềm khích với nguyên soái.

Một mặt, không nên nói lại với y về khoản Lăng Xu Bi<sup>43</sup> trước đây (Châu phê: Phải), cũng không nên nhờ nó viết thư sợ lộ manh mối. Đợi khi đến Tây triều, sẽ ngầm tìm chú nó, cũng chưa muộn gì.

Một mặt, khi đến Tây triều rồi thì nên ngầm ngầm tìm các tay có thế lực trong viện Thứ dân, để thi hành kế hoạch.

<sup>42</sup> Hà Ba Lý: Aubaret.

<sup>43</sup> Langxubi?

Một mặt, nếu muốn dùng thuật tung hoành thì khi đến Tây triều, sau khi bày tỏ qua loa sự tình rồi, thì liền xin với quan Tây rằng: “Có một hai người trong sứ bộ muốn đi hết các nước, để rộng đường nghe thấy, không biết nên đi nước nào trước”, xem họ đối đáp như thế nào rồi sau sẽ đi.

Trong tờ bẩm năm trước, tôi có nói nên dùng chức tung hoành, là muốn thi hành trong tình thế thoi thả, chớ không thể tung ra thi hành trong lúc cấp bách. Nhưng khi đã đến nước họ rồi, thì hãy xem cơ hội có thể làm được thì làm, không thì thôi. Khoản này rất khó, tất phải có người kín đáo khéo nói, thuộc hết sự thế thiên hạ, mới nhân điều họ nói ra, mà biết những điều họ chưa

nói. Hoặc là đề khởi những việc họ đã làm mà thăm dò ý hướng họ. Nếu cứ thật thà ngay thẳng mà nói ra, thì lại gây thêm chuyện.

Kế này phải thi hành thông thả mới được, chớ không thể một lúc một lần thành công ngay. Xin hợp hết tình hình ngoại giao trên thế giới trong 500 năm lại đây mà xem, thì mới rõ mối manh, chớ không phải một tờ một trang có thể nói hết được.

Các khoản trên này trừ khoản tung hoành ra còn tất cả đều là muốn cứu vãn sự cơ hiện nay trong muôn một. Nếu không khéo xử thì chẳng những không cứu vãn được, mà còn sinh ra nhiều việc nữa.

Các sự lý nói rõ ở đoạn trên, thật là nghìn khó muôn khó. Khi sang đến nước họ, mới biết sự thật. Ai cho là dễ thì thật không biết họ vậy. Thế nhưng, nếu trời có ý thăm giúp ta, mà xui ta đến vào lúc nước họ xảy ra biến cố (Châu phê: Ất là có biến cố) thì phái bộ hãy nên ở lâu bên đó, gắng tìm đường lối (Châu phê: Đường lối nào) chắc sẽ được việc. Như vậy những điều tôi bảo là khó đó là bàn về tình thế bình thường bên ấy mà nói. Nếu gặp tình thế có biến cố xảy ra thì điều tôi bảo là khó ấy lại trở thành dễ. Đó là điều mà trong lòng tôi hết sức mong mỏi như vậy chứ không phải tôi nói vu vơ.

Các khoản nên làm kể trên tôi mới chỉ nói tiết mục đại khái mà thôi. Còn đến lúc ra làm phải tùy cơ ứng biến. Điều này đòi hỏi phải biết rõ lý thế bên ta bên họ (Châu phê: Hỏi y - tức Nguyễn Trường Tộ - có muốn đi theo mà giúp để thực hiện lời nói của mình không?) mà tùy theo đó ứng dụng đường lối cứng rắn hay mềm dẻo, bút mực không thể nói hết được.

Đây là những mưu kế lặt vặt, tạm dùng trong lúc cấp bách mà thôi. Nếu muốn có kế sách lớn, thì phải đem cái tính tình của toàn thể nước ta ra mà kêu gọi tính tình nước nào đã chống chế được họ, thì mới có thể nói đến đâu làm đến đó được (Châu phê: Như thế thì thông với nước Anh? Hay là tính

tình nước Anh chưa chắc). Nếu không thế, biết mà ngờ vực chênh mảng không làm, sau hối hận càng thêm nặng, chẳng thà không biết còn hơn.

Nay kính bẩm lên đại thần sáu Bộ soi xét.

Nguyễn Trường Tộ - ký.

## DI THẢO SỐ 31

Về việc lập sứ quán và cử phái bộ<sup>44</sup>

(Ngày 19 tháng 2 Tỵ Đức 21, tức 12 tháng 3 năm 1868).

Tôi là Nguyễn Trường Tộ xin đem các công việc ngoại giao bẩm rõ sau đây:

Một là, các nước đều có công sứ nước mình lưu trú ở Kinh thành các nước khác. Điều này rất có ích. Năm Tỵ Đức thứ 19 trước đây, trong một tờ bẩm, tôi đã bẩm sơ qua về khoản đó. Phàm nước nào có việc

---

44 Bản văn chữ Hán: Hv 189/3 trang 28 - 32. Hv 634/1 trang 155 - 161. Hv 135 trang 117 - 123.

lớn, thì gửi thư ngay cho công sứ nước mình trú ở Kinh đô nước đó, công sứ có quyền đối kháng thương lượng với Triều đình nước ấy. Nếu hòa hảo tử tế được thì thôi. Nếu Triều đình nước ấy không chịu, thì công sứ nước mình cuốn cờ mà về, rồi mới gây việc binh đao.

Các công sứ các nước cùng đóng ở Kinh thành nước khác lâu ngày, kết giao với nhau, càng ngày càng thân. Cho nên một khi xảy ra việc gì, sẽ có nhiều tay góp phần gỡ rối, nhiều người góp ý giúp đỡ, nên thường thường việc lớn hóa ra việc nhỏ. Bằng chứng như thế rất nhiều, không thể nói hết.

Vả công sứ quyền năng hơn nguyên soái, bất luận việc gì, trước hết phải thông qua tay công sứ, vạn bất đắc dĩ mới giao cho nguyên soái liệu định.

Năm trước, lúc họ mới bàn hòa với ta, cứ theo thể lệ phương Tây, thì ta với họ đều phải đặt công sứ. Sau họ thấy ta một mực từ chối, họ biết ngay sự từ chối đó là hại cho ta, mà lợi cho họ, nên họ cố giả bộ yêu cầu hai ba lần để cho ta càng sinh nghi mà càng từ chối. Do đó họ mới được tha hồ muốn làm gì thì làm. Nay nếu muốn giao thiệp với các nước thì ta qua họ, họ qua ta, sau lâu rồi cũng phải đặt lãnh sự công sứ ở nước của nhau, mà

khoản này ta chưa làm được, vì ta chưa biết rõ lý thế giao kết tung hoành phải như thế. Khó là vì vậy.

Hai là, nếu mở rộng cửa ngõ giao thông với nhau sẽ có lợi ích lớn, như trong bài Lục lợi từ đã nói và bài Ngôi vua là quý, chức quan là trọng đã trình bày 14 khoản cùng các lý lẽ đã nói rõ trong bài Khai hoang từ. Như thế thì họ với mình cùng nhau qua lại ăn ở mọi việc rõ ràng, dễ điều đình. Nhưng hiện nay ta còn nhiều trở ngại, chưa làm được. Khó là vì vậy.

Hai khoản này, trong các tờ bẩm trước, tôi đã nói qua. Nay có sứ bộ đi Tây, nên tôi xin nhắc lại để rõ sự nên hoãn, nên gấp trong việc ngoại giao. Nếu thế chưa làm

được thì không nên đi chu du các nước, để thêm phí tổn. Hai khoản này là bước đầu khởi sự, có nhiều trở ngại khó khăn. Nếu còn nghi ngại thì hãy nán lại sẽ cứ đi sau cũng chưa muộn.

Còn như đại thể phân hợp tôi nói rõ ở đoạn đầu trong bài Tế cấp bát điều, thì sau này dù ta không muốn làm, người khác cũng sẽ làm thay ta, rồi bắt buộc ta cũng phải theo đuôi. Đây là sự thế nhất định không thay đổi.

Nếu thế sứ bộ đi Tây lần này, cũng nên đi giao thiệp cho rộng, hết sức thăm dò một phen, để về quyết định xem nên làm hay không.

Còn như chuyến đi của sứ bộ lần này với những sự thể trong ý định của Triều đình, chúng tôi nghĩ kỹ, tính kỹ tình thế của họ, thì mọi việc cũng chưa chắc muôn phần đều được như ý muốn. Nhưng được một điều lớn, như những lời tôi đã nói ở đoạn cuối trong bài trình bày về việc duy trì ba tỉnh là “Nay ta hết sức làm cái kế có thể duy trì thật là hết lòng hết dạ thương dân. Nếu việc thành công thì phúc cho nhân dân, còn nói đến phải núi cùng sông hết mà phải giao cho trời định đoạt, thì cũng có thể đem tâm tình này mà tạ cùng thiên hạ và còn lưu lại cho ngày sau lòng nhớ sáu tỉnh cũ mà khôi phục mai sau”. Đây là một điều lớn sẽ đạt được trong chuyến đi này.

Sau nữa nếu thế không thể vẫn hỏi được mấy may thì trong khi lập điều ước tôi sẽ nắm rõ tất cả trong đó nên giao ước như thế nào, để có thể bảo đảm sau này, họ không dám tràn lan ra chỗ khác (Nhưng ta phải đừng phạm lỗi trước thì mới có thể giao kết lâu dài được) để có thể kéo dài ngày tháng, khiến cho ta có thể tự cường, mà dần dần mưu việc báo phục. Đây cũng là đạt được một điều lớn.

Sau nữa, phải hết sức dò xét thế tung hoành, để phân biệt việc gì nhất định làm được, việc gì chưa thể làm được. Việc gì có thể làm được thì hết sức làm ngay. Về sau nhất định được ích lợi lớn, như Tây Châu. Nếu muốn trái với mọi người mà đứng riêng ra một mình,

thì lúc về tôi sẽ bấm rõ sách lược thứ hai, mà hết sức thi hành trong vài năm, cũng đủ sức tự củng cố, thề không chung sống với họ. Còn như việc thành hay bại, đều phó cho trời. Vả lại lần đi này quan hệ đến đại thế, cho nên đem kiến thức thô thiển mà nói hết ra, nếu có sự gì mạo phạm, đây là do một tấm chân tình, vì không am hiểu sự thế mà ra. Muôn lần mong Triều đình rộng lượng tha thứ, để mở đường ăn nói.

Xin bấm thêm: Nếu sứ bộ cần tiêu dùng chi phí, xin nói rõ với Tây soái trước đến nước họ mượn tiền mà tiêu, rồi trả ở Gia Định. Nếu mang tiền Gia Định sang Tây, mỗi đồng chỉ đổi được 4 quan 9 tiền hoặc 5 quan mà thôi, mà ở các

phố lại không thông dụng. Ngày trước chúng tôi đem tiền Gia Định mua bên ấy, đã không lợi mà lại khó tiêu dùng. Về đồ đạc của công nên bỏ vào hòm to chắc chắn (Mỗi hòm nặng chừng bốn năm người khiêng) mới bớt phí tổn. Nếu dùng hòm nhỏ, thì bao bì nặng mà đựng chẳng được mấy. Lại nên dùng ván nhẹ đóng đinh vào cho chắc chắn (Xin phái thợ đến sứ quán, mượn một cái hòm không về làm mẫu). Nếu không, đi chưa đến nửa đường mà đồ đạc của cải đã hư hỏng.

Nay kính bẩm.

## DI THẢO SỐ 32

Về việc tổ chức cho sứ bộ đi Pháp<sup>45</sup>

(Ngày 19 tháng 2 năm Tự Đức 21, tức 12 tháng 3 năm 1868).

Tôi Nguyễn Trường Tộ xin đem những việc phải chuẩn bị để phái bộ đi Tây bầm rõ như sau:

Tôi trộm nghĩ: Xưa nay bất luận nước nào, hễ có sứ bộ đi ra nước ngoài, điều quan trọng là làm sao biểu dương uy thế, bảo toàn thể diện cho nước mình và không nhục

---

45 Bản văn chữ Hán: Hv 189/3 trang 32 - 36 Hv 634/1 trang 148 - 155 Hv 135 trang 123 - 129 N.P 120 trang 17 - 18

mệnh vua. Vì sứ thần thay mặt cho nước, một người tức là một nước vậy. Nếu có việc gì không hợp thể thống, sẽ khiến người ngoài để tâm dòm ngó khinh nhờn. Huống chi hiện nay các nước trên thế giới đều giao thông liên lạc với nhau, nước nào cũng đem tài sức quyền thế tranh hơn với nước khác. Nếu có việc làm gì không cẩn thận thì báo chí sẽ loan tin khắp thế giới, mọi người đều nghe thấy, quan hệ không phải là nhỏ. Vả lại thói đời giống với mình thì vui mừng, khác với mình thì chế giễu. Cho nên vua Hạ Vũ ngày xưa, vào trong nước của những người trần truồng, thì cởi áo mà đi. Sở dĩ bỏ tập quán cũ của mình là muốn thuận tình người khác, để mong cho được việc. Năm trước người Xiêm La đi

sứ sang Pháp, lúc đến đất Pháp, thấy nước họ rất mực phồn hoa, bèn đem hết đồ triều phục mặc vào mà đi. Khi vào sứ quán rồi, trước ngày yết kiến vua Pháp, họ giả bộ trong phòng hỏa hoạn rồi kêu rằng đồ triều phục bị cháy hết. Người Tây phải sắm lại triều phục cho họ. Khi họ về nước rồi, người Pháp biết là giả dối, nhưng chả làm gì được. Trí lực của người Xiêm là như vậy.

Sứ bộ ta đi Tây lần này, cách ăn ở, hễ đến đâu, phải làm như thế nào, tôi sẽ nói trước với quan chính sứ, bàn bạc phải chằng, tạm theo tục họ, để tránh sự chê cười. Còn như áo quần, đồ dùng, cần phải tề chỉnh sạch sẽ. Vì người Tây

ghét nhất là ăn mặc bẩn thỉu. Trừ lễ phục ra, áo lót mình mỗi người ít nhất cũng phải 40 bộ, mỗi ngày mỗi thay đổi. Khăn mặt phải dùng vải Tây trắng, ít nhất mỗi người cũng phải có 30 chiếc. Những hòm rương mang theo cũng phải bóng nhoáng. Nếu chưa có thứ tốt thì khi đến Gia Định mua cũng được. Nếu dùng những thứ ta thường dùng như tráp đựng trầu chẳng hạn, thì thật trông không được mắt tý nào.

Còn những đồ tặng vật kỷ niệm, xin chớ đem nhiều đồ sành sứ. Vì những thứ ấy của nước ta rất thô sơ. Nên mua nhiều trà ngon và các thứ hàng Tàu, chuyên chở đã dễ, lại cũng dễ giả. Còn một vài đồ sành

sứ, xin mua thứ rất tốt, không nên đem những thứ thô kệch như lần trước, đã lòi sự vụng về, lại tốn tiền chở. Và các loại vật dụng của công, nên chọn những loại rất nhẹ mới tốt. Vì không kể đi tàu thủy hay hỏa xa, mỗi người cũng chỉ được mang theo 60 cân mà thôi, còn ngoài ra đều phải trả tiền cước. Nếu chở nhiều đồ nặng thì phí tổn rất nhiều, mà cũng không ích gì.

Về những người hầu hạ cũng không nên đem theo nhiều. Vì từ Gia Định trở đi, không kể ở nhà trọ hay ở thuyền, đều có người Tây phục dịch. Ta chỉ cần một số rất ít để sai bảo mà thôi. Nếu một thuộc viên lại có một người hầu riêng,

thì ở xe, ở thuyền, hay ở nhà trọ, người ấy cũng phải trả tiền như thuộc viên. Tiền phí tổn đi về của một người ít nhất cũng phải một vạn quan. Nhưng nếu người đi theo hầu hạ quá ít, mà bị họ chê cười, mất thể diện, không đi không được thì dù tốn bao nhiêu cũng không nên tiếc, để giữ thể diện. Nay trái lại nếu đem nhiều người, thì lại mất thể diện, và bị họ chê cười vì phương Tây không có tục ấy. Cho nên cần phải giảm bớt.

Lại nữa, các người trong sứ bộ phải xét chọn người nào thật cần phải đi, mới phái đi. Nếu không cần lắm, hoặc giảm đi cũng không trở ngại gì thì nên giảm. Năm trước

sứ bộ ta đi Tây, trừ tiền mình phải chịu, còn ra quan Tây khoản đãi sứ bộ tốn hết gần 45.000 đồng. Nay đi lần này, đều do mình tự liệu lấy cả, trừ khi đến nước Tây hoặc được khoản đãi ra, còn dọc đường ta đều phải chịu hết. Vì thế nên ít người là tốt, càng ít càng tốt. Vả lại sứ bộ chỉ dùng để đối đáp chớ không phải để đánh chác gì. Lần trước các nước nghe sứ bộ ta đi đến hơn 60 người, đều lấy làm quái lạ, không thể hiểu nổi. Lần này định đi bao nhiêu người, những người nào nên kể rõ họ tên chức phẩm, viết thư vào Gia Định đệ trước qua Tây, để cho họ biết trước mới được.

Lại còn tục đi chân đất, người Tây cũng cho là rất xấu. Xin đều phải đi giày, giày Tàu, giày Tây, thứ gì cũng được, miễn đừng để chân không là tốt. Ngoài ra còn phải dùng bút tất trắng để bao chân. Mỗi người ít nhất phải có 4, 5 đôi giày, còn bút tất phải hai, ba mươi đôi để thay đổi luôn mới được.

Lại như lần này khứ hồi phàm những chỗ trên đường đi qua như thuộc địa nước Anh, đã qua thăm lãnh sự Pháp, thì cũng phải qua thăm các quan sở tại người Anh. Đây là lý phải như thế.

Lại như năm trước sứ bộ ta đi Tây, đã được vua nước Ai Cập qua khoản đãi 4, 5 ngày. Vua Ai Cập với ta xưa nay vốn không quen biết, sở dĩ làm thế là muốn vui lòng vua Pháp mà thôi. Nay nếu sứ bộ ta có đi ngang qua đó, cũng nên có phẩm vật gì biếu tặng mới hợp lễ. Còn như việc ăn ở đi lại, tất cả tập quán các nước như thế nào, tôi cũng đã nắm rõ và xin nén lòng chịu khó tạm theo tục lệ người ta, mới khỏi chướng tai chướng mắt người, như thế mới bảo trọng được thể diện nước mình. Còn sự thành công là ở trời. Tuy nhiên bảo toàn thể diện, khéo được lòng người, thì cũng là một cách để thành công.

Khoản này hoàn toàn do ở mình, chớ không thể đổ lỗi cho người khác. Vì thế nên tôi chẳng trốn tránh mà nói ra, nghe ra như có phần vị kỷ nhưng chính là sự thế phải như vậy. Nếu người ta chê cười một người, cũng như chê cười một bộ phận của cả nước, huống hồ chê cười sứ bộ thì sự nhục quốc thể lại chẳng lớn hơn sao?

Vì thế tôi kính bẩm lên quan bộ Lễ soi xét.

Nguyễn Trường Tộ ký

## DI THẢO SỐ 33

Về việc gửi người sang Pháp học<sup>46</sup>

(Ngày 20 tháng 2 năm Tự Đức 21, tức ngày 13 tháng 3 năm 1868)

Tôi Nguyễn Trường Tộ kính bẩm.

Nay vâng lời hỏi của quan bộ Lễ về việc phái người đi Tây học, tôi xin trình bày rõ các ý kiến đó như sau:

---

46 Bản văn chữ Hán: Hv 189/3 trang 40 - 42. Hv 634/4 trang 132 - 135.

Điều này rất nên làm. Có một điều hay lớn là khiến thiên hạ biết rõ nước ta ngày nay sắp sửa vươn lên để cùng nhau đua chen với các nước. Việc tuy nhỏ, nhưng danh nghĩa lớn có thể khiến các nước biết rằng ta dần dần rồi cũng qua lại giao thông với họ, có thể tỏ cho thiên hạ biết rằng nước ta hòa hảo và giữ vững lời ước với nước Pháp. Đó là việc làm không cần rêu rao mà chính đã cáo tri cho khắp thế giới biết. Việc cử người đi Tây học còn khiến cho nước Pháp dần dần tin ta thật bụng hòa hiếu. Với các lễ trên, thì việc này làm một mà được mười. Tuy nhiên tài chánh nước ta hiện đang khốn đốn, cũng phải khéo tiết kiệm để bớt tốn. Nay xin tư cho Tây soái xin cho đi theo thuyền nhà nước. Nếu đi thuyền

buôn phí tổn sẽ gấp năm lần. Việc học là công trình hàng năm nọ tháng kia không phải chuyện gấp rút.

Nếu sứ bộ đi trước, đến Kinh thành nước Pháp, hỏi trước chỗ ăn ở xong xuôi, tìm người giới thiệu, thì sau này học sinh sang học không đến nỗi phải lúng túng, sứ bộ không trở ngại gì. Sự đi lại thì nhờ quan Tây, sự dạy bảo thì nhờ học hội (Sứ bộ sang Tây đến cả nhà học hội xem sẽ thấy rõ mối manh). Vì học sinh phải tìm chỗ có quy củ mà ăn ở, mới khỏi lêu lổng mà tiến ích được. Vả bản lĩnh có chính, thì thi hành mới tốt. Nếu bản lĩnh không chính, dù có tài cũng thành

người vô dụng. Thử xem nước Ai Cập năm trước phái 15 người qua thành Ba Lê học tập. Đến lúc học xong về nước, chỉ giỏi những nghề chơi bời phóng đãng, ăn mặc phong lưu mà thôi. Vì Ba Lê là nơi rất phồn hoa. Nếu bỏ lơi khuôn phép thì dù người lão thành kiên nhẫn, cũng dễ bị hoa nguyệt rủ rê, huống là bọn học sinh trẻ tuổi.

Vả lại mới đầu, nên tìm trường nhỏ mà học. Tiền học, tiền ăn đều rẻ, rồi dần dà học lên, mới khỏi mù mờ như trông ra bể khơi. Nếu đột ngột vào ngay trường lớn, thì tốn phí đã nặng mà giáo sư cũng khó tự hạ thấp mình xuống để dạy riêng cho. Như thế tốn kém nhiều mà kết

quả ít. Vả lại khi vào trường rồi, tất những sự ăn, ở, mặc đều do nhà trường lo. Hàng năm tính chung lại mới trả. Tiền phí tổn ấy hoặc do sứ bộ cùng với Viện Truyền Giáo làm giấy vay, mỗi năm tính ra bao nhiêu rồi giao số tiền ấy cho giám mục địa phận nước ta cũng được, hoặc do quan Tây cấp rồi số tiền ấy trả lại tại Gia Định cũng được.

Những học sinh học máy móc thì tuổi phải 20 trở lên, học chữ Anh, chữ Pháp thì phải 12, 13 trở lên.

Những công việc đi học bên Tây là như thế.

Nay kính bẩm.

## DI THẢO SỐ 34

Trả lời các câu hỏi của triều đình<sup>47</sup>

(Bổ túc văn bản số 29)

(22 tháng 2 năm Tự Đức 21, tức 15 tháng 3 - 1868).

Nguyễn Trường Tộ xin đem các điều được hỏi bẩm rõ từng điều một như sau:

Thứ nhất về câu “Họ đã tính toán cả rồi”:

---

<sup>47</sup> Bản Hán văn: Hv 189 Hv 634. Không ghi ngày tháng. Nhưng có lẽ là 22 tháng 2 năm Tự Đức 21. Vì trong tờ tấu ngày 21 tháng 2 của Viện Cơ Mật, vua Tự Đức có châu phê nghi vấn: Trong tờ tấu ngày 23 tháng 2, Viện Cơ Mật trả lời về phúc đáp của Nguyễn Trường Tộ.

Họ đã biết rõ thế nước ta yếu, không bằng một phần mười của họ. Họ lại biết rõ mấy lâu nay Triều đình ta bàn bạc những việc qua lại với họ, có nhiều ý kiến bất đồng. Phàm những việc có lợi cho ta, ta đều chần chừ mà bỏ mất hết. Họ còn biết rõ những việc làm của quan dân ta đều có chỗ có thể vịn lấy để bắt bẻ. Họ còn biết rõ là ta còn cô lập không có viện trợ. Họ còn biết rõ ta có chỗ hở dễ thừa cơ xen vào sau này có thể giúp cho tụi phiến loạn để chia cắt. Họ còn biết rõ ta còn câu chấp, chưa biết tùy thời biến thông để nhờ những cái của người khác đã sẵn có. Họ còn biết rõ ta không lo tự cường gấp như các nước mà chỉ tranh giành từng tấc đất, thước đất.

Những điều kể trên là tôi tình cờ nghe được các quan Tây nói chuyện với nhau và chê ta không khéo xử trí. Tháng giêng năm nay tôi nghe các quan Tây nói rằng: Sau khi sứ bộ ta đi Tây về họ đánh lấy Bình Thuận, để cho ta lại đi Tây nữa, rồi sau khi về họ đánh lấy Bắc kỳ, xem ta còn đi đâu, để cho thiên hạ cười chê! Họ biết rõ mưu mô của ta mà chế nhạo ta như thế. Thật là họ không xem ta ra gì cả. Đây là những lời tôi nghe được, mà lý thế cũng là như thế. Vì kiêng kỵ tôi không dám nói hết, xin xem trong Tể cấp bát điều.

– Câu “Đã lập thái tử chưa?:

Tôi nghĩ Triều đình cũng đã ngầm hiểu nên không dám nói nữa

– Còn câu “Họ đã xem thấu sau lưng ta”: cũng giống như câu trước không phải nói lại.

– Câu “Giao thông với thiên hạ”:

Tuy rất khó, nhưng việc lớn không gì bằng giữ nước, cũng không gì khó bằng giữ nước. Như trong bài Trần tình năm trước tôi có nói “Thời kỳ khôi phục tìm ở thiên hạ, chứ không phải tìm ở trong nước mình”. Lại đoạn cuối trong bài Lục lợi từ có nói “Bỏ kế ấy quyết không chống được họ”. Đâu có chuyện giữ nước mà lại sợ khó ư?

– Câu “Đến nước Tây ngẫm tìm đường lối”:

Đây là nói tìm người giúp đỡ ta, nhưng người Pháp đâu phải không có tình yêu nước? Như thế nghĩa là có thể họ vì mình mà cũng là vì họ. Việc này phải đến nước họ, tùy thời cơ mà làm. Vì nhiều sự việc sẽ diễn tiến không thể lấy lời lẽ mà bảo trước được. Có điều là họ cũng biết rõ ta nói không nhất định, không như nước khác, nói một lời là nhất định. Vì sao thế? Vì ta chưa hiểu rõ tính tình người phương Tây vậy. Nếu ta tìm được đường lối, mà thế có thể địch được với Tây soái thì mới nên thi hành.

– Đến như câu “Nước họ sinh ra biển cổ”:

Đó là hiện nay nước họ đã chia rẽ với nước Nga lại có hiềm khích với nước Phổ Lỗ Sĩ; Viện Thứ Dân cũng muốn gây rối, trong khi con cháu vua trước cũng muốn lấy lại nước. Khi tôi ở Ba Lê, dò hỏi được chắc chắn như thế. Không biết bây giờ có thay đổi gì không? Nếu cứ đà ấy thì chắc sẽ có biến cố lớn. Ngày trước Viện Thứ Dân có nói rằng: Vua Pháp từ ngày sinh sự với ta đến nay và ngầm xích mích với Giáo hoàng La Mã thế nước ngày càng chóng giảm sút. Tuy trong Viện Công Hầu cũng có một vài nịnh thần ton hót vua để giữ tước vị, chỉ muốn sinh việc với các nước ngoài. Nhưng không biết Viện Thứ

Dân đã chết chưa nhiều bất bình. Từ 10 năm lại đây, tổn phí không biết bao nhiêu. Những việc đã làm, phần nhiều sai hỏng, cho nên họ đều viết thư muốn làm loạn. Ngày trước hiện đã bắt được 4, 5 người. Sự thế của họ là như thế. Dầu cho có loạn, nhưng có một nguyên soái giữ chặt Gia Định, thì mình cũng chẳng làm gì được họ; vì thế ta phải giao thông gấp, để đợi cơ hội.

– Câu “Gắng tìm đường lối”:

Nghĩa là nếu gặp được cơ hội của họ hiện như thế, biết rõ nay họ chưa thể sinh sự được với ta, thì ta công khai đem sự việc mưu với nước Anh, nước Nga, một mặt đem hết tình tiết ngầm bày tỏ rõ

ràng với Viện Thứ Dân, để xin trả lại đất đai của nhân dân cho ta. Ta chỉ lập hòa ước mở các cửa bể, để cùng nhau ăn ở buôn bán mà thôi. Nếu cơ hội nổi loạn ấy gần phát ra, mà lần này chưa thể xong việc được thì phải làm gấp sáu điều lợi, để đợi biến cố.

– Còn câu “Biết rõ lý thế của ta của họ, để tùy cơ ứng dụng đường lối cứng rắn hay mềm dẻo”:

Cái đó là quyền của các quan đại thần lo việc nước tôi không dám dự biết. Nhưng nếu có hỏi thì tôi xin trả lời, có nghi thì tôi xin giải đáp, muốn biết điển cố, muốn biết tình thế hiện nay tôi đều có thể nắm rõ. Hoặc cùng với thông ngôn

đi trước để dò xem tình hình được hay chưa, hoặc ngầm tìm người quen để dò hỏi tình thế, những việc đó tôi đều có thể làm được.

– Nhưng câu “Tình nguyện đi theo giúp”:

Tôi cũng khó nói rõ được. Chỉ vì việc ấy rất là khó khăn, tuy có một vài cơ hội, nhưng khó quyết định nên việc. Vì lâu nay ta chưa đi lại giao thiệp tạo sự quen biết để được tình cảm với người ta trước. Còn như tình nguyện giúp đỡ mọi việc, thì đây là điều mà tôi rất muốn. Nếu tôi không có bụng ấy, thì chỉ có một bà mẹ già, khó gì chẳng cùng đem mẹ đi trốn được, mà phải trở về? Cũng không phải

vì tình thế bức bách mà phải trở về. Như thế, tấm lòng muốn giúp đỡ của tôi đã rõ ràng rồi. Nhưng nếu Triều đình có muốn sai phái việc gì thì xin cứ nói thẳng. Tôi xin hết lòng mà thôi. Nếu có bổ ích được phần nào, thì đó là do oai linh của Triều đình, bằng không có bổ ích gì, thì đó là do sự thể xui nên đừng bắt tội thì tôi mới dám vâng mệnh. Lần này mà bắt tôi nói “tùy nguyện” thì thật cũng không dám. Vì nếu được việc thì chẳng nói làm gì, không được việc thì lại sinh nghi nan. Một phen không trúng mà đổ hại về sau, như thế là cái sở học của tôi muốn đem ra giúp đỡ, không phải ở chỗ chuyên ứng đối, tôi sẽ không khỏi ôm hận mà chết ư?

– Còn như câu “Đem cái tính tình ta mà kêu gọi được...”

Nghĩa là trong thiên hạ cũng có một vài nước đã biết rõ sự thế của Tây, như các nước Ai Cập, Tây Châu v.v..., mới có thể dùng kế sách lớn, để được giàu mạnh. Nghĩa là qua lại giao thông với phương Tây mở hết cửa ngõ, như trong Khai hoang từ tôi đã bẩm trước. Phải như cái kế mà các nước dùng để chống lại phương Tây thì mới gọi là kế sách lớn. Nước ta nếu có kiến thức như họ, tính tình như họ, mới làm được kế ấy. Kế ấy tôi đã nói qua trong các tờ bẩm trước. Nay không phải nói lại nữa.

Nay kính bẩm

## **DI THẢO SỐ 35**

Nói rõ thêm về văn bản ngày  
16-2 Tụ Đức 21<sup>48</sup>

(Ngày 22 tháng 2 năm Tụ Đức  
21, tức 15-3 năm 1868)

Tôi Nguyễn Trường Tộ vâng  
sức hỏi các sự lý nói chưa được rõ  
ràng trong hai tờ bẩm trước của  
tôi, xin theo từng khoản mà bẩm  
rõ lại như sau:

---

48 Bản văn chữ Hán của bài này: Hv 189/3 trang 42  
- 50. Hv 634/3 trang 01 - 13 Hv 170 trang 53 - 59

Khoản một, câu “Sứ bộ ta đi Tây lần này không phải chỉ chuyên một việc xin trả ba tỉnh mà thôi, v.v...”

Tôi nghĩ rằng: Trong ý vua tôi nước họ, vốn trước muốn lấy 6 tỉnh của ta, hợp với nước Cao Miên làm một, rồi sau mới lập mưu kế mà mượn nước ta làm hàng rào phía Đông để củng cố vùng đất chính ở hai bên sông Cửu Long. Đây là một mưu kế trăm năm mà họ nhằm lập sào huyệt ở phương Đông cho họ. Nếu nay ta nói thẳng là đòi lại ba tỉnh trong, thật là như thúc một cái vào tim họ, sợ họ cho ta không hiểu sự thế nên cứ nhất quyết làm rầy rà, rồi họ sẽ phát cáu không chịu nhân nhượng chút nào để cho ta tuyệt đường bao giờ có ý nghĩ ấy

nữa. Nếu quả như thế, thì không nhục quốc thể lắm sao?

Vả lại họ thấy ta nay xin trả mai xin trả, họ biết ta chưa cam lòng chịu họ, thế là cái mưu đồ 100 năm của họ còn bị cản trở chưa ổn chưa tiện. Thế tất họ phải lấy gấp Bắc kỳ của ta, để ta không còn thì giờ đâu mà lo liệu, họ mới có thể ngồi yên mà tính toán sách lược được. Cho nên các quan họ (Các quan đây là các quan thuộc hạ, chứ nguyên soái thì kín đáo, không nói lộ ra, sợ ta biết mà phòng bị) nghe ta đòi lại ba tỉnh trong, liền nổi giận mà nói rằng: Sẽ lấy nốt Bắc kỳ, xem ta còn đi đâu! Đây là ý muốn vốn có từ trong thâm tâm của họ, cho nên ngẫu nhiên vô ý mà lộ ra lời nói vậy.

Trong bài **Tế cấp bát điều** trước đây đầu tiên về điều “Chỉnh đốn vũ bị”, có một khoản nói rằng: Xin đắp một thành lớn ở Tứ Tuyên vùng thượng du, mà dùng một vị đại thần thân tín giữ đó, chính là vì có đấy. Vì tôi đã liệu trước, cứ như địa lý về binh pháp thì từ Hà Nội trở xuống, cũng khó cầm cự lâu dài được với họ, cho nên tôi xin nói kín như thế, vì là việc kiêng kỵ, không dám nói rõ. Nay nếu chỉ nói việc đòi trả lại ba tỉnh, thì sợ ngại tâm sự họ, cho nên muốn kèm thêm vào việc mượn người khai mỏ và mua máy móc để ngăn bưng ngờ vực của họ. Vì hai khoản này là thật lòng muốn chung điều hay điều lợi với họ, cho nên họ ngầm

tưởng là ta có lòng như thế, thì họ cũng dễ hợp tác với ta mà có thể hoãn việc thi hành của họ (Như trong bài bầm tôi đã nói họ đi xâm chiếm các nước cũng chỉ dùng hai đường lối hoãn hay gấp này mà thôi). Như thế ta có thể thư thả mà lo tự cường, không còn cấp bách nữa.

Lại họ lầm tưởng ta đã có bụng ấy, mà nếu không tạm châm chước cho ta một vài khoản để thuận tình phần nào, thì cũng có phần sợ ta xấu hổ quá hóa liều, mà đánh bừa một trận, lại vừa gặp lúc trong nước họ đang có việc, thì họ ngồi ở Gia Định cũng khó yên ổn.

Tuy họ đã biết rõ ta không đủ sức chống lại họ, nhưng nếu họ

chết một ta chết trăm người, họ cũng bị thiệt hại, không phải là kế sách hoàn toàn tốt, chỉ bằng thuận tình ta chút ít mà dùng kế hoãn, thì không phí sức. Cho nên tôi muốn thêm vào hai khoản ấy, để dùng kế lấy thuốc ôn trị bệnh hàn vậy.

Khoản hai, câu “Cũng nhờ nguyên soái giúp đỡ một phen”.

Nguyên soái sở dĩ gấp rút bàn hòa với nước ta là muốn cuộc hòa tạm xong để lấy tiếng hòa mà về phục mệnh với quốc vương. Như thế là việc của y đã bế tắc mà thoát ra được, trút gánh cho người khác để về hưởng thú vui ở thôn quê, như tôi đã nói trong một tờ bẩm trước lúc ở Gia Định. Khi đã tạm

hòa với ta thì sau này ta sẽ đem tờ hòa ấy sang Pháp mà xin thêm với quốc vương điều gì, nếu được tức là do Triều đình Pháp vì tình mà cho, chứ không quan hệ gì đến việc ngoài mặt trận của nguyên soái.

Lúc ấy, nếu Triều đình Pháp có hỏi nguyên soái lý lẽ gì, thì y đã biết tình hình ta trước đây sở dĩ tạm hòa với y là để thành danh cho y, nên y cũng biết ơn ta, mà ta lại cố xin giúp y, thì y cũng nghĩ đến tình lễ của ta mà nói với Triều đình Pháp rằng: “Những điều Nam Triều xin đó, cũng nên châm chước”. Có điều khi ở Gia Định y không dám thuận theo tất cả những lời ta xin, là muốn lưu cái việc ban ơn nặng đó cho Triều đình Pháp. Và trong ý y cũng sợ rằng nếu trái ý nước

ta quá, vạn nhất xảy ra việc gì thì điều nói hòa với ta trước đã tâu về Triều đình Pháp cũng chưa xong gì. Như thế thì nay y cố xin với Triều đình Pháp một vài điều gì cho ta cũng là vì y nữa. Tình thế ấy cũng là chuyện tất hữu ở đời vậy.

Còn câu “Làm thình nhưng vẫn cứ chờ nguyên soái”.

Câu này cũng cùng một ý, không phải lại nói nữa.

Khoản ba, câu “Đến nguyên soái sau mà dò ý tứ”.

Đây là bất đắc dĩ mới tìm kế thứ hai. Nếu ta không hoàn thành việc tạm hòa với nguyên soái trước, thì vấn đề ba tỉnh trong chưa xong, mà

nguyên soái mới vừa nhậm chức thấy công việc rối ren như thế ắt cho là nguyên soái trước thoát nợ trút gánh nặng cho y, y đại gì gánh lấy cái khó để thành công cho nguyên soái trước? Hoặc giả y nghĩ kiếm cách ăn ở tốt với nước Nam, để nước Nam thương mến mình để mình mưu đồ lập công sau này. Vậy nay mình lập một vài mưu cho nước Nam để giải quyết cuộc diện chưa xong này, để lưu tình nghĩa với nước Nam để mình được thung dung sắp xếp công việc. Đây cũng là cách cầu công mà nhân tình tất phải có. Nhưng ta phải đến Gia Định thăm dò thêm nguyên soái mới với nguyên soái cũ thân sơ ra sao rồi nói chuyện, bàn bạc với nguyên soái mới, xem y ăn nói ra sao, khám phá được tình chân thật

của y rồi mới có thể câu kết với y được.

Khoản bốn, câu “Ngầm tìm Hà Ba Lý v.v...”

Người này vốn có thâm thù với nguyên soái. Năm trước ông ta đã nói giúp với Triều đình Pháp nên trả lại ba tỉnh ngoài cho ta, như thế tức là trước Triều đình Pháp chắc ông cũng đã dùng nhiều lý lẽ để nói rõ việc làm nên trả lại khiến vua Pháp đã sai ông lên Kinh để nói về chuyện trả lại. Và khi ông lên Kinh, Triều đình ta tiếp ông rất hậu, và ông ta cũng ghi nhận được cảm tình ấy. Nhưng chỉ vì nguyên soái cầu công lại tâu về Pháp bác hết các lẽ của ông, như thế rõ ràng

là nguyên soái đã đập đổ lòng tự ái của ông rồi. Và năm trước khi tôi ở thành Ba Lê lúc ông đã trở về; tôi cũng được nghe ông nói rằng chuyện sinh sự của nguyên soái là sai. Nếu sứ bộ đi Tây, ngầm tìm được ông ta, dùng lời lẽ khéo léo mà cầu kể với ông cũng được.

Khoản năm, “âm thầm tìm người chú”

Hai chữ “người chú” tôi chép nhầm, chính là “người cậu” chớ không phải người chú. Nhân năm trước khi chúng tôi qua Tây có mang thư của Lăng Xu Bi gửi cho cậu ông ta, nhưng sau cậu ông ta không biết chúng tôi ở đâu nên việc phải bỏ dở.

Trước đây Nguyễn Hoảng đã đem thư của người cậu gửi cho ông ta dịch ra tiếng ta và đệ nạp, sự lý trong thư chắc Triều đình cũng đã rõ. Vả người cậu ấy hiện là một quan lớn trong Viện Thứ Dân.

Nay sứ bộ ta đi Tây, cũng nên ngầm tìm đến người cậu ông ta mà nhắc lại chuyện trước, nhờ ông ấy bày kế cho ta như thế nào, rồi nhắc lại khoản Lãng Xu Bi trước kia ở Gia Định muốn xin, nói cho ông biết. Ông ấy nếu đem sự việc nghĩ kỹ, thấy chắc chắn yên ổn có thể làm được thì sẽ bày kế cho ta mà còn giao kết bá cáo với đồng liêu (ở Viện Thứ Dân) để đối nghịch với Viện Công Hầu. Nếu thấy thế không làm được thì ông là một quan lớn, đã có tình nghĩa với ta,

đã hứa với ta một lời thì chắc chắn không tiết lộ ra, để làm hỏng việc của ta. Nhưng khi đến đây cũng phải ăn nói khôn khéo mới được. Còn sự thế nước Pháp, thì Viện Công Hầu và Viện Thứ Dân thế lực ngang nhau. Trong khi đó Viện Công Hầu thì mong có chuyện để lập công, còn Viện Thứ Dân thì lấy việc dàn xếp cho yên nước để làm công. Cho nên hai bên đi đến khiên chế nhau để đi đến chỗ phải giải quyết thỏa đáng.

Năm trước khi tôi ở nước Tây, đã cùng giám mục đến chỗ đào mỏ đúc sắt. Những sự tai nghe mắt thấy, tôi đã nói rõ ở đoạn cuối trong bài Tế cấp bát điều năm ngoái.

Ở đây có một vị công tử đứng

đầu hội, y là con một ông quan lớn nhất trong Viện Thứ Dân (ông này là Viện trưởng Viện Thứ Dân, như tể tướng). Chúng tôi đã ở nhà công tử ấy một tuần và có nói chuyện nhiều với công tử rằng nước ta vốn muốn cộng tác với nước Pháp để được thịnh lợi chung, y rất thích. Tôi cũng nói với y rằng khi về nước sẽ đem hết những gì cơ xưởng của y có bẩm lên Triều đình biết để sau này có mua sắm gì sẽ nhờ y liệu biện cho, như Nhật Bản, Xiêm La vậy. Nếu tiện dần dần sẽ xin cho một vài người sang nước ta để xây dựng lò đúc sắt cho ta giống như của y. Nhưng việc đó sẽ chờ Triều đình liệu dần, sớm hay muộn tôi không thể nói trước được, chỉ đem công việc bẩm lên mà thôi. Y nói, nếu được như thế, y xin đảm nhận.

Nay đi lần này, có thể trở lại chỗ của y, mua một vài thứ máy móc cần dùng, rồi thông thả đem việc bày tỏ với y, nhờ y nói giùm với cha y. Nếu cha y bằng lòng giúp ta, thì may ra được việc. Sự thể như thế, nếu có trở ngại gì, thì lần này ta với y đã có cảm tình, sau có việc gì cũng dễ nói chuyện. Ta nếu nhân có công tử mà được gặp cha y, đem tất cả đầu đuôi sự việc nói với cha y, biết đâu cha y sẽ hồi tâm nghĩ lại mà chống cãi với Viện Công Hầu để bàn bạc châm chước cho ta. Nếu lần này chưa được như nguyện thì một vài thứ máy móc ta mua của y cũng chẳng thiệt hại gì. Vả lại, nếu muốn tìm các thứ máy móc theo kiểu mới thì khắp nước Pháp, không đâu hơn ở đây. Nếu các quan ta đến đây đính ước sự

mua bán về sau như Nhật Bản, có gì mà không được? Vì thế cho nên chỉ dùng kế ở chỗ ấy cũng tốt.

Còn câu “ám thông mọi việc với Viện Thứ Dân” với câu “ngầm tìm các quan lớn ở Viện Thứ Dân để làm kế ấy” v.v... thì sự thể cũng giống nhau, không phải nói lại nữa.

Khoản sáu, câu “thì xin với quan Tây...”

Đây là nếu nay ta vội vàng qua lại giao thiệp với các nước thù nghịch với Pháp, thì quan Pháp tất biết ta ngầm dùng thuật tung hoành, để tìm người giúp. Chắc chắn sẽ nhân lúc ta chưa thâm giao được với các nước giúp ta, mà đánh gấp ta, thì

quân cứu viện chưa đến mà giặc đã đến trước, ta lo sao kịp? Phàm những nước giúp nước khác, tất trước phải xem nước mình giúp đó có thể đứng vững được không, rồi mới chịu giúp. Nếu xem thể giúp không kịp nữa, thì chả đại gì mà rước lấy tiếng giúp không nên công. Nay sứ bộ ta đi Tây, mà muốn âm thầm giao thiệp, thì tất phải từ nước Pháp trước, mới khỏi bị nghi. Nếu làm vội vàng, thì họ sẽ biết kế, mà tìm cách ngăn chặn và đánh lấy gấp nước ta. Như thế thì ta xử trí thế nào được?

Khoản bảy, câu “Qua lại với các nước phương Tây, mở rộng các đường lối cửa ngõ” v.v...

Phàm việc đời không kể lớn nhỏ, chưa có việc gì hoàn toàn tốt đẹp mười phần mà không hư hỏng chút nào, cũng chưa có việc gì hoàn toàn hư hỏng mười phần mà không có ích lợi chút nào. Có điều là phải cân nhắc lợi hại lớn nhỏ để nếu lợi thì được lợi lớn mà nếu hại thì chỉ hại nhỏ thôi. Khoản mở tất cả các cửa ngõ này nếu làm gấp thì có lợi sớm, chậm thì lợi chậm. Nay tuy ta không muốn làm, thiên hạ cũng chẳng cần biết ta có muốn làm hay không mà sẽ cương quyết thay ta làm. Đây là sự thế nhất định như thế, không thể trái được. Để cho người ta làm sao bằng tự mình làm. Vì nếu người làm lợi sẽ về người, mình làm lợi sẽ về mình. Nếu ta không chịu mở cửa giao thiệp với thiên hạ, thì ắt

bị người Pháp mở. Để bị kẻ địch của mình mở cửa, sao bằng ta mở cửa cho kẻ đến xin mình. Hai việc ấy lợi hại thế nào đã quá rõ ràng!

Vì thế cho nên trong Hòa ước trước có điều khoản: “Có cho làm mới được làm”. Đó là họ muốn một mình họ mở lấy để tóm hết mỗi lợi. Như thế thì ta còn trông mong gì nữa? Lợi đã không có, thì hơi đâu mà phòng hại. Nay nếu ta mở cửa gấp thì sẽ xoay chuyển được sự thế mà dần dần ngăn chặn các tệ hại; tuy rất tốn công lao nhưng cũng có lợi. Còn hơn là đợi đến khi trông thấy tệ hại mà không đủ sức để ngăn chặn hay sao?

Thử xem nước Ai Cập, nơi mà sứ bộ ta đã đi qua. Nếu không có

nhiều tay giúp đỡ, thì người Anh đã nuốt chửng đi rồi, có đâu ngồi yên hưởng được như ngày nay!

Sự thế ấy rõ ràng, nên lấy đó làm gương.

Nay kính bẩm.

## **DI THẢO SỐ 36**

Bãi bỏ việc cử sứ bộ đi Pháp<sup>49</sup>

(Ngày 15 tháng 3 năm Tự Đức 21, tức ngày 7 tháng 4 năm 1868)

Tôi Nguyễn Trường Tộ kính bắm.

Khoản sứ bộ đi Tây này, tôi nghĩ kỹ, thấy có nhiều điều trở ngại chưa thỏa đáng. Nếu tìm phương pháp khác để cho có ích, thì sự thế sẽ có nhiều chỗ không hợp với sự chỉ định của Triều đình, cho nên tôi chần chừ không dám nói. Nhưng không nói thì không hết lòng, nên

---

<sup>49</sup> Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/3 trang 50 - 61 Hv 635/3 trang 14 - 33

tôi đem ý kiến riêng trình bày trước tất cả. Nếu có chỗ không hợp, cúi xin Triều đình rộng lượng tha thứ, để mở đường ăn nói.

Trong tờ trước tôi đã nói, họ thường dùng hai kế hoãn và gấp để lấy thuộc địa. Nhưng ở nước ta, họ chỉ mới thí nghiệm ở Đà Nẵng. Cuộc hòa không thành, họ đã biết là nên dùng kế hoãn, thì không tốn sức. Ý họ muốn khéo mượn sức ta mà dùng. Như trong tờ bàn hòa năm trước, tôi đã có bẩm “họ chỉ sợ ta phòng thủ thành trì không kiên cố”. Nhưng đến nay, dần dần đã thấy họ muốn dùng kế gấp. Cũng bởi nước ta sự thế ngày càng sinh ra, và có cơ xui họ không thể không dùng kế gấp. Lòng tôi rất khó chịu, không thể không nói ra. Kìa

khắp Đông Châu, Tây Châu hai bể,  
không chỗ nào họ không đặt chân  
đến, riêng nước ta họ đến sau, đây  
là trời thương ta vậy!

Nếu ta biết khéo xem phương  
pháp hoặc đánh hoặc hòa của các  
nước mà chiết trung để khéo xử sự  
với họ, thì họa đó sẽ là phúc, như  
năm trước tôi đã bẩm ở đoạn giữa  
trong bài Lục lợi từ. Năm trước  
khi họ mới lấy ba tỉnh ngoài, tôi  
đã biết rõ, chẳng chóng thì chày,  
ba tỉnh trong cũng sẽ không còn  
là của Triều đình ta nữa. Cho nên  
mấy năm gần đây, tôi đã hết lòng  
trình bày những kiến thức ngu hèn  
của tôi, để làm kế duy trì. Cũng  
muốn tạm dùng thuật tương kế  
tự kế; lấy cái kế hoãn của họ mà  
làm thư giãn tình hình cấp bách ba

tỉnh trong của ta (có rất nhiều lý do nhưng việc đã qua không cần nói lại nữa).

Nhưng sự thế ngày càng sa đà, tất cả những kế hoạch Triều đình dùng để qua lại với họ, đều bị họ khám phá cả. Cho nên ba tỉnh ngoài đã không lấy về được, mà ba tỉnh trong cũng kế tiếp mất luôn. Các sự thế thời cơ từ trước, mặc cho trôi xuôi, mà Triều đình cũng rất nhọc lòng mệt sức.

Nay họ vừa lấy trọn được sáu tỉnh, ý họ cho là tạm yên để lo kinh lý đất Cao Miên và đường phía Tây. Chỉ vì trước đây ta không hiểu rõ thế lực của họ, cứ tìm cách giằng co ba tỉnh ngoài, khiến họ phải lấy gấp ba tỉnh trong để trừ tuyệt cho

xong. Họ nghĩ rằng ta tự hiểu ngầm là trêu họ vô ích mà lại bị họ cắn, từ rày hãy dập tắt ý định đi, mà ăn ở tốt với nhau, để hai bên đều có lợi thì mới khá được.

Nay họ biết rõ chẳng những việc mới ta chưa chịu mà việc cũ ta cũng chưa chịu, như vậy đường kinh lý của họ sau này cũng chưa ổn định. Thế tất họ phải làm cho ta một phen kinh hồn liếp xiếp mà không dám ngó đến Tây Nam nữa mới khỏi trái nguyên tắc của nhà binh. Cũng như con cọp mới vồ được miếng mồi ngon chưa kịp ăn mà ta cứ lại quấy rối luôn, như muốn giật lấy của nó, thế tất nó phải nổi giận mà cắn càn, đấy là lẽ thường. Nay ta đã có chỗ để thừa cơ hội được như tôi đã nói ở đoạn

đầu trong bài Tế cấp bát điều là: “Tội bất mãn với Triều đình ngấm ngấm vào Gia Định v.v...” Huống chi những việc ta làm, lại đương nhằm làm lụy cho họ, thế họ tất phải nghĩ cách thoát điều lụy mà trút trách nhiệm nặng cho ta. Đây là lẽ thường tình của con người.

Làm lụy cho họ là thế nào? Nghĩa là họ đã bị các quân đội nghĩa quân đánh phá, mà họ cho là do ta xúi giục, cho nên họ lấy gấp ba tỉnh trong, để tuyệt đường đi lại. Họ tự cho như thế là đắc sách. Nay ta lại luôn luôn đòi trả lại, mà không được, thì họ biết là ta ôm hận trong lòng, sẽ tìm cách để phá họ. Đây là một điều làm lụy cho họ.

Đại thế của ta còn vững. Tuy đã mất hẳn sáu tỉnh, nhưng cũng còn trông mong lấy lại. Cho nên họ phải gấp rút kiếm cớ, để làm yếu hèn thế lực của ta, thì mới cắt đứt được lòng người của ta, để lợi cho họ. Nếu không cứ để kéo dài ngày tháng thế lực của ta ngày càng mạnh lên, một mai bên nước họ có việc, hơn thua chưa biết ra sao. Đây là hai điều làm lụy cho họ.

Nếu ở Gia Định mà cuộc giảng hòa không thành được với ta, thì ắt gây sự nghi ngờ cho mọi người. Người ta sẽ cho là do họ không khéo xử trí, nên cuộc hòa không xong. Vì xưa nay giảng hòa đều ở dưới thành, chứ không ở Kinh đô. Kinh đô không phải chỗ giảng hòa. Đây là ba điều lụy cho họ.

Nếu đến Tây triều thì họ cũng phải khoản đãi hàng khách không mời mà đến, tốn phí đã nhiều, mà không được lợi gì cả. Tuy trước mặt, họ phải giữ thể diện, nên phải thế, nhưng sau lưng thì không khỏi cau mày cho là ta không biết thể tất nhân tình, mà làm việc vô ích như thế. Năm trước sở dĩ họ hết sức tiếp đãi sứ bộ ta, phô bày hết những cái hay khéo của họ ra cho ta xem là muốn cho ta thấy rõ thể lực hùng mạnh của họ, để ta nén lòng im hơi, cho họ được thông dong mưu đồ kế hoãn vậy.

Nay họ dò biết, sứ bộ ta đi về đều bị mọi người chỉ trích. Nếu nói thật, thì bị mọi người thóa mạ. Nói Tây nhỏ yếu thì ai nấy hân hoan. Thậm chí còn nghi là ăn hối lộ của

Tây, nên tán tụng oai phong của Tây. Vì thế mà mọi người đều cảm rằng ngậm miệng không dám nói thật. Do đó ta không hiểu thấu tình thế thiên hạ, không biết rõ thời cơ của ta của địch hư thực thế nào, thành kiến thật kiên cố, không thể phá được.

Trước đây, sở dĩ họ ân cần tiếp đãi sứ bộ ta, là muốn cho ta hiểu rõ đôi chút phải chăng để hai bên được tạm yên thì họ mới dần dần lo kế hoãn được. Nay tất cả đã thất vọng, mà còn nghe ồn ào hơn trước. Tuy họ không tổn hại gì lớn, nhưng cũng có những trở ngại và cập lụy nhỏ. Một lần như thế là đã quá rồi. Nay lại sang để quấy rầy phá rối lần nữa, lại còn muốn làm hòa ước buôn bán, thì họ không thể

nào chịu được. Nếu điều đình với ta cũng phiền, mà không điều đình với ta cũng phiền. Cho nên nguyên soái đã nói: Nếu sứ bộ ta đi Tây thì y không chịu đi cùng một thuyền. Nói như thế thì ta còn ra thể thống gì nữa? Xưa nay hai nước giao tế với nhau, chưa bao giờ có lễ độ như thế. Nhưng lòng y cũng đã cố gắng hết sức, bất đắc dĩ mà phải nói ra.

Ôi! Họ một Triều đình, ta cũng một Triều đình, mà không chịu nhường nhau đến thế, thì sau đây đến Kinh đô họ, là chỗ tụ họp công sứ các nước thiên hạ, nếu có một sự gì không nhã nhặn, thì sự nhục nhã sẽ truyền khắp hoàn cầu, như tôi đã nói trong tờ bẩm trước. Vì rằng, họ đã biết bị ta quấy rầy mà không trông mong gì nữa, thì không thể

chịu phiền mãi mà phải nghĩ cách ngăn chặn, mà muốn ngăn chặn thì phải nói nhất định không thương thuyết nữa, để dập tắt ý nghĩ của ta để khỏi đi lại thêm phiền, mà còn nghĩ cách làm cho ta một phen khốn đốn, không còn ngo ngoe cựa quậy để làm rầy họ nữa mới dừng tay. Như thế ta làm sao khỏi chóng sinh thêm nhiều chuyện?

Họ đã lão luyện trong việc chiến trận, hơi thấy một tý là họ đã hiểu rồi. Tất cả những việc họ thương lượng với ta bất luận việc gì đều có lợi cho họ cả. Tuy hoặc ta có lợi, nhưng cũng như họ thôi. Nếu không, thì lẽ nào họ vừa mới ra tay mà lại nhường cho ta chiếm thế thượng phong ư? Cho nên trong bài Khai hoang từ trước đây

tôi đã có câu: “dùng kế trái lại để đâm họ”, như thế mới về tay mình được. Nay nếu muốn họ trả đất đai của nhân dân lại cho ta, ắt phải đợi lúc nào họ biết chắc chắn họ có thể chung điều lợi điều hại với ta mới trả lại cho ta, mà vẫn có thể mượn để sử dụng được, như kiểu nước Anh với một nước nhỏ ở Ấn Độ, thì họ mới chịu trả. Hoặc là vì một thế lực nào khác bức bách, không trả không được thì họ mới trả. Nhưng việc đó không phải thường có.

Tôi xem khắp thiên hạ từ 500 năm lại đây, những nước bị người phương Tây xâm chiếm, chưa hề có trường hợp tự dưng vô cớ đem đất đã chiếm được mà trả lại cả

(Năm nước sứ bộ qua Pháp, vua Pháp vì bị dư luận của Viện Thứ Dân thúc bách nên nói trả. Nhưng biết đâu đó chẳng phải là kế thái tử nước Sở, đi làm con tin nước Tề? Cho nên khi sứ bộ về đến Gia Định, tôi đã bẩm rõ với hai quan Phạm, Ngụy rằng: Việc này rốt cuộc rồi cũng bị trở tay thôi, vì nguyên soái có quyền to và nhất định cản trở, tất có thể bác bỏ lời bàn. Về sau việc quả như thế)[ Xem di thảo số 4.]. Huống chi họ đã biết rõ là trả lại thì sau ắt sinh chuyện, mà không trả ta cũng chả làm gì được họ? Như các quan Triều đình Pháp nói với Giám mục Ngô rằng: “An Nam chân thành hay không chân thành, ta cũng không thiệt hại gì, chẳng qua họ tự làm hại họ mà thôi”. Xem họ ngang ngược như thế, mà

nay chỉ vì một lời nói của ta, đã vội vàng trả lại cho ta, tôi tưởng không có việc như thế được.

Cứ như đoạn đầu tôi đã bẩm trong bài Tể cấp bát điều thì dù trả lại hay không trả lại, sau này cũng không khỏi sinh ra biến cố khác. Nay Triều đình chỉ lo phòng bị những việc sau khi hoạn nạn, mà không ngăn ngừa những nguyên do sinh ra hoạn nạn, chỉ hết tâm lực hết của cải để làm cái việc mò kim đáy biển, mà không chịu để tâm lực nghỉ ngơi, nuôi dưỡng khí thế, hầu giữ lấy hòn ngọc trong tay, biết nói làm sao bây giờ!

Ôi! Người khéo lo việc biết cái cơ sẽ đến mà không làm được, thì phải thuận theo chiều mà mở đường

cho xuôi, để tránh đổ vỡ như Hán Cao Tổ chịu nhẫn nhục đi đến đất Phong là thế đấy. Biết sự thế không thể được cả hai, thì bỏ cái khinh để giữ lấy cái trọng, như Lâm Hôi bỏ viên ngọc bích đáng giá nghìn vàng là vậy. Khi đất nước không thể giữ được hoàn toàn, thì phải bỏ biên鄙 để giữ lấy căn bản, như Thạch Tấn cho đất Lư, Long; Bình Vương bỏ đất Kỳ Phong là vậy. Cũng có khi để đó mà không vội giành, nhờ đó mà ngăn hoạn nạn (Ý này cũng cùng ý với câu “có hồ ở trong núi thì chồn cáo không dám ngấp nghé” mà tôi đã nói trong tờ bàn hòa. Chừng 6, 7 năm sau, mới thấy rõ ràng), như nhà Tống để yên nước Liêu để bình định các nước khác vậy.

Xưa Khổng Minh không giành Kinh Châu, chỉ chuyên việc hòa với Ngô để lo đánh Ngụy, ý cho rằng nếu diệt được giặc Hán thì chẳng những một Kinh Châu là của mình mà thôi. Có người bảo Khổng Minh không báo thù cho chủ cũ, nói thế mà không sợ người ta cười cho sao?

Nếu Nam Tống không hòa với Kim, thì cơ nghiệp cũng khó yên ở một phía được. Giả sử cứ việc chủ hòa, để nuôi dưỡng sức quân cho hùng hậu, thì dòng Trường Giang, nơi hiểm trở thiên nhiên kia sau này cũng đủ để chia đôi thiên hạ với Nguyên. Không biết làm kế ấy, mà cứ khi đánh khi hòa, để đến nỗi Tống, Kim đều lụn bại, cuối cùng nhà Nguyên là ngư ông đắc lợi. Đó

cũng do cuộc hòa không nhất định gây nên. Sự thế các nước phương Tây cũng vậy, không cần phải nói hết.

Cho nên người khôn, thấy trước được cơ sắp xảy ra, sự việc gần hình thành, mà đón trước từ ngoài muôn dặm, không để cho vào nhà mình, đẩy lui đến mấy đời không để cho phá quấy mưu mình, tách ra bắt đi đường trái, để mình theo đường phải ngăn lấy bắt ở yên bên ngoài, để mình lo bên trong. Sức mình đã đủ để tự củng cố, thì cũng không nên chọc người, để tổn sức mình. Sức mình chưa đủ, thì lại phải khéo ăn ở, để mượn sức người mà dùng cho mình. Thế giặc đang hăng, thì thuận tình để cho nó kiêu căng, dùng mỗi tốt để nhử cho nó

yên, để mình được nghỉ vai, mà lo việc khác. Định muốn làm thân với mình, thì cũng nên nghe theo để vui lòng nhưng mà không gấp rút đánh mình. Kể sự tình thì tuy có biến hóa, nhưng lấy kinh nghiệm chỗ này, ứng dụng việc chỗ khác cũng có thể thành công được. Cho nên nói rằng người khôn như chiếc vòng quay tròn không thể lấy một cái gì cứng nhắc nhất định mà biện bàn được.

Thế nước ta ngày nay, cái đã mất thì khó bề lấy lại, cái chưa mất hãy còn có thể bảo toàn được. Hai sự kiện ấy, cái nào gấp, cái nào hoãn, không đợi bàn cũng đã rõ rồi.

Nay sứ bộ đi Tây, việc muốn làm chưa chắc đã xong, mà lại gây ra nhiều chuyện thị phi giữa ta với họ. Làm một việc chưa chắc, mà phải tốn phí mất mấy chục vạn, thật chẳng khác nào người ta nói mang con trèo tường, một người sảy chân, cả hai đều bị thương.

Hay là nay, một mặt mình lo cấp tốc chỉnh đốn những việc mình có thể làm được như tôi đã bẩm trong các tờ trước, để đợi khi họ có sự sơ hở gì có thể thừa cơ được. Một mặt chỉ đi đến Gia Định mà bàn việc. Tuy bàn với nguyên soái sau, nhưng cũng như với nguyên soái trước, ta chỉ tạm nói một hai câu về việc xin trả lại. Nếu họ không chịu thì lại nói: Lâu nay sở dĩ bản triều xin trả là hết tình vì nhân dân mà

thôi. Nay nếu tình thế không thể được, thì quý quốc quản lý thay, chúng tôi cũng vui lòng, mà xét ra sự thế cũng nên như vậy. Chỉ xin quý soái châm chước cho một vài khoản khác, để tỏ tình giao hảo mà thôi.

Lại trong khi lập điều ước mới, phải tìm lý lẽ để bỏ cho được khoản: “Có cho làm mới được làm” để ta còn có thể giao thiệp với các nước khác sau này.

Từ sau khi đã lập hòa ước rồi, trong những khi qua lại giao thiệp, tuyệt nhiên đừng nhắc nhở đến hai chữ “Xin trả” nữa, và hễ làm

việc gì cũng đều tỏ ý công khai cho họ thấy rõ, cốt làm sao cho họ biết đích thực là ta giữ vững hòa ước, không nghĩ gì đến sáu tỉnh nữa, để họ ung dung kinh lý miền Tây, mà không lo mưu tính ta gấp. Sau khi đã lập hòa ước, hãy đợi hơn một năm sau mới cử sứ bộ qua Tây thăm viếng và đem tờ giao ước cho Triều đình họ ký áp vào. Lúc bấy giờ họ đã không nghi ngờ ta chuyện gì, ta mới có thể đến Tây triều mà ngầm tìm đường lối như tôi đã nói trong các tờ bẩm trước. Nếu có cơ hội có thể được thì mới thương thuyết lại, bằng không thì nhân lúc họ không nghi ngờ ta chuyện gì đi lại các nước để ngầm dùng kế giao thông tung hoành, mới bảo đảm không trở ngại. Khoản này tương đối ổn thỏa hơn. Nếu lần này đi

ngay sẽ gặp phải những điều họ ky và những rắc rối khó khăn của họ, sợ họ quật lại; đã tốn công tốn của vô ích mà còn buộc họ phải chế ngự ta gấp, e sau này sẽ hối hận là mình đã thất sách.

Còn lần đi sau, cũng nên phái người đi học một thể, đồng thời bọn mua máy móc đem về dùng, để biểu lộ ý ta giao thông với họ. Một mặt lại đem sự hòa hiếu bền vững làm rõ cho cả nước đều biết, để người trong nước ta biết cuộc hòa hảo giữa ta và Pháp đã bền vững nhất định, để làm tiêu tan những bọn Thăng Quảng đã lén vào Gia Định. Vì nếu bọn này biết ta đã thật hòa với Pháp rồi, thì khó bề gièm

pha. Đây là một điều cần yếu lớn để dẹp loạn, ngừa hại.

Các lẽ nói trên là do sự hiểu biết nông cạn của tôi mà trình bày ra như vậy. Bản ý là muốn cho họ tạm yên mà không gấp rút nghĩ đến việc ta, và phạm những việc họ muốn làm lợi cho họ ở nước ta, thì ta cũng nên quyền nghi xem thấy việc gì có thể thuận được thì nên thuận để yên lòng họ khỏi nghi để ta tạm thời có lợi, nhân đó mà tính kế lâu dài, dần nuôi dưỡng sức ta, dần đi giao thiệp, để đợi khi nước họ có loạn thì mới có thể gây khó cho họ, mà khiến họ không dám muốn làm gì ta thì làm. Tóm lại, nghìn mưu muôn kế, cũng cốt làm

sao cho họ bỏ lòng ngờ vực, rồi sau ta mới thi hành kế hoạch được.

Tôi có ý kiến như thế, không biết nên chăng. Nay kính bẩm.

Lục bộ đường đại thần, đại nhân soi xét.

Nguyễn Trường Tộ ký.

## DI THẢO SỐ 37

Về việc thương thuyết với Pháp  
tại Gia Định<sup>50</sup>

Ngày 20 tháng 3 năm Tự Đức  
21, tức ngày 12 tháng 4 năm 1868)

Tôi Nguyễn Trường Tộ kính  
bẩm.

Ngày trước lúc tôi ở Tây được  
nghe nguyên soái tâu về vua Pháp  
rằng: “Ba tỉnh trong đã lấy xong, hễ  
quân Tây đi đến đâu thì dân Nam  
đón tiếp như người nhà. Nay xin  
được toàn quyền quyết định việc  
hòa ước với người An Nam v.v...”

50 [Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/3 trang 3. Hv  
634/3 trang 30.

Lúc đó y tưởng cuộc hòa ước đã xong, không ngờ mấy lâu nay hết sức bàn bạc mãi với ta, mà vẫn chưa xong, đến nỗi phải ôm hận mà về nước. Thế nào y cũng trình bày với Triều đình Pháp là vì ta dùng dằng không quyết, và cũng vẽ vờ nói thêm sự thể ích lợi của sáu tỉnh và trước đó vì người mình âm thầm phá rối, làm cho y không được ngồi yên. Chỉ từ nay về sau, y mới mong yên ổn thịnh lợi để mà kinh lý xứ Cao Miên. Kể lẽ bấy nhiêu sự tình đó là để khoe khoang công việc mở cương vực của y.

Xem khẩu khí trong thư trả lời của y, đã không chịu thương thuyết

khoản gì, mà lại không chịu nhận số bạc 40 vạn đồng, thì cái tâm địa y dự tính đi hai mặt cũng đã rõ ràng rồi.

Ngày trước ở Gia Định, y đã từng nói với Giám mục Ngô rằng: Y đã rất mực chịu nhún nhường để bàn bạc với Khâm sai Trần đại nhân thích đáng như thế, nếu quá hơn nữa, thì thế quyết không thể được. Xem lại lời nói ấy, cũng thấy hợp với ý trong thư ngày nay lại nói nếu ta đến Triều đình Tây, y cũng sẽ có ở đấy. Thế rõ ràng là nói ta đến Tây cũng không sao thoát khỏi tay y.

Nay nếu sứ bộ nhất định đi Tây, cũng nên liệu gấp, để kịp kỳ này. Nếu có bàn bạc gì riêng cũng nên làm gấp trong kỳ hạn chuyển đi này. Vậy nên viết gấp một bức thư gửi qua Tây triều cho nguyên soái cũ nói rõ rằng ta muốn thực hiện như lời y nói trước kia là chỉ giảng hòa ở Gia Định. Trong thư ấy cũng nói đến những khoản gì ta xin thêm đều cảm phiền nguyên soái đề đạt lên Tây triều liệu gấp cho và phúc thư sẽ gửi qua nguyên soái mới làm thay, cũng như nguyên soái cũ vậy. Trong thư cũng nói thêm rằng: Ngày trước nguyên soái cũng có nói về Tây rồi sẽ trở lại. Nếu quả như thế thì nhờ nguyên soái đem các sự lý của chúng tôi đề đạt lên Triều đình giùm để bàn định, như sứ bộ chúng tôi qua Tây

vậy. Nếu nhờ ơn nguyên soái mà thanh thỏa được mọi việc, rồi trở lại Gia Định hoàn thành công cuộc bàn hòa ngày trước với chúng tôi, thì mới thấy rõ tình giao hảo thủy chung. Hơn nữa Triều đình chúng tôi cũng nghĩ rằng nguyên soái sẽ không trái lời đã nói, cho nên bây giờ mọi việc chúng tôi đều xin nghe theo nguyên soái hết. Vì thế Triều đình chúng tôi rất vui mừng về việc nguyên soái trở về Tây trước, và coi như là chính Triều đình chúng tôi đi Tây vậy. Cho nên Triều đình chúng tôi còn nấn ná đợi thư trả lời của nguyên soái rồi mới quyết định việc đi hay không. Đây là một mối chân tình ủy khúc của Triều đình chúng tôi, tưởng nguyên soái cũng không nỡ phụ tấm tình này vậy.

Đồng thời ta cũng viết thư cho nguyên soái mới, nói rõ duyên cớ để gây tình cảm với y. Rồi sai một viên quan lớn đi Gia Định, bàn bạc mọi việc về sau, để vui lòng y, và xem ý hướng y như thế nào; liệu có thể giúp ta được một tay không.

Còn thư gửi cho nguyên soái cũ, nếu nói được chân tình, mười phần rõ ràng thì chắc y sẽ trở lại để làm xong cuộc bàn hòa ngày trước. Nếu y được trở lại thì trong khoảng một vài năm, nước ta cũng có thể không có gì xảy ra, vì y với ta đi lại đã có ân tình, chắc không nỡ lại quá vị kỷ một lần nữa. Nếu y không chịu trở lại, thì cũng có thư trả lời của Tây triều (Vì trong thư ta cũng đã nói nếu bàn hòa ở Gia Định hay phải về Tây xin trả lời

rõ ràng cho biết). Ta được xem rõ ý hướng thì có đủ thời giờ thông thả đi lại với nguyên soái mới. Nếu việc xong được thì nhường cái công hoàn thành hòa cuộc này cho nguyên soái sau, để gọi là ơn của ta, cũng được vậy chứ!

Tôi có một số ý kiến thô thiển như vậy không biết có được chăng?

Nay kính bẩm.

Lục bộ đại thần, đại nhân soi xét.

Nguyễn Trường Tộ ký.

## DI THẢO SỐ 38

Tiểu trừ giặc biển<sup>51</sup>

(Tháng 8 năm Tự Đức 21, tức từ 6-9 đến 15-10-1868)

Giặc biển là mối hại chung cho cả nước ta, nạn giặc này đã lâu lắm rồi chẳng phải một sớm một chiều nữa mà tương lai cũng không biết đến lúc nào thì hết, nghiêm nhiên là một giặc dai dẳng. Những thứ giặc khác cũng có lúc bại vong, chứ bọn giặc biển này thì cha truyền con nối. Nước ta bị chúng nhiều hại, nếu chỉ một vài năm còn có

---

51 Bản Hán văn: Hv 189/4 tờ 4 - 16. Bài này được viết từ Nghệ An, nơi mà Nguyễn Trường Tộ đã trở về từ cuối tháng 4 - 1868.

thế dần dà mong khỏi, nếu chỉ có một vài lần còn có thể tìm cách bắt. Nhưng đến nay chúng tới lui chẳng phải chỉ một hai năm, cướp bóc giết hại chẳng phải chỉ một hai lần nữa. Sự tổn thất của công và của tư mỗi năm kể có số vạn, đường thương mại không thông, hàng hóa ứ đọng, thật là một cái hại lớn cho sinh dân. Năm này qua năm khác chẳng đã thiệt hại hằng ức triệu đó sao? Dân ven biển, những nhà buôn bán giàu sang là cửa hòng của cư dân thượng bạn hạ bạn, thế mà mấy năm nay bị chúng cướp phá giết chóc không biết bao nhiêu nay đã trở thành nghèo cùng. Thử xem nội tình hình Ba Trang hiện nay đã không nói hết được, thì suy ra cả nước cũng có thể biết như thế nào. Có hằng

sản mới có hăng tâm, dân nếu đói khổ thì tuy có bụng thích việc nghĩa việc công cũng chẳng làm được gì. Sở dĩ nước Anh cường thịnh cũng chỉ do trước hết thi hành cái kế sách làm cho của cải dồi dào, và sửa sang binh bị cũng lấy việc nuôi dân làm trước hết. Như thế có thể nói họ biết được cái căn bản. Nước ta một mặt là bờ biển, đất hẹp mà dài, đường bộ khó đi lại, không như hình thế nước khác hoặc tròn hoặc vuông đi lại không xa. Cho nên cái mà ta nhờ vào đó để lấy xa làm gần thì duy chỉ có đường biển mà thôi.

Nhưng đường biển lại có ba cái hại lớn: Một là gió bão, hai là giặc biển, ba là người Tây. Muốn trừ được ba cái hại đó thì chỉ có kế khai cảng. Ở đoạn cuối trong bài Tế cấp

bát điều tôi đã nói kỹ. Đó là kế hay nhất. Thứ đến, tuy cũng có những mưu kế khác nhưng đều thiếu sót không được trọn vẹn, trong cái lợi có cái hại, tôi xin phân tích như sau:

Đường duyên hải nước ta từ Quảng Yên trở vào từ Bình Định trở ra là một trong ba đường gió bão trong địa cầu này. (Ba đường gió bão ấy là: Một ở biển ta, một ở vịnh Mạnh Gia Ấn Độ và một ở vịnh Mạch Tây Ca ngoài ra không đâu có gió bão nữa). Biển thì ba mặt Đông Nam Bắc có rất nhiều đảo đếm không hết. Người Thanh ở trên các đảo này tụ nhau làm giặc. Đây là số giặc biển nhiều nhất trên địa cầu. (Trên địa cầu có hai chỗ có giặc biển, một ở Địa Trung Hải

nay đã dẹp yên, duy chỉ có hình thế Nam Dương - tức Thái Bình Dương thì khác. Người Thanh quá đông không có cách gì để trừ hết được). Gió bão thì phạm vào thiên thời, giặc biển thì phạm vào địa lợi, cả hai thứ đó làm hại rất ghê gớm, mãi mãi không thôi, rất khó xử trí. Còn người Tây thì giỏi về thủy lộ, nước ta khó chống đỡ được. Chỉ có cách bình tĩnh mà đối phó, giữ hòa để bao vây, khéo bề xử sự thì họ cũng chưa vội nhiều hại ta, mà trái lại còn giúp ta nữa. Trong các bài từ trước tôi đã bấm rõ. Nói về việc khai cảng thì rất cần thiết đối với việc trừ hai cái hại gió bão và giặc biển nói trên (Trước đã bấm rõ sự lý, nay không nói nữa), còn đối với người Tây thì tựa hồ như chưa cần thiết. Nhưng cứ theo như bài tôi

đã nói trước đây là sau này khi ta đã đủ sức gây khó khăn cho họ thì cái khoản đó (khai cảng) thật là thượng kế. Cái lợi hại của nó gió bão giặc biển không sao so sánh được. Cho nên khai cảng là một kế lớn có lợi dài lâu cho nước ta, thế mà nhiều người không hiểu rõ cái quan hệ lợi hại đối với quốc dân sau này, chỉ thấy cái cực nhọc tạm thời trước mắt mà bàn chuyện cản trở, đó là điều do chưa suy kỹ mà thôi. Bởi vì thói thường người ta chỉ lo cứu hoạn mà không biết lo làm sao cho mỗi hoạn không sinh ra. Đợi cho hoạn nạn sinh ra rồi thì ngày nào cũng lo cứu không xong còn nói gì đến lợi được nữa? Nếu khiến cho hoạn không sinh thay vì cứu hoạn thì có thể nói rằng khai cảng là khiến cho hoạn không sinh

ra vậy. Cho nên mới bảo đó là kế rất hay. Nếu ta biết cư xử thỏa đáng với người Tây thì sẽ cùng nhau sống yên ổn vô sự, mà lại có thể tăng cường tiểu trừ giặc biển khiến chúng không dám lui tới. Hai việc đó còn có thể làm được, còn đối với gió bão mà không mở cảng thì không thể làm được. Nếu đường cảng làm thành rồi, thì ba cái nạn kia không thể làm hại ta được nữa, như thế mới là kế vạn toàn. Trong bài từ trước tôi đã nói rất rõ nay chỉ nói sơ qua lý lẽ của nó mà thôi. Đây là kế sách lâu dài không phải là việc có thể làm trong một lúc. Nay trong những việc cấp bách tuần tự có bốn điều kế sách sau đây tưởng cũng có thể làm được:

### 1. Nhờ vào thế lực của Tây.

Vì bấy lâu ta bị bọn giặc bề cướp phá giết chóc, đến quan lính cũng không thể phòng chế được, huống nữa thường dân trong tay không có một tác sắt. Việc đó từ lâu mọi người đã tai nghe mắt thấy, thiên hạ không ai không biết, không thể che giấu được. Nước ta sở dĩ bị người ta xem là yếu hèn vì có nhiều lẽ mà đây là lẽ thứ nhất. Giặc biển so với binh thuyền người Tây thì cũng như chuột so với hổ mà thôi. Đến bọn phỉ hèn mọn như thế mà ta còn không thể tiêu trừ được huống chi là kẻ địch lớn. Cho nên bảo rằng ta yếu là vì thế. Nay nếu không mượn binh lực của họ thì hèn yếu mà vẫn không được lợi gì, vẫn hoàn hèn yếu. Nếu họ thay

ta tiểu trừ thì tuy mang tiếng hèn yếu nhưng được lợi lớn, cái tiếng hèn yếu tuy không khác, nhưng lợi hại thì có khác, những cái đó đều do ta cả. Xưa kia Thân Hậu nhờ Nhung binh trừ nội loạn, Đường Thái Tôn nhờ Đột Quyết lấy thiên hạ, cho nên nói chịu nhẫn nhục để được việc lớn thì có gì xấu hổ đâu? Nay nếu ta thành thật đi lại với họ, coi như anh em, đem việc đó nói rằng: Bọn giặc biển lấy biển làm vườn, lấy nước làm nhà, ăn hiện bất thường, nước tôi có lắm việc không thể phòng tiểu được hết, nay Tây Nam đã hòa hiếu mà đường đi lại Nam Bắc không thông như thế cũng chẳng lợi ích gì cho quý quốc, quý soái trước đã có lời như vậy nay nếu thỉnh thoảng tuần hành trên mặt biển bắt hết thuyền phi

giao cho nước chúng tôi xử trị thì chẳng những thông được đường buôn bán mà còn làm tăng thêm tình giao hảo giữa hai nước. Như thế họ sẽ vui lòng giúp ta, ta có thể ngồi hưởng lợi. Nếu bảo để họ đi lại đường biển, ra vào cửa cảng như thế, lâu ngày sẽ có bụng này khác, như người xưa nói: Dẫn lang binh để trừ nội khấu, nhưng sự thế bây giờ khác không thể cứ nói mãi một cách như vậy được. Nếu có thời cơ có thể quấy nhiễu ta thì dù không tiểu phỉ họ cũng đột nhập đất ta. Dù không qua lại mà nước ta không có chỗ nào họ không biết, che giấu cũng chẳng được nào! Tôi thấy trong thiên hạ cũng có nhiều nước chưa từng có một người dân đạo, một vị giáo sĩ, một Tây thương ra vào thế mà họ chỉ đến một lần

đã chiếm trọn được cả nước. Thế thì bảo sao?

Năm trước có một quan Tây tên là Vĩ An (Vial), lên Kinh đến sứ quán ba ngày rồi trở về Gia Định. Tôi giả hỏi ông ta hình thế Phú Xuân, để xem tầm mắt nhận xét của ông ta như thế nào. Ông nói: “Chỗ ấy rất có hình thế, nhưng sự bố trí còn nhiều chỗ thất thế không hợp với địa lý binh pháp. Nếu người Tây mà ở đấy thì dù lực lượng nào cũng không thể xâm nhập được. Tôi nói: “Nếu người Nam mà bố trí đúng phương pháp như người Tây thì thế nào?” Ông ta cười nói: “Tuy có công cụ nhưng không có người biết sử dụng điều khiển thì cũng bị vây hãm mà thôi”. Tầm mắt của ông ta thật là tinh vi, thấy một góc

mà có thể biết được bốn mặt, cho nên mới nói như thế. Còn chỗ nào có thể ngăn trở được họ đâu? Nếu ta đối xử khéo với họ thì mối hoạn sau này chưa chắc đã sinh ra ngay mà hiện tại có thể trừ được hại lớn. Thế thì ta nhân lợi ích đó để làm con đường đi đến giàu mạnh không được sao? Họ sợ dĩ có bụng giúp ta đánh phỉ cũng là muốn thông đường buôn bán với nhau, cũng là vì lợi cho họ mà cũng nhân đây dò xem ta có thành thật hòa hảo với họ hay không. Nay ta nên nhân đấy mà thuận với họ để có lợi cho ta để phá cái thâm kế đó của họ, để họ không gấp rút mưu tính được ta (Trong các bài trước tôi đã bấm rõ). Như thế thì ta mới được thung dung để tìm kế khác. Đó là giả cách thuận với họ, trọng vọng

họ để được lợi. Cách này trong binh pháp gọi là ty mà kiêu là thế. Nếu bảo rằng chịu ơn của họ thì sau này hoặc có yêu sách gì cũng sẽ khó bề thoái thác. Theo tình thế hiện nay mà nói thì ta tuy không chịu ơn họ, mà vạn nhất họ cứ nhất định đưa yêu sách liệu ta có thể có sức chống lại được không? Ta cũng không thể chống được thì bất kỳ chịu ơn hay không chịu ơn cũng bị sự phiền nhiễu đó. Chi bằng chịu ơn mà được lợi rồi cam chịu sự phiền đó còn hơn. Nhưng yêu sách là việc chưa chắc đã xảy ra mà ta có thể thư giãn được tình thế cấp bách hiện thời, nhân cái việc chưa chắc đã có đó để mà được cái lợi nhất định, chẳng còn hơn là đợi đến lúc không thể chối từ mà chẳng được lợi gì cả hay sao? Vả lại, ta đã

từng chịu lụy họ mà chưa được đền bù, nay họ bỗng nhiên muốn thi ân cho ta phải chăng ý trời lấy đó làm sự đền bù cho ta cũng chưa biết chừng, như thế sao lại không chịu? Xưa kia, quan nhà Thanh cũng đã từng nhờ người Anh hợp lực tiêu trừ giặc biển mà cũng chưa hề thấy người Anh nói gì đến ân với huệ. Trung Quốc còn nhún mình để được lợi hưởng hồ ta? Dem khí khái ra mà nói thì cũng khó nhún mình thực đấy, nhưng cái câu “Tuy bại mà vinh” của người xưa thật đã tạo sai lầm cho không biết bao nhiêu người. Đó là chỉ nghĩ đến cái danh riêng mà không biết vụ cái lợi ích chung. Binh pháp có nói: “Tiến không cầu danh, chỉ làm sao bảo vệ được dân mà thôi”. Nói về cái dũng có ý nghĩa thì những việc

làm vì nước vì dân ai có thể bảo đó là sai trái? Cho nên cái kế nhờ vào sức người Tây hiện nay có thể thực hành được.

2. Nhờ cái kế lập hội buôn của các nước.

Trước đây khi ở Gia Định tôi thấy có nhiều nhà buôn người Tây muốn đệ đơn về Kinh xin được thuê họ trừ giặc cướp. Tất cả mọi việc trên mặt biển đều xin giao mặc họ cả, bất luận thuyền nhà buôn, thuyền của dân nếu bị nạn họ sẽ bồi thường. Tất cả các thuyền lớn nhỏ mỗi năm sẽ nạp cho họ một số thuế. Tất cả cảng khẩu nào thuyền họ có thể vào xin cho họ được ra vào buôn bán. Cách này cũng có nhiều

nước đã làm. Lần này họ bàn bạc với nhau như vậy nhưng vì thấy nước ta còn nghi kỵ, nên phải bỏ dở. Nay nếu muốn theo cách này thì nên vào Gia Định thương lượng với họ, nếu thấy hai bên không có gì trở ngại thì mới thực hành. Nguyên năm trước số thương nhân từ Bình Thuận trở ra đã bị khổ nhiều vì giặc cướp đã đem việc ấy nói với họ, cho nên mới có sự bàn bạc như vậy; việc này với việc thuê người Thanh bắt phỉ tuy cách làm giống nhau nhưng sự thể thì khác. Bởi vì thuyền người Thanh và thuyền bọn phỉ giống nhau khó phân biệt, vào cảng thì buôn, ra cảng thì cướp, làm sao xét hỏi rõ ràng được. Hoặc có thể họ giả vờ hộ tống thuyền nhà nước, rồi sau đó lại thông đồng với bọn phỉ khác

để đánh cướp chia lợi với nhau. Hoặc có thể ở các tỉnh, các cảng buôn có người Thanh ở biết đâu trong đó không có người chực rình mò thuyền buôn ra vào rồi thông báo cho bọn phỉ biết. Hoặc có thể quan lại ta đã dò xét tuy biết qua tình hình nhưng sự việc còn uẩn khúc, chưa làm gì được, thế cũng khó xác minh. Hoặc có thể họ giả vờ không biết để cho xong chuyện hoặc cố ý để cho phỉ đào thoát để chia lợi, hoặc biết chắc là thuyền bọn phỉ đã bắt giải rồi, nhưng lại được bọn phỉ đút lót cho để kiện lại khiến người khác thấy chúng là co vỏi không dám lôi thôi nữa. Những tệ hại như vậy đâu đâu cũng nghe. Cho nên tiếng là phòng giặc mà thực ra là làm nhiều giặc thêm. Như hồi tháng tám, tháng chín năm nay

còn có cướp mà năm trước không có. Đó mới chính là dẫn lang binh để trừ giặc vậy. Còn như người Tây lập hội thì đã có quan Tây coi sóc. Một là nếu có ai làm điều phi lý thì tư cho quai Tây sửa trị. Hai là, họ và ta ngôn ngữ bất đồng, nên cũng khó trà trộn trong ta để làm bậy. Ba là, thuyền của họ qua lại ra vào hình dạng khác nhau, khó bề khi vào cảng thì buôn, khi ra cảng thì làm giặc cướp. Bốn là, nếu thuyền của ta bị mất cướp thì sẽ được bồi thường. Năm là, họ với người Thanh không phải là một tộc loại nên khó vì tình mà bao che. Đó là năm sự thể khác với việc mượn thuyền người Thanh, nên có thể thi hành được.

### 3. Ta tự mua sắm hỏa thuyền.

Mỗi tỉnh lớn nếu có thể mua được vài ba chiếc binh thuyền chắc chắn, cỡ vừa vừa, vào được cảng của ta, trong thuyền có đầy đủ khí giới như là thuyền của người Tây, thì gửi thư cho Tây soái nhờ họ thuê cho một người cầm máy; mỗi tháng trả lương nhiều nhất là 150 đồng bạc, lại nhờ thuê cho mỗi thuyền 12 tên thủy binh pháo thủ và do người cầm máy chỉ huy, lương mỗi thủy thủ mỗi tháng nhiều nhất là 30 đồng bạc. Lính Tây cùng với thủy binh ta coi việc điều khiển đại bác, nhưng có khoảng hai chiếc mới có thể vây hợp được. Về than đá thì chỉ khi nào hợp chiến truy đuổi mới cho vào lò, còn bình thường khi vận tải đi lại chỉ dùng than củi

cũng được. Tổng cộng số tiền lương của người cầm máy và 12 tên lính Tây mỗi năm là 6.120 đồng. Số tiền đó chia cho các thương thuyền hàng năm phải đóng góp. Nhưng thuyền lớn lúc bình thường thì vận tải khi có phỉ thì đuổi bắt, bắt được thuyền thì lấy của cải trong thuyền bắt được đó cho hết quan lính trong thuyền. Còn bọn phỉ thì đầy chúng ra các vùng ven núi, bắt chúng làm khổ dịch khai khẩn đất đai như trong bài Tế cấp bát điều trước đây tôi đã có một đoạn trình bày rõ. Nhưng mua thuyền thì phải đến tận xưởng đóng thuyền bên Tây mới mua được thuyền tốt. Nếu ở Hạ Châu, Hương Cảng mà có thuyền tốt thì người ta để dùng không bán, chỉ bán cái hư mà thôi, hơn nữa giá lại cao, khó chọn

mua được. Cho nên phải đến Tây mới được. Nếu ta mua được mỗi tỉnh lớn một vài thuyền thì chẳng những có thể tiêu trừ được bọn giặc mà người của ta lâu nay quen thuộc đường biển sẽ có lợi ích rất lớn, đối với việc nhà binh cũng được ích dụng to, thế nước sẽ thêm mạnh, mối lợi thật không thể nào kể hết. Bờ biển của nước ta dài mà thuyền của bọn chúng thì tới lui vô định, đến bất thành lình thì không những cướp trên mặt biển mà còn có thể đột nhập vào cảng để cướp nữa. Thuyền của ta nặng nề khó có thể trong chốc lát mà đi cấp cứu được, tức tốc phi báo được. Đó là sự bất tiện của địa thế. Nay nếu có hỏa thuyền đi từ Bắc vào Nam chỉ mất vài ba ngày, như thế bao vây đuổi bắt không khó, biển xa thành

gần. Nếu ở các tỉnh có thông tin bằng điện thì một khi bọn phỉ vào tỉnh này, các tỉnh hai bên tức thời sẽ được báo tin. Hỏa thuyền sẽ chia làm hai cánh từ ngoài biển xa dần dần tiến vào, khi đó trong cảng cũng xuất binh hợp chiến. Như thế bọn chúng trong ngoài đều bị chặn đánh không thể nào thoát được. Và lại, bọn phỉ thấy ta có hỏa thuyền tuần hành như vậy, không đánh chúng cũng tự tan rã vì sợ chưa cướp mà đã bị bắt. Lâu quá chẳng làm ăn gì được trên mặt biển nước ta, ắt chúng phải tìm đường đi chỗ khác. Thế là dần dần ta sẽ hết mối loạn này. Nếu chỉ dùng mấy cách cũ bấy lâu, chẳng những không trừ tiệt mà ngược lại dần dần còn tăng thêm. Bọn chúng ngày càng đông, mà mặt biển thì không đủ

cho chúng vầy vùng. Giả sử dân ta có người như Trần Nghĩa Long dẫn chúng lên bờ thì mỗi họa lại còn ghê gớm hơn thế nữa.

#### 4. Phân biệt thật giả.

Thuyền của người Thanh xưa nay ra vào các cảng khẩu đã thành thói quen, trong đó có cái đã biến thành thuyền ăn cướp, có cái đã trở thành thuyền buôn bán, có cái khi vào thì buôn khi ra thì ăn cướp, có cái năm trước đi buôn năm sau đi cướp, có cái đi buôn lỗ vốn trở lại ăn cướp. Chỉ vì bảng hiệu lộn xộn khó kiểm tra rõ ràng nên bọn phỉ này mới có thể che giấu chui rúc trốn thoát như chuột. Xét kỹ số thuyền người Thanh đến nước ta,

chỉ có địa phận duyên hải Quảng Đông giáp Quảng Yên nước ta là nhiều nhất, thứ đến là thuyền của người Quảng Châu, Quỳnh Châu, Triều Châu, Phúc Kiến v.v... Nếu thuyền ở những nơi này muốn đi Hạ Châu thì đi ngoài biển khơi không gần đất ta. Thỉnh thoảng có một vài chiếc vào thẳng biển Bình Định, Phú Yên, nhưng phần nhiều đều không phải của người lương thiện. Nếu là lương thiện cũng phải biết tránh né không đi thẳng hướng nữa lại đi lọt vào trong. Theo luật thế là gian không thể chối cãi được. Nay xin tư cho các quan nhà Thanh vùng duyên hải Quảng Đông, Phúc Kiến rằng: Phạm những thuyền nào của người Thanh muốn đến nước ta phải lĩnh tờ chấp chiếu của địa phương ấy, viết rõ năm tháng và

vào cảng khẩu nào. Lại ghi rõ kích thước hình dạng của thuyền. Phải nhất luật đi thẳng. Ghi rõ ngày rời bến của họ. Đến cảng nước ta ước độ trong vòng một tháng, thì mới thật đến Quảng Yên. Chỗ giáp cận với ta thì ước độ trong một tuần. Đã vào cảng ta thả neo rồi, bất luận bao nhiêu ngày tháng, khi trở về phải lấy tờ chấp chiếu của quan ta, có ghi rõ năm tháng, lại ghi rõ cả hình dạng thuyền như thế nào nữa, đồng thời đóng dấu vào tờ chấp chiếu, rồi ra khỏi cảng mà đi thẳng về. Nếu muốn ghé cảng khác của ta thì phải lĩnh bằng của cảng gốc có ghi rõ chỉ vào cảng ấy mà thôi, không được vào cảng khác. Nếu muốn đi Hạ Châu hoặc Gia Định thì không được ghé hải phận của ta, trừ khi có bão. Nếu đến hải

phận nước ta mà không giấy chấp chiếu ghi ngày tháng gần đây, hình dạng thuyền không phù hợp với hình dạng ghi trong chấp chiếu thì đều coi là thuyền gian. không kể có thấy cướp hay không, có tang vật hay không có tang vật đều nhất luật bắt trị tội. Lại viết thư cho các nơi Hương Cảng, Quảng Đông, Mã Súc, Hạ Châu... đem việc này yết lên các phố để các thương nhân chuyển cho nhau biết rõ rằng phạm có thuyền vào cảng của ta mà ngày tháng ghi đã lâu rồi tức là đi ăn cướp, đã ra khỏi cảng của ta rồi mà không về thẳng, hoặc ghé vào cảng khác mà không ghi chép rõ ràng thì đều coi là ăn cướp, hoặc không có bảo mà cũng ghé vào cảng, hoặc không phải lúc mà đến (Như ở Nhật Bản một năm chỉ được mấy ngày ghé

vào cảng thôi, ngoài những ngày quy định đều bị đuổi ra hết) hoặc đậu lâu không chịu về, hoặc không có việc gì mà đến, hoặc lui tới trên mặt biển và đến các đảo thuộc nước ta, đều nhất thiết bắt trị trọng tội không được viện lý gì hết. Báo cho họ biết trước như thế. Phàm vào nước người ta mà không hỏi rõ tục lệ nước người ta thì bị bắt, không phân nân gì cả. Trong vòng một năm đã cáo thị rõ ràng rồi mà còn gặp thuyền như vậy trên biển thì đều có quyền tóm bắt hết. Quan nhà Thanh và bọn phỉ cũng không thể biện bạch gì được mà các nước cũng không thể cho ta là hà khắc. Bởi vì nước ta bị nạn giặc biển quá nguy kịch, nên không thể không đóng cửa tạ khách như thế. Địa thế nước ta Bắc kỳ là đầu, Trung kỳ là

bụng, Nam kỳ là chân. Nay Nam Kỳ đã bị hãm rồi, thì Kinh sư phải dựa vào Bắc Kỳ thôi. Nay đường đi gian nan như vậy mà việc tương lai chưa phải đến đây là hết, nếu không ra sức nghĩ cách khai thông thì mạch máu bị ngẽn tắc, thân thể làm sao yên được?

Bốn điều trên đây đều nhằm thực thi trong tình hình cấp thiết có thể tạm ứng dụng được. Tôi chỉ nói đến cái lợi mà không nói đến cái hại. Cũng có chỗ khuyết điểm chứ không phải hoàn toàn, trong cái lợi còn có cái hại, không bằng việc đào kênh là vạn toàn hơn cả. Ngoài ra tuy cũng có một vài kế sách nhỏ nhưng tôi không muốn nói

ở đây. Nếu đào cảng mà gặp phải một vài đoạn vì núi ghềnh cách trở thì mở đường bộ, cũng không phải là chuyện khó. Muốn qua núi cao phải theo cách cho đi vòng quanh có thể đỡ chân, làm không khó mà cũng chẳng tốn kém là bao. Đợi đến lúc đào kênh mở đường tôi sẽ nghĩ cách làm sau.

Tôi có một vài ý kiến thô thiển như vậy, không biết có được hay không?

## DI THẢO SỐ 39

Kế hoạch thu hồi sáu tỉnh<sup>52</sup>

(Ngày 12 tháng 12 năm Tự Đức 23, tức ngày 1 tháng 2 năm 1871)

Tôi giáo sĩ<sup>53</sup> Nguyễn Trường Tộ kính bẩm.

Đại phạm việc thiên hạ, để thời cơ trôi qua mà hối tiếc, với thời cơ chưa đến mà cưỡng làm, đều sai lầm như nhau cả. Cho nên người

52 Bản văn chữ Hán: Hv 189/3 tờ 71 - 90 và Hv 634/3 tờ 46 - 76.

53 Ở đây, cũng như trong một số văn bản kế tiếp, chúng ta thấy Nguyễn Trường Tộ tự xưng là giáo sĩ. Thực ra trong các văn bản của Triều đình, trước đó đã gọi Nguyễn Trường Tộ là giáo sĩ. Nhưng từ giáo sĩ ở đây không có ý nói là chức sắc trong đạo giáo như linh mục, chẳng hạn, mà chỉ là nhân sĩ tôn giáo.

khôn tùy thời mà giải quyết công việc, tùy việc mà ra mưu, gặp thời làm được thì gấp rút ra tay, không bỏ qua cơ hội.

Hiện nay người Pháp đang gặp vận hội thay đổi lớn. Chính là lúc ta nên gấp rút đặt kế hoạch. Năm trước tôi đã nói “kỳ hạn khôi phục trong mười năm”, là cũng đã liệu trước sẽ có cơ hội này, chứ không phải nói quàng nói hão. Những lời trình bày của tôi trong những năm gần đây, tất cả đều quy vào việc tạm hòa để nghỉ sức, canh tân để mạnh thế của ta, cầu viện để giúp thêm cho ta. Còn dùng binh lực để quyết liệt một phen thì chưa nói đến. Vì muốn khôi phục lại được, tất phải đổi mới tiến lên và giao thiệp rộng. Có hai cái ấy làm cơ sở,

binh lực mới từ đó mà ra. Nhưng làm hai điều này phải khá lâu chớ không phải kể năm kể tháng mà được. Nếu không lo làm nhanh, đã muộn lại muộn thêm, khi thời cơ đến mà phương tiện chưa đủ, hóa chẳng đáng tiếc lắm ru?

Nhưng việc đã qua rồi. Xử trí tình thế cấp bách hiện nay, cũng còn có một kế, đấy là gấp rút đi Tây, để xin trả lại sáu tỉnh.

Hồi mùa xuân năm Tự Đức 21, nguyên soái Gia Định có nói về việc hòa. Nếu lần ấy đi Tây, thì dù được hay mất, việc cũng đã ngã ngũ rồi, nay cũng khó mà thương lượng lại. Nhưng Triều đình đã chưa vội đi Tây, nên nay việc vẫn còn là mới, đấy là một điều may.

Nay nguyên soái Gia Định đã chết, và các viên chức lớn hay sinh sự với ta, quá nửa cũng đã tiêu điều rơi rụng, không còn ai ngăn trở ta, đấy là hai điều may.

Tất cả nhưng việc ngày trước, vua họ ượng chuẩn cho nguyên soái Gia Định làm, thì nay vua họ đã bị cầm tù rồi, không có quyền cố chấp ý kiến trước, đó là ba điều may.

Đến cuối mùa thu năm Tự Đức 22, vua họ viết thư thôi thúc việc hòa ước, mà Triều đình lại chần chừ, chưa chịu hoàn thành việc hòa đó với vua họ, đấy là bốn điều may.

Hiện nay tuy nước họ tạm lập quốc trưởng, nhưng quyền bính còn lâu vẫn chưa ổn định, chính sự

trong nước còn bàn nói lung tung khắp nơi, đấy là năm điều may.

Có năm điều may lớn ấy là có thời thế cho ta vậy.

Nay xin cho một đại thần vào Gia Định, đem việc ấy bàn kín với nguyên soái mới, nếu liệu thế y có thể dồn quân về giữ một nơi, còn các nơi khác trả lại cho ta hết, như trong tờ bẩm trước tôi đã bày tỏ, đấy là kế hay nhất. Nếu không được như thế, thì hãy trở về chờ đợi ít lâu.

Một mặt mật sai người đi khắp sáu tỉnh, xúi dân đâu đâu cũng dự bị làm loạn, và tung tin khắp nơi, khiến cho y biết được việc ấy. Nếu y muốn tìm mối manh để bắt giết, sẽ không tìm ra chứng cứ rõ ràng.

Lại sợ sáu tỉnh nhân khi bên nước y có việc, mà Triều đình ta còn nội công ngoại kích nữa, lỡ bùng nổ ra, chưa biết hơn thua thế nào. Như thế chắc y phải trông ngóng chờ đợi, chưa dám thi hành ngay thủ đoạn độc ác để hại dân.

Một mặt sai người đi Hương Cảng bảo các khách buôn giàu, hứa ngày sau sẽ cho buôn bán ở một hai cửa biển lớn và cho bán nha phiến cả nước mà không đánh thuế, nhưng trước hết xin họ xuất tiền cho mượn mua một số đại pháo, và nhờ thuê cho một số người Anh lưu vong. Lại ở các cửa Thuận An, Nghệ An, Đà Nẵng, sông Gianh xây một số pháo đài theo kiểu Tây, nói là để phòng bị tị giặc cướp khác. Như nói rằng: Ngày trước sứ thần

Y Pha Nho tức giận mà bỏ đi, nay y đã đối lập với nước Pháp, thời hòa ước trước, do hai nước đồng ý nay không có giá trị nữa, như thế sợ sẽ lây vạ đến ta. Vả lại miền Bắc có loạn, cần phải đề phòng. Như thế y cũng khó kiếm có tranh chấp ngăn cản không cho người Anh làm. Trong mỗi đồn, xen vào vài chục người Anh, canh giữ luyện tập với quân đội ta, tiếp đãi tử tế để lấy lòng họ. Phòng bị được như thế thì y dù muốn đem quân lính Gia Định ra gây sự, thấy ta đã phòng bị, cũng không dám bức hiếp ta.

Một mặt từ Nghệ An trở vào Nam, giả vờ thôi thúc quân lính, ban rõ hiệu lệnh. Tất cả dân xã đâu đâu cũng đều phao tin là dâng sức dâng mưu, khắp mọi nơi nổi lên

đánh giặc, thì chắc y cũng sẽ nghe biết.

Một mặt mặt sai người đi Cao Miên, tìm Cầm Bô lấy lời khôn khéo xúc sử y trên ấy nổi dậy trước, dưới này ta sẽ đánh thúc lên, thì y một là còn căm mối thù trước, hai là muốn đuổi người Pháp để giành ngôi vua Miên, nên dù chưa làm được gì to, nhưng cũng đủ chặn tay người Pháp.

Một mặt cho đi phao truyền rộng rãi rằng: Phàm những người Nam được Pháp huấn luyện làm lính tập, mã tà, tuy nói là làm việc cho Pháp, nhưng trong đó số nhiều có bà con bị Pháp hãm hại. Trong số đó còn có nhiều người nghĩa khí, được quan to ngầm sai, giả đi lính

cho Pháp để dò xét tình hình người Pháp, đợi có cơ hội làm được là sẽ làm nội công cho Nam triều. Hiện nay nước Pháp đã có loạn lớn, thế tất không giữ được sáu tỉnh. Vì vậy mà giả đưa thêm lính muốn dương oai diễn võ, để yên lòng người đó thôi. Chúng ta ai là người còn có lòng người, còn nhớ đến Tổ quốc, hãy tất cả đâu đó sẵn sàng.

Còn những người Trung Quốc, từ trước đến nay đã cùng ăn ở với người Nam, mọi việc đều được tự do, mà người Trung Quốc lại được người Nam biệt đãi, vẻ vang biết bao. Từ lúc người Tây đến đây, không kể mới cũ, người Trung Quốc đều phải có giấy tùy thân, lại phải có giấy phép. Mọi việc đều bị bó buộc ngược đãi, chẳng khác

gì tôi tớ, chỉ rộng rãi với người giàu mà thôi. Vả các người tuy là khách, nhưng ở nước Nam đã lâu, cha truyền con nối, còn hơn là đất nước quê hương, nay bị thế Tây ức hiếp như thế, không gì bằng nhân lúc loạn ly, ngầm tiếp tay với người Nam, để đuổi chúng ra khỏi nước thì các người chẳng những được tiện lợi lâu dài, mà lại có công lớn với chính nghĩa, ngày sau còn được nhiều đối xử tốt hơn nữa.

Lại nói hết với các quan phủ huyện và những người đã nhận chức vị của Tây rằng: “Chúng ta trước thấy thế Tây mạnh, bắt buộc phải theo họ, để kiếm kế nuôi thân, nuôi gia đình, chớ không phải bản tâm muốn theo Tây. Lâu nay thấy người Tây chiếm ở, Triều đình cũng

không can thiệp gì, tưởng chúng ta cũng có thể tạm yên, dựa Tây làm núi Thái Sơn. Không ngờ vận trời có khi xoay vần, khiến cho bọn ỷ vào cái thuật xảo trá cũng có ngày cùng, mà kẻ có thể cũng khó ỷ thế mãi được. Nay gặp lúc nước họ có loạn lớn, nếu Triều đình ra sức đấu tranh thì họ cũng khó đứng vững”. Dẫu chúng không sớm thấy thời cơ mà đi đôi với Triều đình thì nếu binh quan đánh không thắng, cũng không nở bại lộ cơ mưu ta ra. Còn nếu thắng được, thì chúng ta đã thông tình trước, cũng có chỗ để lập công chuộc tội.

Từ khoản: “Luyện tập làm lính”  
trở xuống ba khoản, ta bí mật cho

người giả đưa thư từ qua lại với những người này, cố ý làm rơi, hoặc chọn người khôn khéo luồn vào, hoặc cố ý giả đưa nhằm thư cho người Nam, chân tay của người Tây, làm cho chúng nó nghi ngờ lẫn nhau, dò xét lẫn nhau, đùn đẩy lẫn nhau, thì ắt cho rằng quả thực có việc ấy. Nhiều người thì sẽ lộ, quan Tây chắc chắn càng sinh nghi. Tuy bọn chúng càng nói thuận phục chừng nào, người Tây lại càng thêm nghi chừng ấy, mà lạnh nhạt ngược đãi chúng. Lúc ấy ta mới có thể dụ dỗ chúng về với ta, thời sự tích phải lộ dần, người Tây càng thêm nghi, mà sau không dám tin dùng người mình nữa. Tuy bọn thông ngôn có thật sự tâng công, nhưng người Tây cũng không dám tin lắm nữa, như thế có thể làm

rối loạn sự nghe ngóng của họ, lấy không làm có, lấy có làm không, ta mới có thể thực thi được kế lật đổ họ, mà còn có thể cô lập những bọn tai mắt vây cánh của họ. Không chặp ngay thời cơ này, thi hành gấp kế này để nước họ sau khi mọi việc yên bình, thêm ớn thu dùng người mình thì sẽ như Vial đã nói năm trước: “Tập luyện được 7, 8 nghìn lính người Nam, mình có thể hoành hành được nước Nam, như người Anh dùng lính Ấn Độ không cần dùng nhiều lính Tây vậy”.

Nếu muốn thi hành kế này, để phòng về sau, phải làm lúc này mới có cơ hội, vì để làm cho người Tây nghe nhầm.

Một mặt mật sai các nhà đại

gia thế tộc trong sáu tỉnh họp nhau làm tờ thỉnh nguyện gửi lên quan Tây sở tại rằng: “Hiện nay chúng tôi bí mật được biết Triều đình chúng tôi sắp có hành động, chúng tôi sợ sau này không biết lợi hại thế nào. Nếu Tây triều liệu không thể chiếu cố được cho chúng tôi, thì xin cho chúng tôi phương tiện. Thí dụ như hoặc có thể chiếu theo khoản hòa ước của tướng Charner đã nói trước, mà trả đất đai lại, chỉ cư trú và buôn bán với chúng tôi thì Triều đình chúng tôi sẽ y theo hòa ước mà chấm dứt mọi hành động, mới tiện lợi cho cả hai bên. Nếu không, chúng tôi ai cũng có tình quyến cố gia đình, cũng sẽ phải lựa chọn nên theo bên nào bỏ bên nào”.

Họ đương lúc đã không dám hạ độc thủ đối với sáu tỉnh, sợ phạm lòng căm phẫn của dân chúng, mà trong tờ thỉnh nguyện của dân chúng thì nói lớt phớt có bên nào ra bên nào đâu cũng khó vin lấy mà làm tội. Còn nếu họ muốn xử phân như thế nào, thì những người này lại nói rõ rằng: Chúng tôi thương tiếc mạng sống hèn mọn của chúng tôi vì nghe như vậy, nên sợ hãi mà nói ra như thế, đề phòng ngày sau; hoặc giả có xảy ra như vụ nghịch Khôi, thì cũng có thể nhờ đó mà làm kế thoát thân mà thôi. Nếu quan Tây có thể bảo hộ được là không có việc gì, thì chúng tôi cũng đều vui lòng sống dưới sự chở che như trước; có gì đáng nghi.

Những người này nói lại như

thế, chắc hẳn họ sẽ lấy lời dịu dàng an ủi, nhưng trong lòng cũng đã biết rõ là dân tình không phục, còn yên lặng chờ thời đấy thôi.

Hoặc có thể những người này còn sợ sệt, không dám nói, thì ta sẽ mật đem sự lợi hại mà khích động rằng: Bây giờ đương lúc người Pháp gặp hồi nguy bức, như cây gỗ đã mục mà ta lại có cơ hội “nhân thế là ném đá xuống” thời tuy những người này còn ngại ngùng nhưng sợ ta hơn thì cũng phải nói.

Nếu ta làm được mấy khoản như đã kể trên, nguyên soái của họ ắt phải đem sự việc bẩm về Tây triều. Hoặc y có tư giấy sang hỏi ta, ta chỉ nói đây chẳng qua là lời bịa đặt nói bậy. Y tuy trong lòng

thăm đoán là việc ấy không thể không có, nhưng cũng không dám rầy rà gì ta.

Liệu xong các khoản ấy rồi, sai sứ sang Pháp, trước hết đến Kinh đô nước Anh, tùy cơ giao kết, làm cho người Pháp sinh nghi, sau đến quốc trưởng nước Pháp, trước nói là quý quốc có việc, sứ bộ đến viếng thăm, để tỏ tình thân mật, kế đó tản ra, đi tìm đường lối, đem việc bàn bạc. Nếu họ hỏi: Sao đến nơi này mới nói thì nói Triều đình chúng tôi nghĩ quý quốc vừa có việc binh qua, nếu trước đem việc nghị hòa ra bàn bạc, sợ làm phiền nên chần chừ, chưa dám nói thẳng, nhưng đến đây chẳng lẽ về không, mà nếu nói hòa thì xin thực hiện y như đã bàn định trước kia với tướng

Charner, mới dám thương thuyết. Và phải nói thêm rằng: Triều đình chúng tôi không phải dám nhân lúc quý quốc có việc, mà đột ngột đến làm phiền. Nhưng vì cuộc hòa đã bốn năm rồi mà chưa thương thuyết xong, nay nhân thấy quý quốc đang có việc, mà bản triều lặng lẽ không nói gì đến, thì hình như cho quý quốc đương có việc bối rối không đủ sức làm xong cuộc. Như thế hóa ra lấy bụng không tốt mà đãi người, đối với tình giao hiếu, có chỗ chưa thỏa. Vả lại, việc của bản triều đối với quý triều chẳng qua chỉ bàn bạc một ngày là xong, không phiền phải tốn nhiều thì giờ tính toán. Huống chi gặp lúc này bản triều không nỡ thừa cơ để đòi lập cái khác, mà chỉ lấy tình nghĩa xin thuận như thế thì mới rõ tình

giao hiếu. Nếu đợi khi quý quốc bình yên mới xin bàn lại cuộc hòa hiếu, đẩy lại vì tình thế bắt buộc bản triều phải làm như thế. Nếu thế thì giả sử cuộc hòa có thành chẳng nữa, cả hai Triều đình đều có chỗ khó coi, khó có thể giữ được sự yên ổn lâu dài không xảy ra việc gì.

Trước đem các lý lẽ ấy nói ra, để đề cao thể diện cho họ, mà che giấu được cái dụng tâm của ta là thừa thế bắt ép họ, khiến họ không đến nổi tức khí nổi giận mới có thể dịu lòng mà chịu nghe ta.

Lại nói: Trước đây vua trước có nói cho trả lại ba tỉnh ngoài. Chỉ vì nguyên soái Gia Định cầu công quá đáng, khiến công việc phải

trở ngại mà bỏ dở. Bản triều cũng muốn đến quý quốc một lần nữa để bàn định lại hòa ước cũ, nhưng chưa kịp đi thì nguyên soái Gia Định đã ức hiếp mà lấy nốt ba tỉnh trong, viện cớ rằng vì đây là ổ giặc cướp và vì có kinh lược đại thần bản triều ngầm giúp cho Chăm Bô để chiếm lấy, chứ không chịu biện bạch phải trái.

Lại bịa ra nhiều tình trạng nên lấy, tâu về vua trước cho ăn khớp với lời xin, để dự tính làm chỗ đất để thành công sau này. Quý quốc ở xa muôn dặm, lại chỉ nghe lời nói một phía nên khó đích xác được. Bản triều biết rõ duyên cớ, muốn đến quý triều đem sự việc ra biện bạch, nhưng vua trước quá tin nguyên soái Gia Định, giao cho

toàn quyền việc biên cương, mà bản triều là người sơ đầu có thể nói nghe lọt tai được bằng người thân.

Nếu không thể biện bạch được rõ ràng, lại làm trò cười cho thiên hạ, như việc lần trước xin trả lại ba tỉnh ngoài, vì thế mà chần chừ chưa dám. Nhưng trong lòng không chịu nổi, nghĩ đi nghĩ lại, cho rằng quý triều còn nhiều quý quan, thế lực có thể áp đảo được nguyên soái Gia Định. Nếu những vị ấy rõ hết được sự tình phải trái ắt bênh vực cho bản triều để đi đến lẽ phải. Cho nên cũng toan hăm hờ mà đến, để kiếm cách đối đáp. Cho nên năm trước nguyên soái Gia Định qua lại với bản triều bàn hòa đã ngót một năm, hai bên còn đủ giấy tờ làm

chứng. Lúc ấy bản triều chỉ chuyên nói về việc xin trả lại và còn dầy dụa không dám hoàn thành việc giao kết, là muốn đợi ngày tự thân hành đến quý triều, để giải bày cho rõ ràng mà thôi.

Nguyên soái Gia Định rất giận bản triều vì không chịu làm xong cái “công hòa hiếu” của y, mà lại nhất định xin đi Tây cho được. Sợ lộ chuyện thì phi nên nguyên soái Gia Định tìm nhiều cách bưng bít ngăn cản, lại còn nói thẳng vào mặt với quan đại thần bản triều rằng: Nếu sứ bộ nước Nam đi Tây, thì y không chịu đi cùng. Chỉ một lời nói ấy, cũng đã làm nhục bản triều quá lắm rồi. Đến lúc bản triều thấy nguyên soái Gia Định về Tây trước, thì biết rõ, nếu mình quay gót sang

ngay, cũng khó đối đáp với y. Cho nên lại chậm thêm hai năm, để đợi thư trả lời của vua trước. Khi thấy các lễ trong thư trả lời cũng y như những lời thương thuyết của nguyên soái Gia Định, bản triều ngạc nhiên, không biết thế nào. Cho nên lại nhất định phải có lần đi này nữa. Nếu quả bản triều có lỗi còn nguyên soái Gia Định là phải, là đúng thì cứ minh chính quở phạt, rồi công nhiên đem quân đánh lấy, sao lại sai Vial lên kinh nói miệng trước, ép bản triều nếu lấy tình nhường giao ba tỉnh trong thì sẽ xóa hết tiền bồi thường binh phí, và thuyền bè người Nam đi lại buôn bán ở Gia Định đều được miễn thuế, lại hứa tặng cho thuyền lớn, lại phái thuyền đi dẹp giặc cướp để yên mặt bể? Đồng thời còn hứa về

sau, nếu trong nước có giặc giã gì, cũng sẽ hết sức đến giúp.

Bao nhiêu những hứa hẹn như thế để đổi lấy ba tỉnh, nay tuy không có giấy tờ gì làm bằng, nhưng Vial vẫn còn đó, lẽ nào lại nuốt lời? Nếu bản triều trái hòa nghị trước, mà nguyên soái Gia Định có thể bắt lý được, thì cần gì phải hứa hẹn như thế? Vả lại nếu bản triều thật có bằng chứng trái hòa ước, mà động đến binh oai của quý triều thì chẳng những bị mất đất, mà còn phải bồi thường binh phí nữa. Cứ xem như ba tỉnh ngoài, do quý triều gây sự ra trước, cho nên bản triều phải đem quân tời ra hầu, thế mà khi bàn hòa, Bonard còn bắt chịu bồi phí, hưởng hồ ba tỉnh trong. Nếu quả bản triều có lỗi trước, mà

nguyên soái Gia Định đã không bắt bồi thường binh phí, lại xóa cho nợ cũ, và phạm những người, của đã bắt được thu được cũng đều trả lại hết. Như thế thì phúc cho bản triều biết bao nhiêu. Thế mà bản triều lại không thuận nhượng ba tỉnh trong, vốn đã lọt vào tay nguyên soái Gia Định rồi, để kích thêm lòng giận của quý triều. Bản triều có đâu lại hỏng đến thế? Thế lực như quý quốc, bản triều lẽ nào không biết, mà trước sau vẫn chỉ một mực xin trả, cũng đủ thấy tình lý có chỗ chưa được cam lòng thỏa dạ.

Vả lại lúc bấy giờ, các quan đại thần ở ba tỉnh trong và các quân lính thấy nguyên soái Gia Định đến thành lịnh, đều một loạt mở cửa

rước vào, không dám bắn một mũi tên, để tỏ ra là triệt để tuân theo hòa ước. Trong ý đều nghĩ rằng sự phải trái sẽ có ngày tự được phân hiểu, cho nên hãy tạm tránh uy quyền của quý soái, để mong được chiếu cố thương hại về sau. Nếu không thì dù thế lực không đương nổi, cũng bắn liều một mũi tên, mở đường chạy để hết bốn phận của người giữ đất, chớ sao lại để cho quân quan quý quốc được yên nhiên tọa hưởng như đi dự tiệc mừng vậy? Chắc hẳn không phải như vậy. Vả lại lúc ấy quan quân bản triều nếu không có định kiến trước, mà ra đối đầu với quý quan binh, thì tuy nguyên soái Gia Định tự gây sự trước, nhưng bản triều cũng không tránh khỏi cái lỗi là tại sao không tránh đi. Cách xử trí của

chúng tôi rõ ràng như thế, đủ thấy sự cung thuận và giữ hòa ước biết đường nào!

Đương lúc thắng thốt mà cũng không làm điều gì hấp tấp trái nghĩa, huống chi đương lúc thung dung qua lại với quý soái, mà lại có mảy may trái ước, có thể chỉ trích được sao? Xin quý triều tìm tòi hết những việc qua lại giao tế mấy lâu nay, nếu có một khoản nào có thể bắt lý khiến bản triều hết lời đối đáp được thì bản triều mới phục. Không thế, mà quý triều không chịu thương thuyết lại, thì rõ là quý triều lấy thế lực đe người, mà không có công lý vậy. Ôi! Các việc bất bình trước đây đều do vua trước và soái trước gây ra, mà bản triều chưa có một lần trình bày

ra, thì chưa hết lý chưa thỏa tình. Nay quý quốc đã cải miễn, bản triều thiết tưởng quý quốc trưởng ắt có cách xử trí khác. Đối đãi với bản triều theo một lối mới để tiêu những oán hờn xưa cũ mà tạo sự vui vẻ lâu dài, thông thương rộng rãi với bản triều, mà trả lại đất đai thì mới có thể yên vui mãi mãi với nhau được v.v...

Những việc như lấy thông thương để đổi lại đất đai, mà tôi đã trình bày trong các tờ bẩm trước, đều phải đưa ra trình bày lại một lần cho rõ ràng. Lại dùng những khoản như: thông nhiều ngõ ngách, tìm nhiều đường lối cùng với các quan nước họ mà cầu giúp ta v.v... ra mà nói với quốc trưởng họ, và các quan lớn cầm quyền của

họ. Chính lúc này là lúc để nói hơn bao giờ hết.

Xét sự thế của nước họ hiện nay, tuy đã lập quốc trưởng, nhưng chưa bao quát được tất cả mọi quyền lớn trong nước. Thế tất phải có một vị lớn có quyền thế nào đó có thể khiên chế được quốc trưởng. Mà quốc trưởng cũng đương cần thu phục lòng người để dựa mà làm việc chắc sẽ không trái lòng người lắm. Nếu ta tìm được vị quan lớn nào mà quốc trưởng đang dựa vào nhiều nhất rồi câu kết với vị ấy, thì tất nên việc. Vả lại việc nước ta đều do vua trước hiệu chiến, muốn theo vết cũ của vua bác, mà chủ trương ở bên trong, dưới thì có một nửa số đại thần xu phụ theo để cầu tiến. Cho nên

nguyên soái Gia Định mới nhằm vào cái sở thích của nhà vua, mà làm cho nước ta trở thêm nhiều việc.

Nay may mắn vua trước mất quyền, nguyên soái Gia Định đã chết, còn những người xu phụ ngày trước nay cũng đều tìm chỗ nương tựa khác, nên chắc chắn không dám đem những việc vua trước đã thất bại ra nịnh hót người sau, mà chuốc oán thù với Viện Thứ Dân. Như thế là vây cánh bè đảng đều tan rã.

Vả lại lúc trước, khi tôi ở Tây, đã nghe phao tin rằng: Từ vua trước gây sự với Nam triều tới nay, phạm những việc đã làm, đều bị thiên hạ chê cười tức tối (trong đó

có nhiều điều, không cần kể lại). Vì thế mà những người có lòng mưu việc nước, đều tức giận mà đưa ra câu nói ấy để xui dân ở hai lòng. Nay nếu có người vì ta, ra sức giải thuyết, ắt phải vin vào lời nói trước để chứng thực việc ấy.

Huống chi hiện nay những người cùng lo việc với quốc trưởng, ắt trước hết phải lo chĩnh đốn mọi việc trong nước làm trọng, mà quốc trưởng cũng lo lập đảng để gây thế lực của mình, vậy hai hạng người đó đều chắc không để ý lắm đến việc lo chiếm nước ngoài. Sở dĩ còn bám lấy Gia Định là để tỏ rằng còn dính líu với mình mà thôi. Nếu thấy ta cố xin, mà lời lẽ

nửa cứng nửa mềm bọn họ ắt phải thâm nghĩ rằng: Hiện nay nước ta mới suy, chưa biết sẽ ra sao.

Nếu ôm đồm quá mà sơ sót, là không khéo xử sự trong khi mình có biến. Sao bằng tạm trả đất lại, mở đường buôn bán để đợi lo tính về sau mới là hợp thể. Vả lại theo các lời lẽ của sứ nước Nam trình bày thì những điều sai trái đều quy về mình. Nếu không biết nhân thời thế mà biến đổi cuộc diện, chẳng may Nam triều nhân lúc mình đương nguy mà sinh sự và nước mình trông được chỗ này thì lại mất chỗ kia, đã mệt về phía Tây lại lo về phía Đông, hai đường đều hỏng cả. Vả lại nghe các quan gần Gia Định mật tư thuyết phục được dân sáu tỉnh chuẩn bị sẽ gây biến

động, mà Nam triều thì đã phòng giữ vững vàng, chưa biết họ sẽ làm gì đây. Lại nghe các nhà buôn Anh giúp binh khí cho họ; hoặc giả là nước Anh giúp ngầm ở trong để hất cẳng mình chăng? Thấy sứ nước Nam qua Kinh đô nước Anh trước, không biết mưu tính việc gì. Tình hình đã rõ.

Vả người Anh chưa công khai gây việc, cho nên việc mượn tụi vong mạng đến giúp nước Nam, tưởng đó cũng là thế tất hữu. Vả lại như nước Y Pha Nho và nước Phổ Lỗ Sĩ hiện nay thù địch với ta, mà hòa ước năm trước Y Pha Nho muốn lấy Đồ Sơn, nguyên soái ta sợ rằng ta đã lấy hoàn toàn ba tỉnh rồi mà Nam triều lại còn bị Y Pha Nho cưỡng ép nữa, thế tất hòa

ước sẽ không thành, cho nên ta luôn luôn tìm cách cản trở để xong việc mình, làm cho nước Y không thỏa ý muốn, tất phải căm hờn. Mà trong thư Ba Lăng Ca gửi cho Nam triều có câu: “Được ruộng đất, mất lòng anh em”; lại tiếp đãi sứ nước Nam rất trọng thể, không phải là không lộ vẻ khiêu khích đối với ta, để mua chuộc lòng Nam triều. Nay nếu Nam triều lại đem Đồ Sơn cho họ, thì họ đã có giận trước, lại thêm thù nay mà đem hết quân Lữ Tống hợp với Nam triều, lại có nước Phổ ở xa giúp đỡ thanh thế, như kiểu ngày xưa nước ta giúp Hợp Chúng Quốc đuổi người Anh. Nếu xảy ra công việc như thế, ta cũng khó bề xoay trở.

Thấy sứ nước Nam cũng sang Y Pha Nho, không biết ý gì. Tuy ngày trước, Nam triều có thất lễ với sứ nước Y, nhưng đã lấy lời khiêm tốn tạ lỗi, cũng đủ hết hiềm khích rồi. Vả lại hất cẳng ta là việc lớn, được Đồ Sơn cũng không phải là món lợi nhỏ, mà lại có nam triều ở trong xui giục, chắc họ sẽ nghe theo. Các mưu lược kể trên, ai dám bảo Nam triều không có người tính toán đến được như thế? Thử xem ba bốn năm lại đây, cố ý dây dưa đương lúc thế lực ta mạnh như thế, mà còn không chịu giảng hòa thì ngang ngạnh xiên xỏ đã quá lắm, chắc là biết được nước ta hiện có cuộc nguy nan, nên cố tình dây dưa chờ đợi. Ngày nay đến thương lượng, lời lẽ lại mềm mỏng, không khích

bác, không theo hẳn, còn cách lo liệu lại đâu trúng đó, rất hợp với thể tung hoành. Chắc là người Anh đã bí mật bày vẽ. Nếu không thì sao lại hiểu rõ sự thể phương Tây mà nói được vanh vách như thế. Nay nếu y theo lời xin của sứ bộ nước Nam, để lưu nhân tình, thì mới chiếm được địa vị sau này. Không thì Nam triều bị bức bách thể không chịu được, dần dần đi theo nước Anh mời người Anh đến chia lợi với ta, ta cũng khó bề lung lạc được lâu dài. Nếu ta tạm nói tay ra, Nam triều không gấp rút bí mật giao thiệp với người Anh, lúc đó ta được thông thả đợi thời, để chiếm lợi một mình. Nếu người Anh nhân lúc ta chưa thể một mình tự tung tự tác mà xen vào ngấm

nghĩa nước Nam, ắt sẽ tranh chỗ với ta. Thế chẳng phải ta tính toán sai lầm sao?

Tây Triều nếu nghĩ lại như thế (Ta nếu tìm được viên quan lớn, thấy y có tình vì ta, thì bảo y phải xướng lên đề nghị ý kiến như thế) thì ta mới thỏa được yêu cầu. Đây là thượng sách.

Còn như khoản thông thương, đó là quyền ở ta, lúc bấy giờ ta sẽ dùng kế (Các mưu kế về đường lối này rất nhiều, tôi đã tính toán sẵn rồi) khiến cho họ không được lợi lớn, mình không đánh, họ cũng tự tan rã. Nếu họ lại muốn gây hiềm khích, ta chuẩn bị đã chặt chẽ, giao du đã nòng hậu, người giúp đã có nhất định, cũng không sợ gì nữa.

Một mặt, trong lúc đi Tây, trước hã đến Gia Định ghé lãnh sự Y Pha Nho gọi tình giao hiếu cũ, tạ lỗi xích mích xưa. Rồi sau mặt đem tình thể hiện tại thương lượng với y, nhờ y viết thư thông báo về nước trước, bấy giờ ta mới thuận đường đến Triều đình Y Pha Nho trước tìm Ba Lăng Ca nhờ giới thiệu, đến tỏ ý trước với Triều đình nước Y, rồi đi mặt hỏi kết cục hiện thời giữa nước Y, nước Phổ và nước Pháp như thế nào? Hướng đi tới của nước Nga nước Anh như thế nào? Nếu thuận tiện có thể thừa cơ được, xin nhờ họ đề đạt ngay qua nước Anh. Nếu họ muốn hợp tác với ta để đuổi người Pháp thì bí mật định mưu với họ. Sau đó mới đến xin Triều đình Pháp (Ở trước mặt nước Y, chỉ nói đến

Pháp, thăm hỏi mà thôi, chớ lộ bản ý ra). Nếu không bằng lòng là tại lỗi họ. Lúc đó ta thì giận, Y thì thù, lại có nước Phổ hưởng ứng từ xa, lấy thế để đe nước Pháp lúc đương suy yếu thì cũng đủ đạt chí nguyện.

Còn như nước Y, tuy ta có hứa cho họ thông thương, và tạm cho một miếng đất, nhưng thế lực họ không mạnh, mà nước Phổ cũng không ham việc đua đuổi cao xa, ắt là không trắng trợn như người Pháp mà lo sợ họ lan rộng ra. Vả ở chung với kẻ yếu, còn hơn ở chung với kẻ mạnh. Xét ra thế sự ngày nay, thì khoản nước Y cũng dễ rơi vào thuật của ta, vì họ đã xích mích lớn với người Pháp.

Vì rằng lấy lợi mà hợp, thì khi lợi hết ắt phải ly. Lúc trước người Y hòa với người Pháp, cũng muốn chia lợi, đến khi thành công người Pháp lại học thói Tề Mẫn Vương<sup>54</sup> ngày xưa, chiếm lấy phần nhiều. Tuy nguyên soái nước Y đã có nhiều lần muốn gặp mặt sứ bộ ta để nói nhưng người Pháp cứ kiếm cách thoái thác ngăn trở. Y soái rất bất bình. Tình hình ấy tôi biết rõ, nhưng nay nói ngán không thể hết được, thôi chẳng đưa ra làm gì. Đã có một lần quan quân nước Y đã vung tay lên, muốn loạn sát quan quân Pháp may được giải cứu mới thôi. Về sau Y soái muốn nhờ Cố Trường viết thư đáp lại Triều đình ta. Tuy đã có nói, nhưng Y soái lại

---

54 Tề Mẫn Vương đời Chiến Quốc, khi cùng đồng minh đánh thắng giặc thì tranh lấy phần nhiều.

nghi, sợ Cố Trường thêm bớt lời lẽ. Cuối cùng khi hòa ước đã xong, Y soái bất đắc dĩ mới gấp nhờ tôi dịch bài: “Được ruộng đất, mất lòng anh em” đưa lên Triều đình. Một là để mua cảm tình, hai là để che xấu hổ. Đây là thói “mềm nắn rắn buông” mà thôi. Đương lúc ấy, ta dù muốn dùng kế để ly gián họ, nhưng cơ hội rất khó.

Nay mai Phổ với Y đều đứng lên đối địch với Pháp mà ta lại lấy lợi đến nhử, ắt họ sẽ vui mừng giúp ta. Nước Y tuy gặp lúc suy đốn, nhưng cũng là một nước lớn xưa nay từng công phạt. Nay lại có nước Phổ kết thân, như cọp có thêm cánh, thì thế lực lại dần lớn mạnh. Nếu ta sớm

đến tạ lỗi, tử tế với họ, thì chẳng những trấn áp được Pháp, mà cũng có thể tiêu được mối lo về sau.

Nếu sau khi việc xong, Phổ đã hợp nhau với Y, nếu có hành động gì như tôi đã bẩm: “Nước Y chưa nguôi dòm ngó Bắc kỳ”, thì ta sẽ liệu làm sao?

Nay nếu ta khéo dùng kế mà lại nhân nước Y để thông với nước Anh, thì cũng để tỏ tình, mà ta sẽ được Anh giúp đỡ. Sự thế ấy, chỉ nên gấp rút dùng vào lúc này, mới có thể tìm ra manh mối. Nếu để cơ hội đi qua sau này cũng khó bảo đảm nước Y sẽ không phụ tình với ta.

Nếu quả làm được những kế hoạch kể trên, thì chính là ngay giữa miếu đường đuổi được giặc, thắng trận ở ngay nơi bàn tiệc vậy.

Tôi thành thật có mấy ý kiến như thế. Tuy biết rõ trên Triều đình không phải không nghĩ đến, mà đợi tôi phải nói ra, nhưng trong ý tình của tôi, cũng như trẻ em chạy chơi, học được mấy tiếng bi bô, liền về kêu ầm lên trước mặt cha mẹ. Đây là xuất từ tình thật hồn nhiên, mà không biết rằng cha mẹ dạy cho mình học ăn học nói, còn hơn những cái mình nghe lỏm được rất nhiều.

Nhưng ý rằng vì được cha mẹ yêu, nên tuy biết cha mẹ phiền hà, mà vì tình thương con, cũng

vui lòng nghe mà không nổi đánh mắng. Tắc thành mọn mạy, muôn trông tha thứ.

Nay kính bẩm quan Binh bộ đại thần soi xét.

Nguyễn Trường Tộ ký

## DI THẢO SỐ 40

Bổ túc kế hoạch đánh úp Gia Định<sup>55</sup>

(Ngày 20 tháng 12 năm Tự Đức 23, tức ngày 9 tháng 2 năm 1871).

Tôi Nguyễn Trường Tộ kính bẩm,

Ngày trước tôi có bẩm ba tập, nghĩ đi nghĩ lại mới thấy có nhiều đường lối có thể làm được. Có điều là muốn suy nghĩ kỹ càng để cầu ổn thỏa. Tóm lại chỉ có hai kế mà thôi:

---

<sup>55</sup> Bản văn chữ Hán Hv 189/3 tờ 90-105 và Hv 634/3 tờ 76-100.

Một là gấp rút đi Tây, để lấy lại đất đai và gây cảm tình với Y Pha Nho, để tránh hiềm khích. Khoản này không kể việc họ đã yên hay chưa yên, cũng cứ nên làm. Vì nếu việc họ chưa yên, thì ta lại phải đến nước Y dùng kế, cầu Y giúp ta để đuổi Pháp, như tờ trước tôi đã bẩm. Tuy họ còn ngại sức chưa đủ để đánh Pháp, nhưng cũng muốn gấp tranh lợi báo thù, lại có ta là bạn chung một kẻ thù, thì chẳng những họ dựa vào ta, mà quân ta cũng thêm hăng hái, thì mới mong đắc chí được.

Người Pháp ở phương Đông chưa có thế lớn để quyết định, mà người Anh lại ngầm ngầm ghét

Pháp, không giúp Pháp, ở phương Tây, đã có nước Phổ khiên chế nước Pháp thì Y mới có thể đưa hết lực lượng phương Đông hợp nhất với ta mà thành công được. Vả lại ta có giao ước với Y rằng: “Sau xong việc rồi, chẳng những cho họ thông thương, mà bản triều lại xin với Giáo hoàng rút hết giáo sĩ Pháp về Tây, mà sai giáo sĩ Y sang thay lĩnh việc đạo giáo, để tiện quy vào một mối, như thế nước Y ắt mừng, mà lại có giáo sĩ khuyến dụ lòng dân nước Y giúp thêm vào nữa.

Nhân nước Y rất trọng đạo giáo, mà giáo sĩ lại có quyền, nên cũng đủ giúp việc cho ta. Tôi xin lấy đại thế lâu dài của phương Tây mà bàn. Nước Pháp âm thầm làm việc ác, nên đạo trời giáng phạt,

thì họ cũng đã trả rồi. Họ tuy gặp biến loạn như thế nhưng cơ hưng thịnh vẫn còn, thì không ngoài mười năm sẽ trở lại như cũ, như người Nga vậy.

Vùng ven núi về phía Tây sau lưng nước ta, đất đai rất tốt, họ để ý đã lâu nếu không nhân lúc họ suy đốn này mà tìm cách phong tỏa, thì không thể nguôi được lòng họ. Nếu nay không đuổi họ hoặc trấn áp họ (Thông thương với họ để đòi lại đất, rồi sau dùng kế mà phân tán như các lời tôi đã bẩm trước) để cô lập thế họ, đến khi nước họ đã phục hưng, rồi nhân cơ sở sẵn có cứ thêm chi tiết vào dần dần, thì ta khó mà yên được. Vả lại giáo sĩ tuy vốn vô tâm với thế sự, mà suốt đời họ chỉ lo một điều là có hành đạo

được hay không. Nhưng trong đó cũng có một hai người không yên phận lo việc đạo giáo. Trong khi người Pháp chinh cư những vùng mới lấy của ta, cũng muốn mượn thanh thế của họ để mưu đồ lợi riêng. Cho nên năm trước tôi đã bẩm miện với quan Thượng thư bộ Binh và bộ Hộ muốn nhân lúc đi Tây mà xin với Giáo hoàng rút giáo sĩ Pháp về, và chỉ cho giáo sĩ nước ta trông nom hoàn toàn việc đạo giáo. Chính là vì thế. Tôi nói như thế, không phải là phản đạo, mà chính là để bảo vệ đạo.

Còn nước Y nay giúp ta tuy có cất đầu chút ít, nhưng chẳng qua cũng như lửa đóm, không sáng được mấy hồi, mà các giáo sĩ mềm yếu quá hơn người Pháp, nên cũng

không ngại gì. Cho nên trong tờ bẩm trước, tôi đã nói: “Ở với kẻ yếu còn hơn ở với kẻ mạnh”.

Nay nếu ta biết nhân lúc Y, Pháp đương chia rẽ, mà dụ Y vào lưới ta, thì tuy chưa thể đuổi hết được người Pháp, nhưng việc đã vỡ lở, Pháp tất phải chùn tay mà bàn hòa. Chỉ cần thông thương với họ ta cũng có thể nhân đấy dần dần dùng kế mà trấn phục được Pháp.

Vả lại nước Y đã hợp tác với ta, thì khó mà bỏ dở nửa chừng. Lúc đó ta lại dùng kế xúi họ, khiến họ không chịu nghỉ tay. Họ tuy suy vi, nhưng có thể tung hoành với phương Tây, thì cũng dễ tìm người giúp, mà ta cũng nhân họ để giao thông với phương Tây, mới có thể

trấn áp lâu dài được Pháp. Họ đã hợp tác với ta, mà đã thỏa được một chút yêu cầu lúc ấy ta đã hơi mạnh, thì họ cũng ngó lại thế lực của họ như thế nào, lo cách để giữ được hòa mục lâu dài, không dám hành động càn, sợ mất mỗi lợi, như thế mới có thể gìn giữ được sự yên ổn lâu dài. Ta nếu không sớm lo hợp tác với họ, mà họ đã có người giúp, nhân lúc người Pháp đương lo tự bảo vệ mình, chưa kịp tranh lẫn phương xa, không dám rắc rối với họ, để mặc họ tự do, họ sẽ lấy thế lực nước Phổ, mà mượn có sinh sự thì Quảng Yên, Hải Dương cũng khó ngồi yên được. Hơn nữa, từ vùng ngoài Tứ Xuyên, lòng người cũng đã dao động, một khi biên cương có xảy ra việc, sẽ nhân đó mà tiếp ứng, thì lại thêm mỗi lo.

Nay nếu muốn đề phòng mối lo xa, nên nhân lúc này đi Tây, trước chúc mừng quốc trưởng mới, và lấy lời vãn an Triều đình họ. Khi đến bên ấy rồi, liền đi tìm người giúp giải quyết công việc cho ta, như tôi đã trình bày trong các tờ bẩm trước. Nếu họ chịu theo lời thương thuyết, mà trả lại đất đai, thì đấy là kế hay nhất rồi.

Nếu việc còn dây dưa thì nhân lúc họ chưa kịp mưu tính việc nước ta, ta lấy cớ qua Y Pha Nho để tính toán món nợ trước, khi đã đến nước Y, bố trí được kế hoạch xong xuôi như các lời tôi đã bẩm trước, thì liền định mưu với họ, hoặc nên đi giao du cách nào, để tìm người giúp, cũng phải bí mật mưu tính với họ, chắc chắn họ sẽ hết lòng

chỉ bảo hướng dẫn ta, để giúp ta đuổi Pháp, làm cho Pháp suy yếu, để hạ giặc. Như thế ta ắt có lợi, và cũng nhân đó gỡ được mối hiềm trước, khiến họ ngày sau khó kiếm cớ sinh sự.

Nếu Triều đình cho là phải, xin hãy làm gấp. Còn như sự thể nước Pháp đã bình yên, ta cũng nên nhân lúc chúc mừng đó bàn hòa luôn. Nếu Triều đình hoặc muốn thăm dò ý Tây soái trước hoặc nên gửi thư rồi về, như tôi đã trình bày trong các tờ bẩm trước, thì xin biên cho tôi một phong thư làm bằng, trong thư nói rằng: “Ý Triều đình muốn thế nào, đã có miêng tôi nói thay” (Nhưng khi đến Gia Định, biết rõ thế họ dần tăng thì mới nói thẳng vào việc mà đệ thư luôn). Đó là vì

chưa biết ý nguyên soái như thế nào, cho nên chưa dám công nhiên viết thư thương lượng mà chỉ bí mật sai tôi đến, đem việc mật này nói riêng với nguyên soái mà thôi. Nếu thấy có thể làm được thì xin truyền miệng cho tôi để về phúc lại. Vả lại tôi quen biết nguyên soái, giả vờ lấy việc khác đến thăm, để tránh tai mắt mọi người. Như vậy nguyên soái mới yên tâm, bộc lộ ý hướng. Nếu Triều đình cho quan triều đi, mọi người đều biết, nếu việc ấy không đáp ứng được thì nguyên soái đã không vui, mà Triều đình cũng mang tiếng là nói không trúng chỗ. Nếu nguyên soái không bằng lòng, ta cũng có thể nhân lúc trò chuyện dò xem ý hướng để lo liệu việc ta, và cũng nhân đó thăm dò xem sự thế đảng phái vây cánh

của nước họ ra sao để quyết định việc đi Tây. Đây cũng là nhất cử lưỡng tiện.

Còn đường thứ hai tức là “kế đánh úp” như trong tờ bẩm trước tôi đã trình bày. Nhưng sự thế trong tờ bẩm trước, tôi nghĩ lại kỹ càng, còn có một vài chỗ chưa ổn, hoặc có thể dễ bị lòi mối ra được. Đối với bản thân tôi, dù sao cũng cam chịu, nhưng về Triều đình hoặc giả nhân thế mà sinh chuyện chẳng? Còn như các khoản ở đoạn sau trong tờ bẩm mới đây, mới bảo đảm khỏi sợ lộ. Dù cho việc nước họ đã yên, giặc miền Bắc đã dẹp, ta cũng có thể dùng kế ấy mà chắc chắn họ không thể khám phá ra được.

Nay tôi xin nói những chỗ có thể nghi ngờ được ở trong tờ bẩm trước. Vì tôi đi lần này, tuy trong bộ văn nói là đi lo việc học sinh, mà mọi người cũng có kẻ bảo là sứ bộ đi Tây, không phải chỉ chuyên một việc học sinh mà thôi. Đến sau thấy một mình tôi đi thẳng vào Gia Định ở lại lâu trong ấy, tuy không biết để làm gì nhưng cũng sinh nghi. Đây là một điều.

Tôi đi vào Gia Định, liền đi giảng đạo thì giám mục nơi đó rất mừng, nếu tiện sẽ báo tin ngay với Giám mục Hậu, khiến người ta sinh nghi. Đây là hai điều.

Tuy nguyên soái Gia Định biết tôi không có ý can dự việc đời, nhưng vẫn biết tôi có tài ứng dụng

với đời, chắc chắn nguyên soái Gia Định sẽ đem việc ấy ra hỏi Giám mục Hậu xem có thật tôi bị người khác bức bách mà không dám về không? Nhân đó giám mục sẽ bảo tôi ra làm việc cho y. Như lần trước, lúc tôi ở Gia Định, nguyên soái Gia Định đã nhiều lần muốn đem công việc bộ Công giao hết cho tôi. Còn nếu Giám mục Hậu đem hết lai lịch của tôi nói với y, thì y không khỏi sinh nghi. Đây là ba điều.

Phàm đánh úp người, phải thừa lúc xuất kỳ bất ý mới thành công. Vả lại phải có nhiều người Bắc kỳ cùng làm việc đó, mới dương được khí thế của người Nam và người ta càng tin là đúng. Nhưng nhiều người Bắc sợ lộ việc, chắc nguyên soái Gia Định sẽ bí mật đề phòng.

Như thế việc không thành, sẽ nhọc mệt uổng công, mà lại gây khó khăn cho việc dùng lại cái kế muốn ngầm ngầm làm tổn hại họ sau này. Như trong bài Lục lợi từ trước đây, tôi đã bẩm rằng các kế ám tổn ám hại phải thi hành từ từ. Nhưng khi ấy tôi chưa nói rõ kế hoạch vì chưa đến lúc, nói ra sợ sẽ làm tắc nghẽn cái thâm kế của tôi muốn dùng để đánh lừa họ sau này (Kế ấy nếu về sau khi thế lực họ đã bền vững, ta sẽ dùng đủ mọi kế mà không xong việc, tôi mới dám trình bày).

Nay xin Triều đình dùng kế đi Tây trước, nếu việc không xong, xin tạm giả vờ bổ tôi làm một chức quan lớn trong Bộ Công, nói rằng: Nay nước ta muốn thực hành canh tân, mà tôi là người đủ sức cáng

đáng công việc đầu tiên. Nếu không đề bạt cho vượt bậc thì không khuyến khích được người sau. Sau khi nhận chức, tôi liền xin về làng một hai tháng để yên ủi mẹ già rồi mới đi nhận việc. Khi tôi trở về, những người đồng đạo sẽ đến hỏi tôi sao lập trường trước sau bất nhất, sao lại ra làm quan? Tôi sẽ trả lời rằng tôi vốn không có lòng cầu đi làm quan, nhưng vì có làm quan thì mới dễ bề tâu thưa để giúp cho đạo giáo. Sau khi lên Kinh làm việc, tôi sẽ tâu trình nhiều khoản về đạo giáo. Như thế những người đồng đạo của tôi rất vui mừng mà khen ngợi ý tốt của tôi.

Sau khi lên Kinh tôi sẽ tâu bày một tập, cố ý nói những điều không nên nói, mà còn can phạm đến

phép nước nữa. Bấy giờ Bộ sẽ nghị bàn buộc cho tôi là mới nhận chức quan, chưa làm được gì đã nói càn trái phép, đáng lẽ phải nghiêm trị, nhưng nghĩ đến tình trước, nên cho đầy đi Bình Thuận để trị tội. Lúc bấy giờ tôi mới ngẫm viết thư cho Giám mục Hậu nói rằng: Tôi vốn có lòng vì nước vì đạo, mới trình xin như thế, không ngờ lại bị trách phạt, tâm sự không làm sao bày tỏ được. Khi đến Bình Thuận, tôi đã đút tiền hối lộ cho quan coi tù rồi trốn vào Gia Định giúp Tây, để lo trả thù, mong giám mục bí mật viết thư ngay cho nguyên soái Gia Định biết thâm ý ấy. Trong thư nói rằng: “Nếu trọng dụng hẳn, nước Tây sẽ được một tay giúp việc đắc lực vì hẳn đã hiểu rõ tình thế nước Nam. Nguyên soái trước

đã từng tìm hãn, nay may lại được Nam triều đuổi đến cho, giờ đây hãn mới dứt tình đất cũ, mà hết lòng giúp việc...”.

Tây soái được thư, thấy tôi đã là quan lớn của Triều đình, đã có danh vọng, có thể thu phục được lòng dân sáu tỉnh. Vả lại vì đạo mà bị tội mới đến đây thì một là y sẽ đem lòng thương xót, hai là sẽ trọng tư cách làm người của tôi mà tin lắm, không nghi ngờ gì mà lại trọng dụng thêm. Tôi liền nói: “Nếu vội nhận chức quan to, sợ Triều đình ghét mà bắt tội anh em. Tôi hãy xin tạm ở ngoài giúp việc, đợi khi nào bí mật đem được người nhà vào Nam, sẽ nhận chức. Nay chỉ xin tạm nhận chức quan sông mà thôi, còn bổng lộc thì quyết chưa

dám nhận” (nếu nhận bổng lộc của họ mà lại ôm kế độc đối với họ thì hại nghĩa tôi không yên lòng). Lúc bấy giờ tôi sẽ giúp việc cho họ đôi chút. Chẳng bao lâu, tôi sẽ mật báo với họ rằng: “Nghe nói nước Nam, việc ngoài Bắc đã yên, rất giận việc nước Tây không trả đất đai lại, muốn ngấm ngầm xúi dân làm loạn để phá rối ta, chưa biết có quả như thế không? Nhưng tình hình này không thể không có. Tôi xin đi khắp sáu tỉnh để bí mật thăm dò. Nếu có quan Nam triều ẩn núp, tôi sẽ biết và mật báo về. Tôi còn xin đi lại những nhà có thế lực, và các lương dân chịu chức của Tây, dò xem tình ý như thế nào để chuẩn bị. Tôi lại đem đạo giáo dụ họ, xem ý họ thế nào. Tôi lại lấy mưu làm loạn thử họ, mới biết được đích

xác. Như nói rằng: Ta tuy bị Triều đình trách phạt, nhưng mối tình đất cũ khó quên. Vả lại với người Tây chỉ có thể chung hoạn nạn, chứ không thể chung hưởng yên vui. Như các nước trên thế giới đã bị người Tây v.v... Nay tôi nghĩ, nếu được sáu tỉnh phản Tây, thì chẳng những ta chuộc được tội mà còn có công lớn. Các người cũng vậy, nếu quả không quên lòng trung nghĩa thì có thể cùng tôi mật định làm việc nghĩa. Nếu việc thành được, Triều đình sẽ thưởng công to. Dẫu dễ như thế, nếu người nào quả có lòng tất đồng ý với tôi. Lúc đó tôi bí mật ghi hết, bầm lên đại soái biết để phòng bị. Rồi kiếm cơ khác mà buộc tội chúng.

Ở trước mặt Tây soái tôi đã mật mưu như thế, thì ngày sau tôi đi dụ dỗ khắp nơi, nếu có người biết mà mách lại sẽ bị Tây soái cười thềm. Như thế những người đồng lòng với tôi sẽ giữ được vô sự. Tôi đã họp được nhiều người, ở đâu chuẩn bị ở đó, như các khoản đã nói trong các tờ bẩm trước. Lúc bấy giờ tôi lại nói với Tây soái rằng: “Tôi rất oán ghét nước Nam, ý muốn nhóm họp nhiều người đợi ngày nào nước Tây gây việc với nước Nam, sẽ xin ra giúp sức để hả cơn giận. Tôi đã dò được những người giỏi trong sáu tỉnh, phần nhiều có lòng bất bình với nước Nam, nhưng chỉ vì quan Tây nghi ngờ quá chừng mà không dùng họ giúp việc. Họ đã yên cư lạc nghiệp ở đây, cũng muốn có một phen bày

tỏ tâm tình, để cởi mở lòng nghi mà chưa có cơ hội. Nay nghe tôi có sự bất bình với nước Nam, muốn đi chiêu tập báo thù, cho nên bọn họ cũng muốn hợp sức làm với tôi, để tỏ rõ là đã dứt tình với nước Nam rồi. Vả nếu tôi nhóm họp được bọn họ tại chỗ, bọn họ lại nhóm họp được thủ hạ tại chỗ rồi ghép thành đội ngũ, mượn lãnh khí giới, để tùy lúc mà luyện tập, còn tôi thì đi lại các nơi để đốc thúc công việc. Đến ngày ra đánh Bắc, có thể dùng họ làm quân tiên phong cho người Tây. Việc thành chẳng những tôi hả được cơn giận, mà bọn họ cũng tỏ rõ được tâm tình. Lúc đó đại soái tùy theo tài năng cất dùng họ để trả công lao, như vậy người sáu tỉnh mới yên mến quý soái”.

Như thế chúng tôi tập hợp người tại chỗ để chuẩn bị mà người Tây không thể nghi ngờ gì cả. Tôi lại nói với Tây soái rằng: “Lúc trước tôi ở Bắc kỳ, tất cả những người có thâm ôm chí khác từ Quảng Nam trở ra Bắc, đều đi lại với tôi, những người có tài năng dùng được ước chừng bốn, năm trăm người, trong đó có chừng 100 người rất là kiệt kiệt, đã từng nói với tôi là muốn vào Gia Định, nhờ thanh thế người Tây, để lo mưu Bắc tiến, nhưng chỉ ngại không người giới thiệu, sợ Tây không tin. Nay nghe tôi vào Gia Định làm việc giúp Tây, đầu đảng của họ có bí mật gửi thư vào, nhờ tôi giới thiệu để được cùng vào trong này làm việc với Tây, số này hơn người sáu tỉnh nhiều lắm. Đến khi lông cánh đã thành,

sẽ xin ra Bắc gây việc. Nếu được họ xin hứa vĩnh viễn trung thành với quan Tây v.v... Nay xin đại soái viết cho một số mật hiệu mỗi miếng giấy cắt vuông một tấc, có ám hiệu bằng chữ Tây, chừng 400 cái giao cho tôi, để tôi gửi ra cho đầu đảng, hễ ai lén vào Gia Định, trình xét mật hiệu, rồi tôi mới tùy chỗ, giao cho ở chung với những người đồng lòng với tôi ở sáu tỉnh”.

Còn các phủ huyện, nếu quan Tây muốn dùng chúng để sai khiến, thì cũng tùy theo đó mà phân bố. Cách sắp đặt đều y như lời đã nói trong tờ bẩm trước. Như thế chắc chắn người Tây không làm sao biết được, mà còn dễ cử sự hơn là cách đưa người Bắc vào, như tôi đã nói trong tờ bẩm trước.

Còn mật hiệu của Tây tôi sẽ xin gửi ra, để cất giữ tại Bộ. Bấy giờ Triều đình sẽ phái vào nhiều người dòng Tôn Thất, các quan võ và những người tình nguyện vào ngũ như tôi đã nói trong tờ bản trước, và sẽ trao mật hiệu của Tây cho họ.

Ngoài ra lại xin một viên quan thân tín, giả làm đầu đảng vào trước, để trông coi việc ấy. Còn ngoài ra, có quan nào vào, tôi chỉ nói với nguyên soái đấy là hạng kiệt thiết. Còn những người tình nguyện vào ngũ có lén vào, tôi sẽ bảo đều là hạng thủ hạ của đảng ấy, có thể sai khiến được. Rồi sau mỗi phủ huyện dùng kế, cho năm

sáu người được thân cận với họ, kết hợp với người sở tại Nam kỳ, như thế cũng đủ đánh úp được.

Và gần trước ngày cử sự, tôi đã tìm một nhà người có đạo (Phải người có đạo, Pháp mới không nghi) ở huyện Tân Hòa, một nhà ở Gia Định, chuẩn bị thật chu đáo bí mật. Rồi quan tổng binh đại thần giả làm người buôn đến ở huyện Tân Hòa, quan phó đại thần đến trú ở Gia Định để chỉ thị phương lược, bố trí vòng lưới. Còn tôi thì qua lại truyền báo cách bài trí.

Đến đêm khởi sự, một mặt tôi dùng kế (Khoản này các câu bầm trước chưa nói đến) phá đê ngăn nước thì các thuyền Tây ở mặt dưới, không kể lớn nhỏ, đều bị

chìm hoặc bị vùi xuống dưới bùn, hoặc trôi xuống ngã ba mà tan rã hết. Còn việc bố trí trên đường bộ, cũng giống như các tờ bản trước đã nói, nay không bám lại nữa.

Trong khi việc đã tạm định, Triều đình giả sai quan viên thường thường qua lại vấn an Tây soái, mà lại dùng lời nói ngọt khiến hân thích ý hả lòng, rồi giả vờ đem tin đồn nghe được những việc hiện tại ra mà trách hân chắc chắn hân sẽ đem việc đó báo với các quan mưu sự của ta. Lúc bấy giờ quan nào đã được phái cử sự ở Gia Định đều đến Gia Định, giả bí mật bàn tính với hân kiếm cách che giấu Nam triều. Vả lại nói rằng cơ mưu đã tiết lộ, chúng ta cần phải gấp rút soạn sửa biến động, sợ để lâu

ngày Nam triều sẽ chuẩn bị đầy đủ, những người cộng sự đều đã gọi về Gia Định cả rồi, xin nguyên soái nghiên cứu việc binh để quyết định xem có dùng được không? Nhân đây để tiện khởi sự.

Vả lại khi việc đã gần được phân nửa, tôi sẽ nói với hãn rằng: “Tất cả những người tiềm phục ở Bắc kỳ, một nửa đã vào Nam giúp việc cho Tây, như cọp mọc cánh. Nếu ngày sau Tây triều muốn hoành hành nước Nam, theo đà ấy cũng không khó. Chỉ thiếu một điều là các quan võ nước Tây không khéo trị dân, vì thế mà ân đức chưa thấm vào lòng dân. Nếu được quan văn đến cai trị dân, như nước Tây thì rất tốt”. Như thế Tây soái tất sẽ đổi hết quan võ, rút hết lính chiến đấu về để làm

công trạng cho mình, mà xin quan văn sang ngồi một chỗ mà cai trị, thì thế lực họ lại bị cô lập thêm.

Tôi lại nói rằng (Khoản này cũng ở lúc công việc đã làm được phân nửa): “Tất cả những người ở miền Bắc vào, đều mong chờ nước Nam có biến cố. Vả lại đợi thu thập được một nửa người Bắc kỳ để làm nội ứng, mới hành động. Nếu chưa có cơ hội, thì còn làm việc với Tây. Bọn họ đều đã mang tiếng bỏ nước, quyết không dám trở về làng xóm. Chỉ khi nào thành sự mới dám về. Nếu không thì chết già ở sáu tỉnh mà thôi. Bọn họ lại giả xây dựng gia đình, để vững lòng Tây soái.

Tôi lại nói rằng: “Bắc kỳ đất xấu dân nghèo, nếu quan Tây có

lòng chiêu mộ, tôi xin viết thư mật gửi về cho những người quen, mời vào ăn ở, như thế thì phạm những người chuộng lạ đều không quản xa xôi mà vào. Đây là: Trong cửa có người tốt thì ngoài cửa người tốt sẽ đến vậy. Lúc đó đại soái tùy nghi xếp đặt, khiến cho bọn họ yên ở hòa hợp với người miền Nam, thì tiến lên có thể lấy, lui về có thể giữ, không phiền phải phái nhiều lính Tây để tổn nhiều của công”.

Như thế Tây soái chắc mừng lắm, lại tin là tôi có lòng vì hãn, có thể tin dùng được như thế tôi mới thi hành được kế hoạch. Còn các kế hoạch khác bồi bổ cho kế này, tôi đã nói rõ trong các tờ bẩm trước.

Làm được như thế, mới là mười phần thỏa đáng và Tây soái phải tin phục không mấy may nghi ngờ gì nữa.

Còn tôi sau khi đã trốn vào được, Triều đình cũng nên sai một viên quan thân tín vào theo để cùng bàn bạc phải chăng với tôi, làm chỗ trông ngóng trước cho những người đồng lòng. Nhưng ở trước mặt quan Tây, tôi nhận làm người thân trong khi đi chơi nói chuyện với mọi người, tôi lại nói kín với quan Tây xin đem người ấy giả làm quan triều mang đủ ấn tín, khiến các nhà quyền quý được thấy, thì địa phương mới tin là thật. Như thế mà họ không theo, cự tuyệt không nhận, thì mới tin là thật lòng theo Tây. Như thế quan

Tây sẽ cho là mưu kế tuyệt diệu, mà vị quan to ấy cũng được công nhiên không quan ngại gì nữa.

Tôi lấy các sự lý trình bày trong các tờ bẩm trước, mà suy ra kế trong tờ này, mới biết thật là vạn toàn. Nhưng kế này phải đòi hỏi khoảng hai năm mới thành. Phải đến dần dần Tây soái mới không nghi. Nếu đến một cách gấp rút đột ngột, không khỏi khiến họ ngạc nhiên, suy nghĩ. Vì thế mà phải hai năm. Nhưng cũng phải tìm người giúp ngoài thì hành song song với kế này, để ngăn chặn việc họ sẽ báo thù thì mới được hoàn toàn tốt đẹp. Mà tìm người giúp tay cũng phải nhân lúc họ có việc, mới dễ giao thiệp rộng rãi. Kế này dù khi việc nước họ bình yên rồi, dùng cũng

vẫn được. Cho nên không cần vội vàng. Nếu Triều đình dùng kế đi Tây trước mà thành công được, thì đây là ở ngay nơi miếu đường mà đánh được giặc. Nếu không xong thì làm kế này, mới hả lòng. Đến lúc đó, các quan lớn Triều đình sai đi cũng biết là lúc núi cùng sông hết rồi.

Chỉ có một kế ấy mà thôi (Kế ấy chỉ thi hành được một lần, không thể thi hành thêm lần thứ hai. Nếu sai trật quyết không thể làm lại lần nữa. Xin suy cho kỹ), phải nuốt giận mà vào, thừa lúc họ đương buông lỏng không phòng bị mới có thể đuổi giết họ được.

Nếu tôi có thể phục vụ được gì, nhất nhất tôi xin theo sự sai khiến

của Triều đình, quyết không có sự gì ân hận về sau. Vì vốn đã sẵn có bụng ấy mới dám nói ra, chứ hối hận thì có ai ép buộc tôi phải nói ra đâu!

Nhưng có một việc chưa yên tâm, là sau khi tôi bị đày, mẹ già tôi tất là đau thương, khiến tôi trái với đạo hiếu. Việc đó thật không có kế gì gỡ ra được. Nhưng tôi đã nhận quan chức Triều đình, thì phải làm việc công mà quên việc riêng, không thể vẹn toàn cả hai được.

Tôi lại có việc tâm sự xin trần tình một lời lên rằng: Nếu được Triều đình tin dùng thì trên đội đức Hoàng đế, uy quyền Triều đình, giữa nhờ các quan tổng binh chỉ vẽ

phương lược, dưới nhờ tướng sĩ đồng lòng, may mà quét sạch quân thù, khi trở về, tôi xin từ chức về vườn ngay để phụng dưỡng mẹ già mà thôi. Khi nào Triều đình có việc cần đến, tôi lại vâng mệnh, việc xong lại xin về như trước, còn tước lộc quyết không dám nhận.

Đây là tâm sự của tôi, muôn trông Triều đình hứa trước cho, tôi mới dám nhận chức. Nếu không thì tôi xin mình trần cam chịu sai phái mà thôi. Tấc dòng mọn mạy, kính xin bày tỏ.

(Ở đảo Tín Địa xứ Tân Châu, người da đen trong một đêm giết hết người Pháp, không phân già trẻ, hơn một vạn người. Cũng là đồng lòng đánh úp, nhưng họ bỗng

chốc nổi lên, vả lại địa thế cách nhau không xa, lại ở quây quần tập trung, việc tập họp dễ dàng, không phải có định mưu trước).

Tôi Giáo sĩ Nguyễn Trường Tộ ký.

## DI THẢO SỐ 41

Bàn về việc cho Pháp thông thương để đổi lại sáu tỉnh<sup>56</sup>

(Ngày 10 tháng 2 năm Tự Đức 24, tức ngày 30 tháng 3 năm 1871)

Kính bẩm.

Trước đây trong bài Lục lợi từ tôi đã bẩm rằng cái kế mưu sinh của phương Tây, quá nửa do đoạt lấy từ nước ngoài... Phương pháp họ dùng để đoạt lấy, chủ yếu là ở xen lộn và thông thương buôn bán.

---

56 Bản chữ Hán: Hv 634/3 tờ 101 - 134, Hv 634 chỉ ghi Tự Đức 24. Nhưng Đào Đăng Vĩ, trong La Patrie Annamite số 243 ngày 26-3-1937 có trích dịch một đoạn của bản văn này và nói là “Ngày 10 tháng 2 năm Tự Đức 24”.

Nếu sơ đầu mà không đạt được yêu cầu, họ sẽ cưỡng chiếm đất đai để làm chỗ bảo vệ việc thông thương buôn bán của họ. Nếu được ngay không có gì trở ngại, có thể cư ngụ yên ổn, họ không cần cưỡng bức chiếm cắt (Không phải bản tâm họ không muốn chiếm cắt, nhưng mới đầu, thế buộc phải làm như vậy). Trước tiên họ chỉ tiến hành thiết lập các phố buôn để tiện cư trú buôn bán mà thôi, như gần đây bọn chúng đã làm ở Nhật Bản, Trung Quốc, Xiêm La vậy. Ý họ cho rằng nếu tranh chấp sớm kết oán càng sâu [Người chép bản Hán văn 634/3 nói ở trang 101 là: “Bản chép bị rách mất một trang”. Đoạn bị mất trong bản dịch của Đào Đăng Vĩ (La Patrie Annamite số 243, ngày 26-3-1937) có phần như sau: “Và, sớm hay muộn, người ta cũng tìm cách lấy lại. Vì thế người ta không chắc rằng những mất mát do chiến tranh có thể được bù đắp bằng thương mại. Do thế, theo họ, không có gì quý hơn

là giao thương một cách hoàn hảo. Như thế, đối với một người nước ngoài các nước phương Tây buổi đầu giao tiếp, không có một thái độ nhất định. Thái độ này tùy thuộc ở cách người ta đối xử với họ. Họ có thể rất hung bạo, nhưng cũng có thể rất dịu dàng. Có lúc họ chiếm một vùng đất vĩnh viễn, họ có lúc chỉ chiếm tạm thời, rồi sau trả lại. “Người Pháp, khi vừa tới đất nước chúng ta, đã thấy ngay là chúng ta mù tịt về ngoại giao. Họ biết là chúng ta mù tịt về những gì xảy ra chung quanh chúng ta: Mất Ấn Độ và Mã Lai, những tiến bộ của Nhật Bản và Thái Lan... Họ thấy là không thể dựa trên sự mù tịt của chúng ta để thiết lập các quan hệ hòa bình với chúng ta và điều đó đã đem họ tới chỗ phải chiếm đóng Nam kỳ và lập cư ở đó. Tất cả tình trạng đó là do thái độ của chúng ta với người nước ngoài.】.

Theo phép liên hoành và cân bằng thế lực trên thế giới mà cái gương thành công thất bại gần ta nhất như nguyên do Ấn Độ mất toàn lãnh thổ, Miến Điện bỏ một nửa đất đai, Xiêm La, Nhật Bản, Trung Quốc được lợi lớn, có thể

thấy được đại khái là do không biết thời thế. Không biết thời thế thì tri thức câu chấp, tâm tính hẹp hòi.

Nếu như vậy sẽ khó mau chóng quyết định thông thương với họ để đôi bên cùng có lợi, khiến họ không thể bắt đầu làm việc dễ trước, họ phải quyết chiếm lấy sáu tỉnh để làm hang quỷ, rồi sau đó từ từ khai thông. Tuy họ chưa được lợi lớn ngay, nhưng thế buộc không thể không làm việc khó. Đó cũng tại ta tạo cho họ thi hành mưu kế.

Trước đây trong bài Khai hoang từ tôi đã trình bày kế duy trì ba tỉnh trong. Trong kế đó cũng có một điều khẩn cấp là phải mở rộng đường buôn bán, để cho nguyên soái Gia Định được có công, để

làm nguôi cái ý đồ chúng muốn lấy gấp ba tỉnh trong. Cũng vì tại ta trong tờ hòa ước đã cho họ được thông thương ba cảng lớn. Mặc dầu không nói thông thương toàn cả nước nhưng thuyền buôn của dân ta đều chở hàng hóa đến bán tại các khẩu. Như thế khác nào cho thông thương toàn cả nước? Vậy chi bằng mở rộng cho thông thương để duy trì ba tỉnh trong.

Hơn nữa, năm ngoái khi họ mang quốc thư đến, chỉ khư khư đòi cho họ được khoản “Doãn hành”<sup>57</sup> mà không đề cập gì đến việc thông thương. Tôi đã bảo đó

---

57 Doãn hành, tức “Doãn hành tắc hành”, “có cho làm mới được làm”, một khoản trong Hòa ước 5-6-1862 mà Lagrandière muốn nói rộng ra thành hiệp ước bảo hộ. Nước nào muốn giao thiệp với Việt Nam hay Việt Nam muốn giao thông với nước nào phải được Pháp cho phép.

là mưu kế quỷ quyệt. Bởi vì họ đã biết rõ nước ta đa nghi, nay nói rõ xin thông thương tức chọc cho ta ghét. Cho nên chỉ lấy cái gì ta dễ đáp ứng thôi. Một khi đã đạt được điều khoản “Doãn hành” rồi tức đã nắm được đầu tóc mà kéo, vĩnh viễn không thể nào vùng vẫy thoát ra được. Bấy giờ thuyền buôn của họ cứ từ cạn vào sâu, từ gần đến xa, lộng giả thành chân, chẳng những họ thông thương buôn bán khắp nước ta coi như việc nội bộ của họ mà các nước khác trên thế giới muốn thông thương với ta cũng phải xin phép họ trước. Như vậy là quyền lợi nước ta họ đã nhúm lấy trên đầu ngón tay họ rồi. Cho nên về khoản thông thương là điều sớm muộn không thể tránh khỏi. Có điều là họ biết chưa thể mưu

đồ một cách gấp rút được, trước tiên chỉ cần đặt cho được điều khoản “Doãn hành”, bủa thành lưới giăng khắp trời để đề phòng không cho người khác xen vào, để có thể thông thả kinh lý phía Nam mà ổn định hang ổ. Như vậy một khi họ mở cửa ra thì đường bộ họ bọc sau lưng ta, đường thủy họ bao trước mặt ta, bấy giờ quyền lung lạc nằm trọn trong tay họ. Tất cả những mưu kế trường cửu thâm độc, họ đã trù liệu kỹ rồi.

Lại nữa xét về hành động của họ thì tuy cầu lợi nhưng họ cũng biết rằng làm cái điều lợi không hợp lòng người (tức tranh chiếm) thì khó, mà làm các điều lợi thuận

lòng người (như trước tiên thông thương buôn bán) thì dễ. Tạm thời phương tiện cân nhắc cái dễ cái khó cho đúng thì ai chẳng muốn làm cái dễ trước làm cái khó sau. Nay họ ra tay trong lúc cuộc diện đang còn khó khăn, tuy họ cũng thêm Bắc kỳ đến nhỏ nước dãi, nhưng biên cương hai nơi thật khó xử trí. Cho nên đường phía Bắc xa xôi chưa sớm dong ruổi được.

Nay chẳng may nước họ đang gặp loạn ly, cho đến khi quyết định được chắc cũng phải mất vài năm. Như thế là đã khó lại gặp khó thêm. Nay ta muốn lật ngược cái thế của họ mà chột đem trình cái dễ ra trước mắt họ, lẽ nào họ không nghĩ lại mà đổi ý. Nay muốn xin lấy lại sáu tỉnh đang trong tay

họ, chắc chắn trước hết phải để cho họ khinh mình rồi lật lại cuộc diện mà khinh lại họ, mới là kế hay. Biết rằng nay họ đang gặp cơn biến loạn này, nhưng cũng phải biết rằng nếu không có một nước phương Tây nào thừa cơ chân tay họ thì chỉ riêng một góc trời không cần đến sự tiếp tế viện trợ của nước họ, thế lực của ta cũng chưa làm gì được họ.

Nếu chỉ bằng vào lời nói suông của ta thừa lúc đang nguy khốn mà trao trả hết cho ta, thì chẳng những bị thiên hạ chê cười mà còn tỏ cho Triều đình ta thấy sự yếu hèn của họ. Giả như thế của họ không giữ được thì họ cũng sẽ đem đổi cho người Anh hoặc Hà Lan để mong một ngày kia cùng với bọn chúng

họ còn có đường trở lại. Như trong bài bầm trước tôi có nói: Họ thà chịu lép vế với phương Tây còn hơn chịu lép vế với ta. Nếu nay ta cho họ thông thương hết các cảng trong nước ta để xin đổi lại đất đai, chắc chắn họ sẽ nghĩ rằng được lợi lớn trong việc thông thương thì có trả lại đất đai cũng che đây được sự xấu hổ, mà mai kia do con đường này lần hồi cũng có thể đắc chí được ở nước Nam. Xét ra thì Nam triều tính tình chuộng sự hòa hiếu, chắc chắn chưa có cái thể nhảy vọt. Nếu mai kia công việc trong nước được yên bình, mượn sự thông thương mà gây hiềm khích để mưu đồ lấy lại đất thì ngọc lụa ngoại phủ hãy còn đó, ai vào đây tranh được với mình? Nếu mình không thừa cơ liệu biến, để Nam triều thừa loạn

sinh tâm cầu viện nước khác, mình cũng khó đến cùng. Thế chẳng phải thất sách sao?

Nếu họ có âm thầm hành động gì thì cũng như các tờ bẩm trước tôi đã nói. Cho nên ta phải thi hành các mưu kế trước để cho họ nghe biết thì họ mới có thể trả lại cho ta. Chính đó là điều mà tôi đã nói chịu để cho họ khinh mình trước. Sau khi ta đã thu hồi sáu tỉnh và lập điều ước thông thương, lập tức phải đi giao thiệp rộng rãi các nước để cầu giúp đỡ. Thông thương để khai thác nguồn lợi. Đối nội thì gấp rút canh tân tự cường cho thế lực ta mạnh. Bấy giờ dù họ sinh sự thì ta đã có nhiều tay kinh địch khiên

chế họ. Phòng ngự đã kiên cố, thế lực đã đầy đủ, họ cũng phải sợ mà co rút lại thôi.

Nếu nay không dùng kế như thế, chắc chắn sáu tỉnh khó thu hồi được. Hiện nay nếu không lấy lại được thì sau khi nước họ phục hưng, nhân sáu tỉnh đã lập xong hang ổ, họ ra ơn thâu dụng người mình, như tờ bầm trước tôi đã nói, ta làm sao ngồi yên được? Nay nếu ta đi Tây nên đem việc này biện báo với Triều đình họ rằng: Triều đình chúng tôi xem khắp các nước phương Tây từ trước đến nay qua lại cùng các nước trên thế giới, nói chung về kế sách lớn đều là làm cho mình và người cả hai đều được lợi. Khởi đầu công cuộc mâu dịch với phương Đông là Bồ Đào Nha

rồi sau mới đến Anh Cát Lợi và quý quốc. Tuy nhiều lần xin thông thương với Triều đình nhà Thanh nhưng cũng nhiều lần không được như ý.

Nhưng người Anh cũng chưa từng vì không toại điều yêu cầu mà vội khởi hấn. Đến niên hiệu Đạo Quang bắt đầu mới có đụng chạm chút ít, sau đó liền lập điều ước giao thông buôn bán, không muốn giết chóc nhiều hay cắt chiếm đất đai. Xem đó thì thấy nước Anh đối với người cũng chưa có hành vi vị kỷ quá lắm. Bởi vì đã trải 200 năm qua lại xin xỏ mấy chục lần, sau mới dùng binh lực ra mà nói chuyện chứ đâu phải mới đầu đã dùng đến vũ lực ngay. Nay quý quốc đối với Triều đình chúng tôi từ xưa chưa

hề có hiềm khích và việc thương thuyết cũng đã hơn mười lần. Tự nhiên vào năm Tự Đức thứ 9 quý thuyền đột ngột đến không cần nói năng gì cả, chỉ trong vòng 3 tiếng đồng hồ đã bắn đại pháo, như thế có khác nào đánh úp chúng tôi? Phương Tây từ trước chưa từng nghe có cử chỉ hành động như vậy. Huống chi ngày nay văn hóa giáo dục đã phổ biến rộng rãi, cái thói đánh lén của phương Tây đã tuyệt không còn nữa.

Nếu không có bản văn tuyên chiến rõ ràng thì mọi người đều biết lỗi phải tại ai. Lúc bấy giờ Triều đình chúng tôi có ý nghĩ là quý quốc đem chính sách đã thi hành ở A Nhĩ Cập (Người Pháp chiếm lấy toàn cả nước ấy) ra thi hành ở

nước chúng tôi. Cho nên bất đắc dĩ phải đem lính tòi ra chịu đòn. Tuy quý nguyên soái có một hai lần đưa văn thư đến nói chuyện hòa.

Nhưng xét những việc làm của quý nguyên soái thì thấy thuyền quý quốc từng ưu đãi bọn Lê Phụng, nói năng có ý phò Lê. Nhưng sự việc như thế hiện còn có linh mục Trường biết, có thể làm chứng. Do đó người trong nước càng thêm nghi ngờ sợ sệt, càng thêm có thái độ không thuận, mà nghĩ cách tự vệ khiến quý quốc sinh giận. Mới buổi đầu sơ giao mà giữ lễ với nhau bằng cách tranh thành tranh đất, giúp bọn phản loạn. Tình người có như vậy được chăng? Thế là tình lý đều không hợp, đó là điều thứ nhất. Kế đến là vào Gia Định mà

không báo cho nước chúng tôi biết trước. Như vậy thật không hợp với đường lối chinh phạt của phương Tây.

Lần ấy Sa soái bàn hòa, tuy mới đầu cũng đòi điều kiện lấy lại đất bồi thường tiền nhưng rốt cuộc lại tước bỏ hết. Chẳng may rồi Sa soái vội quay thuyền về nước và Triều đình chúng tôi cũng mới gặp việc giặc loạn ngoài Bắc nên chưa kịp hoàn thành việc bàn hòa. Chứ không phải chúng tôi cố ý không muốn hòa. Khi Bô soái mới đến Biên Hòa chủ trương việc giảng hòa thì lại giữ chặt sáu tỉnh và bốn trăm vạn đồng. (Khi mới bắt đầu vào thương thuyết cứ tưởng sẽ y như điều ước cũ của Sa soái, không ngờ Bô soái bắt buộc đến

như thế). Không đầy hai tháng mà nguyên soái cũ, nguyên soái mới đã chia làm hai, Triều đình chúng tôi không hiểu vì sao.

Nhưng bất đắc dĩ phải hoàn thành cho xong, tạm thuận theo ý của nguyên soái ấy, hy vọng khi quý quốc bình tâm sẽ xin thương lượng lại cho được công bằng. Cho nên mới sai sứ bộ lặn lội vượt trùng dương đem việc này khẩn khoản xin với quý triều để tỏ rõ cái lượng khoan hồng xử sự của quý triều. Được quý triều ra ợn nói cho trả lại, trên đường về sứ bộ ca ngợi truyền dương, mọi người đều thấy nghe hay biết. Bấy giờ nhân dân ba tỉnh ngược xuôi thông báo vỗ tay reo mừng, cả nước không ai không ca tụng tấm lòng đại lượng của quý

quốc. Đến khi Hà Ba Lý phụng mệnh trở qua để hoàn thành việc thương nghị, Triều đình chúng tôi đã một phen thiết lễ long trọng khoản đãi để làm rạng rỡ mệnh lệnh của quý triều. Sửa đổi chưa xong đã vội sinh ý khác khiến Triều đình chúng tôi sao khỏi cái nhục đi không rồi lại về không, bị thiên hạ chê cười? Đứa thất phu còn nói chẳng nuốt lời huống chi là tình giao tế giữa hai nước?

Xưa người Anh nhân khi vua nước Hà Lan bị quý quốc đuổi chạy mà đoạt lấy thương phố Trảo Oa. Sau khi Hà Lan phục quốc đem lễ xin lại, người Anh liền trả lại. Thương phố Trảo Oa kia cũng chỉ là một vật trên đường cái, Hà Lan được trước, người Anh đoạt lấy

sau. Một ấp ngoài biên cương, người này lấy người kia lấy, trả hay không trả cũng chẳng hại gì. Nhưng vì cái tình khẩn khoản nài xin mà quyết định trả lại, đến nay chưa từng nói ngược trở lại bao giờ. Thể diện chính là ở chỗ tín với nhau.

Triều đình chúng tôi nghĩ rằng hòa ước lần đầu phát xuất từ chỗ bị ép buộc mà phải ký kết. Chỉ vì nguyên soái của quý quốc phải thuyền đến thôi thúc nên phải vâng mệnh nghe theo ngay. Nhưng khi đã vào đến bến Gia Định rồi quý quan liền phân chia binh thuyền theo ven các sông canh giữ 4 mặt, không cho một người nào người nước chúng tôi đi thuyền được lên bờ, cũng không cho một người

Nam nào trên bờ được xuống thuyền. Đã đến hòa hảo với nhau mà phòng chống như thế, xưa nay có lý nào như vậy không? Bấy giờ viên đại thần nước chúng tôi thiết nghĩ có lẽ quý quốc sẽ làm cái điều như người Anh đã làm đối với Tổng đốc Diệp ở Quảng Đông. Nếu thế thì nước chúng tôi không chịu hòa. Nhưng liều sống mái một trận thì hại đến sinh linh nên bất đắc dĩ phải ký. Thế chẳng phải bức bách ép buộc là gì?

Hòa ước đã được hình thành. Tuy việc ấy không phát xuất từ chỉ lệnh của vua nước chúng tôi nhưng vì lòng muốn kết liễu công việc nghĩ đến sinh linh nên không thể không chấp nhận việc đã rồi để thuận theo ý của quý triều, nhưng

trong lòng cũng nghĩ là tạm giao nhượng đất đai để tỏ uy danh của quý quốc đối với thiên hạ. Rồi sau đó sẽ đem lễ đến xin lại để một lần nữa làm rõ cái đại lượng của quý quốc đối với người trong nước của chúng tôi, để cho nhân dân cảm mến quý quốc cùng nhau giao hảo vui vầy vĩnh viễn có lợi cho cả đôi bên. Cho nên mới thân hành đến Triều đình nước Pháp, xin y theo cuộc bàn hòa của Sa soái trước đây, mà không dám khinh suất nói chuyện xin lại tại Gia Định. Như vậy để tỏ rõ cái uy danh rất trọng vọng của quý quốc. Quý triều không xét rõ cho tấm lòng này, mới đầu thì bức lấy, kể đến thì khinh khi áp chế, hứa trả lại đó rồi lại hủy bỏ lời hứa. Xử phân như vậy Triều đình chúng tôi biết theo thế nào

cho vừa? Đó là hai điều không hợp tình hợp lý.

Sau đó chúng tôi lại muốn sang Triều đình nước Pháp để đem sự việc thưa nói rõ ràng một lần nữa. Cho nên nhờ Giám mục Hậu sang trước để cho hai bên tin nhau chẳng may Cầm Bô ở Cao Miên làm loạn, thượng du ba tỉnh giặc cướp nhân đó nhúng tay vào. Đối với thế lực của quý quốc thì những chuyện quấy rối lật vật như vậy chỉ búng ngón tay một cái là dẹp xong ngay nào có hề hấn gì đến đại thế. Thế mà quý nguyên soái nhẹ dạ tin lời đồn đại, dựa vào thư người ta dèm pha vu vơ cho rằng Phan đại nhân đem binh ngầm giúp người Miên,

không chịu họp cùng Triều đình chúng tôi tra xét rõ là người nào, thư gì, có ai chứng kiến không, lại vội cố chấp lời nói một bên để làm cái cớ lấy ba tỉnh trong rồi đem binh bức lấy. Bấy giờ Phan đại nhân vì trọng sinh linh, vì lòng giữ hòa ước mà tập họp quan binh, tay không mở cửa ra đón. Trong lòng mọi người đều nghĩ rằng phải quấy sẽ có ngày tỏ rõ, chứ trong lúc binh của quý quốc đang hăng mà tiếp đón như quân cách tức cố ý đối địch. Cho nên tạm thời tránh oai của quý soái hy vọng sau này quý soái sẽ nghĩ lại, đem sự công bằng ra nghị xử để bảo toàn tình giao hảo. Khi hai nước vì quyền lợi mà đánh nhau, công luận cũng đã biết quy lỗi phải về ai rồi. Huống chi nay một bên tiến quân bức bách

cố tình khiêu khích, còn một bên lui nhượng không đáp lại một mũi tên.

Theo thường tình thì nước lớn có binh đội của nước lớn, nước nhỏ có sự phòng bị của nước nhỏ. Cho dầu hai nước tiếp giáp nhau hòa bình không việc gì xảy ra cũng không thể triệt bỏ binh đội, phá hủy thành lũy. Có đất nước phải có như vậy. Nếu không sửa sang võ bị tức là thất kế. Nay Triều đình chúng tôi, ở ba tỉnh trong không dám đào một cái hào, đắp một cái thành, cam chịu mang tiếng thất kế, chính vì muốn xóa tan lòng nghi ngờ của quý quốc để bảo toàn tình hữu nghị dài lâu. Cũng không dám sai đại thần ngoài Bắc vào nắm giữ đất, sợ không am tường

lễ nghi mà sơ suất điều gì làm cho quý quan sinh nghi ngờ chẳng. Do đó miễn cưỡng bỏ lễ lệ của quan Triều đình chúng tôi, chuyên phái Phan đại thần là người địa phương lưu trú làm công việc kinh lược, để tỏ rõ sự tin nhau, để củng cố tình hòa hiếu. Còn ba tỉnh trong bất luận nơi đâu, quý quan binh đều được tự do qua lại không ngại, không lập giới hạn gì cả như người Trung Quốc, người Nhật Bản. Tất cả thường dân của quý quốc đến buôn bán và các linh mục Tây cũng đều được ưu tiên đối xử như quý quan vậy. Tuy quý triều không lấy mà đã nghiêm nhiên như là đất chung dân chung. Như ngoài Bình Thuận cũng vậy, tất cả những việc làm như thế đều để làm tỏ rõ cái nhân tình hòa mục, để cùng nhau

yên ổn dài lâu. Quý triều hãy thử xem trên thế giới còn có nước nào được đón đãi đến như vậy không? Và cái tình giao hảo của chúng tôi tôn trọng tùy thuận đến thế nào?

Biết rằng tay hung hăng không đánh mặt tươi cười. Lòng người cố nhiên như vậy. Chim cắt không đánh con chim đã nằm rạp. Sư tử không vồ con thú đã tránh chạy. Loài vật còn thế, huống chi thể diện một nước bạn mà chỉ vì lòng thương sinh linh, đã phải cuốn cờ mở cửa thành ra tiếp ư? Theo phép giao tế giữa các nước, nếu nước này có những hành động gì khiến nước kia sinh nghi cũng có thể dùng quyền tự vệ mà hỏi cho ra lẽ, nghị luận cho thỏa mãn tốt đẹp mới thôi, chưa nghe cứ một

tý gì là đem binh ra nói chuyện. Hơn nữa luận về giao hảo ở đời, nếu ta tận tình đem hết lễ ra báo đáp mà người thốt nhiên quay mặt đi, nếu là việc đại sự thì thường đến phần uất mà chết, vì lẽ mình thi thố mà không được báo đáp lại. Không hiểu tại sao quý soái không chịu biện cho rõ mà tiến hành bức lấy, khiến Phan đại thần hàm oan nhịn ăn mà chết. Đường lối nhân hậu thường tình có như vậy được chăng? Đó là ba điều không hợp tình hợp lý.

Lại nữa xét ra hòa ước lần đầu là do sự bắt buộc, thế mà Triều đình chúng tôi vẫn thủ tín không biện minh gì cả. Đến năm Tự Đức thứ 20, nguyên soái Gia Định lấy ba tỉnh trong thì hòa ước trước

đã trở thành tờ giấy lộn. Xét về phép minh ước của các nước trên thế giới, nếu một nước trong đồng minh vi phạm một điều nào trong minh ước thì toàn bản minh ước đã có khả năng có thể hủy bỏ. Nếu như trên bản minh ước có nói rõ nếu phạm một điều nhưng các điều khác vẫn phải tuân thủ, hoặc chỉ rõ trong bản minh ước có một hai điều nào đó vĩnh viễn không được hủy bỏ, sau này dù có xảy ra việc gì phải lập minh ước khác cũng không được thay đổi điều này. Nay quý quốc vạch định tờ hòa ước trước không có nói rõ. Như vậy xét ra sau này không những quý triều lại sửa đổi hòa ước mà còn thủ tiêu hòa ước để lấy ba tỉnh trong. Thế mà lập hòa ước xé hòa ước đều tự quý triều bắt đầu trước. Gần đây

thúc giục hòa ước tức là nơi bản hòa ước trước đã hủy bỏ lại trích lấy một điều khoản “Doãn hành”. Lấy bỏ như vậy có được công bằng không? Phải biết rằng một nước tự chủ vốn có quyền tự lập, nước khác không được biết đến việc nội chính của nước ấy. Tuy như gần đây các nước trên thế giới thiết lập đại sứ với nhau chỉ là để tham dự vào các công việc giao thông giữa hai nước chứ không thể chế tài đối với quyền nội bộ của nước bạn. Nay Triều đình chúng tôi đối với việc nội bộ trong nước từ xưa đến nay, nước là nước của chúng tôi, thế mà quý triều bỗng nhiên thêm vào một điều khoản “Doãn hành”, thì nước ấy quyền ấy như là của quý triều vậy.

Xưa kia Na Bất Lặc Tư có việc mà Phổ Nga Áo bàn nhau muốn dự vào nội chính nước ấy, rồi Nga Phổ Áo cũng muốn bàn nhau vào nội chính của Tây Ban Nha nhưng đều bị Anh Cát Lợi bác cả. Huống chi đối với vấn đề muốn cắt đất hay không muốn cắt đất đều là vấn đề nội chính của Triều đình chúng tôi mà sao quý triều đình lại muốn chế tài? Thử xem các nước trên thế giới từ xưa đến nay hội họp minh ước nhau cũng chưa bao giờ đề cập đến khoản này. Nếu quý triều có rộng lượng, có theo công lý thì việc đó chớ nên để cho xuất hiện trên giấy tờ cũng chớ nên thốt ra lời nói, huống nữa là lập trên hòa ước và đem báo cáo ra thiên hạ ư? Giả sử Triều đình chúng tôi có vì lý do riêng mà muốn như vậy, tương

quý triều cũng phải từ khước để bảo toàn thể diện cho hai nước. Sao lại công nhiên đòi hỏi, khiến Triều đình chúng tôi không còn mặt mũi nào với thiên hạ thì còn gì là tình nữa? Như nước Anh, trên thế giới cũng từng bảo hộ rất nhiều nước nhỏ nhưng cũng không nói đến “Doãn hành”, chính vì muốn cùng nhau giao hảo thì phải lấy tình nghĩa công bằng làm đầu. Còn nếu như chỉ dựa trên thế lực mà nói chuyện, làm sỉ nhục nhau thì tình lý đều mất cả, còn mặt mũi nào qua lại với nhau để minh ước? Không hiểu sao quý quốc nói đi nói lại vẫn không quên khoản này! Định nêu nên để làm nhục chăng? Nếu thế thì đưa thất phu còn không chịu nổi huống hồ Triều đình chúng tôi. Hơn nữa đã gọi là hòa tức cơ bản

là muốn đem hai địch thủ ra thực hành lễ pháp với nhau, hai bên cam lòng chấp nhận lý của nhau, thế mới gọi là hòa. Còn nếu đem thế lực ra mà nói tức là gần như hiếp chế, sao gọi là hòa được? Giả sử ngày nay ba tỉnh trong hã còn, hòa ước trước vẫn còn hiệu lực, Triều đình chúng tôi cũng yêu cầu cắt bỏ khoản ấy, hưởng chi hòa ước trước đã hủy bỏ mà lập hòa ước sau? Đó là bốn điều không hợp tình hợp lý.

Mấy năm trở lại đây có bốn điều rất bất bình không hợp tình hợp lý ấy đều do vua trước, nguyên soái trước gây ra. Xét ra năm trước quý triều đã có nói đến sửa đổi hòa ước trả lại ba tỉnh ngoài. Vậy lần này ba tỉnh ngoài đã có sự lý phải trả lại. Chỉ vì nguyên soái Gia Định

muốn lập công thái quá, ra sức cản trở, rồi lại bức lấy ba tỉnh trong mà không có chứng minh rõ rệt. Tức như dẫn chứng nói rằng cuối năm Tự Đức thứ 20 ở Gia Định có phao đồn rằng quan đại thần Điện Võ Hiền của Triều đình chúng tôi lên đến Tân Hòa lại còn dẫn theo những người Gia Định đã từng phục sự nhiều năm cho vị đại thần ấy. Trong khi Giám mục Hậu từ Gia Định lên Kinh hiện thấy rõ ràng vị đại thần đang ở tại Bộ. Xem thế thì tất cả những chứng cứ mà nguyên soái Gia Định vịn vào như xúi giục quân đội làm loạn, nhằm giúp vua Miên v.v... cũng đều như vậy cả. Quý triều ở xa xôi muôn dặm, chỉ dựa vào lời nói thiên lệch của nguyên soái Gia Định mà quy lỗi cho Triều đình chúng tôi thì thật

không chính đáng. Như quả lỗi ở Triều đình chúng tôi mà nguyên soái Gia Định có thể bắt lỗi một cách xác đáng thì phải họp nhau đối chiếu để biết mà giải quyết. Hoặc không thì cứ bắt lý một cách rõ ràng chính đáng rồi công nhiên đánh lấy. Sao lại sai Vial lên Kinh miện thì nói yêu cầu Triều đình chúng tôi thuận giao ba tỉnh thì không những hủy bỏ hoàn toàn số tiền hai trăm vạn đồng không phải trả mà muốn gởi cho thêm cũng được, còn cho hỏa thuyền, còn cho miễn thuế tất cả thuyền người Nam đến Gia Định buôn bán, còn sai binh thuyền dẹp sạch cướp biển v.v... Những điều nói đó tuy không có giấy tờ làm bằng chứng, nhưng nay Vial hãy còn, có thể chối được sao? Nếu Triều đình chúng tôi có

lỗi và nguyên soái Gia Định bắt lý xác đáng thì cần gì phải hứa như vậy? Xin quý triều hãy đem tất cả việc xưa tích cũ hiện còn qua bao năm hai bên giao tế với nhau cùng với những người ấy, việc ấy suy tìm kỹ lưỡng, nếu có một khoản nào làm sứt mẻ khiến Triều đình chúng tôi không thể trả lời được chúng tôi mới chịu lý. Tất cả những sự bất bình trước đây mà Triều đình chúng tôi không được một lần giảng giải rõ ràng hoặc không được nhờ một nước bạn chiết trung cho thì việc ấy chưa tỏ, lý ấy chưa yên, tình ấy chưa cam, giao hảo chưa được hoàn toàn.

Nay quý triều đã thay đổi quan niệm, xin hãy vì Triều đình chúng tôi phân xử lại. Có thể mời một nước

bạn hoặc một vị đại thần Viện Tư pháp của quý quốc đứng làm trung gian để quý quốc khỏi mang tiếng dùng thế lực lấn lướt người và để cho Triều đình chúng tôi thỏa mãn, biết rõ phần nào là phần mình có thể được để vĩnh viễn không dám bàn trở lại nữa. Đã biết rõ những chỗ không hợp trước đây tức có thể xóa tan hận cũ, vĩnh viễn thắt chặt niềm vui mới, tạm quyền giao lại sáu tỉnh như trước đã bàn và chỉ chọn ở một hai nơi. Triều đình chúng tôi sẽ tình nguyện lập minh ước mở rộng các khẩu để cho quý quốc lưu trú thông thương, và tất cả các nước phương Tây muốn đến lập minh ước chúng tôi sẽ thỉnh giáo ý kiến rồi Triều đình chúng tôi sẽ chước lượng, để mở rộng lợi ích vĩnh viễn cho cả hai nước.

Nếu quả đường lối chính sách thay đổi được như thế thì hai nước sẽ cùng nhau yên ổn, lễ giáo văn hóa giao tiếp nhau, nhân dân hai nước ngày một thêm gắn bó, hàng hóa vận chuyển ngày một thêm nhiều, hai bên sự hiểu biết, chữ nghĩa, ngôn ngữ ngày một học tập nhau nhiều hơn, lợi càng thêm lợi, thân càng thêm thân, yên hưởng vui vầy như một gia đình vậy. Như thế thì quý quốc y như chung quyền lợi chung đất nước cùng chúng tôi. Thế còn hơn cưỡng bức chiếm lấy để cho hai bên cứ nghi ngờ sợ sệt bất bình nhau ư? Ngày nay các nước ven biển khắp thế giới đều đã giao thông với nhau, người qua kẻ lại như dệt cửu, thuyền buôn ra vào như rừng, cái có cái không trao đổi cho nhau, chỗ dư đủ chỗ thiếu

thốn bồi bổ cho nhau, cùng điều hay chung điều lợi, đồng nhất đạo đức hài hòa phong tục, ăn ở chung đụng, tiếp thu trao đổi nhau, đó là do vận hội thời thế xui nên như vậy, sức con người không thể đòi được.

Tùy theo thời thế mà tạo nên cuộc diện để cùng đem lại sự tốt đẹp mãi mãi là khách là chủ của nhau chẳng cần phải cạnh tranh thì đây kia mới yên để tiếp lấy cái công dụng kỳ diệu của đạo trời, mới làm tròn cái bốn phận to tát của nhân loại. Nếu chỉ sử dụng cái lòng tham của mình, đem oai ra bức hiếp nhau, đem sức ra chống chọi nhau, lấy sự giết chóc nhiều cho là hơn, lấy sự mở rộng đất đai làm thích thú, thì làm người ai

chẳng có khí huyết, một bên tham được cứ tham hoài, một bên sợ mất cứ lo cố thủ bảo vệ, bên nào trong lòng cũng đầy chật gươm đao, làm sao có thể vô sự được lâu dài mà làm việc lợi ích? Phải biết rằng việc đời không việc gì không chế ngự được oai không nên lạm dụng, oán thù không nên kết sâu, xảo thuật cũng có lúc cùng, thế lực cũng khó ỷ hết, là vì gà què cũng mổ được mắt cọp, nổi cơn thịnh nộ thì chẳng cần lượng sức.

Trước đây quý nguyên soái bảo hộ em của vua Miên mà người anh đã dám đối địch lại quý quốc là do giận nổi lên chẳng nghĩ đến thân. Bọn da đen Di Ni Á ở đảo Tây Châu, một đêm đã giết sạch quan binh của quý quốc là do sức mạnh của

lòng căm thù chẳng kể mình yếu thế. Hoa Nha dùng chính sách bạo ngược thi hành ở Hà Lan mà A Tri Lan (Cô Xa) nổi dậy quyết liệt, cái lợi cai trị mấy mươi năm không đủ bù lại cái hại của một lúc tranh chiến. Xét ra chẳng được việc gì cả mà nào phải chỉ một việc này thôi. Xưa Y Pha Nho đối với các nước miền Nam Tây Châu, quyền thế biết bao mà nay đâu còn? Không nước nào bằng Hợp Chúng Quốc, đối với thế giới không cần chinh phạt, cho nên người và mình không chống đối nhau, thượng lợi lâu dài. Tưởng quý quốc đã từng lịch duyệt khắp thế giới thì những sự được mất như thế này cũng đã tính kỹ rồi. Triều đình chúng tôi gần đây cũng biết được ít nhiều về đại thế trong thiên hạ, đem nghiệm

với đạo trời, suy ra việc người, xét đến tình nghĩa, phối hợp với thời thế nên không nỡ có hành động liều lĩnh sợ thương tổn hòa khí và hại đến con dân của Triều đình hai nước.

Vì vậy mà một lòng nương tựa vào thượng quốc để cầu cho mình và người đều được bảo toàn, để chờ cơ hội mà bày tỏ tấm lòng thành giải tỏa nỗi hậm hực, dẹp bỏ những sự nhỏ nhen cho đại nghĩa được vĩnh viễn hoàn toàn. Chính nay là lúc thời cơ đã đến, quý triều có nghĩ như vậy không? Tưởng quý triều sáng suốt đối với những mưu kế lớn về sự được mất thì chắc chắn cũng phải lấy con đường thông đồng thương mãi làm kết cuộc, cho nên dám trình bày một

đoạn tình hình để xin được mong ơn quý triều.

Trên đây là những lý sự biện luận với họ. Nếu đại khái có thể dùng được một hai điều, xin sẽ sửa đổi bổ sung và dịch sang tiếng Tây phụ nạp một bản để Triều đình họ hiểu hết những tình thế ẩn khúc này mới có thể quyền tạm thủ xả mà đính ước cùng ta.

Theo thiên kiến đôi ba lần suy nghĩ thì sáu tỉnh là một địa thế rất tốt. Sáu tỉnh hợp với Cao Miên và vùng phía sau núi nước ta có thể thành một nước lớn. Dùng thế lực của họ mà kinh doanh khai thác, không ngoài 10 năm sẽ giàu có thịnh vượng không thua gì năm xứ Ấn Độ. Và Cao Miên và các bộ lạc

dân tộc ở rải rác hai bên sông Cửu Long có thể quất roi sai sử, như người Nga đối với các bộ Bá Lợi, không phải nhọc sức dùng binh cũng thu phục được, không những đã dễ cai trị mà Đông Tây lại có hai dãy núi lớn tạo nên thế hiểm yếu. Chiếm cứ được vùng này có thể đủ sức chống chọi với người Nga, người Anh ở phương Đông. Cái lý thế ấy trong các bài bẩm trước tôi đã trình bày rõ. Nay mà giao trả lại sáu tỉnh thì trong ý họ thật muôn vàn khó khăn. Cho nên nước ta nói hòa trước xin lại sáu tỉnh thì họ chắc chắn sẽ không chịu nói hòa là vì lý do đó. Nếu nay ta có thể mở rộng thông thương, chịu để cho họ khinh, nhưng lại ngầm tỏ dấu hiệu cho họ biết rằng nếu không tạm trả lại thì rốt cuộc cũng không thể

nào giữ được. Nếu sáu tỉnh ấy mà mất vào tay các nước phương Tây, sau này sẽ không còn trông mong gì được nữa. Cho nên chi bằng nay hãy trả để còn có hy vọng mà lấy lại. Như thế mới có thể trả hết được sáu tỉnh cho ta.

Lại nữa nếu đi Tây lần này, Triều đình thấy còn nghi ngại chưa quyết định, tính toán chưa được kỹ, sợ nhọc sức mà vô công, tốn kém mà không bổ ích bao nhiêu thì hãy nán đợi vài tháng để xem động tĩnh của họ ra sao cũng được. Nếu không thế thì cứ đi gấp, dùng hết mưu kế, tìm hết mọi cách để chuộc về. Nếu không đạt được yêu cầu mà còn có cách phải dùng sức mạnh lấy lại thì qua Y thông Anh cầu giúp đỡ; như các kế tôi

đã bầm trong ba tập trước, chọn lấy cái nào dùng được thì dùng để cho người trong nước biết rõ Triều đình đã hết lòng hết sức vì nước vì dân. Như thế không những có thể đem tấm lòng này gửi vào sử xanh mà còn có thể giải thích cho người trong nước rằng đây thật là điều trời làm như vậy, ta biết nói sao? Rồi từ đây về sau những sự việc trước gác qua một bên chẳng cần để dạ, chỉ sao mau mau hợp ý đồng lòng chọn lấy những nước mưu trí trên thế giới, làm theo những kinh nghiệm mà các nước ấy đã làm để được giàu mạnh. Như vậy mới có thể mưu đồ báo phục.

Vả tôi cũng có suy nghĩ một cách khác rằng hay là ta bí mật nhờ Y nói giùm với Nga và Phổ để

Nga ngầm giúp nước Phổ chia lực lượng sang nước ta. Bên trong, ta sẽ có người tiếp ứng dẫn đường. Sau khi công việc thành rồi ta sẽ bồi phò phần nào cho nước ấy. Tôi thiết nghĩ Pháp Phổ chống nhau đã lâu, nếu ta dùng kế này thì người Nga vốn đã từng hận người Pháp chắc chắn sẽ giúp Phổ lật Pháp, đã khiến cho Pháp không còn tự tung tự tác ở phương Đông được nữa mà họ còn được cái lợi thông thương với ta, nên họ thấy cái thế cũng nên làm. Có điều là nếu thế thì trước hết phải lập minh ước định hạn với họ mới có thể dẫn họ đến. Nếu không thì sẽ như Ngô Tam Quế dẫn Thuận Trị qua sông, lại thất kế nữa. Nhưng khi người Pháp thấy Nga Phổ sắp hành động thì sợ vật của mình sẽ rơi vào tay kẻ thù,

chi bằng nhường lại cho nước bạn để cầu giúp đỡ còn hơn. Bấy giờ người Anh ở phía Tây sẽ hợp với Pháp để khiên chế hai nước này, ở phía Đông sẽ đem binh lực ở Ấn Độ cùng nguyên soái Pháp để giữ Gia Định. Nga Phổ chưa sở trường về đường thủy cũng khó thành công được. Người Anh giúp Pháp giữ Gia Định cũng không phải bản tâm họ muốn như thế, nhưng vì môi hở răng lạnh, và nếu bỏ Gia Định để cho Nga Phổ vào hợp với Nam Triều để được mạnh thêm, điều đó chẳng có lợi cho mình. Hoặc có thể người Pháp vì thế buộc mà phải nhường lại cho Anh để nhờ cậy về mặt quân sự thì chắc chắn người Anh sẽ đưa lực lượng phương Đông đến đóng nơi hiểm yếu này, Nga Phổ cũng khó thành công

được. Chính vì thế tôi muốn dùng kế này trước hết phải giao thiệp chắc chắn với người Anh mới bảo đảm không có hậu loạn. Nếu quả thật người Anh hợp nhau với Pháp thì chẳng những không thi hành kế này được mà ta hợp với nước Y cũng không thể địch lại với Anh Pháp (Đoạn này cho thấy rằng bất luận thi hành đường lối nào cũng đều lấy Anh làm trọng. Theo tình thế hiện nay, Anh ngã về bên nào thì bên ấy thắng. Như trong bài bẩm trước tôi đã nói: Nếu rốt cuộc Anh Pháp không ở vào thế chia rẽ nhau thì ta cũng khó thoát khỏi tay người Pháp). Cho nên ta muốn đem lực lượng ra chống chọi, chắc chắn trước hết phải giao thiệp rất hậu với người Anh, cho họ thông thương để họ thủy chung với ta

mà hoàn toàn đứng ra ngoài cuộc thì ta mới thi hành được mưu kế.

Tôi đem sự thế của chúng mà tính toán tương lai như thế xin Triều đình thấy cái nào được thì tự chọn. Như binh gia nói: Thắng trước, sau mới đánh. Xem cái lý thế như trên thì tận lực thu hồi được sáu tỉnh mới là kế sách hay nhất. Ngoài ra thì lợi hại không định trước được, biến hóa vô thường, phải khéo cơ quyền mới dám làm. Nếu không thì cũng nên thừa lúc người Pháp chưa rảnh tay dòm ngó đến ta mà giao thiệp rộng rãi để giữ lấy những gì chưa mất (Kế này không thể làm là được ngay, phải gấp rút nhân khi người Pháp đang suy loạn mới có thể làm được. Nếu thành công được cái kế liên hoành

mà lại thoát được cái điều “Doãn hành” thì nay tuy chưa được lại sáu tỉnh, sau này cũng có thể nhân kế này mà cầu được). Nếu kế này được thành công thì ta mới có thể an hưởng được những gì của ta. Nhưng cái kế ngừa hoạn này mà chưa đúng thì dù có được cũng chưa gọi là trí, chưa gọi là dũng mà sau khi ở lâu với các nước cũng khó bảo đảm không xảy ra phiền nhiễu. Bấy giờ không khỏi bị chê cười là mở cửa đón kẻ cướp và người ta còn có thể dị nghị về sau nữa. Phải biết rằng chỉ lo phòng bị sau khi đã hoạn nạn sao bằng chặn đứng các nguyên do phát sinh hoạn nạn. Ngồi xem và chờ cho hoạn nạn đến rồi mới đứng dậy kiệt lực làm để khỏi hoạn nạn, chi bằng sao không biết làm cho hoạn nạn không sinh

ra để được yên ư? Hãy xem khi ở Đà Nẵng, nếu sớm hòa và cùng họ thông thương thì sáu tỉnh đã không mất mà kỳ thật sớm hòa để bảo vệ sáu tỉnh. Cái công lớn ấy có ai nhìn thấy mà quy công người đã chủ trương sớm hòa? Nhưng người xướng nghị chẳng những không có công gì, mà sau khi thông có một đôi điều rắc rối nhỏ xảy ra thì lại quy lỗi cho người trước tiên chủ hòa cho rằng dẫn giặc vào nhà để di hoạn ngày nay! Hiện nay cái lợi ích lớn của việc giao thông cũng giống như cuộc diện này. Nghĩa là cũng xem thiên hạ chúng trí vì sao thực hành giao thông mà không bỏ đường lối ấy cả. Nhân việc đã qua mà biết việc sắp đến. Cũng có thể biết lợi hại của nó như thế nào. Nếu có thể theo chúng mà tính

toán rõ cái lợi của sự giao thông buôn bán thì có thể đề phòng được những cái hoạn nạn lớn lâu dài về sau, mà còn mở ra vô số lợi lớn lâu dài (Nếu muốn trình bày rõ xin sẽ trình bày ở tập tiếp theo). Như thế thì phải làm gấp.

Nay tôi có một số ý kiến như thế không biết có được chăng?

Kính bẩm. Cơ mật viện đại thần đại nhân soi xét.

## DI THẢO SỐ 42

Bàn về quan hệ với người nước ngoài<sup>58</sup>

(Ngày 16 tháng 2 năm Tự Đức 24, tức ngày 5 tháng 4 năm 1871).

Tôi giáo sĩ Nguyễn Trường Tộ xin kính cẩn bẩm rõ về vấn đề giao thiệp với nước ngoài cần phải như thế nào.

Tôi trộm nghe rằng: Có thông hiểu tình hình thiên hạ, mới làm thành việc trong thiên hạ. Thông hiểu là thế nào? Nghĩa là đem tính tình của mình mà suy ra tính tình

---

<sup>58</sup> Nguyên văn chữ Hán: Hv 634/1/31-40. Hv 135/30-38. VHv 170/59-64. NP 120/18-21.

của người tức là biết được thiên hạ. Trong thiên hạ tuy ngôn ngữ phong tục khác nhau nhưng ai cũng đều có tính chất như nhau. Như vậy chỉ cần suy bụng ta ra bụng người thì có thể biết Đông Tây bốn biển đều như thế cả. Thế giới năm châu đều có tính chất như nhau. Thánh nhân chỉ dùng một trí hiểu biết mà thấu khắp muôn vật, do đó công dụng của nó mới không cùng. Vì vậy cho nên có muôn thứ bất đồng mới gọi là phong phú, không gì không thấu chứa hết mới gọi là vĩ đại, quy tụ chất chứa nhiều thứ mà không trái chống nhau mới gọi là tinh xảo, nhiều thế lực khác nhau mà tập hợp được thành một công dụng mới gọi là kỳ diệu. Trời đất sinh ra muôn vật không chỉ sinh một khuôn mẫu nào, không thiên

một bên nào, một chức phận nào hay một vật nào mà sinh ra vô số hình thù khác nhau, xu hướng khác nhau để thu phục thống trị chúng, do đó mới thấy được cái phong phú vĩ đại tinh xảo kỳ diệu của trời đất.

Con người cũng vậy. Hãy xem các nước lớn hùng mạnh trên thế giới, không nước nào không thu phục được thiên hạ về mình, nhưng chỉ đem cái lẽ là điều gì mình không muốn thì không đem điều ấy ra thi hành ở người khác mà đối xử. Cho nên được mọi người đều đem công dụng của mình ra cống hiến. Bởi vì chỉ có người đại lượng mới có thể kết thân được những hạng người cao quý trong một nước. Một quốc gia có một chính sách đại lượng mới có thể kết tình

hữu nghị với khắp các nước trên thế giới. Cho nên tất cả các nước không nước nào giao thiệp qua lại liên lạc chặt chẽ với các nước khác mà không được cường thịnh. Sách Nghiêu Điển nói: Hòa hợp với muôn nước thì dân được thay cũ đổi mới. Sách Cửu Kinh nói: Mềm mỏng với người phương xa đến thì bốn phương quy phục. Vì quốc gia đương nhiên phải cần người quy phục, mà muốn được người quy phục chắc chắn phải lấy sự mềm mỏng hòa dịu ra đối đãi với họ. Có được người thì có của cải có công dụng. Nay có được một bậc đại quân như thế thì khắp kẻ sĩ thiên hạ đều nguyện làm tôi Triều đình, người bán buôn sẽ tình nguyện xuất vốn trên đường thương mại, nước lớn thì triều yết, nước nhỏ

thì báỉ phục, uy danh trọng vọng biết chừng nào? Con đường ngoại giao là lôi kéo thiên hạ về mình. Ta muốn đến người tức có việc cần đến người. Người muốn đến ta tức cũng có việc cần đến ta. Như thế là quân bình về mặt tính tình. Đem tính tình của ta thế nào mà không hiểu tính tình của người cũng thế ấy, rồi chỉ đem cái bụng suy kỹ cập nhân ra mà ứng dụng thì thâm thái được nhiều vô cùng và khắp thiên hạ, thâm thái cái gì là đắc dụng cái ấy. Chứ việc gì phải quá sợ sệt để đến nỗi cho người ta thấy mình là hèn yếu? Xưa Lưu Đạo Quy trấn giữ đất Kinh Châu, một hôm Hoàn Xung trở lại, nhiều môn sinh và quan lại cũ có bụng muốn theo về chủ cũ. Biết vậy Đạo Quy đương đêm mở cửa thành để

cho tự do ai muốn theo cứ đi, thế mà người ta không nỡ bỏ đi là vì lòng đã phục. Không nghi ngờ thì tình mới thỏa thiết, hoài nghi thì tình người cách ngăn. Tình cách ngăn thì dù ở trước mặt nhau cũng chẳng qua lại, huống chi thiên hạ hết sức rộng lớn, lòng người muôn mặt mà có thể thông cảm cho nhau được sao?

Nước ta từ xưa chưa từng giao thiệp với các nước trên thế giới. Duy chỉ tiên hoàng khi thống nhất nước Việt một lần giao thiệp với nước Pháp mà được cơ nghiệp trung hưng. Khoảng thời gian giữa vì có cách trở với Pháp mà gây thành mối lo buồn của sáu tỉnh. Vậy cái lợi hại của việc giao thiệp cùng không giao thiệp, bất tất phải

xem gương khắp thiên hạ mà chỉ nội trong nước mình cũng đã sáng tỏ như đuốc rồi.

Có điều là tôi đã quan sát tính tình của thiên hạ thì thấy rằng họ dễ giao thiệp với người, còn tính tình của ta thì quá khác người, cho dầu muốn chọn lựa để giao thiệp cũng sợ việc khó thành. Phàm bình thường trong khi giao tế với người, một khi mở bày tấm lòng là đã thấy thành thực, thế còn sợ chưa thỏa lòng thay. Huống chi ngồi nói chuyện với người ta mà coi bộ bồi hồi lảo liêng, như người xây xẩm, mắt cứ ngó chừng bốn phía như sợ để quên vật gì người sẽ lấy cắp đi? Như thế là mình đem cái tâm không tốt ra đối đãi với người ta mà người ta không ân hận là việc

chưa từng có, đó là một cái khó. Giả sử nếu tuyệt giao thì cứ tuyệt giao đi, còn đã không thể tuyệt giao được mà giọng điệu cứ như muốn cự người ta thì chẳng những không ích gì lại còn bị người làm nhục nữa là khác. Thí dụ như năm trước việc linh mục Trường lên kinh về ghé thăm nhà quan hiệp lãnh Trung mà quan hiệp lãnh liền bị cách chức. Thế có khác nào cách biếm người pháp? Khiến đến nỗi họ reo ầm lên rằng: “Không cho vào nhà thì ta vào nước vậy”. Như thế mà sau này giao thiệp với thiên hạ, hoặc giả có quý quan của nước họ đến triều bái, chắc chắn thế nào họ cũng đến viếng thăm nhà quan ta, vì theo lễ ngoại giao họ rất trọng sự thăm viếng qua lại như vậy. Ta sang nước họ, họ đến nước ta mà

rồi quan ta lại bị tội liên lạc với nước ngoài. Như thế thì ai dám ứng xử chuyện trò để mắc phải cái tai họa không ai mong muốn ấy làm gì? Nghe biết chuyện này thiên hạ đều bảo rằng quan chức nước Nam phần nhiều đều hai lòng cho nên luật pháp nước ấy cấm không cho giao thiệp nước ngoài để đề phòng khỏi sinh biến. Xem thế để thấy rõ ràng làm sao có thể cùng nhau chia sẻ gánh vác việc nước được?

Xưa kia dưới thời Gia Long, các bậc khai quốc đại thần phần nhiều đều có bạn bè mật thiết với người Pháp. Từ thời trung điệp nhà Minh đến niên hiệu Đồng Trị ngày nay, tất cả các quan đại thần của Trung

Quốc trấn giữ các vùng đất duyên hải đã từng ứng thù cư xử lâu với người phương Tây nhưng chưa thấy có câu chuyện nào, sách nào ghi lại chỉ rõ một viên quan nào vì giao thiệp mà mưu phản. Hình tích của họ ngày nay đều còn đó. Nước ta ngày nay tất cả những người phải ra làm việc tiếp xúc với người Pháp, bất luận việc lớn hay việc nhỏ đều cảm thấy như thăm dò miệng cọp, chỉ sợ thân danh sụp đổ bởi vì dễ gặp cảnh nguy hiểm gian nan. Như thế ai còn dám nói chuyện giao thiệp với họ? Đó là hai điều khó.

Thường tình con người ta khi đến một xứ lạ nào, ai cũng muốn đi dạo xem cho thỏa thích. Ta đến nước người, bất luận chỗ nào đều

có thể đi qua được hết. Còn người đến nước ta, trừ thành nội là vùng đất cấm thì phải cấm, ngoài ra các làng xóm nhỏ nhỏ vùng phụ cận thì không ở trong luật cấm, thế mà có một người nào muốn xin đến đó thì bắt phải trì hoãn ngày giờ mới có thể cất bước được, tựa hồ như phải để có thì giờ trai giới tắm gội mới được! Lại còn phải nhắm mắt bịt tai tựa hồ như đeo gươm lên điện. Phía ta thì quan nha chạy xuôi chạy ngược như bay, giấy tờ chạy đi chạy về như cánh bướm chẳng khác nào như đang bị đại địch bao vây, khiến họ trông thấy phải bật cười! Họ về nước sẽ rao truyền rằng người nước Nam mỗi khi trông thấy người Pháp thì cuống cuống như đang lâm đại trận! Ta tình cờ mà đi thế mà khiến người

ta phải vất vả sợ sệt, chẳng bằng không đi còn hơn. Làm như thế tức tỏ cho họ thấy mình là không biết giao thiệp rộng. Vậy còn ai muốn giao hảo với mình giúp đỡ mình làm gì? Đó là ba điều khó.

Làm người ai cũng có tai mắt tâm trí. Chỉ thấy bề ngoài tức có thể suy biết trong lòng thế nào. Mỗi khi thuyền của họ đến, thuyền dân bơi đi trốn tứ tán. Một người lên bờ, dân cả làng đóng cửa ẩn nấp. Phải như khi có giặc mà sợ hãi phòng bị như thế cũng còn được, huống chi đây là lúc giao tế giữa chủ và khách. Họ cũng là người có tâm địa, cũng biết lễ nghĩa, đâu phải giống sài lang hễ gặp người là cắn

đâu mà không dám gần? Thế mà người mình lánh xa còn hơn giặc thù, tránh họ còn hơn tránh hủi. Vì sao vậy? Chỉ vì sợ pháp luật của ta mà thôi.

Xưa Tiêu phu nhân lên đài chỉ một tiếng cười mà bị bốn nước gây họa. Nay họ thấy ta đối đãi với họ như thế chẳng khác nào xem họ chẳng ra cái giống người vậy. Nếu ta đến người mà thiên hạ đối đãi với ta như thế ta sẽ hận đến đâu? Thường tình con người ta, nếu bị người miệt thị khinh chê mà thế không trả thù được thì thôi, nếu trả thù được lẽ nào lại chịu im? Nay họ thấy ta sợ họ đến thế, ắt biết rõ vì sao người sợ mình. Chỉ nội

một điểm này thôi đủ cho bọn mưu lợi nảy sinh ra bao nhiêu chuyện phi lý thêm thắt vào cho ta, mà ta cũng vì đó bị không biết bao nhiêu chuyện phiền nhiễu. Cho nên ai ai cũng muốn nhổ đi cái đinh trước mắt cho rồi, đâu dám ân cần giao hảo với họ? Đó là bốn điều khó.

Phàm cái lễ giao hảo với nhau thì người và ta phải coi nhau như bè bạn. Bạn bè phải kết hợp nhau bằng tình nghĩa. Nếu mỗi bên không được đối xử đúng đắn, không được theo sở thích của mình mà cố làm phật lòng người thì bắt đầu là bạn kết thúc sẽ là thù, sinh nhiều tai hại, thà không giao hảo nhau còn hơn.

Ôi trong khoảng trời đất này, cái nghĩa vua tôi là điều không thể tránh được. Thế mà thánh hiền còn răn dè chớ đối đãi như nô lệ, chớ báo đáp như giặc thù. Huống chi đối với nước bạn, bình đẳng với nhau mà lại chơi ngang được sao?

Nay nếu Triều đình muốn thực thi đường lối ngoại giao rộng rãi mà không công nhiên cho thiên hạ thấy lòng mền chuộng của mình thì còn trở ngại khó thi hành được. Bởi vì từ trước nước ta đối đãi hẹp hòi với người, trước đó bia miệng đã loan truyền khắp nơi. Nếu cứ kéo dài như thế mãi e người ta sẽ đem cái điều mình đã đối xử với người ta mà đối xử lại mình cho đồng đều cái lẽ vay trả. Như thế lại càng nhiều chuyện nữa.

Xin hãy dẫn đo suy nghĩ kỹ mà làm mới có thể cải thiện được cho mai hậu<sup>59</sup>.

Kính bẩm Cơ Mật Viện đại thần, liệt vị đại nhân soi xét.

---

59 Trước câu cuối cùng, bản VHv 170 có chú thích một đoạn như sau: “Bài này tôi chỉ nói ra những điều bình thường mà thôi, không dám nói hết những gì mắt thấy. Trong đó nếu nói hết những chuyện phật lòng người sợ có điều trở ngại mà còn bị coi là hạ thấp mình để đả người. Còn đối với họ thì những chuyện họ khinh bỉ chê bai ta, đã bắn lỗ tai rồi, không thể nghe được nữa”.

## DI THẢO SỐ 43

Mở rộng quan hệ với Pháp và các nước khác<sup>60</sup>

(Ngày 18 tháng 2 năm Tự Đức 24, tức 7 tháng 4 năm 1871).

Kính bẩm.

Xưa Cam La có nói: Phép thương thuyết là tùy cơ lựa lời như sóng theo gió nổi không thể định trước được. Do đó trong việc phân giải để tránh khỏi hoạn nạn cần phải biết rõ cái lợi hại trăm năm của phía ta để biện luận giao ước với người

60 Bản văn chữ Hán Hv 634/3 từ 138-172. Không ghi ngày tháng. Nhưng Từ Ngọc Nguyễn Lân, sdd nơi trang 32 có trích một đoạn của bài này và nói là ngày 18-2 năm Tự Đức 24.

mới khỏi bị thiên lệch. Ở đời nếu phải thiệt hại thì cố chọn cái hại nhỏ nhất. Nếu ở vào thế bất đắc dĩ thì phải tạm nhận lấy cái nhẹ còn hơn không chịu để sau này phải gánh lấy cái nặng nề. Ta đã dùng họ tranh chấp và xử phân tất nhiên ta và họ bên nào cũng đều có tâm lý vị kỷ cả, bên nào cũng so đo cái tốt xấu lợi hại, ta không thể nào chiếm riêng phần lợi được. Huống chi ta lại thương thuyết với kẻ mà thế lực ta không định nổi thì làm sao có thể thoát tránh hết mọi cái hại được? Khi gặp những tình thế như vậy mà quân bình được lợi hại, mới thật là người khéo xử trí.

Còn như vấn đề giao thông thì người và ta hai bên đều có lợi. Vấn đề này thuộc về sự thỏa thuận giao

dịch giữa hai bên chứ không phải như thứ hòa ước thua trận. Hơn nữa về khoản giảng hòa này ta phải biết rõ cái âm mưu quỷ quyết của họ, giả vờ thuận theo cái kế họ dùng để lung lạc ta mà đâm lại họ, hoặc xem trong tình thế hiện tại của họ sẽ nảy sinh điều gì, tạm thời theo ý họ để suy ra xem dịch và ta cái nào lợi cái nào hại, tùy cơ mà suy nghĩ, tùy tình thế mà giải quyết.

Điểm này thuộc về kỹ thuật của binh gia. Tự mình phải hiểu rõ thế mạnh của ta và người, nắm cho được cơ hội giao thiệp qua lại để tính toán đúng những sự thăng bại trong tương lai, từ đó, để quyết định cho phù hợp tất cả ngay tại bàn thương nghị. Đó là việc khó

nhất trong cái việc khó. Thí dụ như tình thế của ta đang phải nhượng bộ, nhưng trong điều kiện nhượng bộ đó phải tính toán sao cho mai sau có thể thắng họ, hoặc làm sao cho chiến tranh không xảy ra, hoặc nhượng ở điểm này mà thắng ở điểm khác. Như thế tuy nhượng bộ nhưng có thể tiến lên, còn họ tuy đang lấn lướt nhưng rồi cũng phải nhượng bộ. Điểm này nếu không phải là người hiểu biết cái mấu chốt của binh gia, quyết không thể thực hiện được.

Cho nên nói điểm này rất khó là như vậy. Còn như cách phụ giúp vào việc gỡ cái khó khăn này thì trước hết phải tìm được bạn tốt ngay trong Triều đình họ giúp đỡ cho mình, thì mình mới có cái thế

đối địch với họ và họ mới kính nể mình. Còn về quốc thể thì xưa nay hai bên giao ước qua lại với nhau không có tính cách giả dối. Thử xem thời Chiến quốc nhiều nước trao đổi con tin, trao đổi tướng để thực hiện kế liên hoành. Các nước phương Tây ngày nay cũng đặt lãnh sự ở các thành phố và đặt đại sứ ở Kinh đô để duy trì sự thế và giải quyết khi có việc gì xảy ra. Nay đối với các kế lớn mà Đông Tây xưa nay đều thi hành, ta chưa thi hành kế nào cả. Đến khi bức bách mới vội vã đi cầu kế, bấy giờ lại thấy khó thi hành.

Từ khi người Tây gây sự với ta đến nay, tất cả thư từ qua lại với họ thương lượng xin xỏ châm chọc việc nọ việc kia ta đều đích

thân đến nước địch mà cầu xử việc chiến trường. Như thế quan của họ ví như kẻ nguyên cáo mà ta là kẻ bị cáo, không ai là người nguyên cáo và bị cáo cả, mà bị cáo lại đến nguyên cáo xin phán xét. Như vậy việc ấy rốt cuộc không thể nào phân minh. Đó là lý thông thường.

Sở dĩ từ trước đến nay tất cả mọi việc, việc gì họ cũng chiếm ưu thế mà không tương nhượng cho ta chút nào là vì thứ nhất họ biết thế lực ta không địch nổi họ, thứ hai biết không có một nước lớn nào giúp ta, không có sự viện trợ của nước láng giềng, thứ ba biết ta không thể thâm hiểm tình hình nước họ mà cân nhắc lợi hại tạm

nhận lấy một điều, thứ tư biết ta việc gì cũng không thể phán đoán đúng, chỉ thấy lợi mà không thấy con đường tiến tới, thế có thể làm được mà không làm, việc đáng làm mà không làm, chỉ muốn ngồi yên mà làm cao để cho họ tha hồ tự tung tự tác không chút e ngại, chẳng phải xử sự theo công lý gì cả. Nay nếu Triều đình nhân cơ hội này quyết định đi Tây, đó cũng là việc nên làm theo thời thế, nhân thời thế mà liệu định công việc, nhân công việc mà thi hành mưu kế. Dù không được mười phần như ý muốn nhưng cũng không phải là không biết thời thế. Nếu thành công thì đó là do trời. Đâu có thể đem cái vinh hiển hay tối tăm mà luận việc thành bại được sao? Bài Lục lợi từ trước đây tôi đã nói: Họ

đã rao khắp thiên hạ đem kế này mà thi hành được ở nước này thì lại đem thi hành ở nước khác. Nếu muốn chống lại họ thì phải coi cái gương nước nào đã trúng kế của họ, hoặc theo đường lối mà nước nào đã dùng để thoát khỏi cái kế của họ. Như thế thì xảo thuật của họ cũng phải hết thôi.

Lần này ta đi Tây, thứ nhất là để hoàn thành công việc chưa xong trước đây, thứ hai là để lập mưu khéo léo ngăn chặn họ sau này. Chuyển đi này quan hệ khinh trọng đối với nước ta không phải nhỏ. Ta phải có bốn đường lối sau: Một là ở tại nước họ ta dùng kế lấy lại một cách nhẹ nhàng, hai là tìm các nước giúp đỡ để dùng sức giành lại, ba là tìm nước bạn để

làm trung gian dần xếp, bốn là cầu giao thông để giữ cái chưa mất. Lập mưu kế bằng bốn đường lối này thì thật trọng đại, thật trường cửu. Không nên chậm trễ để mất cơ hội. Bởi vì trước đây thế lực của họ mạnh mẽ, nếu ta cứ nằng nặc xin tức phạm vào điều tối kỵ của họ khiến họ ghét. Còn nếu muốn thực hiện ngoại giao tức muốn ngăn chặn mưu kế quỷ quyệt của họ thì sợ lỡ ra việc ngoại giao không thành mà bị họ ra tay khống chế trước. Nay thì không phải như vậy nữa. Cho nên nói rằng thời thế đã đem cơ hội lại cho ta là như vậy.

Nay tôi xin nêu lên các nước trước đã từng giao kết với họ, chắc hẳn họ sẽ dùng đó để yêu sách ta, vậy trong bốn đường lối nói trên

tôi xin trình bày đại lược cách đối phó. Việc lựa chọn là ở Triều đình, được hay chẳng do Triều đình quyết định trước để dễ tiến hành công việc. Nếu ngoài những điểm căn bản có nảy sinh một vài chi tiết nhỏ nhặt không hại đến đại cuộc lâu dài thì vì đại sự cứ việc tiến lên, những gì nhỏ nhặt có thể lùi bước mà chấp nhận, không nên đảo ngược những gì đã trù tính sắp đặt mà khó khăn ra.

Đường lối thứ nhất là áp dụng mưu kế ngay tại nước họ. Đối với đường lối này tôi không dám nghĩ Triều đình sẽ đánh giá như thế nào. Có điều tôi chỉ xin là trong thư không nên nói rõ là Triều đình

đặc biệt cho toàn quyền được tiện nghị châm chước quyết định ký kết các điều khoản. Như vậy nếu có khoản nào ra ngoài ý định của Triều đình, hoặc thiên lệch quá nặng thì phải đợi tâu về cho Triều đình định đoạt. Nếu thương nghị mà vượt quyền hạn thì dù đã ký, hiệp ước vẫn coi là bất thành v.v...

Đó là cái kế ta mở ra hai lối để có thể thoát thân. Bởi vì trong khi nghị ước sợ có những điều khoản quan trọng mà họ chiếm phần ưu tiên, họ cho là đắc kế rồi thôi thúc ta sớm hoàn thành việc ký kết để hy vọng có thể vin vào đó mà khởi mối manh. Nhưng ta thấy cái cơ như thế ta sẽ không hoàn thành việc ký kết ngay mà sẽ để lại để tính sau. Trường hợp ấy ta sẽ

nhờ câu này để mở lối thoát mà họ thì không có lý lẽ gì bắt bẻ ta được. Về khoản thứ hai trong tờ công bố phải kê khai hết các khoản y như trong quốc thư. Nhưng xét tùy theo khoản mà lập thí dụ. Như nói: Nếu được như vậy thì tốt rồi, bằng không thì giảm một hai phần cũng được. Giả sử như họ chỉ trả cho không ba tỉnh trong, còn ba tỉnh ngoài phải trả tiền bồi thường mỗi năm 50 vạn đồng cho đến 50 năm mới chấm dứt. Phía ta thì đã có chỉ lệnh là mỗi năm chỉ phải bồi thường 2 vạn đồng đến 20 năm mà thôi.

Nếu họ không chịu thì thêm một hai phần v.v... Bất luận khoản nào ta đều cố dùng lời lẽ nhẹ nhàng. Đoạn cuối nói: Đặc biệt cho trọn

quyền tiện nghi mà làm. Như trong các khoản hoặc phải thêm một vài phần mười cũng phải trình tờ công bố với Triều đình họ xin lấy tờ công bố này làm căn bản để tiện hoàn tất, Triều đình chúng tôi xin tuân y theo tất cả v.v... Đó là cái kế ta mở ra hai lối mà lối nào cũng xong việc. Bởi vì họ tưởng rằng việc hòa nghị tuy đã xong nhưng trong đó họ cũng có thể trông ngóng được. Họ cho rằng nếu thành sự họ cũng chẳng được lợi gì. Họ muốn viện cớ câu nói rằng: Đợi quốc thư tâu về định đoạt, là cố ý trì hoãn công việc để dò xem tình thế của họ ngày sau ra sao mà lật ngược thế cuộc. Còn đối với ta thì ta biết rõ ý họ là như vậy. Nếu nay không sớm hoàn thành ngày sau sẽ còn khó hơn nữa. Bấy giờ sẽ đem tờ công

bổ chung trình ngay để thi hành. Nếu tình thế bắt buộc phải có thêm bốn, năm phần mười cũng còn lợi cho ta. Như vậy thì ta sẽ viện câu nói trong chứng thư rằng: Tuy có gia thêm nhưng Triều đình chúng tôi đều tuân y theo tất cả, để nhất định hoàn thành giao ước, họ cũng khó có thể nào quanh co tránh né được.

Về khoản thứ ba Triều đình dựa vào nghị định này mà thành giao ước. Cứ xét theo khoản mà lượng định sao cho phải người phải ta (Đây là việc khó nhất), kê khai các khoản ấy vào tờ công bố chung, cố dùng lời lẽ nhẹ nhàng, nhưng Triều đình thì đã định trước rồi, tức là

dù phải thêm 4, 5 phần mười cũng được. Việc nghị định này của Triều đình xin chép thành một bản lưu chiếu, một bản giao sứ thần mang theo để dựa vào đó mà quyết định công việc. Về khoản thứ tư đối với bốn đường lối trên đây nếu phải thực hành cùng một lúc và đã định đi đến nước nào thì trong công thư xin biên rõ viên quan nào, chức gì, chuyên trách công việc gì, trừ chánh sứ có quyền quyết đoán, trong hội nghị hoặc trong khi triều yết, dưới chánh sứ có viên quan nào được cùng ngồi để đối đáp thay một vài điều. Những vị ấy phải mời trước cho rõ ràng thì khi vào việc mới có thể giúp đỡ nhau được. Nếu không thì những người dưới sẽ bị họ xem khinh lời nói yếu ớt chẳng ăn nhằm gì với sự thể. Như

thế dù có đi theo cũng chỉ cho đủ số chẳng bổ ích được tý gì mà còn thêm tốn kém. Nói như thế không phải là xin cho những người dưới được đương nhiên tranh biện đối đáp như chánh sứ. Nhưng để khi chánh sứ có điều gì nghi ngại chưa quyết định có thể quay lại trao đổi thảo luận, hoặc giả làm ra vẻ mệt mỏi rồi nhờ thay lời, hoặc chánh sứ giả vờ nói: Xin quý quan thử hỏi ý kiến phó viên xem thế nào để chiết trung. Những điều đó đều giả vờ làm trước mặt họ như vậy để tiện thương nghị với nhau mà thôi. Còn như tôi ở ngoài thì có thể nhờ cách che chở của Tạ Đạo Uẩn để giải vây nếu bị mai phục.

Khi đã đến bên ấy rồi cố làm ra vẻ mệt mỏi mấy ngày để cho tôi

ngầm tìm đường lối thông tin tức hoặc tìm được bạn tốt, trước hết đem mật ý của mình (Nếu muốn người ta chịu giúp cho thì tuyệt đối không được tiết lộ ra ngoài) cầu mưu xem tình thế được chăng, hoặc cầu được viên quan lớn nào ngầm giúp thông báo tình hình cho ta, hoặc viên ấy có chức vị và ngầm bảo cho ta biết rằng: Nếu Triều đình họ có bàn riêng việc của ta, y sẽ làm như vô tình mà cản trở bên trong, hoặc trước tiên ngầm đến quan Pháp viện đem lý lẽ của ta cầu xin y nếu thấy là phải thì nhờ y đến chiết trung, hoặc đến vị công tử con quan tể tướng ở Viện Thứ Dân (Năm xưa tôi đã ở nhà y tám ngày) và một hai vị quan lớn mà ngày xưa tôi có quen cầu họ giúp đỡ, hoặc chánh sứ sai tôi trước hết

đến viên đại thần đương sự bên ấy trình bày hết tình ý xem y nói ra sao, cứng hay dịu, có giọng khinh người không, hoặc trợn mắt xăng lời mà nói năng không nhất định, hoặc nói năng thuần hậu, hoặc khi nói dụng ý khi nói vô ý để thăm dò ý ta, hoặc làm bộ bày vẽ kể sách cho ta xem ta có sa vào bẫy của họ không. Tất cả tôi sẽ về bẩm lại với chánh sứ trước để khi vào việc mà đối đáp với họ khỏi sai lầm sơ hở và không nhầm chỗ, hay muốn làm kế phản gián cũng được.

Những việc này chỉ một mình tôi có thể làm được và chắc chắn không làm nhục đến mệnh vua. Sức học của tôi có thể đem ra ứng dụng với đời, mà nói về tạm dùng quyết kế thì tôi cũng có thể làm

được cho nên dám bạo dạn tự thử để báo đền trong muôn một. Khoản thứ ba này nói chung gồm cả bốn đường lối chứ không phải chỉ riêng một đường lối vận động tại nước họ mà thôi.

Về khoản thứ tư như nếu có đi chu du nước khác thì trong quốc thư chỉ nói hờn hàm sơ lược một hai việc mà lời lẽ đều hàm hai ý song quan. Đoạn cuối nói: Tuy có toàn quyền nghị bàn công việc và ký kết, song vì việc có tính cách dài lâu, cần phải về tâu lại rõ ràng mới được. Còn trong chứng thư thì lại nói rõ rằng: Trừ các khoản cần phải tâu rõ ở trên, nếu có việc gì quan hệ binh cơ thì đặc biệt cho

toàn quyền quyết định, tức tốc thi hành. Vì việc binh quý ở thần tốc không thể trì hoãn. Cũng cần thêm một hai quốc thư, trong thư chừa trống tên nước gửi đến và không dán phong bì, để phòng khi đến nước này mà công việc có quan hệ đến nước kia cũng cần phải thương nghị thì sứ thần sẽ điền tên nước ấy vào gửi cho tiện. Trong thư chỉ nói việc thông hiếu mà không nói rõ những khoản gì. Cuối thư nói: Nếu có việc gì cần phải làm thì cho phép toàn quyền thương nghị nhưng phải chờ quyết định v.v...

Về khoản thứ năm phải có một chứng thư riêng trong đó nói: Nếu tiện có thể đi các nơi tìm hỏi các

hội và các thợ công nghiệp tham khảo xem có thể đem về nước ta làm việc được chăng, hoặc có thể hỏi thăm các cơ xưởng tìm mua khí cụ cần thiết cho nước ta dùng, hoặc có thể mua một vài thứ, hoặc có thể lấy giá đem về để sau này sẽ gởi mua, hoặc có thể tìm người nào có thể làm việc cho ta để dạy tập các nghề, hoặc có thể thay làm đại sứ, hoặc tìm hỏi các cư xá học nghề thương lượng việc thuê mướn, khi về sẽ phái người qua ở học, hoặc tìm hỏi thầy kiện hoặc Viện Luật Pháp để hỏi thăm về sự thể để khi về bắt chước.

Tất cả những việc ấy đều để che mắt việc thi hành kế ngấm

tìm đường lối. Nếu không thế thì khi mới đến nước người, chưa nói công việc chính mà đã chạy rảo khắp nơi sẽ khiến người sinh nghi. Hơn nữa thăm hỏi chúng như vậy (Kể chung cả các nước), chúng sẽ vui mừng qua lại với ta do đó mới có thể thăm dò được tình hình của chúng để thi hành kế của ta, và chúng cũng biết ta có ý muốn thông đồng với chúng, cho nên trong lòng chúng cũng mong tưởng mai sau cũng có thể hợp tác với ta. Khi đã đồng lòng với ta rồi thì chúng càng thêm thân tín ta. Còn các khoản ấy sau khi về rồi muốn làm hay không muốn làm đó là quyền của ta, đâu đã làm tờ giao kèo định ước gì mà sợ ngại. Khoản này trước hết nên giao cho tôi, về mặt ngôn ngữ tôi đã có cách xoay chuyển. Nếu sau

này có nảy sinh điều gì thị phi, cập lụy đến quốc gia tý gì, tôi sẽ xin chịu tất cả. Nhưng về sau Triều đình muốn dùng khoản nào sẽ do phái viên tự thân hành mua sắm, tôi không dám dính dấp vào.

Về khoản thứ sáu, nếu nước họ trả lại sáu tỉnh mà đòi bồi hoàn các chi phí kinh doanh tạo lập trong lúc họ đang thiếu tiền, không chịu trả dần chỉ đòi phải trả đủ trong một năm, hoặc họ khai rõ sở phí quá nhiều, hoặc họ muốn chiếm cứ lâu dài các thành phố sáu tỉnh, hoặc họ muốn sang sông Tiền Giang, hoặc Tân Bình Giang, vũng Đà, họ và ta đều có quyền lợi chung, dân buôn của họ lui tới không được

đánh thuế, trừ các nước khác thì không kể, hoặc họ muốn ven sông những nơi nào xung yếu họ được lập đồn bót, hoặc họ buộc ta không được đặt đại binh trong sáu tỉnh, chỉ cần một ít lính để tiện khi đuổi bắt trộm cướp mà thôi, nếu có giặc cướp lớn họ sẽ giúp đuổi bắt, hoặc họ muốn ở Gia Định thì họ đóng căn cứ từ xã Hạnh Thông thẳng đến Chợ Lớn; Đông Nam Bắc ba mặt bao sông và một dãy bãi đậu thuyền ở Thủ Thiêm, hoặc từ Rạch Ông đến đồn Hữu Bình, hoặc họ muốn cửa khẩu nhỏ ở biển Cần Giò sẽ thuộc quyền xét hỏi của đồn binh quản hạt, còn thuyền buôn ra vào thì đòi ta đặt quan thu thuế, hoặc họ đòi bồi thường đủ số tiền còn thiếu một trăm vạn đồng trước đây, hoặc họ chỉ trả lại ba tỉnh trong còn ba

tỉnh ngoài thì không chịu trả... các yêu sách liệt kê trên đây thì giảm đi một nửa.

Hoặc họ đòi được hợp tác chặt chẽ khai thác rừng, hoặc họ yêu cầu đối xử nhân đạo không được đưa ra pháp luật trả thù các chức sắc trong sáu tỉnh đã cộng tác làm việc cho họ trong thời gian trước đây, hoặc họ đòi mỗi năm phải cấp cho họ bao nhiêu dân phu để làm việc mà trị giá cấp bằng tiền, hoặc họ muốn lấy mỏ vàng bạc trong sáu tỉnh hoặc họ không cần thông thương buôn bán trên cả nước mà chỉ đòi tiền chuộc mấy mươi triệu đồng, hoặc họ nói nay tạm giao quyền quản hạt lại cho ta, sau mười

năm sẽ thương nghị quyết định lại, hoặc họ đòi sáu tỉnh từ Bắc chí Nam nửa trên thuộc về ta, nửa dưới cho đến biển thuộc về họ, hoặc trong tờ giao ước họ nói rõ là giao trả sáu tỉnh lại cho ta nhưng nếu ngày sau ta làm việc gì bạo loạn nơi họ cư trú thì ta cam chịu mất sáu tỉnh mà họ còn lấy thêm một hai phần đất ở Bắc kỳ nữa, ta không được cố chấp... Tất cả những điều kiện như thế xin phải xử phân như thế nào. Còn những chi tiết nhỏ nhặt trong vấn đề ở chung với họ cũng dễ giải quyết không cần phải nêu.

Về khoản thứ bảy, nếu họ đã biết cái thế của ta mà không chịu đem vấn đề thông thương ra trao

đổi để chờ ngày sau thi hành quyết  
kế thì việc thông thương cũng còn  
ở trong tay.

Nếu ba tỉnh ngoài khó bề thương  
thảo xin lại được còn ba tỉnh trong  
thì họ đòi bồi thường quá nặng mới  
cho chuộc thì liệu có chuộc được  
chăng? Hay ta trở về tay không mà  
không chịu hoàn thành việc hòa  
ước, hoặc sẽ cầu viện binh khác trợ  
giúp? Hoặc họ đòi lại những sở đất  
ở sáu tỉnh mà trước đây họ đã sung  
công và đem bán cho người mua  
ta phải bồi thường lại cho người  
mua, hoặc dân của họ đã đem các  
phương tiện sản xuất kinh doanh  
ở hành nghề các nơi hay họ đòi  
chuyên quản các nơi ấy để cho dân

họ làm ăn sinh sống hoặc nếu dân họ rút về thì đòi ta bồi thường các chi phí cho họ.

Còn về thông thương buôn bán thì họ yêu cầu bất luận cửa khẩu nào thuyền họ có thể vào hoặc vịnh vũng nào thuyền họ có thể đậu thì mỗi nơi ấy phải hoàn toàn nhượng hảnh cho họ một khoảnh đủ để người của họ cư trú cho tiện, hoặc muốn người của họ đều được tự do đặt hàng hóa buôn bán trong nội địa nước ta, hoặc họ muốn lập đại sứ ở Kinh đô để tiện giải quyết các việc thông thương giữa ta và họ, hoặc họ muốn giảm một nửa số tiền thuế hàng hóa xuất nhập khẩu của thuyền họ, hoặc họ đòi ở nơi

lãnh sự của họ cư trú đều được lập một pháo đài có binh lính phòng thủ...

Các khoản trên đây khó có thể thỏa mãn cho họ được nhưng phải giải quyết thế nào? Còn ngoài ra những quy tắc về thông thương các nước đều có cả, đều quan hệ làm lợi cho đôi bên, lâm thời có thể châm chước tăng giảm không làm hại gì đến đại sự, không cần phải quyết định trước, đã có sẵn điều lệ của các nước có thể tham khảo mà quyết định.

Về khoản thứ tám, nếu trong khi thương nghị giữa ta và họ có

sự lý gì cần thiết khó giải quyết mà họ cứ đòi ta làm qua loa cho xong, còn ta thì trong lòng dùng dằng không quyết định muốn nhờ một nước bạn đứng giữa dàn xếp, hoặc nhờ Viện Pháp Luật bên ấy giải đoán (Hai người này cũng khó mời đến). Như vậy tất cả mọi chi phí cung đốn đều giao ta tự đài thọ. Vậy sở phí bao nhiêu thì chấp nhận được? Giả sử họ thông hiểu công lý trên thế giới sâu hơn ta, sự châm chước của họ lần này là phát xuất từ sự công bình chứ không thiên lệch bảo vệ cho riêng họ thì tất cả những lần sau có phải dàn xếp cũng theo như lần này, theo công lý mà thảo luận không thiên lệch bên nọ bên kia. Bởi họ sợ nước bạn chê cười là họ bảo vệ nhược điểm tự vị rồi sẽ chẳng cần mất thì giờ bàn

đến sự công bằng nữa.

Nếu được vậy thì những điều thảo nghị với nhau cũng hợp công lý không sai lệch lắm. Nhưng vì ta quá bảo vệ nhược điểm của mình không thấy rõ lý, nghị họ lấy nhiều nên cố chấp không chịu nhận nên mới mời người dàn xếp uống phí vô ích. Nếu gặp những tình trạng sự việc như vậy Triều đình nên tính liệu như thế nào?

Về khoản thứ chín, trong khi bí mật tìm đường lối, nếu gặp người háo lợi, chưa chi đã đòi hỏi lễ mễ trước như Lãng Xu Bi năm xưa vậy. Có điều là hẳn ta đã hứa chắc chắn

xong việc nhưng đòi sở phí quá nặng; nếu thành sự thì hẳn lấy đủ số còn bất thành hẳn cũng xin một hai phần mười công hẳn ngược xuôi bôn tẩu giao dịch khoản đãi, nhưng hẳn đòi hỏi phải giao trước cho hẳn một số là bao nhiêu hẳn mới chịu bắt tay làm việc. Nếu như thế thì làm sao? Nếu nhờ nước bạn như nước Anh chẳng hạn và hứa nếu sự việc thành công. Nhưng họ và ta bên nào cũng có nửa lợi nửa hại mới xong việc được. Nếu không thì người Anh cũng không thể lấy quyền gì cưỡng ép họ được. Hơn nữa chịu hay không chịu do ở họ, người Anh chỉ đem lý ra phân giải chứ không dám sử dụng thế lực mà can thiệp điều gì. Sau khi thành công, người Anh muốn lập ước thông thương để gọi là được

trả công mà trong sự lập ước họ cũng chiếm một hai điều lợi. Như thế thì làm sao?

Về khoan thứ mười, họ đã muốn đổi đất để được thông thương, hai bên theo công lý nghị định đều đã nhượng quyền phục lý. Có điều là số tiền bồi thường họ đòi trả đủ một lần để giải quyết tình trạng cấp bách của họ, hoặc họ cố ý nâng giá cao như vậy, bởi họ nghĩ rằng có thể ta không thanh toán nổi mà xin rút lui điều ước thì cũng là may cho họ. Ta đoán chắc rằng họ có ý đi nước đôi như vậy, nhưng tạm thời cân nhắc sự lợi hại thì chịu bồi thường đủ số mới có lợi cho ta. Nếu thế thì ta phải quyết định

ký trước để cho họ khỏi đổi ý. Lần sau đó ta có thể vay tiền trong hội buôn của họ hoặc trong hội buôn của người Anh mà bồi thường đủ số, trừ số tiền lời tiền vốn trả hàng năm và kỳ hạn trả, các hội buôn của họ nếu muốn thông thương hoặc muốn mua khoáng sản, cây gỗ, hoặc muốn lập đường xe lửa, máy điện, những việc đó ta và người đều có lợi, trong đó ta sẽ dùng tiền lời hàng năm khấu trừ dần cho họ. Nếu vay nợ như vậy thì cần phải tính toán làm sao?

Mười khoản trên đây sự lý phần nhiều đều quy về đường lối thứ nhất nhưng cũng có rải rác trong các đường lối thứ hai, thứ ba, thứ

tư. Tất cả các khoản trên đây bọn họ đã từng đem thi hành ở các nước và hiện tại tưởng họ cũng mang sang thi thố ở nước ta. Các khoản này nếu thấu rõ việc đã qua trong thiên hạ mà đoán định từng khoản một, giảm cao cho được thấp khiến họ và ta đều được cân bằng, mà sau này có thương nghị lại cũng không ra ngoài khuôn khổ đó, như thế là ngàn lần khó vạn lần khó. Sở dĩ khó là vì sự thể ấy đều có hai mặt không sợ hở tý nào mà quan hệ rất lớn, không phải như việc làm của người phán đoán việc tù tội mà cứ theo luật định tội danh. Vì thế mà các thầy kiện phương Tây cho là việc khó nhất trong các việc khó trong thiên hạ. Nếu chỉ theo cái sở kiến có một góc của mình mà không dùng cái cơ mà khắp thiên

hạ ngày nay đều đem trí thuật ra giá ngự, cái lý mạnh yếu co duỗi thì chỉ được người ta định sao mình chịu vậy. Thế nhưng nếu chỉ là mình với mình bàn bạc việc phải quấy để đánh chính cái công tội thì còn có thể được. Còn nếu hợp cả thiên hạ lại với mình thì e rằng chỉ biết người ta nói sao nghe vậy mà thôi. Theo ý kiến của tôi suy nghĩ một cách cạn cợt về sự nặng nhẹ hoãn gấp thì việc thông thương là nhẹ mà sáu tỉnh là nặng, đem một điều “Doãn hành” là nặng mà sáu tỉnh là nhẹ. Còn như việc phải làm gấp là giao thông để tìm người giúp để lập kế liên hoành, còn việc nghị hòa là hoãn. Bởi vì sáu tỉnh đã ở trong ý họ là sẽ gồm cả toàn lãnh thổ Cao Miên và các vùng đất khác phía sau núi. Nếu mất sáu

tỉnh là mất tất cả cho nên là nặng, trả lại rất khó. Nếu thông thương thì đối với ta về lâu về dài có thể ngồi mà tính kế. Đó là cái thế nhất định như vậy.

Nay ta nếu thấy rối cuộc cũng không tránh khỏi mà đem đổi lấy cái khó được thì có thể thấy đại khái nặng, nhẹ là thế nào. Còn như sáu tỉnh, nếu đem chủ quyền cả nước mà so sánh với sáu tỉnh thì sự nặng nhẹ không phải bàn nữa. Người xưa có nói: Nếu pháp luật còn thì một họ Tả cũng có thể cai trị được. Nếu bỏ luật pháp thì mười họ Tả cũng chẳng làm gì được. Nếu thế không thể đổi lấy mà đem về cho mình được thì phải chờ ngày sau cũng có thể dùng sức mà tranh lại, còn sáu tỉnh thì đất đai nhân

dân vẫn còn đó, họ không thể nào thu lấy mà mang về Tây được.

Nếu ta không thể thoát khỏi điều khoản “Doãn hành” thì tựa hồ họ nắm quyền bính nước ta. Như vậy là chặn hết rất nhiều ngõ ngách đường lối của ta sau này. Giả sử sau này ta có xảy ra biến cố gì mà muốn làm cái kế như Phùng Đình nhượng Thượng Đảng cho Triệu để bảo tồn những gì còn lại cũng hết đường có thể thi thố được, mà giao thông để tìm người giúp cũng trở ngại khó làm, muốn lập minh ước với các nước để cầu bảo hộ cho đất nước được yên vững như Bồ Đào Nha với nước Anh thì cũng khó mà vượt qua khỏi họ để thương nghị

với nước khác. Nếu có thể thoát khỏi điều này mà không giảm mất quyền tự chủ thông thả giao thiệp rộng rãi mà lập thế liên hoành thì đường thịnh lợi sẽ tiến xa. Sáu tỉnh này cũng giống như ngọc ngựa của người nước Tấn, mà rồi cái lợi của phía Tây cũng sẽ đến cho ta. Trong bài Lục lợi từ trước đây tôi đã nói: Họ khai thác cái hoang vu, ta được hưởng cái thành tựu, họ làm việc khó, ta sử dụng cái dễ, cũng như các nước ở Tây Châu, cuối cùng vật sẽ về với chủ, chắc chắn họ không thể nào làm chủ mãi được.

Còn sự giàu mạnh của nước ta thì nhất định lấy sự giao thông làm cơ sở mà tất cả các quyền lợi lâu

dài cũng từ trên đó mà ra và đều phải thoát khỏi điều “Doãn hành” mới được. Cho nên tôi nói sáu tỉnh nhẹ là vậy. Nếu phá bỏ được điều “Doãn hành” thì mọi việc sau đều dễ giải quyết không mất công trừ liệu kế hoạch nhiều. Nhưng muốn làm việc giao thông thì phải nhân lúc họ mới suy vi mới có thể thông dong kết bạn khắp thiên hạ để lập thành thế chân vạc thì ta mới ngồi yên để tính việc giàu mạnh cho đất nước. Vậy chuyến đi này nếu thế không thể thu hồi sáu tỉnh thì hãy cố hết sức thoát cho được điều khoản “Doãn hành” thì cũng không đến nỗi đi không lại cũng về không. Nếu được điều này rồi sau nếu muốn ra sức lấy lại gấp (Nếu ta chắc chắn đủ sức lấy thì hãy hoãn việc ký kết hòa ước) mà còn có thể

tìm người hợp tác. Còn như sợ sự việc bất thành lại sinh ra nhiều trở ngại thì hãy ẩn nhẫn để chờ mưu tính sau mà phải sớm nhân chuyển đi này giao thông rộng rãi các nước. Nếu thành công được việc này thì cũng có thể che lấp được lỗi lầm trước đây mà mở ra mối lợi lâu dài về sau. Thiên hạ thấy thế biết ta có dấu hiệu sắp hưng thịnh như thế nào. Vấn đề này cũng rất trọng đại và khẩn cấp không thể bỏ qua.

Đường lối thứ hai là tìm người giúp đỡ để dùng sức tranh lại. Như đến nước họ rồi nhưng biết chắc công việc của họ còn kéo dài mà lòng tham của họ đối với sáu tỉnh không thể rút ra được nên không

đếm xỉa gì đến lý lẽ cả thì ta cũng chẳng kèo nài gì được với họ. Bây giờ hãy lấy cớ xin đi thăm nước Y và đến xem phong cảnh nước Anh. Đến nước Y rồi cũng phải thăm dò đường lối. Như tôi đã trình bày đầy đủ ở điều trên. Nghĩa là nếu thấy có ngõ ngách thì vào ngay bí mật bày tỏ ý mình cho đảng ấy. Nếu đảng ấy cho là được hoặc đảng ấy tự túc lo liệu công việc hoặc đảng ấy bí mật thông đồng với Nga Phổ để cầu giúp (Nhưng phải hỏi đảng ấy xem sau khi thành công phải trả ơn như thế nào, phải minh ước trước), dựa vào đảng ấy mà tính mưu kế. Nếu đảng ấy có tình cảm với người Anh thì cố cầu đảng ấy ngỏ lời giúp ta với người Anh mà đảng ấy với ta cùng yêu cầu người Anh đối với vấn đề này xin hãy

đứng ngoài cuộc. Tuy Anh và Pháp chưa rời bỏ nhau nhưng khoản này thì Anh tự nói không giúp Pháp để nói lên cái lý vì sao Anh không làm, để tỏ rằng Anh không dám dính líu vào việc ấy, mà Pháp cũng khó trách được Anh. Nếu rốt cuộc sáu tỉnh thuộc về tay người Pháp thì đó cũng không phải là điều người Anh mong, mà thuộc về Nga Phổ thì người Anh cũng chẳng thích. Nếu tình thế có thể đem về lại cho nước ta mà Pháp, Phổ, Nga, Y đều không nhúng tay được vào chỗ nào thì sau này Anh dùng cái ưu thế ở phương Đông cũng dễ nhờ ta mà được lợi. Như vậy mới hợp với cái thế của binh gia. Cho nên nếu ta dùng kế được đến thế thì người Anh sẽ đứng ngoài, bấy giờ ta mới dám dùng sức mà tranh. Nếu được

như vậy mà nước Anh định mưu cùng với ta, hoặc yêu cầu ta hãy lập minh ước trước, hoặc xin ta một vài chỗ ở Đồ Sơn, hoặc yêu cầu đặt đại sứ tại Kinh, hoặc yêu cầu chiếu tính chi phí chiến tranh bởi vì khi người phương Tây đánh nhau tử thương sẽ nhiều chi phí cũng nặng, cho nên ta chiếu tính bồi hoàn chi phí ấy cũng không phải việc dễ, hoặc yêu cầu trả đủ tiền nợ trước một trăm vạn đồng...

Tất cả những điều như vậy ta phải nghị bàn thế nào cho thỏa đáng? Còn về điều ước thông thương thì người Ý không thể đòi hỏi nhiều như người Pháp. Bây giờ ta cứ chiếu theo quy ước thông

thường trên thế giới cũng chẳng ngại gì, cũng không có gì rắc rối. Mà tôi đã suy nghĩ kỹ sự thế ấy rồi thì thế lực người Y không lớn, dầu cho có đuổi được người Pháp thì cũng sợ sau khi việc nước họ yên xong họ sẽ đem quân tinh nhuệ đến giành lại, ta cũng khó ngồi yên được, mà người Y cũng rất có thể nửa chừng rút tay lại thì làm sao? Cho nên phải có người Anh giao thiệp hậu với ta mới được. Bấy giờ người Anh cũng ký việc Pháp trở lại sáu tỉnh cho nên mượn cái tình giao hảo với ta mà cản trở bên trong chỉ khiến người Pháp nhẫn nhịn chịu thông thương, sợ người Anh giận mà trở mặt giúp ta, như thế thì chiến tranh không xảy ra ở phương Tây mà tai họa lại đến ngay trong nước họ, ung nhọt đã mọc lên

trong ruột thì khó lòng đem sức ra  
kình chống với người Anh được.  
Như vậy họ sẽ rút tay mà ta có thể  
bảo đảm không việc gì. Nếu như ta  
sang nước Ý thì không chỉ riêng kế  
ấy bất thành mà trái lại Ý còn đòi ta  
bồi hoàn thanh toán khoản trước.  
Nếu ta không thanh toán Ý sẽ lấy  
cớ sinh sự thì ta sẽ tính sao? Điều  
này không thể lo trước thế nhưng  
sự xử phân đó đối với Ý khi chưa  
có hiềm khích nhất định thì cũng  
dễ giải tiêu. Nếu không thế lẽ nào  
Ý lại chịu thôi, sớm muộn Ý cũng  
sẽ trở lại cố ý gây sự thì lại sinh  
nhiều chuyện. Như trong tờ bẩm  
trước tôi tôi đã nói rằng ta rồi sẽ  
không khỏi bị thất kế ngồi đó mà  
chờ cho sự việc xảy ra.

Đường lối thứ ba cầu người Anh làm chiết trung. Đường lối thứ tư cầu giao thông để giữ cái gì chưa mất. Ý nghĩa của hai đường lối này cũng phù hợp với hai điều trên và cũng thấy rải rác trong các tờ bẩm trước, nay không phải thuật lại nữa. Duy có điều là đường lối giao thông thì ta và người đều phải thuận tình để làm sao cho đôi bên cùng có lợi chứ không phải vì một bên đang thời cùng thế bức mà ép người ta. Cho nên ta và người đều không làm hại nhau, dễ dàng trong việc quyền nghi giao kết, nếu có một khoản nào ta không thích nghi thì người cũng không thể đem ép nhau. Nhưng nay nếu người Anh muốn chiết trung cho ta và hứa chắc sẽ thành công nhưng yêu cầu ta bí mật cho họ một chỗ đất ở Bắc

kỳ, sau khi xong việc lâu họ mới đến lấy. Bây giờ ta lấy có là tình đối với nước bạn mà nhượng hẳn cho họ, như xưa kia Bồ Đào Nha cầu Anh bảo hộ cũng dùng kế này. Vậy nếu nay người Anh nêu lên yêu cầu ta thì phải như thế nào? Nếu Triều đình cho rằng việc giao thiệp hậu với người Anh là phải thì tôi xin có ý kiến như sau: Viên tổng đốc người Anh ở Ấn Độ chỉ huy tất cả lực lượng Anh ở phương Đông, nếu được y điều đình với ta mà thành công được thì đó cũng là ý muốn tha thiết của y. Nếu y và ta thương lượng với nhau, những điều gì nên làm y sẽ tâu trước về Triều đình của y thì chắc chắn Triều đình của y sẽ chấp nhận việc thỉnh cầu đó. Nay nếu ta không thể đi thuyền của người Pháp mà

phải đi thuyền nhật trình thì ta có thể khi đến Mạnh Gia Lập mượn có tham quan phong cảnh đến gặp viên ấy đem hết đầu đuôi việc ta muốn giao thông với Anh nói rõ, chắc hẳn y sẽ vui mừng lắm. Lại nói với y rằng: Chuyển này sang Pháp xử phân công việc như vậy, xem y nói sao.

Nếu y nói nước Anh có thể làm trung gian cho, hoặc nói có thể đuổi được người Pháp thì bí mật nhờ y vạch định kế hoạch xem y tính kế như thế nào. Nếu y nói việc này phải giao thiệp với nước y mà thể chắc hẳn tiến hành được thì xin y một mật thư giấu kín. Bấy giờ bên trong ta đã có bạn tốt ngầm giúp

thì cứ vững tâm vững chí biện bác với người Pháp không chịu khuất phục, không chịu nhường bước mới dễ kết cuộc. Nếu việc không xong ta lại nhờ người Anh chủ trương cho thì cũng sẽ được toại ý. Tôi đã nghiên cứu tất cả sự thế và suy nghĩ hết sức như vậy, nếu người Pháp không chịu thu xếp, mà ta không có cách nào đối với họ nữa thì ta phải mời người Anh đến ăn chung với họ mới hả lòng ta, để người Anh trấn áp sự thao túng của người Pháp, không thể không được, không thể để cho người Pháp thủ lợi riêng trên đất nước ta. Lại nữa như khi ta định đi Tây thì cần phải có hai người thông ngôn để phòng lỡ khi trên đường đi có một người bị bệnh thì còn người kia thay thế. Nếu không sẽ lỡ việc của

ta. Nếu Triều đình cho như vậy là phải thì xin định liệu trước để chuẩn bị công việc cho được hoàn chỉnh, như vậy mới yên tâm với công việc.

Tôi có mấy ý kiến như thế không biết có nên chăng, kính bẩm Cơ Mật Viện đại thần liệt vị đại nhân soi xét.







